www.hoangsa.org

SỬ ĐỊA

ĐO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ, SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM SÀI-GÒN CHỦ-TRƯƠNG

李菊仲研亭

Nhà sách Khai-Trí bảo trợ

14-15

1969

www.hoangsa.org

SỬ ĐỊA

TẬP SAN SƯU TẦM KHẢO CỨU GIÁO KHOA

BAN CHỦ BIÊN:

NGUYỄN THẾ ANH • BỬU CẦM • PHAN KHOANG • LÂM THANH LIÊM • PHẠM VĂN SƠN • THÁI VIỆT ĐIỂU • PHẠM CAO DƯƠNG • PHÙ LANG • ĐẶNG PHƯƠNG NGHI • QUÁCH THANH TÂM • TRẦN ĐĂNG ĐẠI • PHẠM ĐÌNH TIẾU • NGUYỄN KHẮC NGỮ • NGUYỄN HUY • TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG • PHẠM LONG ĐIỀN • TRẦN ANH TUẤN • NGUYỄN THÁI AN • TRẦN QUỐC GIÁM • NGUYỄN SAO MAI • MAI CHƯỞNG ĐỨC.

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA:

HOÀNG XUÂN HÃN • CHEN CHING HO • THÍCH THIỆN ÂN • LÊ VĂN HẢO • NGUYỄN VĂN HẦU • TẠ TRỌNG HIỆP • NGUYỄN TRẦN HUÂN • PHẠM VĂN DIÊU • BỬU KẾ • NGUYỄN KHẮC KHAM • TRƯƠNG BỬU LÂM • LÊ HỮU MỤC • NGUYỄN PHƯƠNG • HỒ HỮU TƯỜNG • LÊ THỌ XUÂN • ƯNG TRÌNH • NGHIÊM THẨM • TÔN AM • BÙI QUANG TUNG.

BAN TRỊ SỰ:

nguyễnnhã - nguyễnnhựttấn - phạmthịhồngliên - nguyễnngọc trác - trầnđìnhthọ - nguyễnhữuphước - phạmthịkimcúc - trần ngọcban - phạmvănquảng - phạmđứcliên.

• *Giấy phép xuất bản số* 6679 BTLC/BCI ngày 23-11-1965

* *Thư từ, bài vở, ngân, chi phiếu, xin đề:* NGUYỄN NHÃ

• *Trương Mục:* TẬP SAN SỬ ĐỊA *Sài-gòn T/M 2763 Chánh Trung Khu chi phiếu — Sài-gòn*

* *Liên lạc địa chỉ Tòa soạn và Trị sự: 221, Cộng Hòa Sài-gòn B.P: 380*

www.hoangsa.org

Lá thư tòa soạn

Tại các nước tiền tiến, Đại-Học đã đóng giữ vai trò quan-trọng để phát-triển Văn-hóa. Đại-học chính là những trung-tâm phát-triển Văn-hóa.

Tại Việt-Nam, người ta đã chỉ-trích rất nhiều về Đại học, thiếu hẳn tinh-thần đại học, không khác gì một trường Trung-học.

Quả thật, Đại-Học Việt-Nam hầu như đã thiếu hẳn tinh-thần khảo-cứu và đã không giữ đúng mức vai-trò lãnh-đạo phát-triển văn-hóa nước nhà của nó.

Sự ra đời của Tập San Sử Địa dưới một mái trường đại-học, không nhằm mục đích gì hơn là nói lên khát vọng mong muốn Đại-Học

www.hoangsa.org

Việt-Nam sớm trở thành những trung-tâm phát-triển văn-hóa nước nhà.

Ngày nay, Đại-Học Việt-Nam đã có nền tự trị đại-học, liệu Đại-Học Việt-Nam đã có kế-hoạch tự phát-triển nào chưa để cải-tiến đại-học nhất là tạo hoàn-cảnh để Đại-Học sớm giữ vai trò thúc-đẩy phát-triển văn-hóa nước nhà của mình.

Nhóm Chủ-trương TẬP SAN SỬ ĐỊA rất ước-ao các Đại-Học Việt-Nam một ngày gần đây sẽ mạnh-dạn thúc-đẩy các hoạt-động văn-hóa, khuyến-khích các nhóm nghiên-cứu hoạt-động tại các phân khoa của các đại-học.

TẬP SAN SỬ ĐỊA đang chờ đợi các bạn đồng hành tại mọi phân khoa thuộc các Đại Học Việt-Nam. Đó là niềm ước vọng tha thiết nhất của chúng tôi.

Sử Địa hiện đương sửa soạn các số đặc khảo về « Việt kiều tại các Lân bang », « Các Nho sĩ Miền nam », « Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt-Nam ». Sử Địa rất mong được sự hợp tác của quí bạn đọc.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

www.hoangsa.org

cuộc bạo hành tại huế ngày 5-7-1885 — vụ cướp phá hoàng cung — cuộc đề kháng của vua hàm nghi và triều đồng khánh

■ *Nguyên tác :*
NGUYÊN XUÂN THỌ

▼ *Bản dịch :*
NGUYỄN NGỌC CƯ

L. T. S. : Từ Paris, ông Nguyễn xuân Thọ đã gởi về cho Sử Địa bài biên khảo bằng Pháp văn nhan đề : « Le Coup de Force de Hue du 5 Juillet 1885. Le Pillage du Palais Impérial. La Résistance de Hàm Nghi & Le Règne de Đồng Khánh ». vì lý do kỹ thuật ấn loát chúng tôi chỉ xin đăng bản dịch của giáo sư Nguyễn Ngọc Cư.

« Hiệp-định Thiên-tân » ký kết ngày 11-5-1884 giữa Hải-quân Thiếu-tá Fournier, đại diện của Pháp quốc và phó-vương Lý Hồng Chương đại diện của Trung Hoa, cùng với hòa ước Giáp Thân ký tại Huế ngày 6-6-1884 công-nhận Pháp được quyền bảo hộ Việt Nam, không thể đem hòa-bình đến cho Viễn-đông.

Tại Trung-hoa, đa số quan-lại và nho-sĩ vốn tán-thành chính-sách cứng dắn đối với bọn « Bạch quỷ Tây phương », chống đối Lý Hồng-Chương là lãnh-tụ phe chủ hòa. Tuy nhiên, ngoài sự đối lập theo nguyên tắc, họ thường không đồng ý với

www.hoangsa.org

nhau về điểm Trung-quốc nên tiếp-tục hay chấm dứt chiến tranh.

Chính Semallé, đại-lý sự-vụ Pháp ở Bắc-Kinh, hằng theo dõi sự tiến-triển của Hiệp-định Thiên-tân, cũng chẳng rõ sự thể ra sao. Ngày 30-5-1884 ông báo cho chính-phủ Pháp hay tin rằng Bắc-kinh không phê-chuẩn bản hiệp-định; rồi ngày 7 tháng 6, lại trình rằng chính phủ Trung-Hoa biểu-lộ hảo ý ».

Đầu tháng 4 năm 1884, Cung Thân-vương là người cầm đầu Bộ Ngoại-giao bị thất-sủng vì các cuộc âm-mưu; Khang thân-vương, một địch-thủ của Lý Hồng-Chương, thay thế. Biến-cố ấy không thuận-lợi cho việc thi-hành Hiệp-ước đã bị xếp bỏ trên thực-tế.

Tại Huế, ngày 26-7-1884, có tin vua Kiến-Phúc băng-hà vì bệnh, sau sáu tháng trị-vì. Chắc hẳn bệnh tình nhà vua bắt nguồn từ mối bất-hòa với quốc-trượng Nguyễn-văn-Tường và dư luận đồn rằng nhà vua đã chết vì ngộ thuốc...

Theo nguyên-tắc ngai vàng phải dành cho ông Chánh-Mông là nghĩa-tử thứ hai của vua Tự-Đức. Nhưng hai vị phụ-chính Thuyết và Tường không muốn lập người lớn tuổi vì sợ mất hết quyền của họ, bèn chọn hoàng-đệ Ưng-Lịch em út cố-quân, mới 12 tuổi, lập lên làm vua, đặt niên-hiệu là Hàm-Nghi. Ngày 14 tháng 8, Cơ-mật Viện cáo-tri việc suy-tôn cho vị đại diện Pháp quốc ở Huế.

Ngày 16 tháng 8, viên Khâm-sứ Rheinart phúc đáp rằng «Nam-đã tự-tiện chọn lập một vị tân-quân mà không thỉnh-cầu trước và được sự chấp-thuận của bản-chức,... như vậy việc tuyển-lựa ấy coi như vô giá trị. Sau khi được bản chức chấp-thuận, triều đình phải thực-hiện một cuộc tuyển-lựa mới và suy-tôn vị ấu-chúa, em cố-quân... Lễ phong-vương phải cử-hành có sự hiện-diện của vị đại-diện Pháp-quốc; một toán quân Pháp sẽ cùng với vệ-binh Việt-Nam đứng dàn chào tại nội-cung trong

www.hoangsa.org

khi hành lễ.. Nếu đúng hạn mà Nam-triều không theo đủ những điều-kiện ấy, bản-chức sẽ dùng tới võ-lực » (1).

Để tán-trợ thái-độ của mình, viên Khâm-sứ Rheinart đã cho chuyển từ Hà-Nội vào 600 binh-sĩ và súng lớn. Khi lực-lượng lớn lao ấy đã tới Huế, Rheinart đòi, trước khi cử-hành mọi nghi-lễ, hai vị phụ-chính phải trao văn-thư xin phép lậy và tôn-phong ông Ưng-Lịch. Tường và Thuyết gửi tờ xin phép sang tòa Khâm nhưng viết bằng chữ Nôm. Rheinart không ưng và đòi phải thảo bằng chữ Hán!

Triều-đình cũng phải chiều ý và, ngày 18-8-1884, viên Khâm-sứ cung vị chỉ-huy quân-sự Pháp trịnh-trọng vào hoàng-cung bằng cửa giữa, từ xưa vốn dành riêng cho các đế-vương, để chứng-kiến lễ phong-vương cho vua Hàm-Nghi.

Cùng lúc vua Hàm-Nghi cảm thấy nỗi bực-bội đầu tiên báo-hiệu những ngày gian-nan hơn sẽ xảy ra, các hành-vi ngang-trái đối với nghi-lễ cổ-truyền là điều sỉ-nhục não-nùng cho triều-đình Huế.

Những viễn-ảnh đen tối đã hiện ra cho vận-mệnh nước Việt-Nam và vương-quyền họ Nguyễn.

Ngày 12-9-1884, Thủ-tướng Pháp Jules Ferry chỉ-định một viên Khâm-sứ mới tại Huế, đó là Lemaire, được bổ làm Toàn-quyền Công-sứ hạng nhì.

Đầu tháng 12 năm 1884, vị Đại-sứ Tây-ban-nha ở Paris được lệnh thăm dò ý-tứ của chính-phủ Pháp về việc lâm-thời bổ-nhiệm những đại-diện chính-phủ Tây-ban-nha tại Việt-Nam. Thực thế, Hòa-ước Tây-Việt ký ngày 27-1-1880, có dự-trù việc cử tới Thị-nại, Ninh-hải và Hà-nội mấy viên lãnh-sự. Các vị này, sau khi được lệnh chấp-ngoại (lệnh cho phép lãnh-sự hay đại-sứ ở ngoại-quốc được chấp-hành sự-vụ), đều được hưởng những đặc-quyền ngang hàng với đại-diện các nước khác. Họ có quyền tài-phán

(1) « Mémoires et Documents Asie », Quyển 41 trang 376-377 Văn-khố Bộ Ngoại-giao Pháp, Paris.

www.hoangsa.org

trong những cuộc tranh-chấp giữa kiều dân Tây-ban-nha hoặc giữa người Tây và ngoại-kiều khác; nơi nào không có đặt lãnh-sự Tây thì các cuộc tranh-chấp do các lãnh-sự Pháp xét xử, còn về những cuộc tranh-chấp giữa kiều-dân Tây và người Việt-Nam thì, nếu vị lãnh-sự không thể hòa-giải hai bên nguyên bị. quyền tài-phán sẽ giao cho một tòa-án trọng-tài gồm vị lãnh-sự và một viên thẩm-phán Việt-Nam.

Hòa-ước Tây-Việt có hiệu-lực và sẽ xảy ra nhiều điều bất lợi cho Pháp khi mà Tây-ban-nha thực-thi kế-hoạch cử sang những lãnh-sự có những thẩm-quyền tương-khắc với việc xử-dụng quyền bảo-hộ. Vì vậy, chính-phủ Pháp yêu-cầu Tây-ban-nha đừng thay đổi gì hiện-trạng trước khi bình-định xong Trung và Bắc-phần Việt-Nam Pháp vẫn hy-vọng rằng nếu về sau chính-quyền Madrid còn nài ni, thì có thể thuyết-phục họ từ-khước quyền tài-phán của đại-diện Tây như ở xứ Tunisie. Hiệp-định Thiên-tân ký vào mùa xuân, rất bấp-bênh; tân chính-phủ Trung-Hoa coi sự vội-vàng chấp-nhận của Pháp như là một dấu hiệu nhu-nhược và không coi là trọng chữ ký của một viên Hải-quân Thiếu-tá, «nhà ngoại-giao ngẫu-nhiên». Lại nữa, bản văn hiệp-định, thảo vội và dịch sai, đã gây mập mờ trong bản chữ Hán.

Đại đa-số nho-sĩ Trung hoa chống lại bản hiệp-ước đã để cho Pháp chễm-chệ hiện-diện ngay giáp biên-thùy phía Nam. Giới nho-sĩ vốn chủ-trương bài-ngoại và chẳng muốn Trung-quốc «khai-phóng» chút nào. Đứng đầu phe chống-đối là một lão-tướng 79 tuổi. Tả Tôn-Đường, người đã chiến thắng loạn Thái-bình thiên-quốc; ông đã làm phấn-khởi toàn-thể nho-sĩ khắp trong nước và ai nấy đòi hoãn thi-hành hiệp-ước mà họ muốn tu-chính.

Khi ở Huế, người Pháp tiêu-hủy chiếc ấn-tín phong-vương lớn là biểu-hiệu quyền tối-thượng của Trung-quốc, chính-quyền Bắc-kinh phản-kháng. Trung-hoa phủ-nhận rằng Hiệp-ước dự-liệu việc triệt-thoái tức-khắc khỏi địa-phận Bắc-Kỳ. Về phía Pháp thì, theo chỉ-thị của Fournier, quân-đội chuẩn-bị gấp để chiếm-giữ các đồn mà quân Tàu phải triệt-thoái.

www.hoangsa.org

Vì thế đã xảy ra « vụ Bắc-lệ ». Ngày 23-6-1884, trên đường tiến lên đóng ở Lạng-sơn theo các chỉ-thị kể trên, một đạo quân Pháp đụng độ với nhiều quân Tàu gây chiến, và phải rút lui sau những thiệt-hại nặng nề.

Thực ra thì không có cuộc « mai-phục ở Bắc-lệ » như một số sử-gia Pháp đã nghĩ. Việc xảy ra chỉ tại bên phía quân Tàu, thượng lệnh đã chuyển tới rất chậm. Vì đường xa mà các phương-tiện giao-thông lại thô sơ, các chỉ-thị của Bắc-Kinh đã không tới kịp cho quân Tàu đang trú-đóng tại Bắc kỳ, nên cuộc đụng-độ đã xảy ra.

Vụ này đã khích-nộ chính-phủ Pháp tới cực độ. Ngày 12-7-1884 Thủ-tướng Jules Ferry đã cho chuyển tới Bắc-Kinh một tối hậu-thư được gia hạn cho tới ngày 19 tháng 8.

Lại nữa, trong trận đánh chiếm thành Sơn-tây, Đô-đốc Courbet đã bắt được những văn-thư của viên Tổng-đốc Lưỡng Quảng gửi cho Lưu-vĩnh-Phúc, chứng tỏ rằng Trung-quốc đã chính-thức tham-dự chiến-cuộc Việt-Nam.

Vì vậy, Pháp đòi Trung-quốc phải triệt-thoái ngay khỏi Bắc-kỳ và bồi-thường chiến-phí 250 triệu quan Pháp. Chính-phủ Pháp giao cho Đô-đốc Courbet, hiện đang phong-tỏa bờ biển Việt Nam, quyền chỉ-huy tất cả lực-lượng hải-quân Pháp trên mặt bể Trung-hoa, gồm 40 chiến-thuyền. Để tán-trợ bức tối-hậu-thư, Đô-đốc Courbet đi lùng chiến-thuyền Trung-hoa ; khi thấy hạm-đội mạnh nhất ở gần cảng Phúc-châu bèn tấn-công và đánh đắm một phần lớn, rồi bắn phá công-binh xưởng và các pháo-đài. Theo chỉ-thị của chính-quyền Paris, Đô-đốc không mạo-hiểm xâm-nhập vùng phụ-cận Bắc-kinh hầu tránh làm mích lòng Lý Hồng-Chương và khỏi gây ra những phản-ứng bất-lợi của các cường-quốc hàng-hải đang lo-ngại cho hoạt-động thương-mại của họ. Cũng do những chỉ-thị của Paris, Đô-đốc Courbet tấn-công đảo Đài-loan để chiếm mỏ than đá lớn ở Cơ-long.

Tại Việt-Nam, quân Tàu và quân Việt-Nam cố-gắng thêm

www.hoangsa.org

một phen nữa. Tôn-thất-Thuyết tổ-chức tại miền châu-thổ Hồng-hà một cuộc tổng phản-công lớn với quân Cờ-đen, những toán người Mường và những đạo quân chính-quy. Các quan Tầu và Việt-Nam truyền hịch hô hào cuộc kháng-chiến và phá-hoại các cơ-sở của Pháp.

Ngay từ tháng 4 năm 1884, triều-đình Huế cho tổ chức những doanh-trại lớn trong hai tỉnh Thanh-hóa và Nghệ an. Các quan phủ, huyện ra lệnh động-binh toàn-thể ; những công-tác lớn lao được thực-hiện trong việc sửa chữa đường Đồng-Vang để chuyển viện-quân Trung-hoa vào tới Quảng-bình và Quảng-trị là hai tỉnh đã chuẩn-bị xong việc đồn-trú và tiếp-tế lương-thực. Một pháo-đài đã được xây cất tại huyện Cam-lộ (Quảng-trị) có nhiều núi, rừng, để tiếp đón nhà vua cùng triều-thần và dùng làm đại bản-doanh cho một cuộc tổng khởi-nghĩa. Tôn-thất Thuyết sẽ hộ-giá vua Hàm-Nghi tới đó ; Hoàng Kế-Viêm đem 5.000 quân từ Quảng-nam và Quảng-ngãi ra Hưng-hóa là miền ông thông-thuộc và đã có dịp chiến-đấu chống quân Pháp; Đề-đốc Ngô tất-Ninh dẫn 400 tinh-binh ra Thanh-hóa và chỉ-huy nhiều nghĩa-quân do Cai Mão đã tập-hợp để tiến ra đánh Ninh-bình. Viên tri-châu Điện-biên phủ cùng con trai là Điêu-văn-Xanh sẽ xuôi dòng Hồng-hà để chiếm Tuyên-quang và Sầm-cung-Bảo nhận lệnh đánh phủ Lâm-thao.

Rủi ro là tất cả các kế-hoạch được chuẩn-bị tỉ mỉ đã bị quân Pháp thông tỏ : trong một bức thư đề ngày 6-11-1884 Giám-mục Puginier đã báo-cáo đầy đủ chi-tiết cho Thiếu-tướng Tư-lệnh đạo quân viễn-chinh. Lập-tức vị tướng này bố-trí để phòng mọi bất ngờ và xin thêm viện-binh.

Cho nên các cuộc hành-quân tái-diễn quyền chỉ-huy của Thiếu-tướng Brière de l'Isle. Ngày 8-10-1884, tại Kép, tướng Négrier đẩy lui một đạo quân Tàu từ Quảng-tây tiến sang ; một đạo quân Tàu khác đe dọa thành Tuyên-quang do Thiếu-tá Dominé giữ. Cuối tháng 12, Tướng Lewal, tân Bộ-trưởng chiến-tranh gửi thêm viện-binh sang và đảm nhiệm việc lãnh-đạo các cuộc hành-quân. Đầu tháng 2 năm 1885,

www.hoangsa.org

quân-đội Pháp lại mở cuộc tấn-công. Thành Tuyên-quang được giải tỏa ; quân Pháp chiếm Lạng sơn. Theo lệnh của Paris bấy giờ muốn gây áp-lực trong các cuộc thương-nghị đang tiến hành với Trung-hoa, tướng Négrier xâm-nhập lãnh-thổ Trung quốc nhưng rồi lại phải triệt-thoái vì vấp phải những lực-lượng trội hơn nhiều. Trong cuộc lui quân, tướng Négrier bị thương ; vị tướng-lãnh kế nhiệm đã mất cả bình-tĩnh, ra lệnh cho quân sĩ mạnh ai nấy chạy, và bỏ thành Lạng-Sơn ngày 28 tháng 3.

Trong vòng 48 giờ, Pháp mất tất cả những gì đã thu-hoạch được nhờ sức cố-gắng vất vả và công chuẩn-bị trong năm tháng Đạo quân viễn-chinh phải trở về khởi-điểm, mất hết tinh-thần vì một thất-bại vô nghĩa-lý.

Cuộc thất-trận bị phóng đại thành « tai họa » Lạng-Sơn khiến cho Nghị-Viện Pháp phải có quyết-định mạnh mẽ.

Nhằm mục-đích gia-tăng ảnh-hưởng và vai trò của Pháp đã suy-giảm vì cuộc đại-bại năm 1870 và nỗi khó-khăn vấp phải trong mưu-toan trỗi dậy ở Âu-Châu, Thủ-tướng Jules Ferry đã lấy thực-dân chủ-nghĩa làm căn-bản cho chính-sách. Kênh Suez đã rút ngắn nhiều lộ-trình dẫn sang Viễn-đông và từ ít lâu óc thực-dân đã phát-triển tại Pháp. Jules Ferry lợi dụng tinh-thần ấy để tránh cho xứ sở khỏi « thu mình trong thái-độ trầm-tư về nỗi bất-lực bực-bội ». Ai nấy đều biết rằng ông ta hằng tuyên bố : « chính-sách thực-dân, đối với Pháp, là một di-sản của quá-khứ và một dự-trữ cho tương-lai » và « chẳng thể nào thành một cường-quốc nếu cứ bó gối ngồi yên » Ferry quyết định xúc-tiến mạnh cái mà ông ta coi như các vị tiên-nhiệm đã phác-họa cho việc thiết-lập Pháp-quốc hải-ngoại.

Nhưng chính sách ấy không được toàn-thể dân Pháp chấp-nhận. Phe đối thủ thuộc mọi khuynh-hướng chính-trị không tán đồng một chính-sách « vừa mù-quáng lại nguy-hại cho đất nước» và đưa ra nhiều thắc-mắc : Ngay tại Âu-lục cũng đủ nhiều hiểm-họa rồi, hà tất còn phải đi rước thêm tận đâu đâu, — biên giới ở rặng Vosges luôn luôn bị đe dọa, mà người ta còn tiếp-tục rải rác các lực-lượng quốc-gia trên khắp chân trời góc biển hay sao ? — Phải chăng người ta vẫn muốn đi

www.hoangsa.org

« săn bong bóng » ? — Gia-dĩ, tất cả mọi cuộc thôn-tính thuộc-địa kia mưu-mô đen tối kia há chẳng là những mưu-mô đen tối về tài-chính và thương-mại chỉ nhằm thỏa-mãn tư-lợi để làm hại cho công-ích ?

Rút cuộc, càng ngày Jules Ferry càng mất dần sự phụ-họa của Nghị-viện : trước hết là vì ông đã cầm quyền hơi lâu ! rồi lại thêm tác-phong hách-dịch, giọng nói kiêu-hãnh. Bầu không khí trở nên nặng-nề, các nghị-sĩ chất chứa nói bất-bình. Và tin « tai-biến », « thảm-họa ở Bắc-kỳ » chợt đến như tiếng sét đánh !

Buổi họp ngày 30-3-1885 rất bi đát : ngay trước phiên nhóm, đa số đã bất tín nhiệm. Jules Ferry cảm thấy địa-vị lung-lay, cũng chẳng có ý biện-hộ cho nội-các ; ông chỉ yêu cầu Nghị-Viện dành cho ngân-khoản cần-thiết để soay lại tình-thế ở Bắc-Kỳ.

Clémenceau lồng-lộn trên diễn đàn, rồi tới lượt Ribot. Chẳng có ai nói giúp cho Jules Ferry cả : người ta đã lo toan việc tránh làm phật ý nội các kế nhiệm.

Lời yêu-cầu thảo-luận gấp-rút về kinh-phí chiến-tranh bị 306 phiếu gạt bỏ, chống 149 phiếu. Nội-các từ-chức. Bên ngoài Nghị-viện dân chúng la ó người « chủ-trương việc chiếm Bắc-Kỳ », sỉ vả điều mà mai sau lại trở thành quang-vinh !

Tuy nhiên, ngay trước khi nội-các Ferry đổ, cuộc tiếp-xúc ngoại-giao đã tái-diễn giữa Pháp và Trung-Hoa.

Dù chẳng hề có thiện-cảm đối với Pháp, Sir Robert Hart, Tổng Thanh-tra quan-thuế tại miền duyên-hải Trung-quốc lấy làm lo ngại thấy số thu hoạch bị hao-hụt vì chiến-cuộc kéo dài. Ngày 10-1 1885, ông cử Sir James Duncan Campbell, đại-diện tại Anh quốc sang Paris, đòi giao-hoàn một thương-thuyền đã bị Đô đốc Courbet bắt giữ gần đảo Đài-loan và, tiện dịp, thăm dò giúp chính-phủ Trung-hoa những ý-định của Pháp-quốc. Kể từ 6-2-1885, viên công-chức Anh đồng thời cũng phục-vụ Trung-quốc cùng các nhà ngoại-giao Pháp mở những cuộc mật-đàm, rồi thường gặp nhau hàng ngày trong tháng ba.

www.hoangsa.org

Bây giờ, hai chính-phủ Trung-Hoa và Pháp đều muốn giải-quyết mau lẹ và giảng-hòa cùng nhau. Nhưng nguyên-nhân gây chiến không còn được cả hai bên coi trọng nữa mà họ chỉ nghĩ tới những lý-do hòa-bình. Tại Pháp, cần phải khiến cho phe đối-lập tại nghị trường từ bỏ duyên-cớ can-thiệp, đồng thời bãi bỏ một cuộc viễn-chinh gây hao-tổn và không cần-thiết cho lắm. Tại Trung-Hoa, vụ Triều-Tiên tiến-triển một cách đáng lo ngại cho Bắc-Kinh ; tại Tân-Cương có phiến-loạn cần phải dẹp trừ ; nền thương mại và kỹ-nghệ bị khủng-hoảng trầm-trọng vì tệ-trạng tài-chính ; quyền bá-chủ đối với Việt-Nam đã mãn-kỳ.

Đồng thời với những cuộc thương-thuyết bán chính-thức ở Paris, các cuộc đàm-phán khác được mở tại Bá-linh, giữa các tùy-viên quân-sự Trung-hoa và Pháp ; Trung-quốc đề-nghị minh-bạch với Pháp về một thỏa-ước mới dựa trên căn-bản Hiệp-định Thiên-tân.

Ngày 1-3-1885, chính Sir Campbell, coi hầu như là « Đại sứ toàn-quyền Trung hoa », thảo ra các đề nghị ; các nhà ngoại-giao Pháp sửa đổi đôi chút. Thỏa-ước được Sir Campbell chấp-nhận, rồi ngày 30 tháng 3, Bộ Ngoại-giao Trung-hoa chuẩn-nhận : nội-dung chẳng khác gì Hiệp-định Thiên-tân.

Cả hai bên đang vội vã giải-quyết cho xong nên không bên nào muốn lợi-dụng những biến-cố đã xảy ra ở Lạng-Sơn. Họ hấp-tấp đến nỗi một bên không thể chờ sự thành-lập nội-các mới của Pháp (mãi tới ngày 6 tháng 4, nội-các Brisson mới được lập xong) và bên kia không thể chờ một chức-quyền Trung-Hoa ký tên. Billot, Giám-đốc Chính-trị tại Bộ Ngoại-giao ký cho Pháp và chính Sir Campbell hạ bút nhân-danh chính-quyền Trung-Hoa !

Bản thỏa-ước biến thành Hòa-ước chính-thức ngày 9-6-1885 do sự thỏa-hiệp giữa Panôtre và Lý Hồng-Chương được Nghị-viện Pháp phê-chuẩn suôn sẻ ngày 6-7-1885.

Từ ngay nước Việt-Nam ở vào tình-trạng đơn-độc trước những yêu-sách của Pháp. Trung-quốc là nguồn hy-vọng cuối cùng, đã bỏ rơi Việt-Nam và vội vã phê-chuẩn hòa-ước Pháp-Hoa.

www.hoangsa.org

Thật ra thì cái « trò bắt cá hai tay » mà Trung-quốc đã trách-cứ Việt-Nam do ai đã chủ-động ? Kế-hoạch Bourée-Lý-Hồng Chương dự-định chia cắt Bắc-phần Việt-Nam và Hiệp-định Fournier-Lý-Hồng-Chương há chẳng đã chứng-minh một cách hùng-hồn « trò chơi nước đôi » của người Trung-hoa ?

Dường như Hòa-ước năm 1884 đã được hai bên đoán-nhận rất khác nhau ; Triều-đình Huế thì theo sát nghĩa và coi đó là những nhượng-bộ tối đa ; chính-phủ Paris thì lại hiểu rộng và cho là một giai-đoạn tiến-tới một cuộc thôn-tính trá-hình sơ sài.

Ngày 31-3-1885, sau khi nội-các Jules Ferry đổ, Nghị-viện biểu-quyết dành một ngân khoản đầu là 50 triệu quan trong số kinh-phí về chiến-cuộc Bắc-kỳ. Như vậy là cuộc bỏ phiếu bất tín-nhiệm ngày 30-3-1885 đã không chống lại việc đánh chiếm Bắc-kỳ mà chỉ chống đối cá-nhân Thủ-tướng Jules Ferry.

Thực thế, chẳng còn ai không rõ rằng bấy giờ chính-phủ Pháp hướng vào một chính-sách cương-quyết tại Việt-Nam. Vị tân tư-lệnh Ronssel De Courcy được chọn lựa vì chính quyền muốn áp-dụng những biện-pháp mạnh. Chính-phủ không chỉ-định một hải-quân trung-tá hay một đại-tá nữa mà lại chọn một vị thống-tướng. Mặc dầu De Courcy vốn chỉ chuyên về quân-sự và thiếu hẳn kinh-nghiệm về ngoại-giao, chính-trị, chính phủ giao cho đủ các quyền quân và chính ; hai viên Khâm sứ ở Huế và ở Hà-nội đều đặt dưới quyền điều-khiển của ông ta. Như vậy là hiển-nhiên Pháp đã hướng vào hành-động quân-sự mạnh mẽ. Người ta còn đề-cập tới việc ép buộc Việt-Nam phải ký một hòa-ước khác nữa vì công-thức « Bảo-hộ » đã trở nên lỗi thời.

Ngay khi sang tới Việt-Nam, và chắc chắn là có nhận chỉ-thị theo chiều-hướng đó, De Courcy tính việc chiếm đóng toàn bộ Việt-Nam.

De Coucy tới Huế ngày 3-7-1885 với một đoàn quân tháp-tùng

www.hoangsa.org

chừng 1000 người. Ông ta đòi vào hoàng-cung cùng với đoàn hộ tống ấy để trình Uỷ-nhiệm thư lên vua Hàm-Nghi và, đồng thời, lợi dụng cơ-hội để bắt giữ Phụ-chính Tôn-thất-Thuyết.

Vị Phụ-chính biết rõ ý-định của Thống-tướng, bèn tính chuyện phóng tay trước và cho tăng-cường việc phòng-thủ. Cuộc chuẩn-bị quân-sự của Nam-triều bị tiết-lộ; hai vị giám-mục Puginier và Caspar đã mật báo cho De Courcy hay tin.

Đóng quân tại sứ-quán, De Courcy cho triệu hai vị phụ-chính sang để sắp đặt nghi-lễ buổi triều-kiến. Chỉ một mình Nguyễn-văn-Tường chịu đi, còn Tôn-thất-Thuyết cáo bệnh. Cuộc thảo-luận kéo dài trong hai ngày. De Courcy đòi phải để toàn-thể đoàn-quân tháp-tùng, kể cả hàng binh nhì, tiến vào hoàng-cung bằng cửa giữa là lối xưa nay chỉ dành riêng cho các đế-vương, ngay cả các bậc đại-thần cũng không được qua lại. Bất chấp mọi kháng-nghị, De Courcy nhất định giữ nguyên yêu-sách dù chẳng có lý lẽ gì để biện-minh ngoài ý muốn làm nhục và khiêu-khích. Ngày 4 tháng 7, De Courcy hẹn trong một ngày Triều-đình phải chấp-nhận tối hậu-thư.

Người ta đã nhận-định được nguyên-nhân cuộc bạo-hành tại Huế và việc Nam-triều bác khước tình-thế gây ra bằng võ-lực. Người ta cũng đã tiên-đoán được sự diễn-tiến các biến-cố và lập-trường của mấy vai chủ-động.

Hai vị phụ-chính có thái-độ khác biệt : Tường thì đáp-ứng ngay các yêu-sách của viên tướng-lãnh Pháp dù thấy khiếm-lễ tới mức nào ; Thuyết thì cứng cỏi, quay lưng lại và cáo ốm.

Buổi chiều ngày 4-7-1885, Cơ-mật-Viện xin yết-kiến Thống tướng De Courcy để tìm cách san bằng mọi khó khăn, nhưng ông ta không tiếp. De Courcy còn khước từ không nhận cả những lễ-vật do Hoàng Thái-hậu sai các quan mang tặng. Hành-động khiếm-nhã ấy được coi là một sỉ-nhục đối với Triều-đình.

Trước cái ngày 5-7-1885 mà theo như De Courcy đã nghĩ. Nam-triều phải đầu hàng vô điều-kiện hoặc bị diệt-trừ, Thống-tướng Pháp mở cuộc tiếp-tân long-trọng tại sứ-quán. Buổi tối ngày 4-7 ấy,

www.hoangsa.org

De Courcy có tuyên-bố :

« *Tôi đã luôn luôn gặp may trong đời tôi ; tại bất cứ đâu, ngôi sao của tôi chưa hề bị lu-mờ. Tôi cảm thấy tướng tinh của tôi đang sáng chói thêm...* » (1)

De Courcy quá tin ở mình : Tướng tinh ông ta đang sáng ngời ; ông không hề nghĩ rằng triều-đình Huế sẽ nổi dậy !

Trước thái-độ thù-nghịch hiển-nhiên của vị Đại-diện Pháp-quốc và một cuộc tấn-công sắp xảy ra. Nam-triều đã phóng tay trước và gây hấn đêm mùng 4 rạng ngày mùng 5 tháng 7.

Bấy giờ quân đội Pháp đóng ở Mang-cá, một trại nhỏ kế cận thành Huế ; cách đấy gần 2 km, ở bờ bên kia Hương-giang là tòa sứ-quán Pháp, nơi mà đêm 4/7. De Courcy tiếp đãi tất cả các viên-chức quân, chính Pháp.

Vị Phụ chính Tôn thất Thuyết ra lệnh cho một chi-đội bố-trí trong vùng phụ-cận thành Huế và tàn-sát tất cả các sĩ-quan Pháp khi họ về trại Mang-cá sau buổi tiếp-tân. Không rõ viên chỉ-huy chi-đội sợ sệt hay thi-hành sai mệnh-lệnh mà bọn binh-sĩ Pháp yên-ổn trở về trại ngay trong đêm. Có lẽ quân đội Pháp thoát hiểm là vì lệnh của Thuyết đã không được thực-thi, nếu ngược lại, chắc chắn họ bị đè bẹp và lịch-sử Việt-Nam đã diễn-tiến theo chiều-hướng khác.

Giữa đêm khuya, kinh-thành có vẻ yên-tĩnh. Bỗng nhiên, vào lúc trăng lặn, khoảng một giờ sáng, một loạt đạn đại-bác nổ đùng đùng rồi lửa cháy rực trời. Quân lính do Tôn-thất Liệt là em Tôn-thất-Thuyết chỉ-huy tấn công các đồn binh Pháp và nổi lửa đốt khắp nơi.

Tôn-thất-Thuyết biết rằng nếu dàn trận mà chiến-đấu thì khó bề đánh thắng nổi quân Pháp ; nhưng ông hy-vọng rằng

(1) Do Adolphe Delvaux thuật trong bài « La prise de Hué par les Français » đăng trong « Bulletin des Amis du Vieux Hué » Avril-Juin 1920, page 270.

www.hoangsa.org

với lối đánh chớp-nhoáng táo-bạo, sau khi đã hạ thủ các sĩ-quan, Thống-tướng và bộ tham-mưu một cách bất-thần khi họ tan tiệc về, thì cơ thể dễ dàng lùa quân-đội Pháp ra bể. Đã thấy rõ phản-ứng của Paris sau biến-cố Lạng-sơn. Thuyết hy-vọng rằng một chiến-bại nặng của Pháp sẽ khiến dân-chúng nổi lên đòi quân Pháp phải triệt-thoái.

Mưu-toan của Thuyết đã thất-bại. Quân Pháp đã đương đầu. Lúc tảng sáng, họ tấn-công một thành-trì và một cung-điện. Tuy có sự chống-cự anh-dũng, hai nơi này cũng bị thất-thủ.

Sáng sớm, Thuyết và Tường vào cung tâu xin rước vua và chư Hậu tạm lánh lên Khiêm-lăng (lăng vua Tự-Đức) cách kinh thành Huế 5km để tránh cuộc hỗn-loạn. Ngay từ 5 giờ sáng xa giá rời hoàng-cung, theo hướng chùa Thiên-mụ, có Nguyễn-văn-Tường hộ tống. Có lời thuật lại rằng khi tới làng Kim-Long. Tường được lệnh của Thái-hậu truyền ở lại Huế để thu xếp mọi việc khẩn, nhưng chẳng bao lâu Tường lại theo xa-giá đi lánh nạn (1). Khi đoàn xa-giá tới chùa Thiện-mụ, Tôn-thất-Thuyết đuổi kịp và đưa lên đường ra Tân-sở; lúc đó Tường mới từ biệt đoàn ngự.

Quân-sĩ Việt-Nam thua chạy, để hoàng-cung và kinh-thành lọt vào tay bọn xâm-lăng. Thống-tướng De Courcy làm chủ kinh-thành: những chiến-thắng biểu của ông ta kế tiếp nhau phô-trương thành-tích, kể cả những bảo-vật tìm thấy trong hoàng-cung. Ngày 24-7-1885, De Courcy đã đánh điện về Paris như sau:

« ... *Trị-giá phỏng-chừng các quý-vật bằng vàng hay bạc giấu kỹ trong các hầm kín là 9 triệu quan. Đã khám-phá thêm nhiều ấn tín và kim-thư giá đáng bạc triệu. Xúc-tiến rất khó khăn việc tập-trung những kho tàng mỹ-thuật. Cần cử sang đây một chiếc tàu càng nhân-viên thành-thạo để mang về mọi thứ cùng với kho-tàng.* » (2)

---

(1) Có thuyết lại cho rằng khi tới Kim-long, Tường đã lên vào giáo-đường để trò-chuyện với Giám-mục Caspar.

(2) « Mémoires et Documents Asie » Tome 47. Page 121 (Document inédit).

www.hoangsa.org

Điện-văn ấy đủ nói lên tình tham-bạo của người gửi.

Việc cướp-đoạt và tàn-phá trọn hết các bảo-vật của kinh-thành Việt-Nam do sự tổ-chức của Thống-tướng De Courcy và vị phụ-tá là Thiếu-tướng Prudhomme (1), không thua gì cuộc cướp-phá xảy ra 25 năm về trước ở Bắc-kinh do quân-đội thuộc quyền Đô-đốc Page, Nam-tước Gros và Nguyên-lão Nghị-sĩ Elgin ; tuy chẳng được thế-giới biết nhiều bằng nhưng đã gây trong lòng mọi người Việt-Nam, ngay cả bọn Việt-gian phản-quốc, một niềm chua xót sâu-xa.

Một nhân-chứng là Linh-mục Pène-Siefert. kể lại rằng :

«... Họ (người Việt-Nam) khiến cho quý-vị hết sức lúng-túng khi có sẵn trong tay bảng tổng kê tài-sản trước ngày 5 tháng 7 , họ nói rằng người Pháp đã lấy trong trại Cấm-vệ quân 113 lạng vàng, 742 lạng bạc, 2627 quan tiền, tại cung bà Thái-hậu Từ-Dũ sinh ra vua Tự-Đức 228 viên kim-cương, 266 món nữ-trang có nạm kim-cương, hạt trai, hạt ngọc, 271 đồ bằng vàng, 1258 nén bạc, 3416 lạng vàng; tại các tôn miếu thờ các đức vua Thiệu-Trị, Minh Mạng, Gia-Long chứa đầy vật-phẩm riêng của các tiên-đế dùng lúc sinh-thời, hầu hết những thứ có thể tiện mang đi như : mũ-miện, đai áo, thảm, đệm, triều-phục, long-sàng và bàn tròn xoay chạm trổ, hoành treo vũ-khí, cháp trầu, ống phóng, chậu thau, hỏa-lò, mùng và màn the hoa, đỉnh-trầm bình pha trà và khay chén, tăm xỉa răng... Kho tàng trong hoàng-cung đã mất đi gần 24 triệu quan vàng và bạc... Cuộc cướp cạn ấy kéo dài trong hai tháng còn gây tai tiếng hơn cuộc cướp phá lâu đài nghỉ mát của Thanh-đế ở Bắc-Kinh và chỉ làm suy đồn tinh-thần binh-sĩ...

« Điều đã làm cho chính Nguyễn văn Tường phải rơi lụy là sự thiêu hủy văn-khố của đa số các Bộ và của Quốc-gia thư-viện, những tổn-thất gây cho Quốc-sử quán và Quốc-gia ấn-

(1) Được nổi tiếng dưới ẩn-danh « Thiếu-tướng X... » tác-giả cuốn « L'annam du 5 Juillet 1885 au 4 Avril 1886 ». Paris 1901.

www.hoangsa.org

quán bị mất hết các chữ in Hán-tự » (1)

Sau khi lên ngôi bỏ trống từ ngày vua Hàm-Nghi đào-nạn, mặc dầu là nhờ ơn kẻ thống-trị và phải nể vì họ, vua Đồng-Khánh cũng không thể nhịn đòi Pháp tra lại kho tàng đã bị cướp bóc. Trong biên-bản buổi nhà vua thăm viếng Toàn-quyền Constans ngày 21-3-1888, có ghi :

« ... *Trở lại một vấn-đề đã đề-cập trước, Hoàng-thượng nhắc nhở rằng nhiều vật-phẩm quý giá của Hoàng-tộc đã biến mất sau các biến-cố ngày 5 tháng 7 và chắc chắn là hiện giờ chứa chấp tại Pháp, nhất là một chuỗi kim-cương gom góp từ đời vua Gia-Long cho tới đời Tự-Đức và một bảo - kiếm nạm ngọc quý của vua Gia-Long.*

« *Quan Toàn-quyền đã hứa hết sức cố-gắng cho tìm ra các bảo-vật và hoàn lại Hoàng-gia... Ông có tâu thêm với Hoàng-thượng (vua Đồng-Khánh) đừng gán cho lời thỉnh-cầu tính-cách một đòi hỏi vì lẽ nên coi sự thất-thoát các bảo-vật ấy như một trong số hậu-quả tai-hại của các biến-cố ngày 5 tháng 7, mà hậu-quả ấy, ít ra cũng đem lại một sự may mắn là đưa Hoàng-thượng lên ngôi báu và, hiện giờ, dành cho vị Đại-diện Pháp-quốc dịp tỏ kính ý đối với Ngài...* » *(2)*

Trong báo-cáo đề ngày 28-2 1889 trình lên Toàn-quyền Richaud, ở đoạn gợi lại cuộc cướp-phá đã gây phẫn uất cho mình, dù là chỉ một lần, viên Khâm-sứ Trung-Kỳ Rheinart có viết những giòng sau đây :

« *Ngày 5-7-1885, nhân vụ biến-cố ở Huế, một số lớn bảo-vật đã bị cướp đoạt và người ta phải hồ thẹn khi nghĩ tới những cảnh-tượng đã xảy ra vào dịp đó : con voi bằng vàng đúc rất khéo, rất quý giá, bị chặt làm đôi vì sự tranh-chấp giữa hai kẻ muốn giành được cho mình một phần nguyên-chất của bảo-vật. Điểm đáng buồn*

(1) J. Chesneaux dẫn trong cuốn « Contribution à l'histoire de la nation Viêtnamienne » page 134.

(2) « Mémoires et Documents Asie » Tome 73. p.p. 141-142 (Document inédit.

www.hoangsa.org

hơn cần phải nhắc lại, là một vị tướng-lãnh, thiếu-tướng Prudhomme, đã chẳng ngần-ngại chiếm-đoạt những vật-phẩm quý-giá, và chẳng hề có ai nghĩ cách giác-ngộ lương-tri của mãnh-nhân ấy, báo-chí cũng không đả động gì, và người ta cũng chẳng yêu-cầu kẻ tham-bạo trả lại Triều-đình Huế một phần các chiến-lợi phẩm. Nhận-định hiện-trạng nghèo nàn, túng-bấn của Triều-đình Huế, người ta phải quên đi ác-ý cũ do chính chúng ta đã gây ra bằng những hành-động khó mà biện-bạch nổi, và người ta rất tiếc không còn ai có thể bắt phải hoàn lại một phần những thứ đã bị cướp-đoạt một cách trắng-trợn.

« Tất nhiên, người ta đã có thể coi biến-cố ngày 5-7-1885 như một « cuộc mai-phục » nhưng há chẳng phải là chính chúng ta đã gây ra vụ ấy, và Triều-đình Huế há lại chẳng nhớ hai lần Hà-nội thất thủ và những cuộc khiêu-khích của chúng ta tại Bắc-Kỳ ?

« Dù có xét-đoán vụ Huế theo cách nào thì bổn-phận nghiêm nhặt nhất cũng không cho phép biển-thủ một ly tài-sản của Triều-đình. Quả vậy, chúng ta đã không ở vào thế kinh-quá trong nước địch, chẳng lo gì đến các tổn-thất của nó và chẳng nghĩ gì đến tương lai ; một chính-phủ chân-chính đã tuyệt-giao với chúng ta, đúng như vậy, nhưng chúng ta muốn thay thế chính-phủ ấy để rồi tiếp-tục việc thi-hành Hòa-ước 6 tháng 6 năm 1884 và việc này đặt lên vai chúng ta một gánh tài-chính càng thêm nặng nếu xứ do ta bảo-hộ càng bị bần cùng hóa. Muốn cho Triều-đình còn đủ uy-tín để được dân chúng phục-tòng, do sự kích-thích của ta, cần phải bảo-tồn vẻ hào-nháng tối thiểu đã có nhờ sự dành-dụm lâu đời. Còn nhiều điều đáng nói ra nữa... » (1)

Mấy tài-liệu chưa được công-bố ấy đủ soi sáng chúng ta về những ngày bi-đát của kinh-thành và vương-quyền và, do ảnh-hưởng giây chuyền, của toàn dân Việt-Nam. Cho tới nay, hiếm có sử-gia Pháp đã gợi lại những ngày bi-đát ấy và chịu nói lên điều đáng nói.

---

(1) «Mémoires et Documents Asie» Tome 74, p.p. 248-249 (Document nédit).

www.hoangsa.org

Thống-tướng De Courcy được toại-nguyện : nội ngày 5-7-1885, ông ta đã chiếm được kinh-đô nước Việt-Nam bỏ ngỏ. Ông đã đạt mục-đích. Tướng tinh của ông đang rực sáng thêm.

Về việc vua Hàm-Nghi đào-nạn trong miền núi phía Bắc để tổ-chức cuộc kháng-chiến còn kéo dài hơn mười năm sau khi nhà vua bị bắt (vào năm 1888), bên Pháp chẳng có ai để ý tới nữa, cả ở phía chính-phủ lẫn trong dư-luận.

Ngay hôm 5-7-1885, hồi 10 giờ sáng, sau khi từ biệt đoàn xa-giá của vua Hàm-Nghi rời bỏ kinh-thành, vị nguyên Phụ-chính Nguyễn văn-Tường thân đến nhà Đức-cha Caspar là giám-mục Pháp tại Huế để nhờ dẫn đi ra mắt thống-tướng De Courcy.

Cử-chỉ của Tường, hiển-nhiên là có dụng-tâm từ lâu, nhằm mục đích liên-lạc với người Pháp và do sự trung-gian của giám-mục. Tường biết rằng thống-tướng De Courcy không có ác cảm đối với mình, nhất là sau khi cứu sống Nguyễn hữu Độ, viên kinh-lược Bắc-kỳ, người mà Tôn-thất Thuyết mốn hành-quyết vì đã tự ý giao-thiệp với các nhà cầm-quyền Pháp. Tường cảm thấy hạnh-vận đã tới. Dưới con mắt các nhà ái-quốc Việt Nam, sự phản-bội của Tường càng thêm ti-tiện vì thái-độ vội-vã trong hoàn-cảnh thử thời.

Tường sẽ sớm bị người Pháp lợi-dụng.

Ngày 7 tháng 7, Huế được yên tĩnh; nhưng uy-quyền của Thống-tướng De Courcy không lan rộng ra ngoài ranh-giới kinh-thành. Thống-tướng rất lúng-túng vì tình-thế Việt-Nam đã hoàn-toàn thay đổi từ khi vua Hàm-Nghi đào-nạn : tại Huế không còn có chính-phủ và hành-chính, chẳng có ai đủ thẩm-quyền thi-hành các hòa-ước đã ký kết với Pháp. Trong một xứ như nước Việt-Nam mà việc tập-trung chính-quyền được tổ-chức rất chặt-chẽ, cần phải triệt-để tránh hỗn-loạn và tình-trạng vô chính-phủ tại các tỉnh đã phản-ảnh ấn-tượng gây ra bởi sự đào-nạn của vua Hàm-Nghi và việc thành-trì thất thủ.

Đúng vào lúc đó, Champeaux hay tin sự đầu hàng của

www.hoangsa.org

Nguyễn-văn-Tường mà ông hy-vọng sẽ kéo thêm sự qui-thuận của vua Hàm-Nghi. Vì vậy, viên đại-lý sự-vụ khuyên Thống-tướng hãy chấp-nhận sự hàng-phục của vị nguyên Phụ-chính, được coi là người duy-nhất đủ uy-quyền để điều-khiển việc nước theo ý của Pháp trong một cuộc khủng-hoảng quá trầm-trọng. Hơn nữa, chữ ký của vị phụ-chính chuẩn-nhận hiệu-lực của các công-văn.

Do Giám-mục Caspar dẫn đến sứ-quán, Tường được De Courcy tiếp-kiến và cho một thời-hạn là hai tháng để bình-định xứ sở. Nhưng, vì không tín-nhiệm, De Courcy cho giam lỏng Tường tại Thương-bạc Viện, giao cho vệ-binh và sĩ quan canh chừng. Từ đó, nhân-dân Việt-Nam coi tên phản-bội ấy chỉ là một tù-phạm của người Pháp và những lệnh mang chữ ký của y là do người Pháp dật giây.

Thực sự, ngay từ 6-7-1885, Tường ký một sắc-chỉ kêu gọi các đảng-viên chạy theo nhà vua đang đào-nạn về qui-phục trong hạn 12 ngày kể từ 9-7-1885 ; một sắc-chỉ khác giải-tán quân-đội chính-qui, chỉ duy-trì những lính tại các phủ huyện. Các quan đầu tỉnh đều được cáo-tri về việc đó. Đồng thời, Tường lo việc mời Thái-hậu (vợ đức Thiệu-Trị) và các hoàng-phi trở về tạm ở Khiêm-lăng. Tường dâng biểu xin vua hồi triều và mời các thân-vương tới trình diện tại sứ-quán để thỏa-hiệp với Đại-lý sự-vụ của Pháp.

Ngày 30 tháng 7, trong một phiên họp tại sứ-quán Pháp có sự hiện-diện của Champeaux. Đại-lý sự-vụ và Silvestre, Giám-đốc hành-chính và chính-trị, đại-diện cho Thống-tướng De Courcy, Nguyễn-văn-Tường cùng Nguyễn-hữu-Độ và ba vị đại-thần được các đại-biểu Pháp giao cho việc thành-lập chính-phủ mà, trên thực-tế, Thống-tướng đã chỉ-định.

Việc đặt một vị Phụ-chính cầm quyền nhân danh Hoàng-đế, thay thế cho Hội-đồng phụ-chính cũ trước kia gồm ba người, được chấp-nhận. Hoàng-thân Thọ-Xuân, chú vua Tự-Đức, người cao tuổi nhất trong hoàng-tộc, bấy giờ đã 67 tuổi, được toàn thể bầu lên và ông chấp thuận. Nguyễn-văn-Tường được cử làm chủ-tịch Cơ-mật

www.hoangsa.org

Viện, có Nguyễn-hữu-Độ và Phan-đình-Bình làm phó. Ngoại trừ các cơ-quan khác, Cơ-mật Viện trở thành Hội-đồng chính-phủ thực sự có nhiệm-vụ giải-quyết mọi việc quan-trọng. Nguyễn hữu-Độ đồng thời là Đệ nhất phó Chủ-tịch Cơ-mật Viện, được vinh thăng hàm Võ-hiển, nhưng được cử ra Bắc-kỳ làm giám-sát ngự-sử ; với tước-vị này, Nguyễn-hữu-Độ giữ chức-vụ một vị Kinh-lược mà ông mang danh-hiệu. (1)

Trên thực-tế, vị Kinh-lược bị đặt dưới quyền trực-tiếp của viên Khâm-sứ Pháp ; đó là điều trái với hòa-ước thiết-lập nền bảo-hộ. Như vậy là quyền-lực của Việt-Nam tại Bắc-Kỳ mà Pháp nhận bảo-hộ, đã tiêu biến vô điều-kiện.

Sự dị-biệt về chế-độ giữa Bắc và Trung-phần Việt-Nam dự-trù trong Hòa-ước 6-6-1884 như vậy không còn nữa. Một hiệp-định được soạn thảo sau phiên họp ngày 30-7-1885 và được gửi sang Paris để chuẩn - nhận sẽ phụ-đính vào Hòa-ước bảo-hộ, hiệp-định này dự-trù việc đặt tất cả các tỉnh trong nước (gồm Trung và Bắc-Kỳ) dưới chế-độ bảo-hộ chung.

Từ nay, cả Trung-phần Việt-Nam cũng bị đặt dưới quyền của các quan cai-trị Pháp như Bắc phần.

Như vậy là chút quyền nhỏ mà Hòa-ước 1884 còn dành cho Nam triều trên phần đất quốc-gia này cũng tiêu tan nốt. Nguyễn-văn-Tường và Nguyễn-hữu-Độ đã nhất quyết đưa xứ sở vào vòng lệ thuộc hoàn-toàn và giúp người Pháp hoàn-bị nền đô hộ của họ tại Việt-Nam.

---

(1) Nguyễn - hữu - Độ là cháu nội Nguyễn-hữu-Luân (võ-quan đời vua Gia-Long, đã sang Pháp năm 1787 cùng với Giám-mục Bá Đa-Lộc) và là con Nguyễn-hữu-Huy (võ-tướng). Độ sinh được 9 con trai và 8 gái, trong số có :

Nguyễn-thị... lấy vua Đồng-Khánh ngày 16-2-1886 ;

Nguyễn hữu Ti, lấy Công-chúa Ngọc-Lâm, chị vua Khải-Định ;

Nguyễn hữu Khâm, lấy Công chúa Tân-Phong, chị vua Thành-Thái ;

Nguyễn hữu Thị Nga, lấy vua Thành-Thái năm 1895.

www.hoangsa.org

Quyền kiểm-soát việc chi thu các lợi-tức công ở trong tay Pháp ; số dự chi do Chính-quyền Bảo-hộ ấn-định ; trong bất cứ trường-hợp nào, viên Khâm-sứ có thể triệu-tập Cơ-Mật Viện và giữ quyền chủ-tọa các phiên họp ; đó cũng là những quyết-định của Hội-đồng Tân Chính-phủ Việt-Nam.

Việc sắp đặt Chính-phủ ấy không đủ để trấn-tĩnh lòng dân.

Khi rời ngôi ra bưng-biền, vua Hàm-Nghi đã phô-diễn đúng tâm-hồn và ý-chí của dân-tộc Việt-Nam muốn chiến-đấu đến cùng chống kẻ xâm-lăng để giành lại độc-lập.

Noi gương và hưởng-ứng lời kêu gọi của nhà vua, các nho-sĩ và nhà ái-quốc cầm đầu phong-trào khởi-nghĩa có cơ huy động toàn dân nổi dậy. Những cuộc tàn-sát các tín-đồ Thiên-chúa giáo mà người quốc-gia coi là phe hưởng-ứng tích-cực nhất chủ-nghĩa thực-dân Pháp, đã khiến cho De Courcy lo ngại tột mực. Vị đại-tướng này càng thêm lúng túng khi chính-quyền Paris ra lệnh triển-hoãn mọi cuộc hành-quân và khước-từ việc gửi thêm viện-binh vì sợ làm xúc-động dư-luận khi sắp tới ngày tổng tuyển-cử sẽ thực-hiện vào cuối tháng 9.

Roussel de Courcy mà đầu óc võ-biền chỉ nghĩ tới lưỡi gươm của mình và súng ống của bọn khinh-binh trực-thuộc, hiện cảm thấy bị tràn ngập về mọi phía. Những văn-thư của ông tướng gửi về Paris tỏ lộ sự bối rối ấy. Ông ta đề-nghị với Bộ-trưởng Ngoại-giao : « ... triệt-thoái, khỏi Bắc-Kỳ hoặc, ít ra, khỏi phần đất mà ta đã chiếm được và muốn chiếm ở phía Bắc châu-thổ ; chiếm-cứ Trung-Kỳ là đất, nếu được quản-trị khéo với sự tiết-kiệm ngân-khoản có thể thực-hiện bằng việc hồi-hương quân-đội, sẽ trở thành một thuộc-địa có triển-vọng cho chúng ta. » (1)

Trong văn-thư gửi về Bộ Chiến-tranh ngày 2-8-1885. De Courcy nhấn mạnh thêm như sau :

« ... *Vì muốn đánh-chiếm và đóng quân tại những địa-điểm xa-*

(1) Trích « L'Empire d'Annam » Ch. Gosselin.

www.hoangsa.org

tâm ở Bắc-Kỳ như Lạng-sơn, Cao-bằng, Tuyên-quang, chúng ta đã tung ra những món tiền khổng-lồ, phí-phạm máu người Pháp và gây phương-hại cho sức-khỏe của binh sĩ ta. Nếu cứ tiếp-tục hệ thống ấy và mở rộng nó tới Lào-cai, lấy cớ là để mở lối xâm-nhập hảo hạng mà thực ra chẳng ai đã và sẽ qua, là phạm một lầm-lỗi khủng khiếp, càng quá đáng và không thể tha-thứ được khi mà những bài học ghê-gớm của một kinh-nghiệm còn sốt dẻo buộc ta phải từ bỏ dự-định. Những miền thực sự sinh lợi ở Bắc-Kỳ đều giới-hạn trong vòng các chung-điểm lưu-thông của các pháo hạm có tầm-nước thấp trên các sông ngòi. Ngoài vòng ranh này chỉ là khoảng trống không vì tôi chẳng để ý tới những khoáng-sản mà tôi e rằng chỉ có trong trí tưởng-tượng quá dồi-dào của mấy nhà thám-hiểm » (1)

Các văn-thư ấy đủ hình-dung vị Thống-tướng không biết tí gì ngoài vấn-đề thuần-túy quân-sự. Ngay chính người Pháp há chẳng thấy là mỉa mai hay sao khi nghe De Courcy gièm-pha một cách rẻ tiền việc xử-dụng giòng Hồng-hà hay những tài-nguyên vô-lượng của xứ Bắc-Kỳ trong khi mà đã từ hơn hai mươi năm tất cả chính-sách Pháp ở Việt-Nam căn-cứ vào việc chiếm-hữu xứ Bắc-Kỳ được coi như nguồn vô-tận về thương-mại và khoáng sản ?

Cố nhiên là các đề-nghị của De Courcy chẳng có kết-qủa nào.

Trong một điện-văn ngày 14-11-1885 gửi từ Hà-Nội về cho Freycinet, Bộ-trưởng ngoại-giao, Bourcier Saint Chaffray là trưởng phái-đoàn Pháp tại Uỷ-ban Pháp Hoa phụ-trách việc phân-định ranh-giới Bắc-Kỳ, đã viết như sau:

« ... Ở đây, người ta quy cho De Courcy rất nhiều lỗi : người thì cho rằng ông ta chỉ là một quân-nhân vô-ưu và chẳng biết chút gì ngoài phạm-vi nghề-nghiệp. coi dân-tộc chẳng là gì ngoài quân đội, và chỉ quan-niệm Bắc-Kỳ như một loại thái-ấp quân-phiệt,

(1) Trích « L'Empire d'Annam » Ch. Gosselin.

www.hoangsa.org

một xứ Algérie thứ hai, tại đó ông ta và các sĩ-quan được ưu-đãi có thể tìm đủ cả danh và lợi, dù là chỉ để dành những món tiền kếch-xù trong số lương bổng hàng năm ; người thì cho rằng ông ta dễ nổi giận, vũ-phu, hống-hách một cách bạo ngược, thường có ý-tưởng ngông-cuồng, là một ông già bất-thường và họ sợ nhất là hành-động của ông ta dù nhỏ nhặt đến đâu sẽ bị đưa ra ánh sáng ; lại có người e ngại rằng ông ta làm bất-động mọi thứ chung-quanh vì muốn vơ tất cả về mình, họ sợ rằng ông ta chuyển-động vô bổ trong cảnh ngưng trệ ấy và cứ tưởng rằng cứ qua, lại là mọi việc sẽ trôi chảy một cách tuyệt-diệu. » (1)

Lệnh của Paris cấm De Courcy hành-binh rộng lớn trước khi cuộc tranh-cử chấm-dứt, đã bất ngờ dành cho vua Hàm-Nghi và phụ-chính Tôn-thất-Thuyết một cuộc tạm-nghỉ.

Từ Tân-sở, trung-tâm kháng-chiến, là nơi ngài ẩn náu cùng với một nhóm nhà ái-quốc quyết-tâm, vua Hàm-Nghi truyền hịch cho toàn dân đang hết sức ngỡ ngàng, với những lời tuyên-cáo làm chấn-động nhân-tâm, yêu-cầu « người giàu giúp của, người mạnh giúp sức và quyền-uy, người can-đảm góp lực để giành lại đất nước khỏi tay bọn ngoại-xâm ».

Hưởng-ứng những lời kêu gọi ấy, dân-chúng nổi dậy gần khắp nơi. Ngoại trừ một bọn quan-lại quy-phục kẻ thắng, hợp-tác với quân xâm-lăng hòng duy-trì và tăng-gia các đặc-quyền phong-kiến, những nho-sĩ thấm-nhuần Khổng-giáo đã hưởng-ứng rất đông. Là những người quốc-gia nhiệt-thành, sẵn lòng từ bỏ hoạn-lộ để khỏi phải phục-vụ một chính-phủ do dự và một uy-quyền ngoại-lai, sống giữa nhân-dân, phần lớn ở vào cảnh thanh-bạch nhưng có nhiều uy-tín, lớp « văn-thân » sắp trở thành những người cổ-vũ chân-chính cho phong-trào nhân-dân kháng-chiến càng ngày càng rộng lớn...

Từ Bắc chí Nam, một chiến-cuộc thực-sự đã diễn ra chống quân-đội Pháp và kéo dài hơn 15 năm. Trong các cuộc khởi-

(1) « Mémoires et Documents Asie » Tome 60, p. 88.

www.hoangsa.org

nghĩa, đáng ghi những vụ quan-trọng nhất đánh dấu những năm 1885 và 1886 : cuộc khởi-nghĩa của Trương-đình-Hội và Nguyễn tử Như ở Quảng-trị, của Lê-Ninh và Âm-Võ ở Hà-tĩnh, của Mai-xuân-Thưởng, Bùi-Điền và Nguyễh-đức-Thuận ở Bình-định, của Trần-văn-Dự và Nguyễn-duy-Hiệu ở Quảng-nam, của Nguyễn Phạm-Tuân và Lê-Trực ở Quảng-bình, của Nguyễn-xuân-Ôn và Lê-doãn-Nhạ ở Nghệ-an và Thanh-hóa, của Phạm-Bành, Đinh-Công-Tráng và Hà-văn-Mao ở Ba-đình (Thanh-hóa), của Tạ-quang-Hiện ở Thái-bình, v.v...

Tại Nam-phần Việt-Nam đã nằm gọn trong tay người Pháp, ít cuộc khởi-nghĩa được ghi chép mặc dầu là dân-chúng có sự ủng-hộ không những của người Mên mà cả của người Thái-lan.

Cuộc kháng-chiến ấy của nhân-dân còn là một cuộc đề-kháng hợp-pháp. Khi đào-nạn, Tôn-thất-Thuyết có mang theo chiếc quốc-tỉ lớn tiêu-biểu cho uy-quyền hợp-pháp, và những bản tuyên cáo mang ấn-ký ấy có uy-tín lớn đối với dân-chúng.

Tại Paris, nội-các Brisson tiếp-tục chính-sách của Jules Ferry mặc dầu cuộc tuyển-cử vào Nghị-viện năm 1885 ảnh-hưởng nhiều tới vụ Bắc-kỳ, đã tăng-cường phần nào phe đối-lập thuộc hữu phái chống lại thực-dân chủ-nghĩa. Cuối năm 1885, khi chính-phủ yêu-cầu đem kinh-phí dự-trù cho chiến-cuộc Bắc-kỳ đã không xử-dụng (79 triệu quan) sang ngân-sách 1886, thì Georges Perrin, Chủ-tịch Ủy-ban và đa số thành-phần Ủy-ban chống đối và đòi triệt-thoái quân viễn-chinh. Trong cuộc thảo-luận, duy chỉ có Đức Cha Freppel, Giám-mục địa-phận Angers và là Nghị-sĩ, phản-đối chủ-trương triệt-thoái. Giám-mục nói :

«... Quý vị sẽ được gì nếu rút quân khỏi Bắc-kỳ ? Chẳng có gì hơn là sỉ-nhục và ô-danh ! (. . .) Điều mà các cử-tri đã chê trách chẳng phải là chính cuộc chinh-phạt Bắc-kỳ mà là cách điều-khiển vụng-về cuộc viễn-chinh ấy (. . .). Chính những phương-sách lưng-chừng, những sự dò dẫm, những sự trù-trừ, những cuộc khất-lần đã khiến cho Trung-quốc và Việt-Nam kịp huy-động những lực-lượng mà lúc đầu họ chưa có. (. . .)

www.hoangsa.org

« Quý vị có thể nỡ bỏ rơi bốn hay năm trăm nghìn tín-đồ Thiên-chúa giáo chỉ có một lỗi, chỉ có một tội là tự gánh lấy mối nguy để phục-vụ Pháp-quốc hay sao ? . . .

« Phải, mở rộng phạm-vi thuộc-địa của Pháp là có lợi, là hợp-lý ; sự tái-lập một cường-quốc tương-đương với Ấn-độ, gồm Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ và Cao-Mên là việc hữu ích và có thể lý-hội được . . . » (1)

Ủy-ban đã yêu-cầu các Bộ Ngoại giao, Hải-quân và Chiến-tranh cho tin-tức ; các bộ sở-quan đã cung-cấp từng đống tài-liệu, Ủy-ban đã đòi nhiều nhân-chứng, duy chỉ có Đô-đốc Duperré chủ-trương việc triệt-thoái.

Rốt cuộc, sau bốn ngày tranh-luận, ngân-khoản được biểu-quyết với vẻn vẹn 4 phiếu trội (274 chống 270). Cho rằng không được đa số đầy đủ, nội-các từ-chức ngày 28-12-1885. Quyền sẽ sang tay Freycinet để tổ-chức cuộc bảo-hộ Bắc-Kỳ.

Tại Huế, tân chính-phủ vừa nhậm chức thì Thống-tướng De Courcy bắt buộc phải ra Bắc-Kỳ đang sôi-nổi tổng khởi-nghĩa : toàn quốc đã đáp-ứng lời hiệu-triệu của vua Hàm-Nghi.

Khi qua Hải-phòng. De Courcy có họp một hội-nghị quân-sự với các tướng-lãnh Pháp ở Bắc-Kỳ để sửa soạn một cuộc hành-quân tại Trung-Phần Việt-Nam. Sau khi hội-nghị bế-mạc. De Courcy báo cho Paris hay tin về cuộc hành-quân đã trù-hoạch : đại-tá Pernot, với 1500 binh-sĩ, khởi-hành từ Huế để đuổi bắt Tôn-thất-Thuyết ; thiếu-tướng Négrier tiến từ Nam-định vào Ninh-bình và Thanh-hóa để gặp đạo quân của Pernot.

Chính-quyền Paris triệt-để chống lại kế hoạch ấy ; vẫn vì lý-do sắp có cuộc bầu-cử, chính-phủ Pháp không muốn cho mở một cuộc hành-quân nào trước mùa đông. Vì vậy De Courcy phải ngưng chiến-đấu tại Bắc cũng như tại Trung-phần. Gia-dĩ

(1) G. Taboulet thuật lại trong cuốn « La Geste française en Indochine » Tome 2, p. 865.

www.hoangsa.org

kế-hoạch hành-quân ít có hy-vọng thắng-lợi; hai bên sườn dải Trường-Sơn tại Ai-lao không thuận-lợi chút nào cho việc truy địch vì rất hiểm-trở.

Vả lại bấy giờ quân-đội Pháp đang trải qua một trận dịch tả đã làm thiệt mạng 4000 binh-sĩ.

Thống-tướng đành chỉ mở những « chiến-dịch ngoại-giao » trong đó ông không bao giờ tỏ ra xuất sắc!

Nạn-nhân đầu tiên của các « chiến-dịch ngoại-giao » ấy là Nguyễn-văn-Tường. Kỳ-hạn hai tháng dành cho việc bình-định xứ-sở đã chấm dứt ngày 5 tháng 9; bấy giờ tình-trạng bất-an và cuộc biến-loạn ngày càng bành-trướng thêm. Mặc dầu bị người Pháp canh-chừng chặt-chẽ và thực-tế đang là tù-phạm của họ, Tường vẫn bị De Courcy ngờ là có tư-thông với phe phiến-loạn, quở-trách về thái-độ khả-nghi và còn buộc cho tội đưa tin-tức giả dối đánh lừa chính-quyền bảo-hộ. Tất cả mọi điều đó không đúng sự thật, nhất là sau khi chúng ta đã nhận-định tư-cách đê-tiện của Tường; nhưng Thống-tướng đã nói dựng đứng như vậy để bào-chữa cho những thất-bại của ông.

Rồi vị Chủ-tịch Cơ-mật Viện vừa mới được người Pháp đưa lên nắm quyền lại bị chính họ bắt giữ; ngày 22 10-1885, Tường bị đưa xuống tàu ra đày ở đảo Côn-lôn cùng với vị nguyên Thượng-thư bộ Hộ, Phạm-thân-Duật và phụ-thân ông Tôn-thất-Thuyết là Cụ Tôn-thất-Đính, đã bị bắt làm con tin một cách đê hèn từ bữa 6 tháng 7.

Phạm-thận-Duật chết ở dọc đường và xác bị quẳng xuống bể; sau đó ít lâu, Nguyễn-văn-Tường bị câu-lưu ở đảo Tahiti, được chính-phủ Pháp dành cho món tiền ân-cấp 30000 quan; việc này đã gây ra những cuộc phản-kháng kịch-liệt đến nỗi, mấy ngày sau, một chiếu-chỉ được ban-hành, có De Courcy phó-thự, hủy bỏ tất cả tước-vị của Tường và cho tịch-biên gia-sản.

Mặc dầu tân chính-phủ nhậm-chức do sự lo-toan của De Courcy, mọi công việc trong nước đã không điều-hành ổn-thỏa

www.hoangsa.org

như ông ta hy-vọng.

Sau khi lưu-đầy Tường ở ngục Côn-lôn, De Courcy quyết-định chọn một tân-quân thay thế vua Hàm-Nghi. Thống-tướng hy-vọng rằng như vậy sẽ chấm-dứt được tình-trạng rối loạn trong nước ; tự-nhiên là ông quyết thay thế vô điều-kiện hoàng-đế đào-nạn bằng một quốc-vương khác do Pháp chọn và tôn lên ngôi, tập-hợp chung quanh ngai vàng thiểu-số gồm những kẻ phụ-họa với bọn xâm-lăng.

Ngay hôm sau ngày vua Hàm-Nghi rời kinh-thành Huế đoàn tùy-tòng đã phải tước-giảm bớt một số nhân-vật, vì tuổi-tác hoặc vì lý-do sức khỏe, không kham nổi một cuộc sống phiêu-bạt. Người ta phải kinh-ngạc khi thấy trong hàng ngũ những người trở về, hoàng-thân Chánh-Mông là trưởng-huynh nhà vua, không có lý-do chính đáng với 23 tuổi xanh và sức khỏe dồi-dào.

Vừa mới hồi kinh, hoàng-thân đã xin yết-kiến Thống-tướng ; vì Thống-tướng vắng mặt, có vị Đại-lý sự-vụ tiếp. Ông Chánh-Mông yêu-cầu người Pháp bảo-vệ, Champeaux dành cho ông một trú-sở ở gần và khuyên nên sống yên-ổn tại đó.

Ông chẳng ở đó lâu ; đầu tháng 9 năm 1885, Thống-tướng đang kiếm một người để đặt lên ngôi, bèn nghĩ đến ông. Ông là một ứng-viên đủ điều-kiện đang ở ngang tầm tay của Thống-tướng, và đó là một cuộc « kén chọn khôn khéo ». Khi tiến-cử nghĩa-tử út của vua Tự-Đức, người Pháp xét là đã lập cho nước Việt-Nam vị puốc-vương do chính họ tuyển chọn. Hoàng-thân Chánh-Mông vừa mới chứng tỏ rằng ông coi nước Pháp như vị hộ-mệnh riêng của ông, vậy thì chắc chắn là ông sẽ thực-tình hòa-hợp với Pháp. Thực ra, ông Chánh-Mông có những cơn điên, điều mà chính Rheinart cũng xác-nhận « không có vẻ trầm-trọng, nhưng đã phát-hiện cách quãng trong thời-gian trị-vì ». Nhưng đó chẳng phải là một trở-ngại cho chính ông cũng như cho chính-quyền bảo-hộ !

www.hoangsa.org

Còn về dân-tình đối với ông thì rõ ràng có sự lãnh-đạm, khinh rẻ hoặc thù-ghét ; đối với nhân-dân, chỉ có một đức vua và một vị độc-nhất, đó là vua Hàm-Nhgi, người đã nổi dậy chống Pháp.

Lễ đăng-quang, định vào ngày 19-9-1885, đã chứng tỏ rằng tân-quân là một chư-hầu tầm-thường. Chính tân-quân thân-hành sang sứ-quán Pháp, nơi Thống-tướng « chờ đợi » : chưa bao giờ một quốc-vương Việt-Nam chịu sỉ-nhục nhường ấy ! Vị vua trị-vì với danh-hiệu Đồng-Khánh (1885-1889) tự tay mang sắc phong-vương trao cho Thống-tướng Pháp. Như thế là đức vua đã thụ-phong tại sứ-quán Pháp.

Tới lúc sắp trở về hoàng-cung, «Hoàng-đế» muốn theo nghi-lễ, ngự trên loan-xa thì, ba lần, Thống-tướng cực-lực phản-đối, buộc nhà vua phải đi bên ông ta về tới triều-điện. Cuối cùng, De Courcy hỏi (thật là bất ngờ) ý nhà vua muốn có một đội ngự-lâm người Pháp hay Việt thì vua Đồng-Khánh không do dự tỏ ý muốn có một đội binh Pháp ! Như vậy, người ta thấy rằng chủ-quyền Việt-Nam sẽ được bảo-vệ cẩn-mật.

Để cho cuộc tôn-phong thêm phần hiệu-lực, các nhà chức-trách Pháp đòi Hoàng Thái-hậu phải chuẩn-nhận ngay lễ đăng quang. Nhưng dân-chúng không để bị lừa-bịp về lời tuyên-cáo của Hoàng Thái hậu, vợ vua Thiệu-Trị, đã già 78 tuổi lại lòa và điếc từ lâu, phải công bố do áp-lực trong dịp đăng-quang – lời tuyên-cáo đã được soạn thảo và đệ ký vì « lý-do quốc-thị ».

Tại Huế, với vị tân-quân, phần việc của các nhà cầm-quyền Pháp rất dễ-dàng ; Cơ-mật Viện do một viên-chức Pháp chủ-tọa và vua Đồng-Khánh luôn luôn tỏ dấu nô-dịch đối với bọn xâm-lăng.

Ngày lễ đăng-quang, Thống-tướng De Courcy tôn phong vua Đồng-Khánh và, nhân dịp cáo-biệt, được tân-quân phong tước « Quận-Công, Bảo-quốc ». Mấy tháng sau, ngày 23-2.1886, vua Đồng-Khánh phê-chuẩn Hòa-ước Bảo-hộ 1884.

www.hoangsa.org

Trước trạng-huống thuận-lợi ấy, viên phụ-tá Thống-tướng De Courcy là thiếu-tướng Prudhomme đã tạo nhiều cơ-hội chứng-thực sự khuất-phục của vua Đồng-Khánh, hy-vọng rằng như vậy có thể khai-thác hiệu-lực tâm-lý đối với người Việt-Nam của những biểu-hiệu tôn-kính mà Hoàng-đế thường tỏ ra với các vị đại-diện Pháp quốc, của những cuộc xuất-hành mà bên cạnh nhà vua luôn luôn có một linh-mục Việt-Nam, Cha Hoàng, do người Pháp đã đặt làm ngự-liền thông-ngôn và chắc-chắn, là khi cần, để dò thám nhà vua. Qua sự trung-gian của L. M. Hoàng, thiếu-tướng Prudhomme đã khuyến-cáo vua Đồng-Khánh đi kinh-lý trong nước có quân-lính tháp-tùng, hy-vọng rằng như vậy có thể minh-xác uy-quyền của vua đối với dân-chúng và chiêu-hồi loạn-quân qui-thuận. Đó là múc-đích của cuộc tuần-thú tổ-chức mấy tháng về sau.

Ở Paris, nội-các Freycinet, kế-nhiệm nội-các Brisson, quyết-định giữ vững Bắc-kỳ, mặc dầu gặp khó-khăn trong việc yêu-cầu Nghị-Viện biểu-quyết ngân-khoản.

Nền bảo-hộ Trung Bắc-kỳ được cải-tổ và từ nay tùy thuộc Bộ Ngoại-giao, theo sắc-lệnh ngày 27-1-1886. Ngày 31-1-1886 Paul Bert được cử làm Thống-sứ Bắc-kỳ.

Không chờ đợi người kế-nhiệm sẽ tới Hà-nội ngày 8-4-1886, De Courcy trở về Pháp. Vị tướng-lãnh quá tự-đại về chân giá-trị của mình và không thể nào ăn ý với chức-quyền dân-chính nào, đã thui thủi về Paris và mất tại đó ngay năm sau bởi héo mòn vì hờn oán.

Mặc dầu có nhiều cố-gắng của đạo-quân chiếm đóng, tình-hình quân-sự không được khả-quan khi vị tân Thống-sứ tới nhậm-chức Đại-tá Chaumont đã đóng quân tại Đồng-hới để bít con đường phía Bắc của quân Cần-vương, rồi chiếm Vinh. Tuy nhiên chiến-thắng ấy không ngăn nổi cuộc loạn lan-tràn các tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh.

Tình-trạng hành-chính cũng chẳng tốt đẹp hơn: cảnh hỗn-

www.hoangsa.org

độn hoàn-toàn bày ra, mọi việc bị đình đốn. Phần lớn quan lại, nhất là các đại-thần bỏ nhiệm-sở để gia-nhập hàng-ngũ theo đức vua đang đào-nạn và gây ảnh-hưởng ngày càng lớn. Cuộc Văn-thân khởi-nghĩa bành-trướng; cuộc tiêu-diệt các tín-đồ Thiên-chúa giáo vẫn tiếp-tục.

Từ lúc này, người Pháp dùng danh-từ «quân phiến-loạn» để chỉ những người nổi dậy, kể cả vua Hàm-Nghi và Tôn-thất-Thuyết coi như kẻ thù của tân-quân là vị vua chính-thống duy nhất dưới con mắt họ, đã do họ tôn lên ngôi báu. Vua Đồng-Khánh đã cho xóa trong danh-sách hoàng-tộc tên ông Tôn-thất-Thuyết và các thân-nhân. Từ đây, vị nguyên phụ-chính phải theo họ mẹ và gọi là Lê-Thuyết.

Cuối tháng 3 năm 1886, thiếu-tướng Prudhomme nổi tiếng trong vụ cướp đoạt các kho-tàng của hoàng cung khi vua Hàm-Nghi đào-nạn, bị triệu-hồi, có thiếu-tướng Munier thay thế. Để tri ân những «công-trạng lớn-lao» đã giúp cho hoàng-triều (?), vua Đồng-Khánh phong cho Prudhomme tước «Bảo-quốc Công» (1).

Ngày 16 tháng 5, sau khi Prudhomme hồi-hương, đoàn «tuần-thú» thiết-lập do sáng-kiến của ông ta, lên đường với hy-vọng ngây-thơ là chiêu-hồi dân-chúng miền Bắc bằng sự hiện-diện của vị vua đã theo Pháp và do Pháp tôn-phong. Cuộc «biểu-dương diễn-hành» kỳ-quặc có vua Đồng-Khánh làm minh-tinh được đặt dưới quyền chỉ huy của đại-úy Billet; bên cạnh nhà vua có một tùy-viên văn-phòng Thống-sứ Paul Bert, lãnh nhiệm-vụ điều-chỉnh các hành-vi và cử-chỉ của ông «vua bù nhìn».

Cách ứng-tiếp của dân-chúng thật là đặc-biệt: mặc dầu có đoàn hộ-tống đông-đảo gồm binh-sĩ Pháp, mỗi đêm chỗ đóng

(1) «Bảo-quốc Công», là tước cao nhất trong năm tước-vị dành cho các công-khanh đại tài. Từ đời Gia-Long, tước đó chỉ được (Đồng Khánh) ban cho ba người là các tướng De Courcy, Warnet được phong làm «Thái Công» và Prudhomme làm «Quận Công»

www.hoangsa.org

đồn của vua đều bị tấn-công. Những tiếng súng vang lên hàng đêm cũng như những tiếng súng mà Thống-tướng De Courcy đã nghe thấy tại Huế trong buổi tiếp tân tối 4-7-1885, chẳng phải là để chào mừng người Pháp hay vị thượng-tân của họ. Đoàn tuần-thú qua tỉnh Quảng-trị, rất chật-vật mới tới Đồng-hới (Quảng-bình) và lưu lại trong ba tuần-lễ, rồi trở về Huế bằng đường bể. Người Pháp đã phải nhận rằng đó là một thất-bại hoàn-toàn.

Thuật lại cuộc tuần-thú này, hạm-trưởng tàu Primauguet đã hộ giá vua Đồng-Khánh trong cuộc hồi-loan bằng hải-đạo, viết trong báo-cáo gửi lên Đô-đốc tư-lệnh hải-quân Pháp tại ViệttNam:

« ... *Cuộc tuần-thú của vị tân-quân đã làm cho mọi người Việt-Nam bực mình. Những kẻ theo ta đã coi như là một dịp không may phải cống-tiến nhà vua những lễ-vật đắt tiền; những kẻ thù ta đã ngang-nhiên thiêu-hủy các ngôi nhà do vua đã trú-ngụ và kể như đã bị làm nhơ-nhớp.* » (1)

Cùng lúc ấy, phe ủng-hộ vua Hàm-Nghi đã rêu-rao tại Huế và ngay cả trên tường tòa sứ-quan Pháp rằng, chẳng bao lâu nữa, quân-đội Pháp sẽ bị đánh đuổi khỏi lãnh-thổ quốc-gia và lùa ra bể.

Ngày 10-6-1886, theo lời yêu cầu của Paul Bert, vua Đồng-Khánh đã giao-phó cho vị Kinh-lược « đại-diện Hoàng-triều » các quyền tối cao ở Bắc-kỳ; phương-sách này đã qui-định sự phân-chia về hành-chính giữa hai miền Trung và Bắc-Kỳ.

Nguyễn-văn-Tường tới đảo Tahiti vào tháng 2 năm 1886, mất tại đó trong năm vì chứng ung-thư ở cuống họng theo như lời người ta kể lại; thiếu-tướng Prudhomme thì cho rằng ông ta đã chết vì « thất-vọng và gày mòn suy-yếu. » Ngày 20 tháng 10, một điện-văn của Bộ Ngoại-giao ra lệnh chở thi-hài Tường về Huế. Khi linh-cữu đồ bọ lên cửa Thuận-an thì vua Thành-Thái (bị người Pháp truất ngôi năm 1907 và đày sang đảo La Réunion)

(1) « Mémoires et Documents Asie » Tome 70, p. 357.

www.hoangsa.org

xuống chiếu ra hình-phạt cực-độ là cho lay xích sắt quật vào quan-tài. (1)

Tất cả dân chúng Việt-Nam đồng-thanh kế án con người phản- rắc ấy.

Cuộc tuyển-cử mùa thu năm 1885 tại Phap đã xác-định sự thất-bại của phe « ôn hòa » và thế vững-mạnh của phe bao-hoàng cũng như của phe cấp-tiến. Ảnh-hưởng của phe g- ọ v ^c chiếm thuọc-địa va phe chủ-trương việc sống chung v i Đưc quốc đã giảm-sut; ảnh-hương cua phe phuc-thù tăng-g'a rấ nhi"u. Năm 1886, tướng Boulanger tham-dự nội-các với c ức Bo- rưở g c ien tranh và áp-dụng ngay những biện-pháp ương-quyế để ăng-cường quan-đội. Bismarck đang muốn lợi-dụng những l hó-khan do lap- rường của nước Bao gây cho Nga đe bảo-đam sự trừng-lập của Nga trong trường-hợp.— Đức chiến đấu chống Pháp ; Bismarck lại bắt đầu tinh việc áp-đảo một lần nữa lân qu c ở phia Tây.

Trước những viễn-tượng đen tối như vậy và đề ý t i tình-hình bap-bênh ở Việt-Nam, sau những cuộc tranh-luân mới tai Nghị-viện, tướng Millot, nguyên tư-lệnn quân-đ ı Pháp tại Bac-Ky năm 1884, hiện đang chỉ huy quân-sự tại Paris, tro g một van-thư đệ lên Thủ-tướng ngày 1-10-1886, đã đề-nghị một « phương-thức chiếm-đóng vương-quốc An-nam » bằng cá h chiêu-hồi « vi phụ chinh và hoàng-đế đang phieu-bạt » và danh c o vua H m-Nghi « ngôi vua Bac-Kỳ » ma vẫn giữ cho vua Đồng-Khánh ngai vàng ơ Huế. (2)

Vua Hàm-Nghi vẫn quanh-quẩn trong vùng thượg-du sông Gianh, giữa những dẫy Hoành-sơn của dai Trường-sơn, giáp biên-giới Ai-lao, chung quanh ngài có vị nguyên thượng-thư

---

(1) Theo hình-luật V. N. ba khổ hình dành cho kẻ đã chết, được coi như nhục-nhã hơn cả tội tử-hình là : bệu đầu, tan nhỏ hài cốt và quất roi lên mả.

(2) « Mémoires et Documents Asie », Tome 58, p.p. 233-234.

www.hoangsa.org

Nguyễn-phạm-Tuân và ba con trai của ông Tôn-thất-Thuyết : Tôn thất-Đạm là trưởng, 22 tuổi, thứ là Tôn-thất-Thiệp, 19 tuổi, rồi đến cậu út mới lên bảy hay tám tuổi khi nhà vua bị bắt vào năm 1888. Hai người anh xứ sự rất đường-hoàng trong việc phụng-sự đức vua và tổ-quốc, khiến cho kẻ thù cũng phải thán-phục và kính-trọng.

Lúc bấy giờ, tuy sức cầm-cự của đảng Cần-vương vẫn còn mạnh, nhưng quân Pháp đã được tiếp-viện từ Đà-nẵng tới, càng tấn-công mãnh-liệt. Quân Cần-vương càng ngày càng gặp thêm khó-khăn trong việc cung-cấp khí-giới và đạn dược.

Tôn-thất-Thuyết từ trước vẫn ở bên cạnh đức vua lại bỏ ra đi. Cùng với Trần-xuân-Soạn và một đoàn hộ-tống đông đảo, Thuyết theo con đường chiến-lược sang Trung-quốc để cầu xin sự giúp đỡ và viện-trợ của cựu bá-chủ mà ông thấy không có hảo ý gì đối với Pháp mặc dầu đã ký Hiệp-định Thiên-Tân.

Thuyết đến Hưng-hóa, ngược dòng Hồng-hà lên tới Lai-châu, Tới đây ông ta chỉ còn một đoàn hộ-tông gồm mấy chục người. Trong khi dừng chân tại Hưng-hóa, dường như đoàn hộ-tống ấy tỏ y nghi-ngờ về ý-định thực-sự của vị nguyên phụ-chính, và có thể là họ đã trách ông về việc bỏ vua ra đi ; Thuyết đã cho sát hại phần lớn số người tháp-tùng...

Sang tới Trung-quốc, Thuyết yêu-cầu viên tổng-đốc Vân-Nam cứu giúp. Tờ trình của Tổng-đốc Ts'en Yu Yinh về thỉnh-nguyện của Việt-Nam không được chính-phủ Trung-Hoa đáp-ứng. Bắc-Kinh cho rằng người Việt-Nam đã « chơi lối nước đôi » và không muốn cứu-trợ. (1)

Sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt, Tôn-thất-Thuyết ở lỳ bên Trung-hoa, tại tỉnh Quảng-đông, sống bằng một món tiền do chính-phủ Trung-quốc trợ-cấp. Thuyết mất năm 80 tuổi, không trở về Việt-Nam là nơi hai con trai đã chết một cách hiền-

(1) « Documents diplomatiques Chinois » chapitre 61, p.p. 23 à 26.

www.hoangsa.org

thách khi bảo-vệ đức vua và, do đó, đã bảo-toàn danh-dự cho giòng họ.

Đầu năm 1888, các màng lưới ngày càng thắt chặt để bao vây vua Hàm-Nghi cùng tiểu-tổ gồm những vệ-sĩ trung-kiên thưa thớt dần. Ý-chí cầm-cự của họ cương-quyết đến mức, bất chấp mọi hiểm-nguy, họ nhất-định không chịu khuất-phục. Để áp-đảo họ, người Pháp tính dùng chính-sách khủng-bố thể-hiện bằng việc hành-quyết các tù-binh, và làm cho mỏi mệt: mệt mỏi các chiến-sĩ trong bưng-biền kiệt-lực vì thiếu-thốn và bệnh-tật, mệt mỏi cả dân-chúng dù là trung-thành với vua hay muốn hợp-tác với địch, đang lâm nguy thường-xuyên và bị phá-sản.

Như vậy, người Pháp thấy dần dần người kháng-chiến suy-nhược, hoặc người nông-dân, kẻ phu phen muốn hưởng lợi và được yên thân, ngả theo chiều phản-bội, cung cấp cho kẻ thù nhiều tin-tức quí-báu. Nhờ vậy mà người Pháp đã mua chuộc được một vệ-sĩ của đức vua, tên Trương-quang-Ngọc, nghiện nặng thuốc-phiện và «bợm nhậu» và tên khốn-kiếp này đã nhận việc bắt vua Hàm-Nghi đem nộp cho họ.

Ngày 1-11-1888, mấy đồng đảng do Ngọc hướng-dẫn lên đường đi bắt nhà vua. Vào khoảng mười giờ đêm, chúng tới chỗ ngài trú-ngụ, một túp lều nát lợp lá gồi; nhờ yếu-tố bất-ngờ và sau một cuộc giao-phong ngắn-ngủi, chúng giết được ông Tôn-thất-Thiệp bằng một nhát dáo đâm vào giữa ngực

Khi thấy Ngọc làm phản, nhà vua cầm thanh gươm đưa cho y và bảo rằng: «Mày giết tao đi còn hơn đưa tao về nộp cho quân Pháp» (1) Ngài vừa nói dứt lời thì một tên Mường trong

(1) Đã lập công với Pháp bằng sự phản-bội, tên Ngọc được hưởng hàm lãnh-binh và lần-lượt đi hành-chức tại nhiều tỉnh. Ở bất cứ đâu, hắn đều thấy các quan-lại và dân-chúng khinh-khi và lạnh-nhạt. Rút cuộc, hắn phải về cố-hương là làng Thanh-lang (Hà-tĩnh).

Đêm 24-12-1893, trong khi Ngọc, chỉ-huy đồn Thanh-lang, say rượu và nằm hút thuốc-phiện yên ổn, thì đồn bị người của Cụ Phạn-đình-Phùng xâm-nhập. Hắn định xông ra để chống-cự nhưng một phát súng đã làm cho ngã quỵ; nghĩa-quân chém ngay lấy đầu đem bêu trước túp lều mà Ngọc đã tới bắt vua Hàm-Nghi nộp cho người Pháp.

www.hoangsa.org

bọn lên ra sau lưng ôm quàng lấy ngài rồi rút ngay thanh gươm ra.

Sinh vào tháng 3 năm 1871, vua Hàm-Nghi mới lên 17 tuổi 7 tháng khi bị bắt.

Ngày 16-11-1888, Nội-các Pháp họp hội-đồng, quyết-định quản-thúc Cựu-Hoàng tại xứ Algérie có « khí hậu mát thích-hợp với tình-trạng sức khỏe bị suy-nhược vì những nỗi lao-khổ của đời sống phiêu-bạt trong miền sơn-cước ».

Việc bắt được vua mà dân-chúng Việt-Nam coi là linh-hồn của cuộc kháng-chiến là một đòn quyết-liệt giáng vào cuộc toàn-dân khởi-nghĩa. Vụ đàn-áp theo sau rất khủng-khiếp. Sau khi vị lãnh-tụ bị bắt giữ, những đảng-viên chưa trốn thoát sang Tiêm-la qua dải Trường sơn và Ai-lao, bị g ải về Huế và hành quyết cho ai nấy đều thấy, biết để « làm gương ».

Tuy nhiên chẳng vì thế mà cuộc kháng-chiến của Việt-Nam đã đình-chỉ. Phong-trào tiếp-tục hoạt-động trong gần khắp các miền thuộc Bắc-phần Việt-Nam cho tới năm 1896. Trong số các thủ-lĩnh nổi tiếng, đáng kể : Đề-Thám, khởi-nghĩa tại miền núi Yên- hế, inh Bac-giang (1892), Ba-Báo ở Thái-bình (1883-1887). Lãnh G ảng và Đốc Khoát ở Vĩnh-yên, Phúc-yên, Tuyên-quang (1891 1893) Lãnh Pha ở Đông-triều (1892-1893) Lãnh Tánh ở Phu-thọ (1890 1893), Phan-đình-Phùng ở Hà-tĩnh (1885-1895).

Ngoài các thũ-lĩnh nổi tiếng ấy, chúng tôi còn phải kể những nhóm tự-vệ vẫn tiếp-tục cuộc đề-kháng vô-vọng chống chính-sách thực-dan Pháp ; danh-tính của các vị cầm-đầu ở địa-phương còn được dân-gian truyền-tụng như : Nguyễn-Túc ở Bắc-ninh, Quản Kỳ ở Hưng-yên Đốc Kết ở Phúc-yên Quản Tha ở Tuyên-quang, Đốc Bạt ở Sơn la, Nguyễn Sĩ, Nguyễn Hợp ở Nghệ-an, Ba Xự ở Nha-trang, v v...

Ngay khi được Pháp cao-tri về quyết-định quản-thúc Cựu Hoàng Hàm-Nghi tại xứ Algérie, vua Đồng-Khánh công-bố một bản tuyên-cáo cho dân Việt-Nam :

www.hoangsa.org

«... Từ ngôi cao nhận được tin mừng ấy (việc bắt được vua Hàm-Nghi), Trẫm vui-sướng khôn xiết. Trẫm đã tức thời xuống chỉ cho quan-lại tỉnh Quảng-bình đến gặp Hoàng-đệ với tất cả vinh-dự xứng-đáng theo nghi-lễ.

«Khi Hoàng-đệ tới địa-hạt Thừa-thiên, Trẫm đã cử các triều-thần văn võ có đông quân lính tháp-tùng ta nghênh giá. Đồng thời cựu điện của Trẫm đã được bài-trí để đón tiếp. Toàn dân đã thấy Trẫm thành-thực mến yêu Hoàng-đệ không biết chừng nào.

« Nhưng quan Khâm-sứ đại-thần đã khuyên nên đưa Hoàng-đệ theo hải-đạo cho tới cửa Thuận-an cùng với các viên-chức Pháp tháp-tùng ngài. Ngoài ra, quan Khâm-sứ đại-thần đồng ý với quan Thống-tướng, cho rằng tình-trạng sức-khỏe của Hoàng-đệ đã suy-nhược khá nhiều vì lưu-trú lâu trong những miền lam-sơn chướng-khí, chịu ảnh-hưởng khí-hậu độc, lại thường dùng nước tù hãm và Hoàng-đệ cần phải giữ dìn sức khỏe ; xét rằng các y-sĩ ta khó có thể điều-trị cho Hoàng-đệ khỏi hẳn bệnh, mà các lương-y Pháp, rất thông-thạo về y-khoa và biết rõ các chứng bệnh, có thể chữa cho Hoàng-đệ bình-phục như cũ ; bởi vậy cần đưa Hoàng-đệ sang Pháp để tĩnh-dưỡng và điều-trị tại một nơi có khí-hậu thật tốt lành, và Hoàng đệ có thể bình-phục mau chóng rồi trở về đây ; như vậy là không có gì đáng lo ngại về chuyện Hoàng-đệ.

« Trẫm rất sung-sướng nhận thấy lòng thành-thực yêu-mến và tôn-kính Hoàng-đệ do các quan-chức Pháp biểu-lộ nhiều lần (...)

«Xét rằng không thể trong một nước có những hai vua cũng như trên trời không thể có hai vừng thái-dương, Trẫm phán như sau :

« Nhân dịp Hoàng-đệ Ứng-Lịch hồi triều, Trẫm phong cho chức Quận-Công theo như Trẫm đã hứa trong các Tuyên-cáo. Về danh-hiệu Hàm-Nghi thì từ nay cấm chỉ không được đọc

www.hoangsa.org

lên, người ta sẽ xưng-hô Hoàng-đệ là Ưng-Lịch Quận-Công đúng như danh-tính của Ngài.

« Hỡi các nho-sĩ và thần-dân, các ngươi phải triệt-để tuân theo những mệnh-lệnh này, mọi vi-phạm chiếu chỉ sẽ bị nghiêm-trị.

Ngày 26 tháng 10 Đồng Khánh tam-niên » (1).

Trước những quyết-định chuyên-đoán của chính-quyền Pháp, trái với tinh-thần Hòa-ước Bảo-hộ năm 1884 nhưng lại được chính vua Đồng-Khánh cổ-võ và tán-trợ, mấy vị triều-thần lo cho số-phận của dân-tộc, bèn âm-mưu chống lại nhà vua.

Cảm thấy mối nguy, vua Đồng-Khánh liền xin Pháp giúp-đỡ và bảo-vệ. Trong một tờ trình gửi ngày 4-12-1887 về Bộ Trưởng Chiến-tranh ở Paris, tướng Munier, Tư-lệnh sư-đoàn quân chiếm-đóng tại Trung-Bắc-Kỳ, đã viết về việc đó như sau :

« ... *Ngày 17 tháng 11, trái với thông-lệ, đức vua đã thân sang sứ-quán và, trong một cuộc hội-nghị mật có sự hiện-diện của đại-tá chỉ-huy lữ-đoàn, đức vua đã biểu-lộ mối lo sợ nghiêm-trọng về sự an-toàn tính-mạng. Đức vua đã nói tới một cuộc âm-mưu trong đó các triều-thần trọng-yếu có liên-lụy* (...)

« *Tôi đã chỉ-thị ngay cho Đại-tá Callet dùng những biện-pháp cần-thiết để dập tắt mau lẹ mọi manh-nha của cuộc phiến-loạn và bảo-đảm sự an-toàn của đức vua, trong phạm-vi quyền-lực của đại-tá...* » (2)

Vua Đồng-Khánh cho bắt giam ông Phan-đình-Bình, Chủ-tịch Cơ-mật Viện. Theo tin chính-thức thì « người ta thấy vị đại-thần này đã tắt thở trong khi chờ đợi ra tối-cao pháp-đình ».

Hậu-quả của sự hạ bệ Phan-đình-Bình là Hoàng-kế-Viêm

---

(1) Trích « L'Empire d'Annam » Ch. Gosselin.

(2) « Mémoires et Documents Asie », Tome 73, p. p. 63-64 (Document inédit).

www.hoangsa.org

được tham-gia Chính-phủ sau khi xin qui-thuận và góp phần vào việc bình-định xứ sở.

Để cố-vị trên ngai vàng, vua Đồng-Khánh chỉ còn trông cậy vào sự bảo-vệ của người Pháp; vì vậy nhà vua càng ngày càng gần gụi thêm với họ Tháng 7 năm 1888, để điều-hành việc cai-trị xứ Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ. viên Toàn-quyền Richaud ban-hành những nghị-định có tính-cách quyết-nghị của chính-thể trực-trị tuy mang hình-thức quyền kiểm-soát. Trong một tờ trình gửi về Bộ Ngoại-giao ở Paris. Richaud lưu ý rằng « *Chẳng những nhà vua và các vị cố vấn không ngỏ ý gì chỉ-trích vấn-đề đó, mà trái lại, nhà vua còn hứa với bản-chức sẽ tận-lực tiếp tay trong cuộc thí-nghiệm trực-trị* » (1).

Nói về các cận-thần của vu Đồng Khánh, Richud trình thêm : « *... Chắc chắn là họ rất bất mãn thấy, trong việc giao thiệp với chính-quyền Pháp, nhà vua tỏ tinh-thần hòa-hiệp và hảo-ý mà họ cho là dấu hiệu nhu-nhược, và sao nhãng những quyền-lợi chân-chính của dân-tộc* » (2).

Và người ta thấy thủ-bút của vị Bộ-trưởng sở quan ghi những nhận xét riêng ở ngoài lề tờ trình như sau : « *Tất cả những sự-kiện đó có thể giải-thích cái chết đột ngột của nhà vua* » (3).

Nguyễn-hữu-Độ, nhạc-phụ vua Đồng-Khánh (4) và là nguyên Kinh-lược Bắc-Kỳ, đã đóng một vai-trò rất quan-trọng trong những nhượng-bộ của Nam-triều; đó là điều mà Richaud xác-nhận ngay trong công-điện;

« *... Bản-chức phải tách riêng trường-hợp của vị Kinh-lược. (...) Đã biết rõ thái-độ của bọn cận-thần, ắt có thể suy đoán những khó-khăn quá lớn mà bản-chức đã vấp phải khi yêu-cầu ban-hành các chỉ-dụ ngày 3 tháng 10 nếu không có áp-lực của vị kinh-lược (...) Hiện nay vị Kinh-lược đã cam-kết với chúng ta khá nhiều rồi.* »

---

(1) « Mémoires et Documents Asie », Tome 73, p. p. 311 et 331. (Document inédit).

(2) (3) « Mémoires et Documents Asie », Tome 73, p. p. 311 et 331 (Documents inédits).

(4) Năm tháng sau khi lên ngôi, vua Đồng-Khánh đã lấy con gái thứ hai Nguyễn-hữu-Độ, bấy giờ 16 tuổi.

www.hoangsa.org

Dù chẳng có lời yêu-cầu, và để tỏ lòng tri ân đối với người Pháp đã vui lòng nhận bảo-vệ riêng cá-nhân, vua Đồng-Khánh đã nhượng cho Pháp quyền sở-hữu và tô-tá các đô-thị Hà-nội, Hải-phòng và Đà-nẵng ; như thế là nhà vua đã hoàn-bị việc phục-vụ chính-sách thực-dân của Pháp và cho phép họ vĩnh-viễn lập-nghiệp tại Việt-Nam» (1).

---

(1) Đạo dụ về việc tổ-chức thành nhượng-địa Pháp cac đô-thị Hà-nội, Hải-phòng và Đà-nẵng :

Ngày 26 tháng 8 triều Đồng-Khánh tam-niên (1-10-1888).

Chiếu điều 18 của Hòa-ước ngày 6-6-1884 chế-định rằng ranh-giới các hải-cảng khai-thông và các nhượng-địa Pháp tại Trung và Bắc-kỳ sẽ được kiến-lập trong những hội-nghị về sau.

(.. Chiếu đề-nghị của Cơ-mật Viện và sau khi thỏa-hiệp với Quan Toàn-quyền Đông-dương.

Nay ra sắc-lệnh :

« Điều 1. Lãnh-thổ các đô-thị Hà-nội, Hải-phòng và Đà-nẵng sẽ lập thành nhượng-địa Pháp và quyền sở-hữu sẽ hoàn-toàn dành cho chính-phủ Pháp. Chính phủ Việt-Nam từ-khước mọi quyền-lợi trên các lãnh-thổ ấy.

« Điều 2. Những quyền-lợi đã được từ trước sẽ triệt-để dành riêng và sẽ do Quan Toàn-quyền điều-chỉnh theo quyền mà Nam-triều đã ủy-thác đặc-biệt về việc này và do đạo Dụ cũng ban-hành hôm nay, xác-định dứt-khoát quyền sở-hữu của người Pháp ở Bắc và Trung-kỳ.

« Điều 3. Các lãnh-thổ ấy sẽ được phân ranh theo bản đồ đính-hậu ; công việc định ranh chu-vi của các nhượng-địa sẽ thực-hiện dưới quyền cạc vị đại-diện Quan Toàn-quyền, và Quan Kinh-lược đại-thần ; các biên-bản lập sau công-tác ấy và mô-tả đúng các nhượng-địa cùng ranh-giới sẽ được lưu-trữ tại Văn-Khố của Nam-triều và Phủ Toàn-quyền.

Ấn-Ký : ĐỒNG-KHÁNH

Đạo Dụ này được đem thi-hành
Huế, ngày 3-10-1888
Toàn-quyền Đông-dương ký tên :
Richaud

www.hoangsa.org

Chính-quyền Paris cũng rất lấy làm ngạc-nhiên về sự hoạch-đắc mới này Trên tờ trình của Toàn-quyền Richaud đề ngày 3 11-1888, người ta thấy Bộ-trưởng Ngoại-giao René Goblet biểu-lộ nỗi ngạc-nhiên bằng cách đánh một dấu hỏi lớn ở ngoài lề với nhận-xét vắn-tắt : « *Người ta đã chẳng buồn thăm dò ý-kiến tôi về những sửa-đổi Hòa-ước !* »

Những thiệt-hại lớn do vua Đồng-Khánh đã gây cho nước Việt-Nam chẳng những chỉ có thế. Ta hãy dành lời cho viên Khâm-sứ Rheinart là quan-chức, ngay sau khi nhà vua băng-hà, đã cho lập biên-bản kê-khai các kho-tàng của triều-đình Huế và tường-thuật, trong tờ trình đề ngày 28-2-1889 đệ lên Toàn-quyền Richaud, những vụ trộm cắp mà vua Đồng-Khánh đã vi-phạm trong ba năm bốn tháng trị-vì :

« *... Cuộc tổng-kê bắt đầu ngày 13 tháng 2. Linh-cữu vua Đồng-Khánh được đặt trong điện Cần-Chánh.* (...)

Cùng với ô. Boulloche, bản-chức đã chứng-kiến các cuộc sưu-tầm và kê-khai. Trước hết chúng tôi thăm hý-viện trong Nội là nơi, theo người ta nói, có một số bạc. Đầu tiên chúng tôi thấy một cái phòng tối rộng, cửa đóng không kỹ, chứa một số hòm đề la liệt bừa bãi : mấy chiếc sừng tê-giác đặt ở đáy một rương lớn, những đôi giầy tàu, nhiều thứ dụng-cụ, một số có giá-trị và, sau hết là những rương bạc mà chúng tôi chỉ làm một bảng lược - kê. Số bạc gồm những đồng-bạc chắc chắn đã moi ở dưới đất lên, những nén và bội-tinh bạc. Hai tủ gỗ nhỏ đựng chừng 20.000 đồng bạc xếp thành từng cuộn 50 đồng ; tủ này đóng hở đến nỗi người ta có thể moi ruột mà khỏi phải mở khóa và dường như lớp bạc ở trên đã thất thoát. Trong một cái rương ghi số 3 000 đồng, chỉ còn thấy 3 hay 4 cuộn 50 đồng. Số thiếu đã do nhà vua cho lệnh lấy ra để chi-tiêu thường nhật ; có trộm cắp chăng ? Chỉ có trời biết

« *Chắc-chắn người ta đã đánh cắp tiền bạc, nhưng trước hết đã lấy đi những đồ quý-giá và ít cồng-kềnh.*

www.hoangsa.org

« *Sau sân khấu hý-viện (1) có hai rương lớn bọc sắt do vua Đồng-Khánh đã cho đặt tại đó từ gần hai năm ; mỗi rương có thể chứa sấp sỉ 100.000 nén, tức là 1.500.000 đồng bạc. Một trong hai chiếc rỗng không ; chiếc kia đựng một số nén mà chúng tôi đã tính khối và có thể lên tới số gần 19.000 nén, tức là 280.000 đồng bạc.*

« *... Khi tới một cung-điện (Lương-tầm) là nơi mà các bà phi già cho mang tới những vật-phẩm gói kín do các phụ-nữ chuyển giao và cũng là nơi mà người ta đã khuân tới những rương vóc lụa với nhiều vật-phẩm khác loại, chúng tôi thấy ba viên đá lát đã được khai-quạt. Những viên đá này dài chừng 0m, 50, rộng 0m, 30 và dầy 0m, 08 ; một trong những viên đã vỡ làm hai mảnh, hai viên kia còn nguyên-vẹn. Trên mỗi viên đá, người ta còn thấy ghi rõ ràng của vua Minh-Mạng đã chôn tại nơi đó để dành cho con cháu khôn ngoan tiêu dùng về sau, một số lượng 100.000, có kèm theo những chữ « vàng và bạc » cho biết đấy là hiện-kim, nhưng không minh-xác thực-chất.*

« *Người ta thường nói tới bốn kho-tàng do vua Đồng-Khánh đã chiếm-đoạt : ba kho-bạc, một kho-vàng. Chắc-chắn là ba viên đá lát thuộc về ba kho-bạc, nhưng không rõ là lượng hay nén (1 lượng = 37 gr 75 ; 1 nén = 377 gr) Vị đệ-nhất Phụ-chính là Tuy-lý vương, bậc niên-trưởng trong hàng hoàng-tử con vua Minh-Mạng còn sống khi đọc thấy những biện-pháp dự-phòng của phụ-vương đã trở nên vô bổ vì các cuộc phá-tán của một hôn-quân loạn-trí và phóng-đãng, đã xúc-động mạnh đến mức phải nức nở, không nén nổi u-sầu. Bằng lời nghẹn-ngào đầm-lệ. Tuy-lý vương đã kể cho chúng tôi biết rằng khi còn nhỏ tuổi đã được chứng-kiến việc sửa-soạn các viên đá lát nhưng lúc đó chưa biết đọc hàng chữ ghi. Vương thiết nghĩ số bạc chôn đã được đúc thành nén. (...)*

---

(1) Lời người dịch : Tài-liệu không ghi rõ hý-viện nào. Trong Tử-cấm thành có hai hý-viện : Viện Tĩnh-quan ở phía đông. Khôn-thái-cung (sau điện Càn-thành) là hý-đài riêng của vua, do nội-cung hát riêng cho vua xem ; — Duyệt-thị-đường là hý-đài các triều-thần được vào xem và do đội Võ-ca hát.

www.hoangsa.org

« *Bản-chức bèn cho đi tìm những người đã thực-hiện việc khai-quật (...)*

« *Phải khó khăn lắm mới cho đòi được hai phụ-nữ (...)*

« *Đầu tiên hai người này hướng-dẫn bản-chức tới một khoảng vườn gần như bỏ hoang — Hoàng-phước viên — và chỉ rõ hai địa-điểm khai-quật còn lờ mờ dấu vôi gạch vụn lẫn vớ đ't. Cac nén bạc được xếp thành gói từ 150 đến 250 thỏi đựng trong những súc gỗ xếp chồng lên nhau trong hầm nhỏ xây gạch. Mỗi súc gỗ gồm hai mảnh áp vào nhau và đóng đai sắt, mỗi súc dài chừng 0m 60 với đường kính là 0m,25. Người ta đã khoét ở giữa hai mảnh gỗ một khoảng vừa đủ kích thước để xếp gọn món tiền chôn cất Sau khi đã cho rút hết số bạc ra, vua Đồng Khanh cho khuân vào trong hý viện, tại nơi mà chúng tôi đã tìm ra một số thỏi bac (...)*

« *Bản-chức đã có thể kết-luận một cách chắc-chắn rằng mỗi nơi chôn giấu tiền chứa 100.000 lượng, tức là 10.000 nén, có giá-trị bằng 150.000 đồng bạc, một món tiền to lớn dưới triều vua Minh-Mạng.*

« *Vua Đồng-Khánh đã moi móc ra một khoản trị giá 450.000 đồng bạc kèn thêm một nơi chôn giấu thứ tư đậy bằng viên đá lát đã không tìm ra được và, vì cớ này, người ta cho là nó chứa vàng, nhưng chưa có gì nghiệm đúng giả-thuyết này.*

« *Một nơi chôn-giấu thứ ba tọa-lạc trước điện Quang-Minh, nơi đã dùng làm phòng ăn mỗi khi vua Đồng-Khánh tiếp-đãi những sĩ-quan và viên-chức (Pháp). Sau tiệc yến, các thực-khách đều bước qua chỗ chôn của này trên lối đi từ điện Quang-Minh sang hý-viện.*

« *Nơi chôn giấu thứ tư tọa-lạc ở phía sau một cung-điện khác gọi là Cao-Minh.*

« *Sau khi hoàn-tất cuộc sưu-tầm, chúng tôi làm thống-kê các vật phẩm chồng đống trong cung Lương-tầm. Người ta không thể tưởng-tượng nổi sự hỗn-độn lớn và cảnh tạp-nhạp như vậy. Có nhiều rương lớn đựng rất nhiều vóc lụa chiếm cả phía trong điện ; ở giữa, trên*

www.hoangsa.org

sập, mấy rương cỡ trung, hai thanh gươm Tây ban-nha không được lau chùi (bản-chức đã nhận ra thanh gươm kiểu Tolède tuyệt đẹp do sứ-đoàn Tây-ban-nha đã tặng vua Tự-Đức năm 1880). Tại phía trước, ở một bên, có nhiều tủ kính xấu-xí chứa nhiều đồ bằng ngọc-thạch, mấy chiếc sừng tê-giác, những lọ đựng dược-phẩm, nước hoa, mấy chai nước suối. Cách xa chút nữa là một tủ khảm đựng mấy dụng-cụ bằng vàng, và sau hết, là hàng nghìn vật-phẩm đủ loại, rải-rác bừa bãi trên sàn điện, hầu hết không có giá-trị và có vẻ giống sạp bày hàng của người buôn đồ cũ : ly đựng rượu, bình, bát bằng pha-lê. v.v... Những đồ bằng ngọc-thạch khá nhiều, theo sự ước-lượng của các viên-chức, đáng giá cao chừng 500.000 quan... » (1)

Vua Đồng-Khánh băng-hà hôm 28-1-1889 « sau mười ngày hấp-hối vì chứng ói mửa những chất đen » theo tờ trình của y-sĩ Pháp đã điều-trị.

Cùng dạo ấy, cách mấy ngày, cựu-hoàng Hàm-Nghi, có một thông-dịch viên và hai gia-đình tháp-tùng, tới Alger do chuyến tàu vận-tải « Biên-hòa » (13-1-1889).

Sau khi vua Đồng-Khánh băng-hà, vì trong di-chiếu không chỉ-định ai kế-vị, nên, sau cuộc hội-kiến với Thái-hậu, Từ-Dũ, viên Khâm-sứ Trung Kỳ Rheinart, tin rằng Triều-đình và Cơ mật Viện sẽ loại hoàng-tử « nhỏ tuổi quá và ốm yếu ». Về việc kế-vị, tên vua Hàm-Nghi đã bắt đầu tái hiện trong trí mọi người.

Trong một công-điện viết theo ám-hiệu, có đóng dấu « Mật » gửi từ Hà-nội ngày 30-1-1889, viên Toàn-quyền Richaud đề nghị với Bộ-trưởng Hải-quân ở Paris về vấn-đề kế-vị như sau :

« .. *Các nhà cầm quyền ở Bắc-Kỳ mong muốn Hàm-Nghi kế ngôi vì ông ta đại-diện phe chống lại chính-quyền Bảo-hộ ; Huế thì không ưa thích. Khâm-sứ Huế tin rằng Nam-triều sẽ chọn một con trai ông Dục-Đức là vị kế ngôi vua Tự-Đức, trị-vì mới được mấy*

(1) « Mémoires et Documents Asie », Tome 74, p.p. 238 à 270 (Document inédit).

www.hoangsa.org

ngay thì bị hai vị phụ-chính Thuyết và Tường truất-phế. Sự chọn lựa này sẽ đưa lên ngôi hậu duệ thuộc dòng vua Minh-Mạng. Vị hoàng-tử này còn vị thanh-niên, bản-chức chưa biết rõ tuổi và có thiện-cảm với Triều đình và Cơ-mật Viện họp sáng hôm nay để quyết-định dứt-khoát việc chọn lựa » (1).

Thấy tên Hàm-Nghi do Hà-nội nêu ra, Paris vội phúc đáp cùng ngày cho Toàn-quyền bằng công điện. « Tối khẩn và mật »:

« Cự-tuyệt Hàm-Nghi vấn chống đối nền Bảo-hộ. Trong hàng thân-vương khác hãy chấp-nhận hoặc khuyến cáo việc chọn-lựa phù-hợp nhất với quyền-lợi chính-trị của chúng ta sau khi thỏa-hiệp với vị Khâm-sứ » (2)

Ngày 11 tháng 2, trong một công-văn gửi Bộ-trưởng Hải-quân, Toàn quyền Richaud giải-thích việc ông ta chọn lựa như sau:

« Hoàng-thân ấy (Hàm-Nghi) đã trị-vì; là ảnh-tụ phe quốc-gia tên ông ta được nhiều người biết và đã được tôn làm biểu-hiệu cho các đảng-viên đã gây chiến với ta. Uy-tín của ông ta hiển-nhiên và bản-chức chỉ cần dẫn-chứng bằng mối xúc-động sâu-xa do sự bắt giữ ông ta đã gây cho nhân-dân Việt-Nam và những biểu-hiệu tôn kính dành cho ông khi bị dẫn từ miền núi là nơi bị bắt về tới Thuận-an là nơi đã bị đưa xuống tàu « La Comète ».

« Tại đây (Bắc Kỳ), ông ta được dân ngưỡng-mộ đến mức một người Việt Nam thuộc hàng thượng-lưu, cũng có nhiều thế lực, là nguyên Kinh-lược và hiện là Đệ-nhất Phụ-chính (4), sau ngày vua Đồng-Khánh băng-hà, tự ý đến tìm bản-chức và tuyên bố rằng chúng ta cần phải chọn vua Hàm-Nghi và như vậy sẽ khiến nổi tất cả các thủ-lĩnh kháng-chiến đang tàn phá xứ-sở phải buông khí-giới.

---

(1) (2) « Mémoires et Documents Asie » Tome 74, p.p. 30 et 31 (Documents inédits).

(3) Về sau vua Hàm-Nghi đã được chuyển sang tàu « Biên-hòa » ở Sài-gòn.

(4) Nguyễn-trọng-Hiệp.

www.hoangsa.org

« Điều đó đủ để Quý Bộ-trưởng thấy cả những điều lợi có thể mong đợi ở sự trù-tính đầu tiên ấy và những lo ngại vẩn vơ gây ra cho chúng ta và nhất là cho những người dân bản-xứ đã hết lòng vì lợi-ích của ta — tôi không nói là họ đã thành-thực tận-tụy — nhưng đã tự rước lấy nguy vì ta.

« Phải chăng như thế là ta đã tự phản ý? Rồi, khi do ta mà lại được cầm quyền, Hàm-Nghi há chẳng sẽ thành nhà lãnh-tụ mất thá đối với các đảng-viên dù sao đi nữa vẫn còn là thù-địch của ta? Sau hết, Hàm-Nghi, dù được ta cử lên, có là đồng-minh thành-thực của ta chăng? Đó là những vấn-nạn hệ-trọng và khó hiểu mà người ta chỉ có thể giải-đáp bằng những giả-thuyết và chúng ta cần phải cứu-xét về mọi mặt.

Vì thế nên đã quyết rang nếu người ta ngưng tranh-luận về việc chọn vua Hàm-Nghi, thì ngay từ bay giờ, phải thỏa-thuận rằng sự tôn ngài lên ngôi không bao-hàm việc ngài cấp-thời trở về Đông-dương và, sau khi thừa nhận ngài, Chính-phủ Pháp sẽ dành cho lễ-nghỉ vương-cách và một nếp sống phù-hợp với địa-vị, nhưng sẽ triền-hoãn việc hồi-loan cho tới ngày xứ sở được bình-định hoàn-toàn. Vậy thì, trong trường hợp này, phải thiết-lập một Hội-đồng nhiếp-chính như đối với một ấu-quân.» (1)

Bất chấp những lý-lẽ đã đề-xướng có lợi cho cựu-hoàng, Paris khăng-khăng loại-trừ vua Hàm-Nghi; vì thế ngay khi tiếp được điện-văn ngày 30 tháng 1 của Bộ-trưởng Hải-quân, ngày 31-1, viên Khâm-sứ Rheinart đã công báo cho Nam-triều hay tin Chính-phủ Pháp đã phê-chuẩn việc lựa chọn của các Hội-đồng và Triều-đình. Ngày hôm trước, theo đề-nghị của Hoàng Thái-hậu, Triều-đình đã dành ngôi báu cho Hoàng-thân Bửu-Lân, là con vua Dục-Đức, mới lên 10 tuổi. Lễ tức-vị được tổ-chức ngày 1 tháng 2 năm 1889 và tân-quân lên ngôi lấy hiệu là Thành-Thái.

(1) Mémoires et Documents Asie», Tome 74, p.p. 107-118 (Document inédit).

www.hoangsa.org

địa danh, di tích lịch sử, thắng cảnh

trong vùng

người Việt gốc Miên

LÊ HƯƠNG

1.— ĐỊA DANH TÊN MIÊN :

Ngót 3 thế kỷ sống chung với nhau, người Việt vẫn dùng nhiều tên địa phương bằng Miên-ngữ, do người Việt gốc Miên đặt ra từ ngày xưa. Nhiều tiếng đã bị đọc trại thành ra Việt-ngữ, viết y như tiếng Việt, lẽ cố nhiên không có nghĩa gì cả, nếu người đọc không hiểu nguồn gốc là tiếng Miên, ví như KSACH (cát) : Kẽ sách ; CARANG (cái cà ràng) : Cái răng ; SA LÔN : Tra Tâm ; BASSAC : Ba Thắc ; LÚA BỦNG THMO : Lúa bủng SAMO !

Dưới triều nhà Nguyễn, Vua Minh Mạng có ý đổi những địa danh ấy thành chữ Nho cho có vẻ văn hoa hơn, ví như tỉnh SÓC TRĂNG gọi SÔNG TRĂNG, chữ Nho : NGUYỆT GIANG ; xã PHNÔ đổi là PHÚ NỒ, TRÀ VINH đổi TRÀ-VĂN, nhưng đồng bào không dùng !

Khi người Pháp đô hộ, họ vẫn giữ tên địa phương y như cũ nhưng lại âm trại ra 1 cách buồn cười.

Dưới thời Ngô đình Diệm, Chánh-phủ lại đổi hẳn những

www.hoangsa.org

tên ấy ra Việt-ngữ, nhưng đối với người Việt gốc Miên, họ vẫn dùng tên cũ như từ thuở mới có.

Về ý nghĩa, mỗi tên đều có 1 sự tích vì sao mà có tên đó, nhưng có tên không ai biết vì sao, ví như Châu đốc, mãi đến ngày nay chưa có ai dám xác nhận là do sự tích nào. Có người cho rằng do tiếng *MÓTT Chrút* là Mỏ heo, tên 1 cù lao nằm giữa sông Tiền-Giang và Hậu Giang; có người do họ *Châu* là họ của Thoại-ngọc-Hầu, vị quan nhà Nguyễn có công đào kinh Vĩnh Tế, còn *Đốc* là tước của Vua phong cho vị Thống chế. Có người nghĩ rằng theo nghĩa chánh của chữ *Châu* là sắc đỏ và *Đốc* là bất hủ: Châu đốc là 1 tỉnh mà danh tiếng chói lọi muôn đời. Có lẽ vì thiếu tài-liệu tham khảo, hoặc không tìm được vị bô lão nào nhớ được tích xưa nên sự khuyết đ ềm đáng tiếc này không hề tránh được.

Sóc Trăng được giải thích theo 3 truyền thuyết:

1.— Gọi bằng tiếng Miên là SROK TRÉANG, có nghĩa là Bãi Sậy, lâu ngày đọc thành Sóc-Trăng.

2 — Do chữ Miên SROK KHLÉANG, Srok là xứ, cõi. Khléang là kho, vựa, chỗ chưa bạc Srok Khléang là xứ có kho chưa bạc của nhà Vua, tiếng Việt âm ra: Sốc-KHA-LANG, rồi sau đó là Sóc Trăng. Dưới triều Vua Minh Mạng, tên Sóc Trăng đoi là Nguyệt giang Tỉnh và tiếng Sóc biến thành tiếng Sông; Sông Trăng là NGUYỆT-GIANG.

3 — Do tiếng Miên SROK KHLÉANG đọc trại ra Khléang có nghĩa là kho, vựa. Nguyên trong các cướp phá của người Miên dưới triều nhà Nguyễn, tướng cướp Sàna Tea và Sàna Tua đóng quân ở Sóc Trăng dự trữ lương thực, cất kho chứa khí giới, đúc tiền bằng bạc tại ấp Sóc Vồ, xã Nhân Lăng nay là xã Khánh Hưng, quận Mỹ Xuyên. Do đó, Sóc Trăng có tên là KHLÉANG.

Tên các tỉnh miền Tây đều do tiếng Miên mà ra, ngay cả thủ đô Sài gòn cũng mang tên Miên.

www.hoangsa.org

Chúng tôi xin trình bày một số tên với ý nghĩa nào biết được, ngoài ra có rất nhiều xã, ấp mang tên Miên đã được đọc trại ra tiếng Việt ở phần Phụ lục cuối bài.

KOH TENG : Cù lao Gieng (An Giang)
PRÊK LỘP : Rạch Lọp (Vĩnh Bình)
KANH CHÔNG : Tiều Cần
CHÔNG NGÔ : Lò Ngò
PHNÔ ĐÔN : Ô Đùng

— Sài gòn : PREY NOKOR là thành phố giữa rừng

— Mỹ tho : MÊ SO (?) không hiểu là gì ?

— Vĩnh Long : LONG HÔ là ông Thầy bói chết đuối ? có người gọi là KOMPONG LUÔNG là Bến (ghe) của Vua. Người Việt quen gọi tiếng Kompong của người Việt gốc Miên là VŨNG, Kompong Luông : VŨNG LUÔNG nói trại ra VĨNH LONG.

— Bạc liêu : PÔL LIÊU ? Binh sĩ Lào ?

— Cần thơ : PREK RU'SÂY hoặc Kompong Rusây Sông tre ? hoặc Bến nước có tre ?

— Rạch Giá : KROMUL SO : Sáp trắng do 1 loài ong đóng trên cây giá, ồ ong có sáp màu trắng khác với loài ong nơi khác. Cây giá mọc rất nhiều ở Kiên-Giang ngày xưa nên có tên là Rạch Giá.

— Sa đéc : PHSAR DEK Chợ sắt (do chợ lợp sắt tại đó).

— Châu đốc : MÓTT CHRÚT ? Mỏ heo ?

— Tri-Tôn : SVA TÔN Khỉ níu kéo. Do thời xưa, tại quận lỵ Tri-Tôn còn rừng dầy có nhiều khỉ dám níu kéo người qua lại.

www.hoangsa.org

— Cà mau : TỨC KHMAU Nước đen (do màu nước các rạch tại địa phương).

— Bến tre : SROK TRÂY Xóm ấp có nhiều cá, nói trại là SÓC TRE, rồi BẾN TRE.

— Tham Đôn : KOMPONGĐÔN Bến có dừa

— Trà Vinh : PREAH TRAPENG : Tượng Phật gặp trong ao. do sự tích : không biết từ năm nào có 1 trận bão to nước sông dâng lên đong bào thấy 1 tượng Phật trôi tấp vào bờ ao, liền rước đề trên gò đất, xây ngôi chùa tai đó, đặt tên là BODHISALAREAJ, nay gọi là chùa Ông Mẹt, tên vị Sãi Cả đầu tiên. Chùa này ở tại tỉnh lỵ Phú-Vinh. Nguyên chữ là Preah Trapeng đọc bỏ chữ Preah còn Trapeng, viết chữ nho là Trà Văn, nói trại là Trà-Vinh.

Trải qua những lần đổi thay và danh từ Miên ngữ bị Việt hóa hầu hết, người Việt gốc Miên vẫn giữ tên địa phương theo tiếng nói của mình trong khi trò cnuyện với nhau. Vì thế, tên ấy vẫn còn tồn tại mãi.

2.— DI TÍCH LỊCH SỬ.

Trong vùng người Việt gốc Miên có rất ít di tícn lịch sử như tên trái núi, ngọn đồi, con rạch như trên đất Miên. Có lẽ vì chịu ảnh hưởng của người Việt sâu đậm hơn nên những huyền thoại thuộc loại ấy không được truyền tụng nhiều. Ngoài ao Bà Om ở Vĩnh-Bình và Giếng Tiên ở Ba-Xuyên, những nơi có thể gọi di tích lịch sử là một số chùa chiền xây cất mấy thế kỷ trước và một hang đá có dính đáng đến một tác phẩm thi ca

Đó là hang núi ở Đá Dựng tại Hà-Tiên, tỉnh Kiên Giang, gần biên giới Cao-Miên, tương truyền là nơi Thạch-Sanh chém

www.hoangsa.org

Chẳng trong tập thơ Thạch-Sanh Lý-Thông. Câu chuyện có vẻ huyền hoặc như trăm ngàn chuyện đời xưa khác, không có gì có thể gọi là bằng cớ xác thực.

Cũng ở Hà-Tiên, tại chùa Hang, hòn Trẹm có hai tượng thiếu nữ Miên mặc y phục Hoàng tộc ngồi gần nhau. Người ta nói rằng đó là 2 nàng công chúa Miên đến chùa Hang tu và viên tịch ở đấy nên đồng bào tạc tượng để thờ. Không ai biết tên tuổi hai cô gái và thời gian ở tu. Tại xã Bàn-Tân Định, quận Kiên-Bình ở khoảng giữa hương lộ nối liền quận lỵ Kiên-Tân và quận lỵ Kiên-Bình có một ngọn đồi nhỏ giữa ruộng, tục gọi là ĐÁ NỒI. Xưa kia, đồng bào thường đến đó đãi vàng và cho rằng nơi ấy lúc còn là biển cả có chiếc ghe vàng của nhà Vua (?) bị chìm nên vào những đêm thanh vắng có người thấy chiếc ghe ấy hiện lên trôi quanh ngọn đồi. Hiện thời không ai tìm vàng ở nơi đấy nữa và cũng không nghe ai nói có thấy chiếc ghe hiện lên.

Ở Vĩnh-Bình, quận Cầu-kè, cách quận lỵ lối 3 cây số có chùa Sambour kiến trúc lối 1.000 năm nay, trong chùa có nhiều viên đá khắc chữ Sanskrit (Bắc Phạn) giống như ở đền đài Angkor trên Cao-Miên.

Tại tỉnh lỵ Vĩnh-Bình có chùa Ông Mẹt là ngôi chùa được xây cất để thờ tượng Phật từ đâu trôi lại sau 1 trận bão lụt. Ông Mẹt là vị Sãi Cả đầu tiên của chùa. Tên chùa là Bodhisalareaj có nghĩa là cây bồ đề lớn. Cổ nhân đã lấy sự tích tượng Phật trôi đến cái ao gọi là PREAH TRAPENG nghĩa là Ao Phật để đặt tên tỉnh. Từ chữ Trapeng viết ra chữ nho là Trà-Văn nói trại thành Trà-Vinh.

Ở tỉnh Châu-Đốc, dưới chân ngọn núi Sam có miếu Bà Chúa Sứ, thờ thần tượng 1 người đàn bà Miên tạc bằng đá. Tương truyền thiếu phụ này ở trên Cao-Miên đi tìm chồng, đến chân núi ngồi nghỉ chân rồi hóa thành đá. Sau đó, thiếu-phụ nhập vào cốt đồng nói chuyện quá khứ vị lai, giúp đỡ người hiền, trừng phạt kẻ dữ nên đồng bào lập miếu thờ, hằng năm tế

www.hoangsa.org

lễ rất trọng thể. Việc thờ phụng do người Việt chủ trương hơn trăm năm nay nên người ta cho rằng vị nữ thần là người Tàu như Quan thế Âm, hoặc người Việt như Cô Hiên, Cô Mười, rất ít người biết đó là tượng đá tạc theo Miên.

Phía trong xã Nhà bàng, thuộc quận Tịnh-Biên, trên lưng chừng ngọn núi có hình đá giống người đàn bà ngồi, trên đầu đội cái cà-om là cái bầu bằng đất nung của người Miên đựng nước uống, ta gọi hình đá ấy là « Bà đội om » và đặt tên núi là núi Bà đội om. Sự lích núi này cũng có vẽ hoang đường và có nhiều thuyết khác nhau, có lẽ cổ nhân do theo hình đá tự nhiên mà đặt ra một câu chuyện có đầu đuôi, tình tiết éo le như Hòn Vọng Phu của người Việt.

Ở quận Tri-Tôn, có ngôi chùa của Ông Pạ xây trên 1 ngọn đồi gần quận lỵ, gọi là chùa Tà Pạ (Tà là ông).

Ở tỉnh Kiến-Phong, có ngôi tháp đá gọi là THÁP MƯỜI, được dùng tên cho cánh đồng bát ngát: ĐỒNG THÁP MƯỜI. Đây là một trong những ngôi tháp bằng đá do nhà Vua Jayavarman VII xây cất khắp lãnh thổ để thờ vị Thần Bàlamôn Lockecvera là vị Thần chuyên trị bịnh tật cho nhân loại. Bên cạnh tháp có những căn nhà sàn gỗ lợp bằng đá mỏng, bằng ngói hay bằng lá thốt nốt để người ốm nằm dưỡng bịnh do nhân viên y tế Hoàng triều coi sóc. Những ngôi tháp được xây cất dọc theo các con đường lớn trong nước, mà ngôi nằm trong vùng Đồng Tháp, tính từ địa điểm xuất phát, đứng vào hàng thứ mười. Thời gian trôi qua tàn phá tất cả công trình kiến trúc của cổ nhân, dãy nhà gỗ tiêu tan chỉ còn một tượng sư tử đá và một linh phù (linga) cũng bằng đá, dưới bệ có khắc chữ Bắc Phạn (Sanskrit) ghi tên Tháp thứ 10. Trong năm 1932, nhà khảo cổ Pháp Parmentier đã đi vào Đồng Tháp từ Chợ Gạo đến tỉnh Kiến-Phong bằng ghe và xuồng để đọc những chữ khắc vào đá và phát giác ra ngôi tháp.

Ngoài ra còn một số chùa ở khắp các tỉnh xây cất từ 300,

www.hoangsa.org

400 năm nay như chùa PreyVeng, Svay Tôn ở Tri-Tôn, chùa Kirivong ở Tịnh-Biên, chùa Khléang ở Ba-Xuyên v.v...

Về những di tích địa hình có Ao Bà Om và Gếng Tiên được đồng bào xây dựng theo truyền thuyết có vài điểm hoang đường. Ảnh hưởng này có thể cho rằng do lối ghi chép chuyện xưa của người Cao Miên. Một trong những chuyện có nhiều điểm trùng hợp với 2 câu chuyện Ao và Giếng của người Việt gốc Miên là «Sự tích núi đàn ông và núi đàn bà» (hay là Tục đàn ông cưới vợ). Chúng tôi trình bày cả 3 chuyện để quý vị nghiệm xét.

1.— SỰ TÍCH NÚI ĐÀN ÔNG VÀ NÚI ĐÀN BÀ.

(hay là Tục đàn ông cưới vợ)

Cách đây rất lâu, nước Cao-Miên có một vị Nữ Vương nối nghiệp cha cầm quyền thiên hạ. Nữ Vương xinh đẹp tuyệt trần, khắp cả nước không có người nào sánh kịp. Nàng tên Srey Actya, tức vị năm vừa hai mươi tuổi.

Lúc ấy nước Cao Miên rất hùng mạnh. oai thế Nữ Vương vang dậy khắp nơi. Đáng lẽ Actya sung sướng với địa vị mình lắm, nhưng trái lại nàng có 1 điều thắc mắc khó giải-quyết được dễ dàng. Ấy là vấn-đề hôn-nhân của nàng.

Theo tục lệ, người con trai phải đi dạm hỏi và xin cưới cô gái, nên trước uy-lực của Nhà Vua không ai dám ngỏ ý cầu hôn. Mặc dầu Actya đẹp đến thế nào dân chúng chỉ tôn thờ như 1 bà Tiên, 1 vị Thiên thần mà thôi.

Actya chờ đợi quá lâu không thấy người nào đến hỏi bèn tự ý quyết định tìm một người chồng. Sau 1 thời gian chọn lựa, nàng «cưới» 1 chồng trai trẻ trong dân gian và sống êm đềm đến mãn đời. Nữ Hoàng sanh được nhiều con nối nghiệp cai trị nước. Hành động đột ngột của Srey Actya

www.hoangsa.org

thành 1 tục lệ trong thời ấy. Phụ nữ phải « cưới » chồng như người đàn ông đã cưới vợ ngày trước.

Sau khi Nữ Vương Actya băng hà, đại đa số phụ nữ không bằng lòng giữ thủ tục ấy. Họ hội nhau lại bàn cãi và đề cử 1 bà lanh lợi nhứt đứng lên hô hào :

«Vì tôn kính Đức Vua nên chúng ta đã vâng tục lệ Ngài ban bố mấy mươi năm nay. Bây giờ Nữ Vương đã về trời, chung ta xét rằng việc làm ấy không thuận theo định luật của Hóa Cong, nên phải tìm cách hủy bỏ nó. Không có gì nhục nhã cho phái phụ nữ chúng ta là phải đi « cưới » đàn ông, và cung phụng đám người lưng lớn và làm biếng. Chúng ta nhất định phản đối đến cùng. Chị em có bằng lòng không ?

Tất cả đàn bà, con gái có mặt đều giơ tay hưởng ứng. Bà ấy tiếp :

« Tôi đưa ra 1 kế hoạch : chúng ta thách đố bọn đàn ông thi tài với chung ta bằng cách đua nhau đắp hai hòn núi trong một đêm. Chúng ta gọi người của phái yếu, còn họ gọi hết người của phái mạnh, bắt đầu từ mặt trời lặn đến lúc sao mai mọc thì tính ăn, thua. Nếu chúng ta đắp núi cao hơn họ thì kể từ đây bọn đàn ông phải cưới hỏi chúng ta, trái lại, nếu họ đắp núi cao hơn ta thì ta phải «cưới» họ như cũ. Ngoài ra kế này có chị em nào biết cách khác xin cứ trình bày để chúng ta lựa chọn.

Không có người nào nghĩ ra mưu gì hay hơn, liền chấp thuận chước ấy.

Lập tức phái yếu cử người đến thách bọn đàn ông. Phái mạnh không chịu thua, bằng lòng thi tài ngay buổi chiều hôm sau. Hai bên quy tựu nhân viên đầy đủ rồi, chờ mặt trời lặn thì bắt đầu đắp núi. Mọi người hăng hái gánh đất, khiêng đá, hì hục trong đêm tối không trăng,sao. Đến nửa đêm, hai bên đã đắp được 2 ngọn đồi.

www.hoangsa.org

Bên phe đàn bà có người nghĩ ra 1 chước nhiệm mầu, bí mật chặt 1 cây tre thật cao, tước bỏ nhánh lá, đem trồng cách đó một khoảng xa. Trên ngọn tre, người ấy treo 1 ngọn đèn, rồi lẳng lặng trở về gánh đất như cũ.

Bọn đàn ông đang chăm chú làm việc bỗng thấy ánh sáng leo lét đằng xa tưởng rằng sao Mai đã mọc bèn gọi nhau về ngủ. Chờ sáng sớm sẽ ra đo núi mình với núi của phe đàn bà.

Phái yếu thấy mình đắc kế, hăng hái lam việc bang hai.

Gà gáy sáng, bọn đàn ông thức dậy thấy sao Mai mọc nữa. Họ lấy làm lạ không hiểu tại sao trong 1 đêm mà vì tinh tú ay mọc đến hai lần, bèn chạy ra xem. Khi thấy ngọn núi của họ thấp hơn ngọn núi của phe đàn bà và cây đèn treo lủng lẳng trên ngọn tre, họ mới bật ngữa ra tự mắng thầm mình là đồ ngu-ngốc và làm biếng.

Phe đàn bà gạt được đối phương cố ý để cây đèn cho bọn đàn ông biết sự khờ dại của mình vừa cười vào mũi họ.

Thua cuộc, đàn ông phải vâng theo đề-nghị của phái yếu bãi bỏ tục lệ chờ đàn bà đến « cưới » mình.

Từ đó đến bây giờ đàn ông Miên phải đi hỏi, cưới đàn bà mới được vợ

Hai ngọn đồi nhân tạo ấy vẫn còn ở làng Anpinh, quận Prey Chor, tỉnh Kompong Cham. Ngọn đồi cao tên « Phnom Srey » nghĩa là núi đàn bà, ngọn đồi thấp tên « Phnom Prok » nghĩa là núi đàn ông.

2.— AO BÀ OM Ở VĨNH-BÌNH.

Ở Vĩnh-Bình có một thắng cảnh đáng kể là Ao Bà Om ở xã Lương-Hòa, cách tỉnh lỵ năm cây số. Trên quốc lộ về Sài

www.hoangsa.org

gòn đến ngã tư Sambour, rẽ vào con đường cát bên phải độ một cây số lại quanh theo một thông lộ khúc khuỷu bên phải thì đến ao Xung quanh bờ ao có nhiều cồ thụ trồng từ ngày đào đến ngày nay hơn 200 năm rồi. Ao hình vuông vức, diện tích độ chừng một cây số vuông.

Phía trái của ao từ ngã tư Sambour đi vào có một rừng cây dầy đặc, phía mặt có mấy cây dầu mọc lưa thưa theo con đường đắp quanh co. Có lẽ xưa kia đường này là bờ ao cổ nhân trồng cây trên ấy ngày nay đất lở xuống lòi rễ cây ra ngoài tạo thành nhiều hình dáng kỳ lạ. Nước ao trong xanh ngọt mát quanh năm. mùa mưa như mùa nắng giữa ao có cỏ mọc lưa thưa, sen trắng điểm lác đác vài đóa hoa như bức tranh thủy mạc. Thỉnh thoảng vài con le le, vịt nước bay vụt lên rồi đáp xuống lội tung tăng Cảnh hữu tình này đã thu hút du khách hằng ngày đến viếng cũng như người địa phương vào tìm chút thư thái cho tâm hồn sau những ngày mệt nhọc vì cuộc mưu sinh.

Sự tích Ao Bà Om có nhiều điểm ly kỳ như bao nhiêu huyền thoại của người Việt gốc Miên, bắt nguồn theo 2 thuyết khác nhau. Ngày nay không ai dám quả quyết thuyết nào đúng và những chi tiết nào sai. Có người cho rằng gần bờ ao có mọc thứ rau thơm MÀ OM nên gọi là ao Mà Om nói trại ra thành Bà Om! Lập luận này không mấy gì vững chắc. Theo một truyền thuyết thì không hiểu vào năm nào, thuở đất này còn thuộc về nước Thủy Chân Lạp, Nhà Vua sai Hoàng-tử PATU MA VONGS và Công-chúa em ruột của Hoàng-tử đến Trà-Vinh (tên cũ của Vĩnh-Bình) coi sóc dân chúng. Hoàng-tử ngụ tại cung điện Prasat tức là Sóc Thác ngày nay, cách ao Bà Om hai cây số. Công-chúa ngụ tại dinh cất ngay chùa ÂNG bây giờ. Vì không tìm được người vừa ý cưới làm vợ nên Hoàng-tử định kết hôn với Công-chúa em ruột mình! Hoàng-tử thường đến dinh em tỏ ý kiến, bị Công-chúa cự tuyệt.

Công-chúa sai quân đào hào sau xung quanh dinh không

www.hoangsa.org

cho ng ời anh có ý loạn luân xâm nhập và đào một cái ao hình vuông để Công-chúa tắm. Công-chúa cấm không cho ai được vào ao, nàng giao cho bốn cung nữ thân tín canh gác bốn phía. Bốn cung nữ này ten Bà On, Bà Inh, Bà San và Bà Son. Bà On đứng đầu chỉ huy ba cung nữ kia nên tên ao được đ eo ên ấy. Lâu ngày người ta nói trại ra thành BÀ OM.

Người Việt gốc Miên ở Vĩnh-Bình chưa tin hẳn thuyết này là đúng, nh ều người cho rằng sự tích dưới đây cò phần xác thực hơn. Trước hết là chữ BÀ OM do danh từ PRAH ÂNG, tức là chùa Prah Âng đọc sai ra thành Bà Om. Chùa này thờ ông Trời, người Việt gọi là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, người Miên gọi là Indra, theo đạo BàLaMôn là vị Thần sáng tạo ra Trời, Đất. Câu chuyện đào ao cũng ở vào thời kỳ Hoàng-tử Patu ma Vongs đến Trà Vinh, lúc ấy nước Chân Lạp có nhiều cuộc nổi loạn, mỗi ông Hoàng, mỗi vị Tướng lãnh chiếm một vùng xưng bá, đồ vương Vào năm 1779 nhằm thời Chúa Nguyễn, Trà-Vinh thuộc dưới quyền cai trị của vị Tiểu Vương độc tài này. Ông bắt buộc dân chúng phải dâng gái đẹp nếu ai bất tuân sẽ bị hình phạt nặng nề. Ngoài ra ông ra một luật mới con gái phải cưới con trai phá bỏ tất cả cổ tục đàn ông cưới vợ từ xưa đến giờ. Lịnh này làm phật ý toàn thể dân chúng. Một vị Tiều thơ trong vùng vào trình bày ý kiến với Hoàng-tử rằng: Phụ nữ không bằng đàn ông ở chỗ không thể đi phương xa học hỏi những điều lạ, mới, nhưng về sức làm việc cũng đảm đương không thua phái mạnh, nay Ngài bắt chúng tôi đi cưới họ thì coi sao được, việc dựng vợ gả chồng xưa nay do cha mẹ định đoạt đàng trai phải đến đàng gái xin cưới hỏi đàng hoàng, xin Ngài xét lại.

Hoàng-tử không bằng lòng. Ngèi gọi tất cả đàn ông và đàn bà họp lại thành hai nhóm mỗi nhóm đào một ao, nếu bên nam đào sâu hơn thì đàn bà phải cưới đàn ông, còn bên nữ đào sâu hơn thì đàn ông cưới đàn bà như trước. Hai nhóm làm tờ giao kết trước mặt Hoàng-tử đàng hoàng và bắt đầu vào lúc mặt trời lặn, hẹn đến khi sao Mai mọc thì định hơn thua. Bên

www.hoangsa.org

phái nữ sợ mình sức yếu sẽ thua bọn đàn ông mới lập kế thả một cái lồng đèn bay lơ lửng trên cao để phái nam thấy tưởng là sao Mai đã mọc mà nghỉ việc sớm. Quả nhiên, nhóm đàn ông trúng kế gọi nhau nghỉ việc nằm chờ sáng, và cố nhiên ao cạn hơn ao đàn bà. Tục lệ xưa do đó còn bảo tồn, phái nam phải cưới hỏi phái nữ.

Ngày nay, ao đàn ông không còn nữa vì lòng ao quá cạn đã bị đất phủ bằng mặt, di tích sót lại là những mô đất tại chùa Lò gạch (TOP THMO) cách ao Bà Om một cây số.

Cũng theo thuyết này có người lại kể bằng nhiều chi tiết khác đại khái như sau :

«Ngày xưa có một ông Hoàng Miên, thuở ấy còn gọi là Thủy Chân Lạp, đến trấn nhậm ở Vĩnh-Bình.

Vì nước sông ở gần biển không được ngọt, ông Hoàng truyền dân chúng đào ao. Gặp lúc đồng bào chia làm 2 phe nam và nữ tranh giành quyền lợi. Đàn bà muốn được đàn ông đi cưới hỏi, chiều cuộng; trái lại đàn ông bắt đàn bà đi cưới mình và tôn trọng người chồng đúng mức. Hai bên thưa kiện ngày này qua ngày khác, quan trên không biết xử sao cho xuôi.

Ông Hoàng bèn ra lịnh hai phe nam, nữ đào hai cái ao. Bên nào xong trước thì được hưởng tất cả quyền mình đòi hỏi.

Bên phụ nữ chọn địa điểm gần chùa Wat Ong ngày nay, do Bà Om chỉ huy, bên đàn ông chọn gần chùa BaSe, cùng nỗ lực đào xới.

Có người nói rằng phe phụ nữ vừa làm vừa tổ chức múa nhảy ca hát để đàn ông bỏ việc lên rình coi.

Có người nói rằng Bà Om lập kế làm một cây đèn cột trên cây sào thật cao giả làm ngôi sao Mai đánh lừa phe đàn ông vì trong lời giao hẹn làm việc đến khi sao Mai mọc thì nghỉ. Bọn đàn ông thấy ngọn đèn tưởng lầm ngôi sao, vội đi nghỉ sớm trong lúc phe đàn bà vẫn tiếp tục làm.

www.hoangsa.org

Vì thế phe phụ nữ thắng cuộc, ao làm xong trước và tồn tại đến ngày nay, lấy tên vị chỉ huy là Bà Om, ao đàn ông thì cạn dần đến mất hẳn dấu vết ».

3.— GIẾNG TIÊN Ở BA-XUYÊN.

Vũng Thơm là một xã nhỏ của tỉnh Ba-Xuyên. Từ ngã ba An-Trạch vào độ hơn một ngàn thước, giữa cánh đồng có một cái ao lớn, xung quanh có bờ cao trồng cây cổ thụ. Ao không sâu lắm, vào mùa mưa chỉ hơn 2 thước rưỡi nước là cùng Đó là « Giếng Tiên Ông ».

Đối diện với « Giếng Tiên Ông » bên trái hương lộ chừng năm trăm thước, có 1 cái ao nhỏ hơn nhưng sâu hơn gọi là « Giếng Tiên Bà ». Muốn vào đến ao, phải rẻ qua cồng « chùa bốn mặt », quanh bên hông trái.

Tương truyền ngày xưa tại Vũng Thơm không có nước ngọt, dân chúng nghèo nàn cơ cực vì đất không sanh sôi nẩy nở gì được. Mọi người ngày đêm van vái Phật, Trời xin cứu giúp cho một mạch nước trong lành.

Lời cầu khẩn thấu tai Ngọc Hoàng, Ngài đang nghĩ cách giúp đỡ thì vị Tiên Nam Tào vào chầu trình rằng Tiên Ông chăn trâu và Tiên Bà giặt lụa hiềm khích với nhau. Tiên Ông cho rằng Tiên Bà giặt lụa làm ô-uế nước suối trâu uống. Tiên Bà bảo Tiên Ông lùa trâu xuống suối làm bẩn nước giặt lụa.

Ngọc Hoàng nghe xong truyền rằng :

— Để biết ai phải, ai quấy, truyền cho Tiên Ông và Tiên Bà nội trong đêm rằm phải đào mỗi người 1 cái giếng nước ngọt ở Vũng Thơm. Bên nào đào giếng sâu và có nhiều nước ngọt thì thắng kiện.

Vầng trăng vừa ló dạng thì hai toán Tiên Ông và Tiên Bà cỡi mây hạ phàm, lẳng lặng chọn địa điểm và khởi công.

www.hoangsa.org

Trời lần lần khuya, các Tiên Ông lo ngại không hiểu giếng của Tiên Bà có lớn và sâu hơn giếng của mình không ? Vị Tiên chỉ huy sai một ông sang dọ thám. Bên này, các Tiên Bà đào toát mồ hôi phải cởi xiêm y cho đở nực và đỡ vướng víu, vô tình hiến cho ông Tiên đi điều tra một hoạt cảnh nên thơ khiến ông ta tráo mắt nhìn quên cả phận sự.

Các vị Tiên Ông chờ mãi không thấy bạn trở về, sợ e có điều gì bất trắc vội phái một ông khác đi tìm. Thế là mất thêm một ông. Lần lượt ông nào đi tìm bạn cũng quên trở về báo cáo, báo hại công việc đào giếng không đi đến đâu.

Thì giờ trôi qua, gà eo óc gáy vang trong xóm, các vị Tiên không thể ở trần gian, phải thu xếp trở về thượng giới; Sự thua, được đã rõ ràng : Giếng Tiên Ông lớn hơn nhưng cạn và ít nước, giếng Tiên Bà nhỏ mà sâu.

Đồng bào xã Vũng Thơm nhờ hai giếng trồng trặt hoa màu tươi tốt từ ngày ấy đến bây giờ. Họ càng tin tưởng mãnh liệt vào thuyết ở hiền gặp lành, ăn ngay ở thật thì Phật Trời sẽ giúp đỡ luôn luôn.

Nhắc lại câu chuyện nầy, người Việt gốc Miên bảo rằng ông bà xưa kia nói lại chớ không căn cứ vào sách vở nào cả. Lối thần thánh hóa một sự kiện không biết nguyên gốc là việc thường lệ của người Việt gốc Miên cũng như người Việt. Nếu đem luận điệu khoa-học mà xét thì rõ ràng là vô lý ở từng điểm một. Tuy nhiên đó là một khía cạnh của phong tục và tập quán của họ mà khi tìm hiểu họ, ta không thể bỏ qua.

Sự tích Ao Bà Om thì phần xác thực hơn nhiều, chỉ có hai, ba điểm truyền tụng khác nhau có thể làm bạn đọc thắc mắc. Thuyết nào đúng, thuyết nào sai ? Không ai dám quả quyết cả.

www.hoangsa.org

3.— THẮNG CẢNH.

Du khách đến vùng người Việt gốc Miên có thể viếng thăm những di tích kể trên và một vài nơi có tánh cách riêng biệt của họ vì đại đa số thắng cảnh ở địa phương đều do người Việt tạo nên hoặc Việt hóa đi rất nhiều.

Một địa điểm đặc biệt nhất của địa phương là những ngôi chùa đồ sộ trong xã, trong ấp, nơi có nhiều cây cao, bóng mát bao quanh một lối kiến-trúc cổ kính, đặc biệt của một sắc dân. Hơn nữa cũng tại chùa, du khách có thể tìm hiểu nhiều điều cần biết về người Việt gốc Miên vì đấy là nơi tựu họp duy nhất của họ trong tất cả ngày lễ hằng năm.

Dưới đây là những nơi có thể gọi là thắng cảnh đặc biệt của người Việt gốc Miên, hoặc là địa điểm mà một du khách không nên bỏ qua khi đã đến những nơi có họ cư ngụ :

— Tỉnh BA-XUYÊN, vốn là vùng đất bằng với đồng ruộng bao la sông sâu nước chảy, không có những thắng cảnh hùng vĩ. Tuy nhiên, bãi biển « Mò-ó » với bãi cát trắng tinh, con sông « Vàm Tấn » với những đợt sóng thác loạn. « Cù lao Quốc-gia » với vườn tược sum suê cũng có thể gọi là những thắng cảnh địa phương.

Gần tỉnh lỵ, có làng Tài Sum, người trong xã còn gọi là « Xoài cả nã » ở ven quốc lộ số 4, đường đi Bạc-Liêu là nơi quy tụ một số đông người Việt gốc Miên và Việt gốc Hoa. Vào khoảng năm 1900, làng này còn nhiều gốc xoài cổ thụ, trái rất nhiều.

Người trong tỉnh phần đông thường dùng cái nã, tức là cái giỏ xách tay tròn, đương dát bằng tre già, trên có nắp đậy, sơn dầu trong cho mưa khỏi ướt, vẽ bông mẫu đơn đại đóa xanh đỏ. Họ vào xóm mua xoài đựng đầy nã đem về nên gọi là XOÀI CẢ NÃ.

Còn danh từ TÀI SUM do tiếng Miên XOAI

www.hoangsa.org

CHRUM nổi trại ra, làng Tài Sum còn có rất nhiều dưa hấu ruột vàng nổi tiếng ngọt và thanh.

Cảnh đẹp đáng kể trong tỉnh là những ngoi chùa của người Việt gốc Miên xây cất hàng trăm năm trước như chùa Khléang ở tại tỉnh lỵ, chùa Bassac Wat Luông ở xã Mỹ-Xuyên, chùa Chrui tim Kandal ở xã Đại-Tâm v.v...

Chùa nào cũng có vẻ cổ kính, hùng vĩ, thanh tịnh giữa một khu đất rộng có nhiều cổ thụ, ao sen Ở xã Vũng Thơm có Giếng Tiên Ông và Giếng Tien Bà.

— Tại VĨNH-BÌNH có :

— Ao Bà Om ở trước chùa Wat Ông xã Lương-Hòa, quận Châu-thành cách tỉnh lỵ năm cây số.

— Chùa Ông Mẹt ở gần chợ Phú-Vinh.

— Chùa Sambour ở Cầu-Kè.

— Cửa biển Ba-Động.

— Tại KIÊN-GIANG có :

— Núi Đá dựng, nơi Thạch Sanh chém Chằng tại Hà-Tiên.

— Tượng 2 bà Công-chúa Miên ở chùa Hang, hòn Trẹm.

— Hòn Đá nổi ở quận Kiên-Bình.

— Tại CHÂU-ĐỐC có :

— Miễu Bà Chúa Xứ ở dưới chân núi Sam cách tỉnh lỵ 5 cây số.

— Núi và Tượng Bà Đội Om ở xã Nhà Bàn thuộc quận Tịnh-Biên.

— Chùa Tà Pạ ở Tri-Tôn, cách chợ lối 1.000 thước.

— Bến ghe mua nổi ở cách chợ Tri-Tôn lối 1.000 thước.

— Núi Cô Tô. Đài Cô Tô ở xã Cô Tô cách quận lỵ lối 16 cây số.

www.hoangsa.org

—Các ngôi chùa Preyveng, SvayTôn ở tại quận lỵ.

— Tại BẠC-LIÊU có :

— Bờ biển thuộc xã Lại-Hòa và ở quận Vĩnh-Châu.

Đây là những địa danh tên Miên được người Việt đạt lại hoặc gọi trại theo tiếng Miên theo tài liệu của ông Trương vĩnh-Ký.

TÊN CÁC VÀM (CỬA SÔNG) và PHỤ LƯU

Gia-Định

Cần Giờ	—	Păm prêk cơn kancơ
Đồng tranh	—	Păm prêk tracuk krăn
Lôi rạp	—	Păm prêk crôy phkăm

Mỹ-Tho

Cửa Tiểu	—	Păm prêk tóc
Cửa Đại	—	Păm prêk komponthom
Cửa Balai	—	Păm prêk Kompon Snày

Vĩnh-Long

Cửa Cổ chiên	—	Păm prêk alon Kon
Cửa Bàrai	—	Păm prêk barày
Cửa Cái Cát	—	Păm prêk khsắc
Cửa Thủy Cồn	—	Păm prêk bàrat

Châu-Đốc

Cửa Mỹ thanh	—	Păm càn Krau
Cửa Trấn giang	—	Păm mosèn

Hà-Tiên

Gành Hào	—	Păm prêk prahut

www.hoangsa.org

Bồ đề	—	Păm prêk Kompon pothler
Rạch gốc	—	Păm prêk Kòl
Cửa Lớn	—	Păm prêk thvâr thom
Cửa Bãi vọp	—	Păm prêk Kompon rap
Cửa Rạch giá	—	Păm prêk Kramũon so
Cửa Mường Đào	—	Păm prêk cumnik
Cửa Bé	—	Păm prêk Kompon Kdàr
Cửa Rạch Sỏi	—	Păm prêk Krũos
Cửa Rạch đóng	—	Păm prêk bas
Cửa Đại kim dự	—	Păm prêk tóc
Cửa cà ba	—	Păm prêk bec
Cửa Tân Dương	—	Păm prêk snàv

SÔNG, RẠCH

Biên-Hòa

Sông Đồng Nai	—	Tonlé prêk smaucèk
Sông La buôn	—	Tonlé prêk Kompon cre (hay là « lén »)
Sông Bé	—	Tonlé prêk Kompontun
Sông Là Ngà	—	Tonlé prêk Kompon phtu
Sông Rạch Cát	—	Tonlé prêk Kompon khsăc sa
Sông An Hòa	—	Tonlé prêk Kompon tatàv
Rạch Choai	—	Tonlé Kompon Khmàn
Sông Đồng Môn	—	Tonlé Kompon chơ khmau
Rạch Bà Ký	—	Tonlé prêk Kompon koki
Rạch Nước lộn	—	Tonlé prêk Kompon tưk san
Ngã ba Nhà Bè	—	Tonlé prêk bei phtáh khbon
Ngã Thủy Vọt	—	Tonlé Kompul Mas lun
Ngã bảy	—	Tonlé prampil muk
Sông Mõ Xoài	—	Tonlé Svây Komprà

www.hoangsa.org

Saigon

Sông Bến Nghé	—	Tonlé ban kon kr bei
Rạch Bà Nghè	—	Prêk Kompon lư
Rạch Đam Gò Vấp	—	Prêk Kompon Kakoh klei
Rạch Ông lớn	—	Prek Kompon Khmum thom
Rach Cát	—	Prek Kompon Krêk
Sông Bến Lức	—	Prêk Tonlé roluk
Sông Đôi Ma	—	Prêk Tonlé tul samnàp
Rạch lá	—	Srok prêk Kompon Slok
Rạch Gò Công	—	Srok prek Kompon kakôh
Rạch Giồng bầu	—	Phnô khlôk
Kinh Trà Cú	—	Prêk cumnik thkó

Mỹ-Tho

Sông trước	—	Tonlé oknha mun (1)
Sông Vũng gù	—	Tonlé oknha Kou
Song Bát đông	—	Tonlé càn Samrot
Sông Bát chiên	—	Tonlé vay kon
Vàm gia	—	Păm prêk Smè
Vàm trâu trắng	—	Păm prêk Krabei khliec
Vàm Cần lố	—	Prêk cau pona ros
Vàm Cai lá	—	Prêk cau pona càk
Kinh Bà bèo	—	Cumnik prêk cak
Rạch Chanh	—	Prêk Króc
Rạch gầm	—	Prêk khlà trăm
Rạch Xoài mút	—	Prêk Svày la huot
Rạch Trà hôn	—	Prêk Oknha han
Rach Cái thia	—	Prêk lau tie
Kinh Vũng gù	—	Cumnik Kompon Kô

(1) Oknha : tước quan trong Triều vua Cao-Miên.

www.hoangsa.org

Vĩnh-Long

Sông Long Hồ	—	Tonlé prêk oknha decô
Sông Vàm tuần	—	Tonlé pàm Kompon koy
Sông Hàm luông	—	Tonlé prêk kompon luôn
Sông Sóc sải hạ	—	Tonlé prêk rohà
Sông Mỹ lồng	—	Prêk mi-lôn
Sông Cái muối	—	Prêk ambil
Sông cần thay	—	Banlê ansày
Sông cải dầu thượng	—	Prêk chotal khpòs
Sông Cái Mơn lớn	—	Prêk mơn thom
Sông Mõ cày	—	Prêk tramăk
Sông Ba tri ớt	—	Prêk bati camkà motes
Sông Ba tri cá	—	Prêk bati phsar trei
Sông Ba tri nóm	—	Prêk bati barèi
Sông Măn thít	—	Prêk tà tran
Sông Kẽ đôi	—	Prêk pona ku
Sông Bàkè	—	Prêk nàk Yây Kè
Sông Vũng Liêm	—	Prêk Kompon oknha lin
Sông Láng thé	—	Tonlé kanlen sè
Sông Trà vinh	—	Tonlé Prak Trapan

An-Giang — Châu-Đốc

Sông Nha mân	—	Prêk oknha mân
Sông Sa đéc	—	Tonlé phsar dek
Sông Nước Xoáy	—	Prêk tưk vil
Sông Long Phụng Giang	—	Prêk Ôlar
Sông Đất sét	—	Păm prêk đei kraham
Sông cái tàu thượng	—	Păm prêk Sampou lơ
Vàm ông Chưởng	—	Păm prêk caufa
Vàm Nao	—	Păm prêk nàv

www.hoangsa.org

Sông Châu Đốc	—	Tonlé mót cruk
Kinh Vĩnh Tế	—	Cumnik prek ten
Barạch (kinh Rạch Giá)	—	Cumnik prêk kramuôn so

CÙ LAO (ngoài biển và trên sông)

Hà-Tiên

Phú Quốc	—	Koh sral

Định-Tường (Vĩnh-Long)

Cù lao quạ	—	Koh Ka èk (Kok : cù lao Kà èk : con quạ)
Cù lao Trà luộc	—	Koh Tà lok
Cù lao Rồng	—	Koh Nak (Nak : con rồng)

An-Giang — Châu-Đốc

Cù lao Tân Phụng	—	Koh au lo
Cù lao Nga	—	Koh phna
Cù lao Giêng	—	Koh rusei prey
Cù lao Trâu	—	Koh Krabei
Cù lao Tùng Sơn	—	Koh Krôl
Cù lao Mây	—	Koh romas
Cù lao Nai	—	Koh pròs
Cù lao Tân Din	—	Koh tin
Cù lao Heo	—	Koh Cruk
Cù lao Dao lửa	—	Koh phlon
Cù lao Táng dù	—	Koh chăt
Cù lao Chà và	—	Koh cvà
Cù lao Năng gù	—	Koh snèn kô
Cù lao Bí	—	Koh lopou

www.hoangsa.org

Cù lao Giung	—	Koh tun
Cù lao Mặc cần dưng	—	Koh práh stưn
Cù lao Rồng	—	Koh nak
Cù lao cồng cộc lớn	—	Koh ka èt thom
Cù lao cồng cộc nhỏ	—	Koh ka èt tuốt
Cù lao tròn	—	Koh kbal khla
Cù lao Giài	—	Koh pàk kantel
Bãi Bà Lúa	—	Koh thlòn

Gia-Định

Cù lao Côn nôn	—	Koh Tràlàc

Biên-Hòa

Cù lao Phố	—	Koh somtan
Cù lao Tân chanh	—	Koh Krec
Cù lao Cái Tắt	—	Koh Kanun

NÚI ĐỒI

Bạch Thạch Sơn	—	Phnom sathma rol'n
Hòn Đá lửa	—	Phnom thma phlơn
Đào cang (Lò gốm)	—	Phnom dan dàv
Núi Bà Vãi	—	Phnom dón ci
Núi Mô xoài	—	Phnom Svay Kompra
Núi Mai	—	Phnom rolien
Núi Bà Rịa	—	Phnom chàr
Núi Thùy Vân	—	Phnom mur barat
Nui Gành Rái	—	Phnom dan anrèk
Núi Bà kéc	—	Phnom sek

An-Giang

Núi Sập	—	Phnom thom

www.hoangsa.org

Núi Ba Thê	—	Phnom tà thner
Núi Tà chiếu	—	Phnom crak
Núi Tà Nghinh	—	Phnom tà só
Núi Hòn Đất	—	Phnom dei
Núi ca âm	—	Phnom dưn
Núi Nam Sư	—	Phnom tràs
Núi Tượng Sơn	—	Phnom krăn cai
Khê lập sơn	—	Phnom crak cơn kan
Chút sơn	—	Phnom chuk
Tà béc sơn	—	Phnom cơn kanlan
Bà xôi sơn	—	Phnom popal
Ất gium sơn	—	Phnom ak yom
Nam vi sơn	—	Phnom pi
Đại tố sơn	—	Phnom khtô
Chơn Gium sơn	—	Phnom cơn kan com
Thông Đăng sơn	—	Phnom prén thom
Đại Bà Đê sơn	—	Phnom cron romiêl thom
Tiểu Bà Đê sơn	—	Phnom cron romiêl tuốt

Gia-Định

Núi Bà đinh (Chơn Bà đen)	—	Phnom chơn bà đen

THỊ TRẤN

Lấp Vò	—	Srôk tak por
Bà ót	—	Srôk tuk lo ót
Cần Thơ	—	Srôk prêk rưsei
Sóc Trăng	—	Păm prêk srok khlăn
Ba thắc	—	Păm prêk basàk
Búa thảo	—	Păm prêk tum nup
Cần Giuộc	—	Srôk Kantuot

www.hoangsa.org

Cần Đước	—	Srôk prêk andơk
Cần Chông	—	Srôk kancon
Mặc bắc	—	Srôk mé păn (măt băk)
Ba thúc	—	Nak tà bàsăk
Bãi xàu	—	Srôk bày chau
Cần thay	—	Srôk banlie ansay
Cần lố	—	Srôk canlòh
Cần Giờ	—	Srôk phnar kanco
Nha Mân	—	Srôk oknha mân
Hốc Môn	—	Srôk Kompon kakòh
Gò Vấp	—	Srôk Kompon kakòh klĕ (hay là Kompăp)
Chợ quán	—	Phsar tóc
Cây Mai	—	Wat prei ankor
Chợ lớn	—	Srôk phsar thom
Cái Mơn	—	Srôk Ok mon
Cái nhum	—	Srôk Kompon tra òn
Cái bè	—	Srôk ponà tun
Cái cối	—	Srôk prêk thbàl
Cái trầu	—	Srôk prêk mlu
Cái Vừng	—	Srôk Kompon ten
Cái dầu	—	Srôk chơ tàl
Cái Vồn	—	Srôk tà von
Cái rô	—	Srôk traciek kràn
Cái nhút	—	Srôk krabei khliec
Cái hươn	—	Srôk po thler
Tây ninh	—	Srôk rôn damrey
Trãng Bàng	—	Srôk Oknha Păn
Bến Lức	—	Srôk rolưk
Trà Vinh	—	Srôk prah trapăn
Cà Mau	—	Srôk tưk khmau

www.hoangsa.org

Trà Ôn	—	Srôk pàm slap tràon
Long Xuyên	—	Srôk bàrac
Bác trang	—	Srôk cà phlơn
Ba xuyên	—	Srôk Basak
Rạch Giá	—	Srôk Kramũon so
Sai gon	—	Prei nokor
Bến Nghé	—	Bàn nè (hay là Kompon Kón Krabei)
Biên Hòa	—	Kompon srakà trei
Vũng Gù	—	Kompon kô
Mỹ Tho	—	Mésa
Sa đéc	—	Phsar dek
Châu Đốc	—	Mot cruk
Hà Tiên	—	Pàm
Long Hồ	—	Lon hor
Bến Tre	—	Prêk rưsei
Vũng Liêm	—	Mé lim
Ô Môn	—	Ô Mô
Bình Thủy	—	Kompul mas
Cái Răng	—	Kàrăn
Xẻo chiết	—	Prêt cèk

HÃNG BÔNG

COBOVINA

BẠCH TUYẾT

SẢN XUẤT BÔNG, BĂNG, GẠC

148/1 Nguyễn Minh Chiếu *Tân Sơn Nhứt*

www.hoangsa.org

CUỘC TRANH GIÀNH ẢNH HƯỞNG Ở NƯỚC CHÂN-LẠP

giữa TIỀM LA *và* CÁC CHÚA NGUYỄN

CUỘC XÂM CHIẾM ĐẤT NAM VIỆT

ngày nay của người VIỆT

PHAN KHOANG

1.— THỜI SUY YẾU CỦA CHÂN-LẠP.

Sau cuộc cách-mạng chính-trị và tông-giáo xảy ra trong thế-kỷ XIV, nước Chân-lạp lần lần suy yếu.

Triều vua Jaya Varman IX Jaramçvara, một viên quan giữ vườn ngự uyển là Ta Chay, có tài trồng bầu, bí thơm, ngon, được vua trao cho một cây dáo để giữ trộm cắp; năm 1336, một đêm tối, vua đến ngự-uyển, chỉ có 2 người phụ-nữ hầu đi theo, Ta Chay tưởng là trộm, dùng dáo đâm vua chết. Các quan họp lại để lập vua kế vị, đã không bắt tội Ta Chay, mà lại tôn Ta Chay lên ngôi vua. Ta Chay lấy con gái vua Jaya Varman IX làm hậu để hợp-pháp-hóa uy quyền của mình.

Không như các triều vua trước, tự cho mình thuộc giòng dõi thần, làm môi-giới giữa trời và dân, và sau khi chết, sẽ hỗn đồng với thần, triều đại mới không có tính-cách thần thánh nữa, mà gần dân hơn. Phật-giáo tiểu-thừa được công nhận là quốc giáo thay Ấn-độ-giáo, vì vậy không xây dựng những đền, đài đồ-sộ bằng đá theo quan-niệm Bà-la-môn là những công-trình vừa tốn kém bao nhiêu tiền tài của nhà nước, bao nhiêu mồ hôi, nước mắt của nhân-dân, mà chỉ xây cất những ngôi chùa với vật-liệu nhẹ. Tuy vậy, trong triều vẫn giữ những giáo-sĩ Bà-la-môn là vì tôn trọng cổ-truyền. Trong sự cúng lễ và những ký tái, chữ pâli được thay chữ sanscrit.

www.hoangsa.org

Nhưng cuộc cách-mạng chính-trị và tông-giáo này có những hậu-quả tai hại lớn lao về kinh tế. Chính-sách thủy lợi, với những hồ chứa nước lớn, những đường mương, con đê mà các vua trước, với uy quyền tập trung, áp dụng trong 15 thế-kỷ, đã làm cho nghề nông thịnh vượng, nay nền quân-chủ ấy sụp đổ, chính-quyền trung ương suy yếu, hệ-thống dẫn thủy tan rã, ruộng chỉ làm mỗi năm một mùa, so với ba, bốn mùa trước kia, nên sản xuất giảm, dân số sụt, tiếp theo là những thất bại quân-sự, những cuộc bắt người đem về của quân Tiêm sau mỗi khi thắng trận. Chân-lạp đi vào con đường suy vong, không sao ngăn cản được.

Dưới triều Ta Chay và con là Nipprean Bat (1340-1346) Chân-lạp đã mất các thuộc-địa ở Tiêm-la, ở Ai-lao, và các miền ở lưu-vực thượng-lưu sông Mênam. Và từ đó, trong cung đình cũng thường xảy ra những cuộc tranh giành ngôi báu, vì vua không có tính-cách thần thánh, ai cũng làm vua được.

Tiêm-la, giữa thế-kỷ XIV đã mạnh, nên muốn chinh phục Chân-lạp. Năm 1350, Tiêm-la dời đô đến Ayuthya cho gần nước này. Năm 1351, quân Tiêm đánh chiếm kinh-đô Angkor của Chân-lạp, nhưng đến năm 1357 thì Chân-lạp lấy lại. Đời vua Barom Râma (1363-1373), Chân-lạp yên ổn, giao hảo với nhà Minh, Tiêm-la cũng không gây sự. Nhưng đến năm 1373, vua Tiêm-la là Ramesuen lại gây chiến tranh với Chân-lạp, một cuộc chiến tranh kéo dài 50 năm. Ramesuen chiếm được Angkor, bắt 70 000 tù binh đem về, giết vua Chân-lập, cho con mình là Ento làm vua Chân-lạp (1394) Nhưng rồi Euto bị một hoàng-thân Chân-lạp sai ngược giết. Hoàng-thân này là Chau Ponhea lên ngôi vua ở Srei Santhor, đẩy binh đánh quân Tiêm và sai sứ sang giao hảo với Trung-quốc Chau Ponhea mất, con là Ponhea Yat tiếp tục chiến tranh trong 20 năm, đuổi hết quân Tiêm ra khỏi nước, và lên ngôi vua năm 1432, hiệu là Soryopor (1432-1467). Bấy giờ những vùng gần Kinh-đô Angkor đã bị chiến tranh tàn phá, dân cư thưa thớt, nếu quân Tiêm trở lại xâm lăng thì không đủ người để làm lính, nên năm 1434, Soryopor dời đô đến Chaturmakha, tức Phnom-

www.hoangsa.org

Penh (Nam-Vang) ngày nay là nơi giàu có, đông dân. Vua tăng cường sự phòng thủ các thành lũy, sai sứ giao hiếu với Trung-quốc, an-ninh, trật-tự được vãn hồi trong một thời-gian hơn 30 năm. Nhưng sau khi Soryopor mất thì trong hoàng-gia chia rẽ, tranh giành, ai muốn được ngôi phải kêu cầu người Tiêm, và vua Tiêm tùy theo ích lợi cho mình mà đem quân giúp phe này hay đánh phe nọ, vì đó đã chiếm được dễ dàng những đất đai Chân-lạp giáp tiếp Tiêm-la. Năm 1474, một hoàng thân là Thommo Reachea, vốn đã theo phe Tiêm-la trong các cuộc tranh giành vừa qua, được vua Tiêm giúp, lên làm vua (1474-1494). Thomneo Reachea thần-phục Tiêm, nhường 2 tỉnh Korat và Chantaboun cho Tiêm. Ấy là vị vua Chân-lạp đầu tiên do vua Tiêm đặt lên và bảo hộ.

Sau khi Thommo Reachea mất, hoàng-gia lại chia rẽ, tranh giành, rời người làm vua ở vùng này, kẻ xưng vương ở miền khác.

Năm 1505, một hoàng-thân là Ang Chan I lánh nạn ở Tiêm trở về, đánh dẹp vua soán nghịch và lên ngôi vua. Vua Tiêm cho rằng Chân-lạp là thuộc quốc của mình, đòi nạp cống, Ang Chan I không chịu, nên năm 1510, quân Tiêm chiếm tỉnh Angkor, nhưng liền bị Ang Chan I đánh đuổi. Để dễ tránh sự công kích của quân Tiêm hơn, Ang Chan I lập một kinh-đô mới là Lovêk, ta gọi là La-bích, có thành bằng đá bao bọc ba mặt, mặt đông liền với vùng sình lầy, quân tấn công không thể vượt qua được.

Năm 1560, vua là Barom Reachea thu hồi được các tỉnh Korat, Chantaboun, nhưng đến năm 1583; quân Tiêm lại chiếm Battambang, Pursat, rồi Lovêk, phá tan cung điện nhà vua, đốt hết thư tịch.

Người kế thừa hợp pháp ngôi vua Chân-lạp là Soryopor bị quân Tiêm bắt đem về nước trong trận đánh chiếm Lovêk. Năm 1603 triều-thần Chân-lạp và vị giáo-chủ Bà-la-môn yêu cầu vua Tiêm

www.hoangsa.org

cho Soryopor về nước. Soryopor lên ngôi (1603-1618), khiến các tỉnh đều qui phục, và nhờ Tiêm giúp đỡ, bình định được các đất duyên hải vịnh Tiêm-la. Vua này thần phục Tiêm-la, buộc các đại thần ăn mặc áo dài màu vàng như người Tiêm, và áp dụng những nghi lễ như ở triều-đình Ayuthya. Nước Chân-lạp bình-đinh, nhưng lại rơi vào ảnh hưởng Tiêm-la. Sự phản ứng không thể tránh khỏi.

2.— CHÚA NGUYỄN ĐẶT CƠ-SỞ Ở THỦY CHÂN-LẠP VÀ BẮT ĐẦU TRANH GIÀNH ẢNH HƯỞNG VỚI TIÊM-LA.

Năm 1618, Soryopor phải thoái vị, nhường ngôi cho con là Chey Chœtta II (1618 - 1628) em Chey Chœtta II là Préah Outey làm Phó-vương (Obbareach). Vua này phục hồi triều nghi Chân-lạp, không thần phục Tiêm-la nữa, và để bày tỏ ý chí phục hưng và độc-lập, dời cung điện đến Oudong, ta gọi là Longe-úc. Oudong trở thành kinh-đô Miên cho đến năm 1867.

Để buộc Chân lạp phải nhìn nhận quyền bá-chủ của mình, năm 1623, vua Tiêm sai 2 đạo quân sang xâm lấn Chân-lạp, nhưng một đạo bị Chey Chœtta II đánh bại, đạo kia bị em vua là Preah Outey đẩy lui. Năm sau, một đạo thủy quân lại sang đánh, cũng bị thua to.

Từ cuối thế kỷ XVI, đã có nhiều người Việt đến hai xứ Đồng-nai và Mỗi-xuy của Chân-lạp, tức Biên-hòa, Bà-rịa ngày nay, để vở đất làm ruộng. Vua Chey Chœtta II muốn tìm một đối-lực để chống lại lân-bang Tiêm-la nguy hiểm kia, đã xin cưới một công-nữ con chúa Nguyễn làm hoàng-hậu để trông mong được sự ủng hộ của triều-đình Thuận hóa, và chúa Hy-tông Nguyễn-phước Nguyên, có mưu đồ xa xôi, năm 1620, đã gả cho

www.hoangsa.org

vua Chân-lạp một công-nữ. (1) Cuộc hôn-nhân này có ảnh hưởng lớn lao đến vận mạng nước Chân-lạp sau này. Bà hoàng-hậu này đem nhiều người Việt đến, có người được giữ chức hệ trọng trong triều, bà lại lập một xưởng thơ và nhiều nhà buôn bán gần kinh-đô. (2)

Đến năm 1623, một sứ-bộ của chúa Nguyễn đến Oudong yêu cầu được lập cơ-sở ở Prey Kôr, tức Sài-gòn, (3) và được đặt ở đấy một sở thu thuế hàng hóa. Vua Chey Chœtta II chấp thuận, và triều-đình Thuận-hóa khuyến khích người Việt di cư

---

(1) Việc này, Thực-lục tiền biên và Khâm định việt-sử thông giám cương-mục đều không chép, có lẽ là vì các sử thần nhà Nguyễn cho là việc không đẹp, nên giấu đi chăng? Nhưng theo các sách sử Cam-bốt do các nhà sử-học Pháp biên soạn, mà họ lấy sử-liệu Cam-bốt để biên soạn, thì quả Chey Chœtta II có cưới một công-nữ con chúa Hy-tông, năm 1620. Giáo-sĩ Borri, ở Đàng-trong trong thời gian ấy, cũng có nói đến cuộc hôn nhân này. Xem Liệt-truyện tiền-biên, mục công-chúa, thấy chúa Hy-tông có 4 người con gái, hai nàng Ngọc Liên, Ngọc Đảnh thì có chép rõ sự tích chồng con, còn hai nàng Ngọc Vạn, Ngọc Khoa thì chép là «Khuyết truyện», nghĩa là không rõ tiểu-truyện, tức là không biết chồng con thế nào. Vậy người gả cho vua Chey Chœtta II phải là Ngọc Vạn hoặc Ngọc Khoa.

(1) Theo sách Les K'hmers của André Migot.

(2) Prey Kôr, ta gọi Sài-gòn, là miền Chợ-lớn ngày nay, còn Sài-gòn ngày nay thuở ấy gọi là Bến-nghé. Khi người Tây-phương đến, họ đã nghe người Tàu gọi chung cả vùng Sài-gòn và Bến-nghé là Sài-côn-xứ, nên họ gọi Bến-nghé là Sài-gòn. Còn Sài-gòn có tên là Chợ-lớn hình như bắt đầu từ đời Gia-long, Prey Kôr trở nên một nơi buôn bán đông đúc. Prey, tiếng Miên là rừng, Kôr là cây gòn: nơi này xưa có nhiều cây gòn, nên gọi thế. Ta gọi Sài-gòn (sài là củi) cũng là dịch nghĩa tiếng Prey Kôr của Miên chăng? Có thuyết nói người Tàu gọi thành phố này là Đề-ngạn, mà Đề-ngạn, người Quảng-đông đọc thành Tai-ngon hay Thây-gon, còn giọng Triều-châu đọc là Tingan, cũng hơi giống với Sai-gòn, vì vậy ta bắt chước giọng nói của Tàu mà gọi là Sài-gòn. Nhưng trong sử ta chép tên Sài-côn đã lâu, trước khi người Tàu đến lập Đề-ngạn.

www.hoangsa.org

đến đất ấy làm ăn, rồi lấy có để giúp chính-quyền Miên giữ gìn trật tự, còn phái một tướng lãnh đến đóng ở Prey Kor nữa. Khi Chey Chœ a II mất, vùng đất từ Prey Kôr trơ ra bac đến biên-giới Chiêm-thành, tức Sài-gòn, Bà-rịa, Biên-hòa ngày nay, đã có nhiều người Việt đến ở và khai thác đất đai.

Chey Chœtta II mất năm 1628, con là To kế vị. To tư thông với một người vợ của Preah Outey, nàng Ang Vodey, đã hứa gả cho mình trước kia, đưa nàng trốn đ, bị Ou ey đuổi theo, giết cả hai. Em của To là Nou lên nối ngôi, Preah Ou ey vẫn làm Phụ-chính. Năm 1640, Nou mất, Preah Outey rao ngôi cho con mình là Ang Non I (1640-1642). Năm 1642, người con thứ ba của Chey Chœt a II làn Chan, (mẹ người Lào), sử ta gọi là Nặc Ông Chân, nhờ bọn bộ-ha người Chàm và người Mã-lai giết Preah Ou·ey và Ang Non I mà lên làm vua (1642-1659). Nạc Ông Chân cưới một gái Mã-lai làm hoàng hậu và theo Hồi-giáo là tông-giáo của những bộ-hạ đã giúp mình len ngôi.

Năm 1658, con của Preah Outey là So và Ang Tan dấy binh đánh Nạc Ông Chân, nhưng thất bại, đến nương náu với bà thái-hậu người Việt, vợ Chey Chœtta II. Bà này vốn bất bình con ghẻ mình đã lấy vợ Mã-lai, theo Hồi-giáo, nên khuyên So và Ang Tan cầu cứu chúa Nguyễn. Thật là một cơ-hội rất tốt cho chúa Thái-tông Nguyễn-phước Tần (chúa Hiền) để can thiệp vào việc Cao-miên, bành trướng thế lực trên giải đất mà ông cha đã lưu ý. Chúa liền sai Phó-tướng dinh Trấn-biên (1) Phú-yên) là

(1) Về lý-do xuất quân, các sách Thực-lục tiền biên, Thông-giam Cương-mục, Gia-định thông chí đều nói vì « Nặc Ong Chân xâm lấn biên thùy ». Chúng tôi nghĩ đó là một cách nói « công khai » và « nhà nước », của các sử-thần nhà Nguyễn, vả lại vì đã giấu cuộc hôn-nhân giữa vua Miên và nàng công-nữ họ Nguyễn-phước thì không biết tìm lý-do nao khác, chứ lúc bấy giờ Cao-miên suy vi, triều-đình chia rẽ, Tiêm-la dòm ngó, Nặc Ông Chân đương gặp khó-khăn, lẽ nào dám gây hấn với chúa Nguyễn. Vậy thuyết của các nhà sử-học Pháp mà chúng tôi theo đề thuật lại đây đáng tin hơn.

www.hoangsa.org

Nguyễn-phước Yến, cai-đội Xuân Thắng, Tham-mưu Minh-Lộc, đem 3000 quân, đến thành Hưng-phước (bấy giờ gọi là Mỗi-xuy, tức Bà-rịa ngày nay) đánh phá được quân Miên, bắt Nặc Ông Chân bỏ vào cũi đưa về Quảng-bình nạp chúa (1). Ít lâu, (1659) Nặc Ông Chân chết ở Quảng-bình, chúa Nguyễn phong So làm vua Chân-lạp, lấy hiệu là Batom Reachea (1660-1672). (Về việc này, các sử của ta và các sách do các nhà sử-học Pháp soạn, chép khác nhau. Các sử ta đều chép: « Nặc Ông Chân chịu làm phiên-thần, hàng năm nạp cống, giúp đỡ người Việt sang làm ăn bên ấy, nên chúa Nguyễn sai quân hộ tống về nước. » Nhưng chúng tôi đã tin việc So sang cầu cứu chúa Nguyễn, nên cũng tin thuyết các sách Pháp đều nói Ông Chân chết, và người cầu cứu là So được chúa Nguyễn phong làm vua.)

Từ đó, lưu-dân Việt đến ở Sài-côn, Mỗi-xuy, Đồng-nai càng ngày càng đông; ban đầu sống xen lẫn với người Miên, mở mang đất ruộng, nhưng người Miên không muốn sống chung với những người thuộc văn-hóa khác, nên hễ người Việt tiến đến đâu là họ tránh đi nơi khác, không tranh giành, ngăn trở.

Năm 1672, Batom Reachea bị con của Ang Non I, tên là Srey Chey Chœtta III vừa là rể, vừa là cháu mình giết; em vua là Ang Tan chạy sang cầu cứu chúa Nguyễn. Nhưng rồi Chey Chœtta III cũng bị bọn người Mã-lai thuộc phe Ông Chân; do vợ Batom Reachea xui sử, giết. Con của Batom Reachea là Ang Chei, sử ta gọi lc Nặc Ông Đài lên ngôi (1673 - 1674). Ông Đài, có quân Tiêm-la ứng viện, đắp lũy ở thành Nam-vang, làm bè nổi, dùng xích sắt chặn các cửa sông, rồi tiến xuống chiếm Sài-côn. Quân Miên đắp một lũy đất ở địa-đầu Mỗi-xuy, ngoài trồng tre, gai, trong đặt quân phòng thủ, thế rất kiên cố. Trải qua một năm, không thấy chúa Nguyễn phản ứng gì, quân của Ông Đài giải đãi việc phòng thủ, tan ra đi làm ruộng rẫy. Đáp lời cầu cứu của Ang Tang, trước kia, đầu năm giáp-dần (1674), chúa Thái-tông sai Cai-cơ đạo Nha-trang,

(1) Bấy giờ Trịnh, Nguyễn đánh nhau; năm đinh-dậu (1657), chúa Thái-tông đã ra đóng ở Quảng-bình để xem xét việc quân.

www.hoangsa.org

thuộc dinh Thái-Khương là Nguyễn Dương Lâm (1) làm Thống-binh, Tướng-thần-lại Thủ-hợp là Nguyễn Diên Phái (1) làm Thị-chiến, đem quân đi đánh. Quan quân đi gấp, tháng 3, Nguyễn Diện Phái đến Mỗi-xuy trước, thừa lúc quân Miên không đề phòng, vào chiếm đồn, binh khí không vấy máu. Qua 3 ngày, quân Miên ba mặt kéo về, vây đồn. Nguyễn Diêm Phai đóng cửa có thủ, không giao chiến. Đến lúc đại binh Nguyễn Dương Lâm kéo đến, trong ngoài giáp công, quân Miên tan vỡ, tử thương rất nhiều, nhân đó đặt tên lũy này là lũy Phước-tứ (nghĩa là phước trời cho ; lũy ấy hiện còn dấu tích, có chép trong Nhất-thống-chí, tỉnh Biên-hòa). Đại binh tiến lên, chiem Sài-côn. Tháng 4, quan quân chia hai đường thủy, bộ, tiến lên, phá hai đồn Gò-bích, Nam-vang, thiêu hủy các bè nồi, khóa sat. Nặc Ông Đài trốn vào rừng, bị người trong đảng giết chết. Ang Tan, người thắng trận cũng đau chết, giao binh quyền lại cho Ang Non, tức Nặc Nộn, đóng ở Oudong. Năm tháng sau, em Ông Đài là Ang Saur, sử ta gọi là Nặc Thu, đuổi quân Việt, Nặc Nộn chạy sang Sài-côn. (2) Nặc Thu lên làm vua, lấy hiệu là Chey Chœtla IV, được chúa Nguyễn phong vương, còn Nặc Nộn dược phong là Đệ-nhị vương, đóng ở Sài-gòn. Nặc Nôn ở đây, sẽ tìm cách giành lại ngôi vua.

Như vậy, Hoàng-gia Chân-lạp đã chia làm hai phe, một phe dựa Tiêm-la, một phe dựa chúa Nguyễn. Và như sẽ thấy, trong khi Chân-lạp trở thành phiên-thuộc của chúa Nguyễn thì Tiêm-la tìm cách xen vào nội-tình Chân-lạp, ủng hộ các hoàng-thân chống đối với vua Chân-lạp nào được chúa Nguyễn công

(1) Gia-định thông chí chép là Dương và Diên.

(2) Trận đánh Nặc Ông Đài của Nguyễn Dương Lâm này. Thực-lục tiền biên chép rất vắn tắt, ở đây chúng tôi thuật theo Gia-định thông-chí, mục Thành-trì chí. Nhưng Thực-lục tiền biên và Gia-định thông chi chép nhiều điểm khác với các sách người Pháp viết. Đại khái, theo hai sách ấy thì người đi cầu cứu là Nặc Nộn, chạy ra Thái-khương cầu cứu, còn theo các sách Pháp thì là Ang Tan. Sử ta không chép việc Nặc Thu đánh đuổi quân Việt.

www.hoangsa.org

nhận và phong vương. Các hoàng-thân đối lập, hoặc thất bại sau một mưu toan chống đánh nhà vua, thường sang lánh ở Tiêm-la, chờ cơ-hội là quân Tiêm-la đưa về giành ngôi. Các chúa Nguyễn đã khống chế được Tiêm-la trong việc tranh giành ảnh-hưởng ở Chân-lạp. Các vị vua hoặc hoàng-thân Chân-lạp do chúa Nguyễn phong, hoặc theo về chúa Nguyễn đã được chúa bênh vực một cách đắc lực. Và hễ Tiêm-la có đem quân vào Chân-lạp thì chúa Nguyễn cũng không ngần-ngại sai đem quân đến đấy để tranh hùng.

3.— DƯƠNG NGẠN ĐỊCH, TRẦN THƯỢNG XUYÊN MỞ MANG ĐẤT MỸ-THO, ĐẤT BIÊN-HÒA.

Hậu-bán-thế-kỷ XVII, vì cuộc thay đổi triều-đại và các chính-biến xảy ra ở Trung-quốc, đất Hoa-nam cực kỳ rối loạn. Năm 1644, quân Thanh vào chiếm Bắc-kinh, vua Minh Tư-tông thắt cổ tự tử, quốc-tộ nhà Minh hầu như đoạn tuyệt. Nhưng sau đó, di thần nhà Minh lập vua Hoằng-Quang ở Nam-kinh, quân Thanh chiếm Nam-kinh, vua Hoằng-Quang bị bắt; vua Long-võ được lập ở Phước-châu, rồi cũng bị quân Thanh bắt (1646); vua Vĩnh-lịch được lập ở Triều-khánh (thuộc Quảng-đông), nhưng trước sức tấn công của địch, phải chạy đến Quế-lam (thuộc Quảng-tây), Vân-nam, rồi sang nước Miến-điện; đến năm 1662, Ngô Tam Quế đem quân vào Miến-điện, buộc vua Miến phải trao nạp vua Vĩnh-lịch.

Từ khi vào cõi, nhà Thanh đã xuống lệnh nhân dân phải cạo tóc, gióc bím, ăn mặc như người Mãn, ai không theo, phải tội chết. Tuy nhà Minh đã mất, nhưng các đất ở duyên hải phương nam như Chiết-giang, Phước-kiến, Quảng-đông vẫn tiếp tục kháng cự nhà Thanh, dưới sự lãnh đạo của Trịnh Thành Công. Từ năm 1647, sau khi vua Long-võ bị giết, Thành Công đã lui về Hạ-môn, luyện tập hải-quân, thỉnh thoảng vào

www.hoangsa.org

đánh lục-địa. Năm 1661, Thành Công ra Đài-loan, đánh đuổi người Hà-lan ở đấy, chiếm đảo này để cùng các cựu-thần nhà Minh và những người trung nghĩa đất Hoa-nam làm nơi căn cứ mưu cuộc diệt Thanh, phục Minh. Năm 1662, Thành Công mất, con là Trịnh Kinh nối chí cha, cũng các di thần nhà Minh tiếp tục công cuộc kháng Thanh. Ngoài chiến-tranh giữa cựu thần nhà Minh và quân Thanh, Hoa-nam còn là bãi chiến-trường của tam phiên và quân Thanh nữa. Nhà Thanh lấy được Trung-quốc, một phần nhờ công của các tướng Minh hàng Thanh. Sau khi diệt vua Vĩnh-lịch rồi, nhà Thanh phong cho các hàng tướng có công và cho họ lãnh bản bộ binh sĩ đến trấn thủ các tỉnh phương nam : Ngô Tam Quế trấn thủ Vân-nam, Thượng Khả Hỹ trấn thủ Quảng-đông, Cảnh Kế Mậu trấn thủ Phước-kiến, người gọi là tam phiên. Ba tướng ấy thừa lúc uy quyền nhà Thanh chưa được vững vàng ở phương nam, khuếch trương thế-lực, lần lần có khuynh hướng độc lập. Thanh-trều biết vậy, nên dùng thủ-đoạn chính-trị để mưu lật đổ ; năm 1673, Ngô Tam Quế cử binh làm phản, xuống lệnh cho dân trấn mình để tóc lại, bỏ y phục Mãn-châu ; hai phiên-trấn Quảng-đông, Phước-kiến cũng hưởng ứng. Ba phiên-trấn ấy liên hợp với họ Trịnh ở Đoài-loan, lập thành mặt trận phản Thanh, gây nên cuộc đại loạn ở toàn cõi Hoa-nam. Nhưng đến năm 1681, quân Thanh đánh lấy ba trấn Vân-nam, Phước-kiến, Quảng-đông, lần lượt bình định các nơi. Đầu năm 1861, Trịnh Kinh mất, con là Trịnh Khắc Sảng không đủ uy quyền để duy-trì sự đoàn kết giữa các tướng lãnh đã mất tinh thần chiến đấu trước sự thất bại của tam phiên. Năm 1683, quân Thanh ra đánh Đài-loan, Khắc Sảng đầu hàng, ổ kháng chiến cuối cùng của nhà Minh hủy diệt.

Từ khi nhà Thanh vào Trung-quốc, hạ lệnh cạo tóc, gióc bím, đã có nhiều người Trung-quốc di cư sang nước khác. Xứ Đàng-trong của chúa Nguyễn, mà họ gọi là Quảng-nam quốc, là đất mới, giàu có, dễ làm ăn, với thành phố Hội-an có đông-đúc người đồng bang, là nơi đã thu hút được nhiều người Hán-tộc đến trú ngụ. Rồi sau đó, qua các cuộc biến loạn ở Hoa-nam,

www.hoangsa.org

những cuộc tấn công liên tiếp thắng lợi của quân Thanh, nhiều người khác tiếp tục theo đến.

Năm Kỷ-mùi (1679) Tổng-binh đất Long-môn (tên huyện thuộc phủ Quảng-châu, tỉnh Quảng-đông) của nhà Minh là Dương Ngạn Địch, Phó-tướng Hoàng Tiến, và Tổng-binh Cao, Lôi, Liêm (Cao-châu, Lôi-châu, Liêm-châu là 3 phủ thuộc tỉnh Quảng-đông) là Trần Thượng Xuyên, Phó-tướng Trần An Bình, đem binh sĩ và quyến thuộc hơn 3.000 người và hơn 50 chiến thuyền chay đến đậu dọc theo bờ biển từ cửa Eo (cửa Thuận) đến cửa Đà-nẵng treo cờ trắng. Tuần-quan cửa Tư-dung là Trí-thắng hầu đi thuyền nhỏ ra hỏi. Dương Ngạn Địch trình rằng: « Chúng tôi là tôi lưu vong của nhà Đại Minh, vì ước thề hết lòng trung, nay lực kiệt, thế cùng, quốc-tộ nhà Minh đã chấm dứt, chúng tôi chẳng chịu làm tôi nhà Thanh, nên chạy đến quí-quốc, thành tâm xin làm tôi tớ. » Dương Ngạn Địch lại sai Hoàng Tiến, Quách Tam Kỳ theo Trí-thắng hầu đến phủ chúa trình bày ý muốn. Chúa tôi chúa Hiền gặp một trường hợp khó xử. Bấy giờ đương chiến-tranh với họ Trịnh, người Bắc-hà thường tìm cách dòm ngó, một đoàn quân và hạm đội lạ lùng như vậy, hư thực thế nào, sao dám tin được? Thu dùng họ chăng? Thì ngôn ngữ bất đồng, tâm tình không hiểu, làm sao điều khiển được? Từ khước chăng? Nhưng đối với một số quân sĩ và chiến thuyền đông đảo như vậy, nếu họ chống cự lại thì sao? Có người bàn rằng: « Phong-tục, tiếng nói của họ khác ta, khó bề sai khiến, nhưng nghĩ họ bị thế cùng bức bách, chạy đến nhờ ta, lòng trung tiết, ý chân thành ấy, chúng ta không nỡ cự tuyệt. Hiện nay đất Đông-phố nước Cao-miên đất đai màu mỡ nghìn dặm, triều-đình chưa rảnh để kinh lý, chi bằng cho họ vào đó cư trú, cậy sức của họ để mở mang đất đai, thế là làm một việc mà được ba điều lợi. » Chúa Thái-tông theo lời bàn ấy. Bèn khiến đặt yến tiệc đãi họ, an ủi, khen ngợi, cho các tướng lãnh y chức cũ, phong thêm quan tước mới, khiến họ vào ở Đông-phố để mở mang đất. Lại sai Xá-sai Vân trình, tướng-thần-lại Văn Chiêu đem thư cho vua Chân-lạp yêu cầu chia cấp đất đai cho họ ở. Bọn Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên

www.hoangsa.org

đến phủ chúa tạ ân, vâng theo chỉ dụ vào Nam. Rồi do Vân Trình, Văn Chiêu hướng dẫn, binh thuyền tướng Long-môn của Ngạn Địch, Hoàng Tiến vào cửa Lôi-lạp theo cửa Đại, cửa Tiểu đến định cư ở Mỹ-tho ; binh thuyền tướng-sĩ Cao, Lôi, Liêm của Thượng Xuyên, An Bình vào cửa biển Cần-giờ, lên định cư tại Bàn-lân xứ Đồng-nai (tỉnh-lỵ Biên-hoà ngày nay).

Ở hai nơi ấy, hai đoàn di dân vỡ đất, phá rừng, cất phố, lập chợ ; từ đó thương thuyền các nước Trung-quốc, Nhật-bản, Tây-dương, Đồ-bà (1) qua lại tấp nập. Và cũng từ đó, văn-hóa Trung-quốc thấm dần vào xứ này. Ở Biên-hoà, Trấn Thượng Xuyên tập trung Hoa-thương ở Đại-phố-châu, tức cù-lao Phố, ở giữa sông Nông-nãi (Đồng-nai), phía nam tỉnh-lỵ Biên-hòa ngày nay. Cù-lao phố, có người ngoại quốc đến buôn bán, ngày càng phát triển, phồn thịnh, trở thành trung-tâm-điểm thương-mãi của xứ Nam-Kỳ cho đến ngày Tây-sơn vào đánh, phá.

(Còn nữa)

PHAN KHOANG

Lược trích ở sách « Lịch-sử xứ Đàng-trong » sắp xuất bản.

SÁCH THAM KHẢO

Histoire du Cambodge depuis le 1er siècle de notre ère của Leclère.

Le Khmers của André Migot.

Histoire du Cambodge của Dauphin Meunier.

Histoire du Laos français của Paul de Boulanger.

Đại Nam thực-lục tiền biên.

Đại Nam liệt truyện tiền biên.

Gia-định thông chí của Trịnh Hoài Đức.

Vũ biên tạp lục của Lê Quí Đôn.

(1) Danh-từ thời ấy chỉ người Nam-dương, người Mã-lai.

www.hoangsa.org

NGUYÊN NHÂN KHÔ HẠN của MIỀN PHAN

NGUYỄN HUY

Việt Nam nằm trong vùng khí hậu Á Châu gió Mùa. Chính hệ thống gió này đã ấn định rõ rệt 2 mùa tại Việt Nam : mùa mưa do gió TN mang vào và mùa khô của gió Mùa ĐB. Từ lâu gió Mùa vẫn được giải thích theo quan niệm nhiệt học của HALLEY (1686) : Từ tháng 10 đến tháng 4 áp xuất trong vùng hồ Baïkal lên cao đến 800mm/Hg tạo nên trung tâm cao áp với những khối khí lạnh lan truyền xuống miền Nam rất nhanh ; đó là gió mùa Đ B. Trái lại đến mùa Hạ (tháng 5 → tháng 9) ở TB Ấn Độ được cấu tạo 1 trung tâm hạ áp bành trướng dần về hướng Đông. Trung tâm này « hút » không khí từ vùng cao áp đại dương vào tạo nên gió Mùa TN ở Việt Nam. Hiện nay nguồn gốc gió Mùa được giải thích theo nhiều quan niệm khác nhau : gió Mùa tức là gió mậu dịch đổi hướng ; Flohn cho rằng đó là sự chuyển động bình thường những khu vực không gian của không khí luân lưu trên mặt địa cầu... (1)

Sau gió Mùa, yếu tố chính chi phối khí hậu VN và ấn định đời sống nông nghiệp, ta phải kể đến ảnh hưởng của địa thế núi non làm cho khí hậu VN thiếu đồng nhất. Những dãy núi hướng vòng cung và TB-ĐN tạo nên những hành lang để khối khí lạnh Hoa Nam tràn xuống Bắc Việt đến tận đồng bằng Thanh Hóa rồi mới bị bình phong Hoành sơn ngăn

(1) P. PEDELABORDE, les moussous, lib. Armand Colin 1958, tr. 10.

www.hoangsa.org

chặn lại. Phía Nam Hoành sơn thì dãy Trường sơn và các cao nguyên trung phần tạo thành nhiều miền khí hậu khác nhau. Sau khi đem mưa cho bình nguyên Cửu long, gió Mùa TN ẩm ướt trút nước xuống vùng cao nguyên nhất là trên những sườn dốc « lộng gió » (au vent) ; trong khi đó vì nằm khuất sau núi và cao nguyên, cả vùng duyên hải từ Hoành Sơn đến mũi Dinh mưa rất ít (Trung bình từ 50 đến 100m/m mỗi tháng). Trái lại đến mùa Đông (tháng 10 đến tháng 4), miền duyên hải và các triền núi « lộng gió » nhìn ra biển hứng được rất nhiều mưa của gió ĐB mang hơi nước của Đông Hải vào. Giả thử miền cao nguyên núi non trên không có thì cả vùng rộng lớn từ Hoành Sơn đến mũi Dinh sẽ lần lượt nhận được mưa của cả 2 gió Mùa ; dĩ nhiên suốt năm chỉ có một mùa : mùa mưa.

Như vậy ảnh hưởng của địa thế rất quan hệ trong việc phân phối vũ lượng ở VN và chính địa thế đã ấn định rõ rệt hai mùa nắng (khô) mưa (ẩm) ở đây. Tuy ảnh hưởng núi non

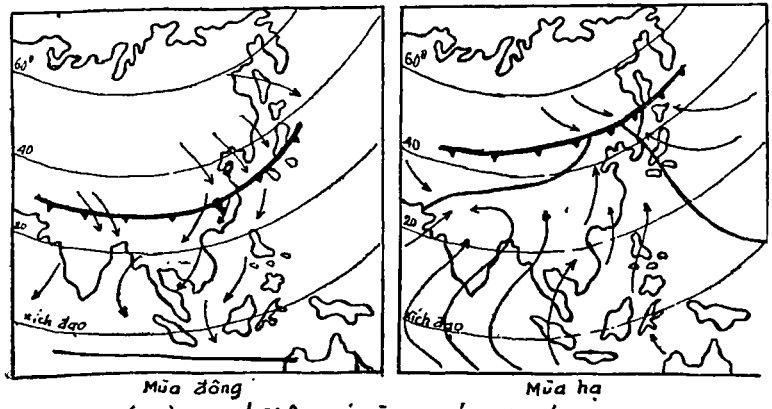

(H.1) Á Châu gió mùa : gió mặt đất

: mặt giáp khí cực đới

: vùng tụ khí trung chí tuyến

: gió lạnh và khô.

: gió ẩm.

(vẽ theo P PÉDELABORDE)

www.hoangsa.org

(1) quan trọng như vậy nhưng phần lớn lãnh thổ VN đều nhận được trung bình hàng năm số vũ lượng trên 1500m/m, riêng chỉ có khí hậu Phan Rang — Phan Rí là bị chi phối sâu đậm bởi yếu tố địa thế, hướng gió và một số nguyên nhân đặc thù khác làm cho vùng này trở nên khô hạn nhất VN với vũ lượng trung bình hàng năm là 400 đến 700m/m. Do đó trong bài này chúng ta thử tìm những nguyên nhân chính của sự khô hạn ở Phan Rang — Phan Rí.

VŨ LƯỢNG TẠI PHAN RANG — PHAN RÍ.

Vùng này nằm ở tận phía Nam duyên hải Trung Việt. Ba phía là núi non chỉ có phía Đông là hướng ra Đông Hải (*Hình 2*).

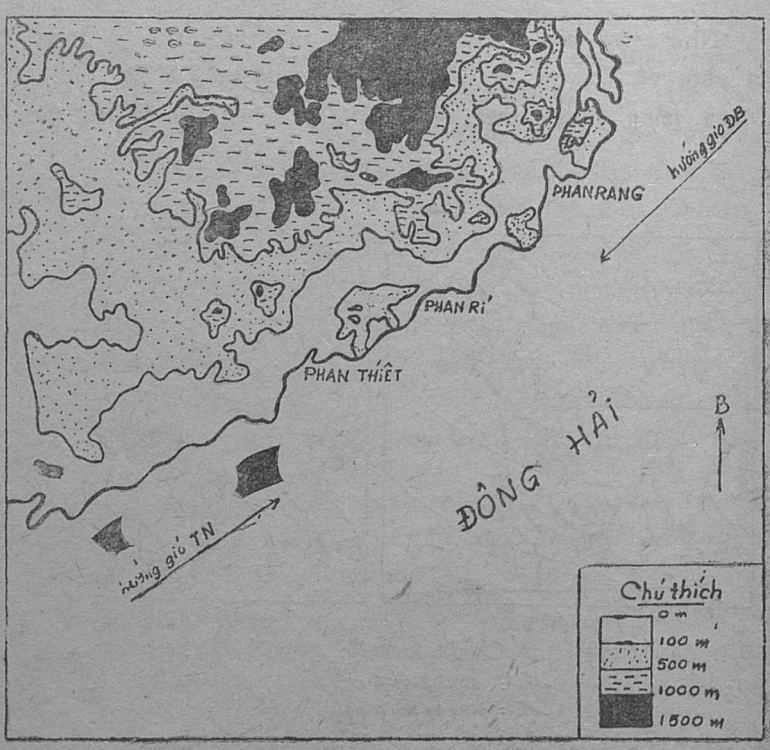

(Hình 2)

(1) 3/4 lãnh thổ VN là núi và cao nguyên.

www.hoangsa.org

PHAN RANG *(Hình 3.)*

Trong những năm quan trắc 1927-1944 và 1957-1963, hàng năm trung bình Phan Rang nhận được 695m/m nước mưa trong 52 ngày. Vào những năm quan trắc 1927-1929 vũ lượng trung bình hàng năm chỉ lên đến 413m/m. Trong khi đó ở những tỉnh lân cận như Đà Lạt nhận được 1769m/m trong 168 ngày mưa, Nha Trang 1356m m trong 116 ngày, Phan Thiết 1187m/m trong 97 ngày... Bảng phân phối vũ lượng của Phan Rang trong thời kỳ quan trắc trên cho ta thấy mùa mưa chỉ kéo dài trong 3 tháng (tháng 9, 10, 11). Vũ lượng trung bình hàng tháng không bao giờ vượt quá 185m/m. Theo bản phân phối vũ lượng chúng ta có những nhận xét sau :

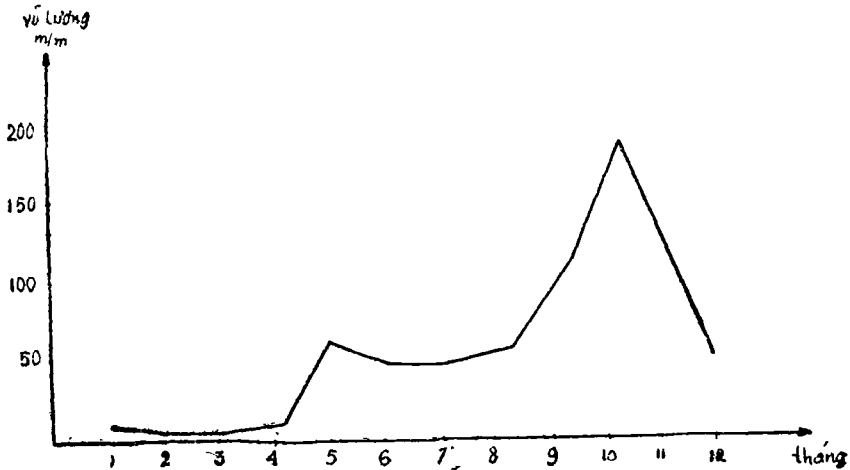

(H.3) Biến chuyển vũ lượng tại Phan Rang
(Năm quan trắc : 1927-44, 1957-63)

— Tháng giêng, 2, 3, 4 là thời gian của mùa khô hạn hoàn toàn. Trung bình số ngày mưa hàng tháng là 1 và vũ lượng không vượt quá 20m/m. Trái lại cũng trong thời gian này miền duyên hải từ Hoành Sơn đến Nha Trang vẫn có mưa do gió Mùa ĐB mang lại.

www.hoangsa.org

— Tháng 5, 6, 7, 8 mưa gia tăng dần dần nhờ gió Mùa TN nhưng vũ lượng hàng tháng vẫn từ 40 đến 69m/m. Thực sự thời kỳ này là sự kéo dài của mùa khô hạn trên.

— Tháng 9, 10, 11 là mùa mưa của Phan Rang với vũ lượng trong bình hàng tháng trên 100m/m. Đây là thời gian chuyển tiếp giữa 2 luồng gió Mùa. Sở dĩ từ tháng 9 đến tháng 11 Phan Rang mưa nhiều vì sự hiện diện các thiên khí đê và bão tố trên Đông Hải (Mer de Chine). Dù chỉ ở ngoài khơi các thiên khí đê và bão tố vẫn đem mưa lại cho miền duyên hải Trung Việt. Vào khoảng từ tháng 9 nhiều trung tâm cao áp được cấu tạo trên lục địa Trung hoa đưa đến hậu quả là qui đạo của bão tố xuất xứ từ Thái bình Dương bị đẩy lui xuống phía Nam. Do đó sự kiện trên làm gia tăng cường độ của gió Mùa ĐB. Sự phối hợp của 2 yếu tố khí hậu trên (thiên khí đê và cường độ gió mùa Đông) sanh ra mưa lớn và nhiều khi làm cho Trung Việt lụt lội. Nhờ vậy mà Phan Rang mưa nhiều vào 3 tháng trên.

PHAN RÍ. *(Hình 4).*

Cảnh trí của đồng bằng duyên hải Phan Rí cũng gần giống như ở Phan Rang. Chỉ có một điểm địa lý khác biệt là ở phía Nam Phan Rí, rặng Trường Sơn tạo nên một hành lang rộng khoảng 20km và cao từ 30 đến 80m. Chính nhờ ở hành lang này và vùng cao nguyên Tây Nam tương đối thấp để gió ẩm có thể vượt qua mà chế độ mưa của Phan Rí gần giống như ở miền Đồng Bằng Nam Việt. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10. Tháng 11 đến tháng 4 là mùa khô Vũ lượng trung bình hứng được hàng năm là 770m/m trong 70 ngày. Mưa nhiều hơn hẳn miền Phan Rang nhưng hãy còn thấp nếu so sánh với những miền khác ở Nam Việt, chế độ mưa từng tháng ở Phan Rí cho ta những nhận xét sau:

— Tháng 1, 2, 3, 4 là thời kỳ mùa khô. Trong những năm quan trắc 1942-43, tháng 2 không có một giọt mưa. Độ ẩm tương

www.hoangsa.org

đối cũng rất thấp (70 đến 75 %) (1). Lý do khô hạn là miền duyên hải lộng gió (au vent). Bão Trung Việt đã hứng hết nước mưa của gió Mùa ĐB ẩm mang vào.

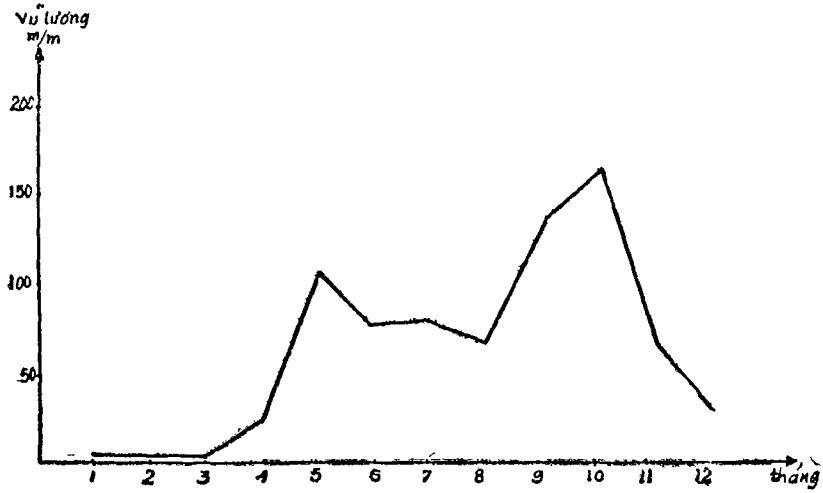

(H.4). Biến chuyển vũ lượng tại Phan.Rí
(Năm quan trắc : 1942 - 43)

— Tháng 5, 6, 7, 8, 9, 10 là mùa mưa, gió Mùa TN đã mang mưa lại cho Phan Rí, nhưng vũ lượng hàng tháng chỉ vào khoảng 100 m/m và chẳng quá 162 m/m. Vũ lượng tối đa ở tháng 5 và tháng 10.

— Tháng 11, 12 mưa vẫn còn nhưng rất ít. Mưa vào thời kỳ này đều do các thiên khí đê ngoài khơi Đông Hải mang lại.

Tóm lại với chế độ mưa vừa được trình bày như trên, Phan Rang—Phan Rí là vùng khô hạn nhất Việt Nam. Theo ông Dufeil, đây cũng là vùng duy nhất ở Đông Nam Á có điều kiện khí hậu của miền đồng cỏ khô cằn (steppe) (2). Để giải thích,

(1) BRUZON E., CARTON P., le Climat de l'Indocnine et les typhons de la mer de Chine, Edit, de la Sté de géographie, Hanoi 1930, Tr. 99.

(2) M. M. DUFEIL, Manuel de Géographie du V N., fasc. 1, Kim Lai Ấn Quán Sàigòn 1957, Tr. 88.

www.hoangsa.org

chúng ta sẽ lần lượt nêu lên những lý do chính như hướng gió, địa thế núi non, hiện tượng bốc hơi, đối rừng v.v...

GIỮA HƯỚNG GIÓ VÀ HÌNH DẠNG BỜ BIỂN.

Từ dãy Hoành Sơn đến Quảng Ngãi, hàng năm gió Mùa Đ.B, mang mưa lại cho miền duyên hải và các triều dốc phía Đông của dãy Trường sơn. Mưa nhiều vì bờ biển nằm thẳng góc (hướng TB-ĐN) với hướng BN của gió ẩm mùa Đông. Ngoà ra triều dốc thẳng đứng phía Đông của Trường sơn được co như tấm bình phong đứng hứng nước của gió Mùa ẩm ướt đó

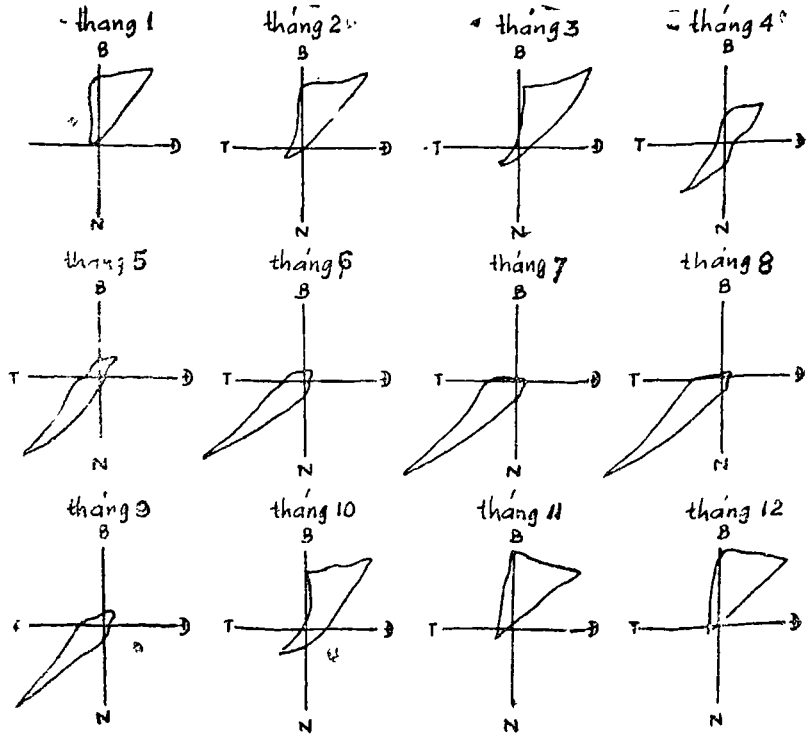

(#5) Hướng gió chính ở mũi Dinh

www.hoangsa.org

Từ tỉnh Qui Nhơn đến Nha Trang, bờ biển lại chạy dài theo hướng BN tức gần như song song với hướng gió Mùa mùa Đông. Hơn nữa ở đây nhiều nhánh núi của rặng Trường Sơn lại đâm ra tận biển (thí dụ như Đèo Cù Mông, mũi Varella ..) cắt bình nguyên duyên hải ra từng mảnh và tạo thành những bình phong ngăn chặn ảnh hưởng của gió Mùa ĐB mang hơi ẩm xuống phía Nam. Hậu quả là vũ lượng hàng năm giảm dần dần từ Bắc xuống Nam:

Qui nhơn : 1704 m/m,

Nha Trang, 1356 m/m,

Bắt đầu từ tỉnh Phan Rang bờ biển uốn cong theo hướng ĐT, như vậy nằm theo chiều song song với cả hai hướng gió Mùa. Sự kiện này giải thích một phần nào vũ lượng thấp từ Phan Rang đến Phan Thiết, như vậy nghĩa là giữa chiều hướng của bờ biển và hướng gió thổi có một sự liên quan mật thiết để ấn định chế độ mưa của vùng đó. Tuy nhiên nguyên nhân trên chưa đủ để giải thích khí hậu khô hạn ở Phan Rang — Phan Rí, chúng ta còn phải khảo sát kỹ lưỡng ảnh hưởng của núi non trong vùng này.

GIỮA HƯỚNG GIÓ VÀ BÌNH PHONG NÚI.

Để có thể giải thích rõ ràng chế độ mưa tại Phan Rang — Phan Rí, điều kiện tối cần thiết là phải thấu hiểu sơn hình học (orographie) tại đây. Đồng bằng duyên hải Phan Rang — Phan Rí là một hình vòng cung được núi non che chở 3 phía, riêng có phía ĐN nhìn ra biển thì lại song song với cả hai chiều hướng gió Mùa. Chính những dãy núi này đã ngăn cản hữu hiệu gió Mùa mang mưa lại cho vùng đồng bằng.

PHAN RANG.

Đồng bằng duyên hải Phan Rang rộng khoảng 200 cây số vuông, được các khối núi non cao độ trung bình từ 1.000 đến

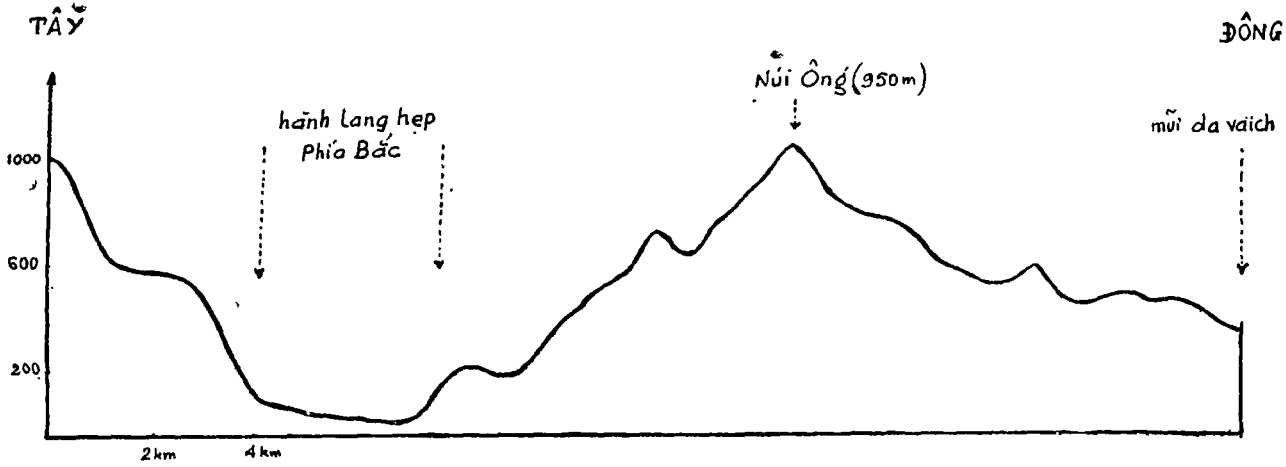

(H.6) Bình phong núi non Bắc Phan.Rang

www.hoangsa.org

www.hoangsa.org

1.500m che chở 3 phía (Bác, Tây, Nam). Phía Bắc và Tây, cao nguyên Lang Biang với nhiều đỉnh cao như Bi-doup (2267), Lang Biang (2136)... chạy dài ra tận biển và cấu tạo tại phía Bắc Phan Rang một bình phong núi non (hình 6) ngan chặn gió Mùa Đ.B. Hơn nữa khi thổi tới bình phong này thì gió Mùa ĐB ẩm ướt cũng đã trở nên khô ráo vì một số lớn hơi nước của gió đã bị mất khi vượt qua các cao nguyên Jaraï. Darlac.. và qua các bình phong núi non nằm ở Bắc Nha Trang thí dụ như ở bình phong núi Vọng Phu là nơi tập trung của các gia đình mây (familles de nuage).

Ở phía Nam Phan Rang, cao nguyên Di Linh chạy dài đến mũi Dinh và dựng lên tại đây một bình phong núi non với cao độ 629m (núi Đèo Cả) 644m (núi Dabac) ở ngay bờ biển. Bình phong này ngăn chặn hơi ẩm của gió Mùa TN tràn vào vùng đồng bằng (*xem hình 7*).

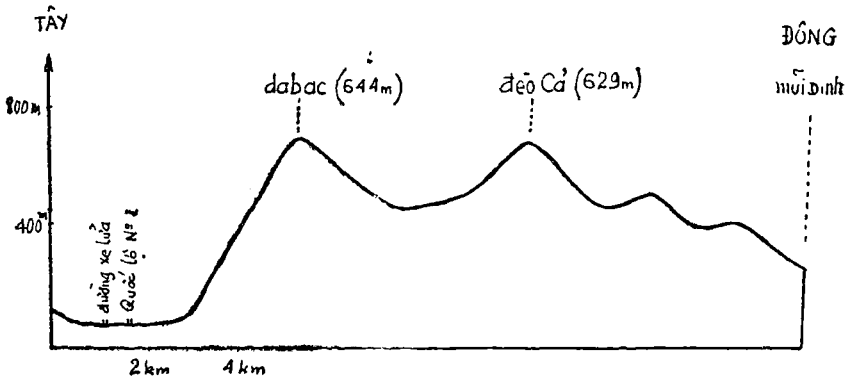

(H.7). Bình phong núi non Nam Phan Rang

PHAN RÍ.

Ở phía Bắc, Phan Rí được tỉnh Phan Rang ngăn cản hộ ảnh hưởng của gió Mùa ĐB; nhưng quay về phía Nam thì đồng bằng Phan Rí cùng với đồng bằng Phan Thiết tạo nên một hình vòng cung dựa lưng vào cao nguyên Di Linh ở phía Bắc và

www.hoangsa.org

Tây còn ở phía Nam được bao bọc bởi một khối đồi núi thấp (100m đến 200m). Khối đồi núi này đã đóng vai trò bình phong ngăn chặn và làm suy giảm cường độ mưa của gió Mùa TN trên bình nguyên. Nhưng giữa bình phong và cao nguyên Di Linh lại có một hành lang thấp và rộng (20 cây số) để gió TN có thể mang một phần mưa vào đồng bằng Phan Rí. Ngoài ra cao nguyên Di Linh tương đối thấp nên trong trường hợp gió Mùa TN thổi mạnh và có ẩm độ cao (vào tháng 9, 10) vẫn có thể đem mưa vượt qua cao nguyên vào vùng Đồng Bằng Phan Rí. Vào những tháng gió TN mang mưa tối đa vào cho lục địa, đứng ở đồng bằng Phan Rí ta có thể quan sát hình ảnh ngoạn mục của mưa: gió cuồn cuộn kéo mây đen trèo núi và mưa ào ào đổ từ đỉnh núi xuống đồng bằng. Chịu ảnh hưởng chế độ mưa của gió Mùa TN nên mùa mưa của Phan Rí kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10 gần giống như nhiều vùng ở đồng bằng Cửu Long.

Tóm lại các dãy núi đồi bao quanh Phan Rang — Phan Rí là ranh giới giữa vùng duyên hải khô với các cao nguyên ẩm ướt nội địa. Vào mùa mưa, từ nhà ga Mương Man cách Phan Thiết 10 cây số nhìn lên khối cao nguyên, thường thường ta vẫn thấy bên kia các dãy núi thì sấm chớp, mưa ào ào gió cố đẩy mây đen vượt qua đỉnh núi mà không nổi. Bên này triền núi gần duyên hải trời vẫn quang đãng. Quan sát trên cho ta nhận xét sau: Từ đồng bằng Cửu Long gió TN ẩm ướt leo dần theo triều dốc thoai thoải của cao nguyên, thổi đập vào sườn núi lộng gió bốc lên cao, rồi nở ra theo định luật lý học. Sự nở sẽ làm nhiệt độ hạ xuống. Hơi nước sẽ ngưng tụ thành những hạt nước nhỏ vì sự hạ nhiệt trên để cấu tạo thành các đám mây. Khi những hạt nước này khá lớn thì rơi xuống triền lộng gió tạo thành mưa. Cứ như thế hơi ẩm của gió Mùa TN phung phí dần dần trên những triền lộng gió để rồi sau cùng đổ xuống miền duyên hải Phan Rang — Phan Rí thì gió đã hết hơi nước hoặc chỉ tạo nên mưa nhỏ nhờ hơi nước còn sót lại đã vượt qua được các đỉnh núi cao vì tốc độ gió mạnh. Đây cũng là

www.hoangsa.org

một hiện tượng « Foëhn » vì gió Mùa bị dồn ép trên cao nguyên và trở nên khô hạn ở miền duyên hải. Dù sao chăng nữa việc nghiên cứu hiện tại về triền dốc khô, triền dốc ẩm trong vùng núi non trên vẫn chưa được tường tận bởi thiếu quá nhiều yếu tố và phương tiện. Theo ông Emm. De Martonne « Sự thật, mỗi ngọn núi, mỗi sườn dốc có định luật riêng của nó vì về sự gia tăng độ mưa. » (1) Vũ lượng trung bình biến đổi rất nhiều theo chiều hướng của dốc núi đối với chiều gió ẩm, theo nhiệt độ sơ khởi và độ ẩm của không khí, theo đường đỉnh, đường thung lũng sâu rộng... Hơn nữa chúng ta lại thiếu cả bản đồ có tỷ lệ lớn và một số đài quan sát vũ lượng đầy đủ. Chúng ta hy vọng sau này sẽ có những bài khảo cứu giá trị bổ túc phần thiếu sót trên.

KHÔ HẠN VÌ ĐỐT RỪNG, BỐC HƠI QUÁ MẠNH.

Như trên đã giải thích gió và núi đã làm Phan Rang — Phan Rí khô hạn, nhưng sau 2 yếu tố trên khô hạn cũng còn bắt nguồn từ đốt rừng và bốc hơi. Trên vùng đồi núi bao quanh Phan Rang — Phan Rí, giống dân RAGLAÏ (danh từ do người Chàm đặt có nghĩa là người rừng (homme des bois) đốt rừng làm rẫy một cách bừa bãi để canh tác. Sau thời gian hưu canh một số lớn rừng ở đây đã không tái tạo được. Do đó cả vùng này không còn bảo vệ ẩm độ nữa và làm cho hiện tượng bốc hơi trở nên mạnh gây ảnh hưởng khô hạn cho vùng lân bang tức vùng duyên hải (2).

Sau đó đồng bằng duyên hải lại có quá nhiều bãi cát và đụn cát. Cát sẽ hút nhiệt làm gia tăng sự bốc hơi. Sự hiện diện của khối cát lớn và đặc tính vi khí hậu (microclimat) của miền duyên hải đã làm bốc hơi mạnh nên khô hạn. Theo tài liệu của Nha Khí Tượng, bảng trung bình ẩm độ tính bằng %

(1) Emm. De MARTONNE, Traité de Géographie physique, Tome I. Armand Colin, Paris 1957, trang 318.

(2) Theo Ông Sơn Hồng Đức, Trường Đại Học Văn Khoa Sài-gòn.

www.hoangsa.org

của Phan Rang — Phan Rí cho thấy ẩm độ ở đây rất thấp so với các vùng khác ở Việt Nam :

BẢNG TRUNG BÌNH ẨM ĐỘ TÍNH BẰNG %.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Phan Rang (1)	76.1	76.7	76.7	78 3	81.8	81 2	79.5	80 0	84 5	85 9	83.0	79.6
Phan Rí (2)	74.1	71.6	73 8	75.4	78 5	77.1	77.1	80.9	83 3	85 6	81.1	77 3

(1) Thời kỳ quan trắc ở Phan Rang : 1933-1937
(2) » ở Phan Rí : 1942-1943

Vào mùa hè, trên những bãi cát nóng bỏng của duyên hải Phan Rang — Phan Rí chúng ta đều có thể trông thấy những hạt trắng nhỏ bó trên mặt bãi cát. Đó là những hạt muối đã được mang từ dưới lên trên bởi hiện tượng bốc hơi quá mạnh bằng hệ thống mao quản (evaporation par capillarité). Sau đó cũng vào mùa Hè, mực nước sông « Lòng sông » hạ thấp, trên mặt lớp cát sỏi bên sông xuất hiện những khối trắng đục. Đấy là những miếng soude (NaOH) được đưa lên mặt đất bởi bốc hơi. Tự xưa cũng như ngày nay dân Chàm và Việt đã biết dùng những miếng đó để tắm rửa, lau chùi, lọc nước v.v..

Sau hết để giải thích bổ túc khí hậu khô hạn Phan Rang — Phan Rí, Giáo sư LÂM THANH LIÊM ở trường Đại Học Văn Khoa Sài-gòn đã nêu lên giả thuyết hiện tượng « Upwelling ».

HIỆN TƯỢNG «UPWELLING»

Từ Phan Thiết đến Phan Rang cả hai luồng gió Mùa đều thay phiên nhau thổi song song với bờ biển. Hiện tượng này « *có thể* » đưa đến sự cấu tạo những lòng hải lưu lạnh, như thế có nghĩa nước lạnh từ dưới biển sâu trồi lên trên mặt rồi chảy song song với bờ biển theo chiều hướng của gió Mùa thổi. Dòng hải lưu lạnh này làm hạ nhiệt độ không khí ngay trên mặt đất.

www.hoangsa.org

Dĩ nhiên, phát xuất từ vùng biển lạnh, những khối khí này sẽ trở nên nóng khi tràn vào trong nội địa bởi vì khối khí đó đã tách xa dần khỏi độ ngưng tụ (1). Chính vì lý do này mà đồng bằng duyên hải Phan Rang — Phan Rí hứng được ít mưa và khí hậu khô (sec). Để củng cố giả thuyết trên ta có thể đưa ra những thí dụ cụ thể của những dòng nước lạnh chảy song song với bờ bể và tạo nên các vùng khô hạn; đó là dòng hải lưu lạnh Benguella chảy song song với bờ biển Angola và dòng hải lưu lạnh ở bờ biển Perou. Các sa mạc đã được cấu tạo dọc theo bờ biển bởi hai dòng hải lưu trên.

Nếu giả thử giả thuyết trên cũng đúng cho miền duyên hải Phan Rang — Phan Rí thì ở đây ảnh hưởng khô hạn của lòng nước lạnh rất bị giới hạn bởi lý do sau: mỗi năm gió Mùa đổi hướng 2 lần, dĩ nhiên dòng nước lạnh được cấu tạo và thay hướng chảy 2 lần theo chiều gió; hơn nữa lộ trình của dòng nước lạnh song song với bờ biển quá ngắn (từ Vũng Tàu đến Phan Rang có 250 cây số). Sự kiện trên chứng tỏ hiện tượng Upwelling (nếu có) thì cũng chỉ là nguyên nhân khô hạn nhỏ bé sau cùng. Cho đến nay giả thuyết trên chưa được xác nhận vì chúng ta còn phải chờ đợi sự khảo cứu sâu rộng của ngành Hải dương học Việt Nam.

Tóm lại khí hậu khô hạn của Phan Rang — Phan Rí là một trường hợp đặc biệt nhất Việt Nam. Nền nông nghiệp cũng chịu ảnh hưởng nặng nề của sự khô hạn đó. Thường số lượng mưa không đủ để cây lúa tăng trưởng điều hòa, nông dân phải xây đập, đào kênh, mương để tát hoặc bơm nước từ sông vào ruộng. Việc trồng lúa thật là vất vả lại tốn kém, năng xuất thì thấp. Từ 1954 đến nay đã có nhiều dự án cải tiến được thực hiện để cung cấp

(1) Ch. P. PÉGUY, Précis de climatologie, Masson et Cie Editeurs, Paris 1961, trang 81.

www.hoangsa.org

đầy đủ nước cho ruộng lúa: dự án đào kênh rạch, đặt trạm bơm hút nước từ sông đưa lên tận các ruộng cao và xa lòng sông; dự án xử dụng nước từ đập thủy điện DANHIM dẫn xuống đồng bằng duyên hải v v. (1) Ngoài việc thực hiện các dự án trên Bộ Canh Nông cũng đã nghĩ đến xét lại toàn diện thảo mộc trồng tỉa tại đây để thử du nhập các loại cây thích hợp với điều kiện khí hậu khô hạn này thí dụ như cây olive, nho... (2). Tuy khô hạn nhưng khí hậu Phan Rang — Phan Rí có nhiều đặc tính giống với khí hậu địa trung hải nên sức khỏe dân chúng địa phương rất dồi dào, đời sống dễ chịu. Nếu giải quyết được các khó khăn nông nghiệp do yếu tố khí hậu khô hạn gây nên thì đời sống kinh tế ở đây sẽ rất là sung túc.

NGUYỄN HUY

---

(1) Xem tài liệu ở Nha Thủy Nông bên Thị Nghè với nhiều dự án cải tổ của chính phủ và chuyên viên công ty ngoại quốc như PARSONS Cie.

(2) Đã được trồng thử ở miền Vĩnh Hảo Nam Phan Rang, nho màu xanh hơi chát và bé hơn nho giống.

CÔNG-TY THỦY-TINH VIỆT-NAM

Công-Ty nặc danh vốn 170.000.000 $ VN

CHUYÊN SẢN XUẤT VE, LỌ ĐỦ LOẠI VỚI KỸ THUẬT VÀ MÁY MÓC TỐI TÂN NHẤT VIỆT-NAM.

TỐT VÀ RẺ HƠN SẢN PHẨM NGOẠI QUỐC

— Trụ-Sở Chánh : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI
SAIGON — Đ. T. : 93.149

— Trụ-Sở Thương-Mãi : 16-18, Hai Bà Trưng (Lầu I) — SAIGON
Đ. T. : 25.198

— Nhà Máy : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI
SAIGON
Đ. T. : 93.149

www.hoangsa.org

SỰ QUAN HỆ CỦA BÁC-CỔ HỌC-VIỆN ĐỐI VỚI VĂN HÓA NƯỚC TA

nguyen tác hán văn : SỞ CUỒNG
* BỬU CẦM — CẦM HÀ dịch

Có một dân-tộc tất có nền văn-hóa của dân-tộc ấy. Phàm trong lịch sử, hiến-chương, phong-tục, tập-quán cho đến danh thắng cổ-tích, không gì là không thể nghiên-cứu giá-trị của nó Kẻ có chí thử để tâm khảo-xét thì biết được nước ta ngày nay có núi sông như hoa như gấm ; một ngọn cỏ, một gốc cây, không cái gì không là kết-tinh của văn-hóa ta đời trước.

Nhìn lại người nước ta, đại-khái tư-tưởng ái-quốc thiếu sót nhiều, thường chuộng nay khinh xưa, biết gần quên xa ; cho đến nỗi sự nghiệp của dân-tộc ta mấy ngàn năm nay, như khói tan băng rã, vô luận tìm ở sách vở thì đã mất mát nhiều, còn tìm ở các di-tích cũng đổ nát gần hết. Thật đáng tiếc biết chừng nào Than ôi ! Cảnh không thay đổi, tuyết vẫn rơi ở Tân-đình nhưng thành-quách một nửa đã khác xưa, thật đau lòng cho kẻ đặt tin-tưởng vào nước nhà. Hễ đã có quan-niệm về bảo-tồn văn-hóa thì không thể không lo nghĩ tới điều đó.

Từ khi « Chính-phủ Bảo-hộ » qua Đông-dương, đã có nhiều văn-học-gia lưu-tâm đến việc bảo-tồn văn-hóa nước Nam, vì cho rằng một dải non sông này được lập nên từ rất xưa, xem những điều chép trong các pho sách nát, hoặc còn lưu lại trong những tấm bia, cũng đủ giúp cho công việc nghiên-cứu, huống tìm dấu

www.hoangsa.org

vết nơi những đình-đài xưa hoặc đào bới được những cổ-vật dưới đất, thì biết văn-minh thời cổ thật là đáng kể; cho nên không thiếu người theo tư-tưởng khoa-học, chuyên việc nghiên-cứu nói trên. Tuy-nhiên, công việc này không phải một hai người mà làm được, cũng không phải trong chốc lát là xong được. Do đấy, Bác-cổ học-viện được sáng-lập. Nay trình-bày lại công cuộc sáng-lập cùng nội-dung của nó như sau:

Ngày 15 tháng 12 năm 1898, toàn-quyền Đỗ-mỹ-Thị (Doumer) bắt đầu ra một nghị-định lập một Khảo-cổ học-hội gọi là Thám-quật cổ-tích hội (Mission archéologique). Thành-lập được hơn một năm, muốn mở rộng phạm-vi, nên đổi tên là Pháp-quốc viễn-đông học-viện (Ecole Française d'Extrême-Orient). Hồi mới lập nên, học-viện này đặt tại Sài-gòn. Ngoài học-viện, còn lập thêm Thư-viện và Viện Bảo-tàng. Đến năm 1901, phủ toàn-quyền dời ra Hà-nội, học-viện cũng dời theo, chỉ có Viện bảo-tàng gặp nhiều trở-ngại nên chưa dời đi. Năm 1902 thì sách vở hoàn-toàn dời sạch. Năm đó Hà-nội mở bác-lãm-hội. Các phẩm-vật quý giá trong Viện Bảo-tàng phần nhiều đem ra triển-lãm để công-chúng ngắm xem, rất được hoan-nghênh. Sau khi bác-lãm-hội bế-mạc thì các phẩm-vật quý giá lại được để yên tại đấy. Đến ngày 7 tháng 10 năm 1903 Hà-nội gặp bão lớn, nguyên hội-trường Bác-lãm-hội bị sụp đổ, các phẩm-vật bị hư-nát gần hết, bèn thâu-thập lại để một nơi riêng, vì có ý đợi thành-lập một Viện Bảo-tàng mới, sau đó mới bắt đầu chưng bày.

Năm 1904?, quan toàn-quyền bằng lòng cho xây Học-viện. Năm 1905, thư-viện cùng nơi làm việc bắt đầu dời hết vào đấy. Cũng năm đó, lại xây một tòa nhà lầu kiến-trúc theo Tây-phương làm chỗ ở của quan Tổng-biện. Năm 1906, lại xây thêm một sở lầu tây làm chỗ ở cho các viên chức làm việc. Năm 1906 quan toàn-quyền phê-chuẩn lấy phủ toàn-quyền cũ làm Viện Bảo-tàng. Năm 1912, lại xây thêm một cái kho bên phải Học-viện để chứa đồ vật. Từ đó, các cơ quan của Học-viện đều được sắp đặt đầy đủ.

www.hoangsa.org

Học-viện này là hội nghiên-cứu lịch-sử cổ-điển cùng triết-học trong nước và các quốc-gia Á-đông khác như Trung-hoa, Nhật-bản, Ấn-độ, không giống các học-hiệu khác. Các viên-chức làm việc thì có quan Tổng-biện và các sinh-viên. Quan Tổng-biện do Quốc-gia công cử bổ-nhiệm, các sinh-viên do Hàn-lâm-viện cùng quan toàn-quyền đồng-ý bổ-nhiệm.

Về phương-tiện khoa-học và sinh-viên, Hàn lâm-viện đối với Học-viện này có trách-nhiệm kiểm-soát. Học-viện này có vấn-đề nào quan-trọng, Hàn-lâm-viện được tỏ-bày ý-kiến để giúp quan toàn-quyền cùng quan Tổng-biện lựa chọn mà thi-hành.

Về tư-cách sinh-viên thì có hai hạng: một hạng là sinh-viên tạm thời, tốt-nghiệp các trường Cao-đẳng, Đại-học, hoặc các trường ngôn-ngữ của các nước Á-đông và các sinh-viên trúng-tuyển ở trường mỹ-thuật. Có 3 người được nhập ngạch, nhiệm-kỳ là một năm. Sau khi mãn hạn, nếu được quan Tổng-biện đề-cử sẽ được lưu-nhiệm.

Một hạng là sinh-viên vĩnh cửu; hạng sinh-viên này cách tuyển chọn cũng như sinh-viên tạm thời, nhưng không có hạn kỳ, thường tuyển chọn giữa sinh-viên tạm thời làm việc lâu năm, có thành-tích; các sinh-viên vĩnh-cửu chia nhau phụ-trách các khoa nghiên-cứu trong học-viện: hoặc khảo-cứu về Trung-hoa cùng Việt-nam, hoặc về Ấn-độ cùng các xứ thuộc thống-hệ Ấn-độ, hoặc khảo-cứu về Nhật-bản. Lại có lập một cơ-sở đặt tên là «Thám-quật cổ-tích cục» (Service Archéologique), tuyển một người cao-cấp nhất trong các sinh-viên sung làm giám-đốc, dưới quyền có nhiều sinh-viên phụ-trách việc bảo-tồn Đế-thiên Đế-thích và khảo-sát các cung-điện chùa-chiền xưa của Việt-nam.

Ngoài các sinh-viên, Học-viện này ở các thuộc-địa cùng ở ngoại quốc đều có đặt một phỏng-sự-viên. Phỏng-sự-viên do quan toàn-quyền chấp-thuận. Phỏng-sự-viên nào có chí sưu-tầm các cổ-điển có nhiều điều bổ-ích cho công việc của Học-viện này, thì 3 năm mãn hạn, muốn xin triền-hạn cũng được.

www.hoangsa.org

Năm 1907, quan toàn-quyền trích một số tiền lớn gởi cho Văn-bộ đại-thần nước Pháp để tiện mở thêm một ngành học ở cấp đại-học Pháp, dạy về lịch-sử và ngôn-ngữ Việt-nam, bổ thầy dạy các môn ấy kiêm chức đại-biểu Học-viện tại Pháp-quốc.

Cơ-quan chủ-yếu của Học-viện này là Thư viện và Viện Bảo-tàng.

Thư-viện.— Học-viện này mới lập đã có thư-viện Sách vở, hoặc do người ta gởi tặng, hoặc mua lấy nên rất dồi-dào mà hàng năm vẫn còn được tăng thêm nhiều. Nay theo biểu-kê trong thư-viện, những sách vở sưu-tập được như sau: Một là loại sách thuộc về Việt-nam, hoặc đã xuất-bản hoặc chép lại, một là loại sách chép về việc các quốc-gia Âu-Á.

Thư-viện này hiện chia làm 7 bộ-phận: một là sách Pháp-văn hiện đã được 6.300 bộ, 15.000 quyển; một là sách Hán-văn hiện đã được 2 700 bộ, 12.000 quyển; một là sách Hán-văn của Việt-nam gồm 1.557 bộ, 1.900 quyển; sách Quốc-văn 315 bộ, 350 quyển; sách do Trung-hoa in lại có 351 bộ, 530 quyển; sách chép về phong-tục 1.800 quyển; tổng cộng 22.003 bộ, 4 580 quyển (1); Một là Nhật-văn hiện đã được 1.285 bộ, 6.400 quyển; Một là sách các nước chép lại như: sách Cao-mên có 329 quyển, sách Lào 645 quyển, sách Xiêm 26 quyển, sách Thái 93 quyển, sách Chiêm 34 quyển, sách Miến-điện 12 quyển, sách Mông cổ 111 quyển, sách La-la 7 quyển, sách Ba-tất 2 quyển, tổng cộng 1.259 quyển. Một là bia đá thác bản; Một là địa đồ. Lại ở Đà-nẵng và Cao-mên, Ai-lao đều có thư-viện nhỏ.

Viện Bảo-tàng.— Viện Bảo-tàng lúc mới lập đặt tại Sài-gòn nhưng thành-tích rất nhỏ. Đến năm 1902, dời hết ra Hà-nội. Lúc đó phẩm-vật bị hư bỏ không ít. Tại Cao-mên, thâu-thập được các vật điêu-khắc của người Cao-mên (Khmer). Đến năm 1905, bắt đầu có nghị-định lập một Viện Bảo-tàng tại Cao-mên gọi là

---

(1) Có lẽ nguyên văn in sai vì số quyển ít hơn số bộ.

www.hoangsa.org

« Section des Antiquités Khmères dumusée de l'Indochine). Trước tiên, đem hết những cổ-vật thâu-thập được chưng bày ở Pha-ja Kiều-tư (Vat Prahkès). Sau quốc-vương Cao-mên cũng tự lập một viện Bảo-tàng.

Đến năm 1919, 2 viện Bảo-tàng hợp làm một, cùng lo Học-viện trông coi. Cũng năm đó lại lập một viện Bảo-tàng ở Đà-nẵng để chưng bày các cổ-vật Chiêm-thành, trong đó có nhiều khí cụ tinh xảo rất có giá-trị về mặt mỹ-thuật. Từ đó cổ-vật của Cao-mên và Chiêm-thành đã sẵn có nơi chưng bày, chỉ chọn những vật có giá-trị thật tinh-vi để bày ở Viện Bảo-tàng Hà-nội. Vì vậy, Viện Bảo-tàng Hà-nội có rất nhiều mỹ-thuật-phẩm thuộc Trung-Kỳ, Bắc-Kỳ, Diến-điện, Ấn-độ, Tây-tạng, Trung hoa, Nhật-bản, Cao-ly. Lại có nhiều tiền đồng, tiền chì và những mảnh vụn khí-cụ thường dùng của người Việt-nam vào thời mới biết dùng đồ đồng trước thời có sử sách. Kể những vật chưng ở trong Viện Bảo-tàng Hà-nội: Thuộc Bắc-Kỳ thì có trống đồng cùng những tạp vật dưới đất do người Tàu đào được, đồ sứ, đồ đất đào được ở thành Đại-la, cùng khám thờ bằng đồng, đồ sứ ở Bát-tràng và Thổ-hà, v. v... Thuộc Trung-Kỳ thì có những đồ dùng bằng sứ ở Hóa-châu cùng súng có khảm vỏ sò. Những đồ-vật thuộc Chiêm-thành thì có bút lớn bằng đồng đào được ở Đồng-lương (Quảng nam) và các loại nữ-trang đào được ở Mỹ-sơn (Quảng nam); các đồ dùng bằng đồng thì đào được tại Bình-định. Thuộc Cao-mên và Xiêm thì có những tượng đồng nhỏ cùng những đồ dùng bằng sứ. Thuộc Ai-lao thì có đồ dùng bằng gỗ chạm và bút đồng. Thuộc Ấn-độ thì có đồ chạm. Thuộc Tây-tạng thì có tượng nhỏ bằng hoàng-đồng và khám thờ. Thuộc Trung hoa thì có đồ sứ và tượng bằng đồng bằng ngọc thời Minh và đời Khang-Hy, Càn Long nhà Thanh. Thuộc Nhật-bản thì có đồ bằng sơn-mài, những bức họa xưa cùng các đồ dùng bằng gỗ chạm v. v...

Học-viện này từ năm 1901 đến nay, mỗi năm xuất-bản một loại tạp-chí, kể lại thành-tích khảo-cứu của Viện. Về phương-diện

www.hoangsa.org

khoa-học rất có ích-lợi. Việc khảo-cứu các cổ-điển đã là điều chính của học-viện này, mà việc bảo-tồn di-tích lại là điều rất trọng yếu. Căn-cứ vào nghị-định của quan toàn-quyền năm 1901, thì phàm các cổ-tích đã được quan Tổng-biện học-viện này liệt vào hạng cần được bảo-tồn, thì bất-luận người nào cũng không được hủy-hoại hay sửa đổi. Những đồ vật nào đào được ở dưới đất phải trình rõ cùng quan Toàn-quyền. Quan Tổng-biện đối với bất cứ một cổ-vật gì cũng có trách-nhiệm giữ gìn. Nay ghi những nơi cần được bảo-tồn như sau: Chiêm-thành 60 nơi; Cao-mên 220 nơi. Ai-lao 25 nơi; Bắc-kỳ 7 nơi; Tại Trung-kỳ có 2 chùa lớn hiện đang được trùng-tu, 1 là Phân-na (Po Nagar) ở Nha-trang, 1 là Pha-ḳhông ca-lệ (Po klông Garai) ở Phan-rang. Tại Bắc kỳ thì trùng-tu Văn-miếu, hiện lại ra sức trùng-tu Đế-thiên Đế-thích ở Cao-mên, không để cây cối trong rừng sâu vùi lấp. Sở-phí về việc trùng-tu thì do học-viện này chi xuất cùng chính-phủ Cao-mên giúp thêm.

Học-viện này không phải là nơi dạy các sinh-viên, cho nên chỉ dạy những thứ mà ở các trường học Á-châu không thể dạy được như Hán-văn, Quan-thoại, tiếng Nhật-bản, tiếng Ấn-độ, tiếng Tây-tạng để tiện theo việc khảo-cứu.

Nay lại nói về điểm quan-hệ giữa học-viện cùng văn-hóa nước ta. Xét xem nước ta bắt đầu từ họ Hồng-bàng, rồi Văn-lang, Âu-lạc, trải qua các đời Đinh, Lê, Lý, Trần cho tới ngày nay, kế tiếp nhau hưng thịnh. Trong thời-gian đó, sự di-trú của dân-tộc, sự biến-hóa của chủng-loại, một dải giang-sơn không biết đã trải bao lần suy-thịnh. Nhưng thời đại nào có nền văn-hóa của thời-đại đó. Người xưa không còn, nhưng sự-nghiệp sáng-tạo của họ không thể mất hết được. Tiếc thay, dân ta thường thiếu quan-niệm về kỷ-niệm. Cho nên đối với những gì của người xưa để lại, chẳng phải là không đủ khả-năng để ý giữ-gìn từng lúc mà vì có lòng riêng muốn hủy-hoại. Giá cổ-nhân có lưu lại sự-nghiệp ở nhân-gian thì cũng tiêu-diệt hết rồi mới thỏa lòng. Rốt cuộc, nơi điện cũ của triều xưa, khó tìm cho ra một cái đinh rỉ. Nước xưa cung cũ tuyệt không còn có lấy một mảnh ngói vụn. Không kể xưa từ vài ngàn năm trước thì không còn nữa, mà đến gần

www.hoangsa.org

đây trăm năm trước, 2 họ Lê Trịnh khởi tại Bắc-hà, làm chủ thiên-hạ mà những kiến-trúc nổi tiếng, đã hoang-tàn hư nát chẳng còn Cái nền điện Trung-hoa cũng theo nước sông Nhĩ mà ra bể đông, thành-quách xưa cũng cùng bụi hồng mà về cõi Tây, những kẻ có lòng hoài-cổ nhìn lại phải lấy làm thương tiếc. Thành-quách kinh-tâm, luống xót cây khô quạ đậu; núi sông như mộng, chỉ than chim én hoa lạu! Thật đáng cảm-khích biết chừng nào! Cứ luận theo cái thế phân hợp của thành quách bờ cõi thì Trung-kỳ là nước Chiêm-thành xưa, Nam-kỳ là nước Chân-lạp xưa. Tiền-nhân ta chỉ trong mấy trăm năm đã chiếm lấy và ra sức nới rộng đất đai. Chỉ trong vòng vài trăm năm nay, mà hai nước ấy bị tiêu-diệt hết, thành Lâm-ấp đã ra thiên-cổ, dân-tộc sát-lợi (Chiêm-thành) không còn lại bao nhiêu. Người nước ta dẫm đất ấy, ăn cỏ ấy, há có thể quên cỗi gốc sao! Đó đều là những việc ngày nay nên nghiên-cứu

Đối với di-tích còn lưu lại, viện Bác-cổ để tâm khảo xét, lập cách thức giữ gìn, tìm tòi từng điểm những vật còn sót lại để truy xét sự thịnh-suy của nền văn-học một dân-tộc, cùng sự hơn kém của mỹ-thuật và kỹ-nghệ, đăng trên tạp-chí của học-viện này để công-bố cho đời. Như vậy, sự cống-hiến cho văn-hóa nước ta không gì lớn lao hơn nữa.

Viên Tổng-biện hiện nay của học-viện là Phi-Nộ (Louis Finot) tiên-sinh, đã làm việc lâu năm nên đối với quy-mô của học-viện nhất nhất theo việc mà khuếch-trương, thành-tích lừng-lẫy. Đối với sự-nghiệp văn-hóa nước ta, tiên-sinh thật có công lớn. Còn việc đào bới các nơi có cổ-tích, nhờ có Bá-mẫn-tri-Nhĩ tiên-sinh (Parmentier) lưu tâm tìm kiếm, ở các nơi như Mỹ-sơn, Đồng-đương (Quảng-nam), Nha-trang (Khánh-hòa) đào được rất nhiều các chùa miếu, đình-đài và các bia đá cùng đồ cổ của các triều đại Chiêm-thành xưa. Từ đó, lịch-sử văn-minh của người Chiêm xưa kia có nhiều tài-liệu khảo chứng lớn lao. Những người có chí khảo-cổ hãy đến Viện Bảo-tàng Đà-nẵng, xem xét tất cả các đồ-vật được chưng bày, và đến Đồng-dương, Mỹ-sơn, Nha-trang xem các di-tích, thì biết sự đau thương khốn-khổ của người Chiêm

www.hoangsa.org

về nỗi tôn miếu điêu-tàn, núi sông biến-sắc, nước mất người hết, đồng chìm núi ẩn, mà tìm hiểu lịch-sử họ, dấu vết họ để biết được văn-minh của dân-tộc Chiêm-thành đã sẵn có một lịch-sử vinh-quang mà tiếc cho con cháu họ không gánh vác được nghiệp lớn ấy, đến đỗi phải tiêu vong. Chúng ta thử nghĩ tới nguyên do mạnh được yếu thua và thảm trạng kẻ mạnh nuốt kẻ yếu mà thương thay cho người Chiêm, thương thay cho các anh hùng sáng-lập nước Chiêm, như Khu-Liên, Phạm-Văn, Phạm-chư-Nông, và thương thay cho con cháu sau này của người Chiêm.

Lại thử đứng về phương-diện lịch-sử nước ta mà bàn, từ đời Hồng bàng đến nay hơn 4.000 năm, nhưng tìm trong sử sách thì các thời thượng-cổ và cận cổ không được ghi chép xác-đáng, mà có chăng đi nữa cũng chép một cách rời-rạc, khảo chứng thật là khó khăn, khiến cho người nghiên-cứu cổ sử thật chẳng khác gì lạc giữa sương mù. Thật là đáng tiếc! Chỉ từ Đinh, Lê, Lý, Trần trở về sau hơi có manh mối; tiếc là loạn-lạc liên-miên, nên tản mác ít còn. Vào thời nhà Minh chiếm nước ta, sách vở bị cướp đoạt chở đi mất. Vì vậy muốn tìm sự tích các thời đại trong lịch-sử mà thiếu sót nhiều, khiến các nhà sử-học không vừa ý. Từ khi thư-viện của Học-viện được thành-lập, tìm khắp các nơi mua với giá đắt, nên các sách bị hư hỏng hãy còn sót lại, và các thẻ ngà cất dấu trong nhà mới lần lượt ra đời, từ sự phân-tán mà gom góp thành pho. Hiện trong thư-viện có đến 4.500 quyển. Muốn khảo-cứu cổ-sử Việt-nam thì ở đây đã bắt đầu có tài-liệu. Vả lại từ khi Âu-lư Thoa tiên-sinh (Aurousseau) làm giám-đốc học-viện này, trong viện được sửa-sang ngăn-nắp, mà thư-viện càng được tiên-sinh chú ý. Thư-viện này trước có tính chất là một nơi đến để xem sách và mượn sách nên người đến đọc sách và mượn sách không thiếu gì, vì vậy, sách vở hoặc thất lạc, hoặc thiếu mất khá nhiều. Lắm người tới xem, trật-tự trong học-viện cũng bị xáo trộn không ít. Tiên-sinh do đó cho chỉnh-đốn lại. Nay thư-viện có tính chất của trường học. Tất cả sách vở chỉ để người trong học-viện nghiên-cứu, không cho người ngoài mượn xem, mà người đến đọc cũng cần được viên

www.hoangsa.org

giám-đốc chấp-thuận. Từ đó người ta bắt đầu xem sách tại học-viện này trong thời-gian làm việc, nên sự mất-mát không còn nữa. Sách vở nước ta xưa nay bị mất-mát nhiều nên lịch-sử và địa-dư nhiều khi không khảo-cứu được. Sự thay đổi của đất đai lại càng thiếu sót Mấy năm gần đây, tiên-sinh lưu-tâm sáng-tác đã viết một quyển tự-điển về sự duyên-cách của địa-dư Việt-nam, nội-dung dồi-đào, tra-xét xác-đáng, độc-giả nhìn vào có thể thấy rõ. Tôi biết là một khi sách xuất-bản, mọi người không thể không giữ lấy một quyển, mỗi nhà không thể không cất một quyển. Những điều trước kia còn mơ-hồ nay được một quyển sách như vậy thì biết rõ-ràng như trong chỉ tay. Đến như về các phương-diện khác cần nghiên-cứu, thì học-viện này đã nghiên-cứu kỹ và viết thành sách, cho nên bản chất của nền văn-minh cổ-đại nước ta đều có chứng-cứ chắc-chắn, giúp ích cho học-giả nước ta sau này thật là không ít Vì thế, tôi mới bảo học-viện này đối với lịch-sử văn-hóa nước ta có sự quan-hệ rất lớn lao vậy.

Sở-cuồng Lê Dư

(*Nam-phong tạp-chí*, số 88, tháng X-1924, phần chữ Hán, tr. 61 — 64 ; số 89, tháng XI-1924, tr. 85 — 87).

CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐỒNG-NAI
(Société de Papeterie et de Produits Chimiques du Donnai)
COGIDO
CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN 213.180.000$00
Trụ sở 17, Bến Chương-Dương, SAIGON
Nhà máy An-Hảo — BIÊN-HÒA
Văn-phòng Thương-Mại 3, Võ-Di-Nguy, SAIGON
Điện-thoại : 25.659
▽
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI
Giấy in Giấy viết
Giấy bìa Giấy gói
Giấy Duplicateur Giấy Bristol
Carton DUPLEX Carton gris
Carton paille
NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

www.hoangsa.org

DẪN VÀO LỊCH-SỬ

1 Sử học là điều kiện cần thiết trong tri thức một con người văn hóa. Người có văn hóa có thể không biết đến Toán học hay Hóa học hay Kỹ thuật. Vì đây là những chuyên môn, và chúng ta chỉ cần ở cnúng những kết quả. Nhưng sự hiểu biết Lịch sử, cho dù chỉ là ý niệm thôi, là điều kiện tối cần để hiểu mình và hoàn cảnh xung quanh. Trình độ tri thức của một người tỏ lộ rõ rệt nhất qua cách đó.

Một người vô học không thể có được một ý niệm gì về Lịch sử. Ông ta sẽ không hiểu cái nhà thờ kia là kiểu romaine hay gothique và cho dù được người ta bảo, ông ta cũng sẽ không hiểu những tỉnh từ này bao hàm ý nghĩa gì. Ông ta không thể biết nó đẹp hay xấu hay nó đẹp hay xấu như thế nào : vì rằng ông ta không có mẫu mực gì làm căn bản phán xét.

Trong hiện tại, biết bao thanh niên Việt nam đang đi về miền quê nhưng phần lớn mọi người đi khi đôi mắt còn chưa mở. Chính trong sự ngu muội đó mà quê-hương ngày càng bị tàn phá, những di sản của tiền nhân ngày càng tan trong bom đạn.

Thế giới lầm lạc không phải vì sự độc ác của con người mà chính vì thiếu văn hóa, trí khôn và những ý niệm.

www.hoangsa.org

Thật vậy, người vô học không thể cảm thấy sự khác biệt giữa cái này cái kia. Sự đẹp xấu thật ra là do lòng thích hay không thích mà thôi. Mẫu mực không có, nếu có chính là bản năng, chẳng khác gì con mèo thích ăn mỡ, con bướm thích vờn hoa...

Thế giới tri thức của họ thật giới-hạn. Chân trời của họ chết cứng trong báo chí, trong vô tuyến truyền thanh, truyền hình. Một khi trình độ tri thức thấp kém, sự xuất hiện của những nhân vật, những sự việc, những công trình đứng đắn phải nhường bước và đôi khi trở thành lố bịch trước thị hiếu của đám đông. Chúng ta sẽ hiểu vì sao trước 1963, nhật báo SÀI GÒN MỚI được phổ biến nhiều và rộng rãi nhất. Người ta lý luận thế này, tin tức thì báo nào cũng như báo nào, mà đọc SÀI GÒN MỚI lợi hơn các báo khác vì có đăng nhiều tiểu thuyết « mùi ».

Con người chỉ chừng nào biết đến những chứng tích của quá khứ, biết quý trọng một vật gia truyền, biết chăm sóc một ngôi chùa cổ, biết bỏ công tái thiết một cố đô.. chừng ấy con người mới thực sự nằm trong một cộng đồng và củng cố được sợi dây tiếp nối giữa các thế hệ.

Chúng ta không nên và không thể dễ dãi cho Lịch sử nằm trong cái thú đọc sách mà chúng ta sẽ thực hiện lúc về già. Chúng ta phải biết đối diện với tâm hồn khi chúng ta còn trẻ còn hoạt động, còn có thể chạy, nhảy và yêu thương. Chúng ta thích giải trí thì nên hiểu rằng cả đầu óc lẫn trái tim chúng ta đều cần giải trí như nhau cả. Thật thiếu sót nếu chỉ biết đến cuộc sống thể xác. Cũng thiếu sót nếu chỉ biết đến cuộc sống tâm linh. Chúng ta cần một sự quân bình trong cuộc sống, một sự hòa điệu cần thiết để trở nên tươi mát sống động trước những người xung quanh.

Người vô học là những người chưa trưởng thành. Mà ngay cả những người có giáo dục cũng lúng túng trong sự tìm hiểu những vấn đề nếu không nhìn chúng với con mắt lịch sử. Chúng

www.hoangsa.org

ta không thể bàn xét để đánh giá trị một dân tộc nếu chúng ta chưa tìm hiểu họ trong chuỗi dài quá khứ họ. Tôi muốn nói đến trường hợp người Việt Nam phê bình dân tộc Hoa Kỳ qua cung cách bề ngoài của những người Hoa Kỳ trẻ tuổi đang có mặt trên đất nước ta. Trong một trường hợp tương tự, hơn một quốc gia khác đã ngạc nhiên về sức chịu đựng của người Việt Nam chúng ta, về cả hai phe, từ 1945. Họ sẽ không ngạc nhiên nếu họ có đọc và có hiểu Lịch sử dân tộc chúng ta. Họ sẽ hiểu rằng chúng ta có truyền thống đối kháng và chịu đựng và bao giờ cũng vượt qua mọi trở lực.

Thật quan trọng cho quốc gia có được truyền thống đứng đắn về Lịch sử dân tộc. Đó là nguyên động lực tạo nên sức mạnh và sự hợp quần của dân tộc, yếu tố chính của hầu hết những sự thành công. Ngược lại, một truyền thống sai lầm hay giả tạo là cả một mối nguy vong mặc dù trong một thời kỳ nào đó nó có thể hiến cho ta một niềm cảm hứng, một niềm hãnh diện tạo điều kiện thực hiện công cuộc chung. Quốc gia sớm muộn sẽ bị thảm họa nếu Lịch sử chỉ được biết lướt qua. Cả Mussolini lẫn Hitler không ai có được ý niệm thật sự về Lịch Sử. Cả hai chỉ bị khích động một cách rẻ tiền khi họ đọc đến những trang sử bi thảm của quốc gia họ mà thôi.

Trong chiều hướng hiện tại, các Lịch sử của các dân tộc có khuynh hướng hợp nhất vào một nguồn chung, và nhân loại trở nên, nói như Churchill « một cái gì đó trộn lẫn với nhau » (somewhat mixed up together). Chúng ta phải hiểu rõ sự tiến triển chung và riêng trong nhân loại để so sánh, để suy xét và để tiên đoán đường tiến của quốc gia sửa soạn chỗ đứng trong cộng đồng nhân loại. Trong trường hợp này, chúng ta cần phải nghiên cứu Lịch sử của Hoa Kỳ, nghĩa là thấu hiểu truyền thống của họ, yếu tố không bao giờ phát hiện nhưng là yếu tố thứ nhất, tiềm ẩn trong mỗi việc làm nhỏ nhặt thường nhật đến những công cuộc quốc gia đại sự.

Cũng thế, chúng ta phải nghiên cứu Lịch sử của Nga sô, Trung hoa lục địa.

www.hoangsa.org

Nhân loại đang bị chi phối bởi các cường lực đối kháng. Cách riêng, những cường lực ấy đang ảnh hưởng đến xã hội, văn minh và định mệnh nước ta. Chừng nào chúng ta thấu hiểu bản chất của chúng chừng ấy chúng ta sẽ hiểu phải làm gì và như thế nào để tồn tại, tồn tại trong ánh sáng chói lọi của vinh quang chiến thắng.

2 Nhưng Sử học không phải chỉ là môn nghiên cứu có lợi ích xâu xa như vậy. Sử học còn đem lại những nguồn vui ngay trong cuộc sống hàng ngày.

Điển hình nhất và rõ ràng nhất, Sử học làm giầu sự thưởng ngoạn đối với thế giới dưới mắt chúng ta. Sử học tạo ra sự thích thú và ý nghĩa của sự vật mà có lẽ trước kia chúng ta không để ý. Lịch sử không chỉ là một tòa thành, một ngôi chùa, một pho tượng... mà ngay chính phong cảnh.

Người không biết gì, không thấy gì, không hiểu gì sẽ không thưởng thức được gì.

Để đánh thức trí tưởng tượng lịch sử là thỏa mãn cái Đẹp người ta cần đọc. Có lẽ tôi phải đề cập đến vấn đề này đầu tiên vì nhiều người nghĩ đến Lịch sử qua những tác phẩm sử học. Tôi muốn nói rằng những sự vật quanh ta: một đô thị, một hải cảng, một phong cảnh đồng quê... thảy đều là những tài liệu lịch sử như một quyển nhật ký, một lá thư. Luôn luôn chúng liên quan với nhau và soi sáng lẫn nhau. Chỉ khác có điều là những chứng cứ thành văn rõ ràng hơn, chúng đề cập hẳn đến vấn đề và luôn luôn kèm theo ngày tháng nơi chốn xảy ra biến cố.

Ở đây những sự kiện lịch sử bao giờ cũng được coi là Lịch sử hiện đại vì quá khứ qua những chứng cứ còn lại đã tái sinh hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp ở hiện tại và trong tâm trí chúng ta, cũng giống như tất cả các kiến thức khác.

www.hoangsa.org

Lịch sử là về đời sống và tự nó là lời kêu mời sự sống. Sự suy tư về Lịch sử là niềm nuối tiếc cuộc sống.

Bởi vì lịch sử hòa điệu với cuộc sống nên đọc tiểu sử là một trong những bước đầu tiên đứng đắn để hiểu Lịch sử. Đó là phương cách tốt. Ai ai cũng chú trọng đến cá nhân, ai ai cũng yêu thích một chuyện kể. Những sử gia giỏi thường là những bậc thầy trong chuyện kể. Điều không phải dễ: nó đòi hỏi nghệ thuật và sự làm việc lâu dài. Trong thời đại chúng ta khi quá nhiều người cầm bút mà không phải là văn sĩ, quá nhiều người viết sử mà không chịu đi xa hơn sự gom nhặt những gì có sẵn thì tất nhiên sẽ không thể đạt tới sự xây dựng và hoàn thành một tác phẩm.

Cuối cùng sự kêu gọi của Lịch sử thoát thai từ trí tưởng tượng. Sự tưởng tượng phải có để có thể mục kích tiền nhân trong cảnh sống thực họ, trong những công việc hàng ngày và trong những niềm vui hàng ngày. Chính sự nghiên cứu tỉ mỉ lịch sử làm chúng ta cảm thấy quá khứ sống thực như hiện tại.

Tình yêu lịch sử bấy giờ là một cách thế diễn tả tình yêu đời sống.

Đời sống chúng ta rất ngắn, nói như Cao Bá Quát, «ba vạn sáu ngàn ngày là mấy». Và nếu thế, chúng ta chỉ biết được chút ít về cuộc sống.

Sự thật là nếu không có ý niệm lịch sử đời sống con người trở nên vô nghĩa. Chỉ qua sự thấu hiểu lịch sử mà cuộc sống ngắn ngủi của chúng ta — và những kinh nghiệm nhỏ bé rút ra từ đó — sẽ tràn đầy dấu vết của cuộc sống nhân loại. Tầm sống của cá nhân bấy giờ bẻ gãy mọi ngăn trở để hòa đồng cùng nhân loại.

Thời gian là mối ràng buộc cuộc sống chúng ta và chính qua Sử học mà chúng ta thoát được sự ràng buộc đó.

www.hoangsa.org

3 Chúng ta sẽ có hai cách khi đề cập đến Lịch sử. Thứ nhất, Lịch sử được xem như phương tiện ngắm nhìn ngoại vật — đó là khía cạnh thời gian của chúng — từ vũ trụ đến một vật nhỏ bé như cây bút tôi đang viết. Bất cứ vật gì cũng có Lịch sử của nó Sự trái ngược sẽ không quá lớn như ta tưởng giữa vũ trụ và cái bút.

Đầu tiên cái bút dùng để viết gì, và đó là điều đáng kể. Bất cứ cái gì mà cái bút viết nên đều nằm trong Lịch sử của nó. Ấy là chưa kể đến Lịch sử cấu tạo cái bút. Đây là cái bút nguyên tử BIC, làm tại Việt Nam. Đàng sau nó là cả một chuỗi dài những thời kỳ sản xuất. Tôi không rõ sự diễn tiến này nhưng người ta có thể học mà biết được và như thế người ta bước vào Lịch sử của cuộc Cách Mạng Kỹ Nghệ. Ngoài ra còn những chất kim loại nữa. Bấy giờ người ta sẽ thấy rằng Lịch sử của một vật tầm thường như cây bút liên hệ đến diễn tiến của Kỹ Nghệ, đến sự hiểu biết của nhân loại về Địa lý và Địa chất và biết bao điều khác nữa.

Cái bút, thật ra, bao hàm trong vũ trụ và Lịch sử của nó bao hàm trong Lịch sử vũ trụ.

Thứ hai, chúng ta còn có thể hiểu Lịch sử như một môn nghiên cứu thuần túy.

Thế kỷ 20 bắt đầu với những sự bàn cãi xem Sử học là một khoa học, hay là một nghệ thuật. Nói cho đúng, khẳng định Sử học chỉ là một Khoa Học cũng như trước đó, coi Sử học nằm hẳn trong tòa lâu đài văn chương, thầy đều thái quá. Sử học phải hiểu vừa có tính cách văn chương vừa có tính cách khoa học. Đạt được đồng thời cả hai yếu tính này tác phẩm đó mới được mang danh là *sử ký* và tác giả của nó mới đúng là *sử gia*.

Vậy thì Sử học là môn nghiên cứu mà nhờ đó chúng ta có thể đạt tới CON NGƯỜI trong bất kỳ thời đại nào. Lịch

www.hoangsa.org

sử sẽ không chỉ đề cập đến đời sống các vĩ nhân như người ta thường lầm qua danh từ « nhân vật Lịch sử ». Có thể nói rằng Lịch sử đã tích tụ đời sống của hàng triệu những con người nhỏ bé, không tên tuổi nhưng có góp phần. Cuộc sống của họ là chất liệu của Lịch sử, chẳng khác gì cành san hô là nơi tụ hội của hàng triệu sinh vật nhỏ bé của biển cả.

Một môn nghiên cứu giúp ta đạt đến CON NGƯỜI tự nhiên sẽ giúp ta những bài học và những quy tắc hành động. Đó là sự rút kinh nghiệm từ cá nhân, hơn nữa, từ toàn cả nhân loại qua những thế hệ kế tiếp và trong mọi hoàn cảnh khác nhau.

Có người nói « Lịch sử không bao giờ tái diễn » và vì thế người ta tưởng không thể rút ra một bài học nào. Dĩ nhiên những biến cố lịch sử không thể tái diễn y hoàn mọi chi tiết vì không bao giờ còn cũng những nhân vật ấy, cũng những hoàn cảnh ấy và nhất là cũng trong thời gian ấy. *Nhưng, chúng ta có những hoàn cảnh tương tự và những nhân vật tương tự tất sẽ dẫn đến những hậu quả tương tự.*

Và đó là cái mà chúng ta để ý, trong Sử học.

Không bao giờ có một nhịp điệu duy nhất trong Lịch sử mà luôn luôn có nhiều nhịp điệu, nhiều mẫu mực và ngay cả sự lập lại. Đó là lý do chúng ta sẽ rút ra được, qua Sử học, những bài học, những quy tắc.

Ở đây chúng ta có thể nói những luật tắc lịch sử cũng đều đặn và chính xác như những luật tắc của khoa Vật lý, có khác chăng là bởi Lịch sử bất thường và phức tạp hơn do sự tham dự của trí thức con người. Vì trong Lịch sử chúng ta luôn luôn đề cập đến nhân loại nên chúng ta cần đạt đến sự cảm thông và vận dụng trí tưởng tượng để biết và hiểu Lịch sử. Những nhân vật vượt trên thường nhân dù là con người hoạt động hay trí thức thấy đều nghĩ như vậy. Tôi muốn nói đến trường hợp của Napoléon, của

www.hoangsa.org

Hitler (1), của Churchill.

Đối với người xưa, cả Đông lẫn Tây, đọc Sử không phải chỉ là niềm vui trí thức mà người ta còn tìm thấy ở đó ngọn đèn dẫn đạo cho mỗi hành động. Nói như Bacon, khi bàn xét về lợi ích của các môn học, «Sử học làm con người trở nên khôn ngoan».

Người ta có thể nói những bài học lịch sử thường chỉ thấy trong quá khứ, còn tương lai? Sử học cho thấy không có sự đứt đoạn giữa quá khứ với tương lai. Khi tôi đang viết đây, cái gọi là tương lai thì khi bài này đến tay độc giả đã trở thành quá khứ. Tất cả là một sự tiếp nối. Và Sử học, không đề cập đến tương lai, có thể hiến tạo sự hướng dẫn hữu ích cho sự tiếp nối ấy.

Chẳng hạn chúng ta chú trọng trong Chính trị mà sự thấu hiểu lịch sử là điều kiện tiên quyết tối cần. Sự nghiên cứu lịch sử dẫn thẳng đến sự chú ý với tinh thần trách nhiệm nghiêm chỉnh đến Chính trị. Lý do là đây: Chính trị là sự nối tiếp của Lịch sử ở thời kỳ chúng ta đang sống, nó là Lịch sử đang hình thành trước mắt. Thành ra chính bản chất của môn học đã đưa người nghiên cứu phải chú trọng những công cuộc chung. Giả dụ môn học khơi dậy những nét đẹp của Hình Dáng hay sự kỳ bí của Thiên Nhiên thì sự chú ý của chúng ta đến Chính trị bấy giờ sẽ kém mạnh đi nhiều.

4 Và vì Lịch sử hiến cho ta những bài học quý giá nên nó cần một chỗ đứng xứng đáng nơi học đường.

Thật không có môn học nào hợp nhất những môn khoa

(1) Nhưng Hitler là một thiên tài vô học và trường hợp Hitler là một bằng chứng kinh hoàng khi quyền lực trong tay một kẻ vô học.

www.hoangsa.org

học xã hội cho bằng Sử Học. Nhiều môn bắt nguồn từ nó hay tìm thấy ở nó những chất liệu cần thiết: Nhân chủng, Xã hội, Kinh tế, Luật, Ngôn ngữ. Tất cả đều có khía cạnh lịch sử và gặp nhau t ong Sử học.

Đó là một môn học trên hết, không phải một môn «thuần túy» như Toán, Nhạc... Nó phong phú nó biến chuyển như chính cuộc đời. Nó không chỉ cung cấp điểm chung cho những môn Khoa học xã hội mà nó còn là sợi giây liên lạc hữu hiệu nhất với những môn Khoa học thực nghiệm.

Tôi sẽ giải rõ hơn.

Nếu chúng ta là một sinh viên văn học hay ngôn ngữ, điều cần chắc là chúng ta phải biết Lịch sử của dân nước ấy. Sự phát triển của Ngôn ngữ sẽ dẫn chúng ta lùi về Lịch sử của họ là nơi mà nó phản ánh Nếu chúng ta là một sinh viên nhân chủng hay xã hội hay mỹ thuật, chúng ta sẽ phải rút từ Lịch sử của các dân tộc khác nhau để có chất liệu và để soi sáng cho môn của chúng ta. Ngược lại, nếu không có một ý niệm gì về Lịch sử, chúng ta sẽ không thể thông giải đứng đắn được những tiến triển và những hoàn cảnh Thường thường một dân tộc bầy tỏ khung cảnh xã hội trong một thời g'an nào đó qua văn chương.

Trong mọi trường hợp, chúng ta phải biết được Lịch sử của một dân tộc trong một thời kỳ bởi vì chính Lịch sử này sẽ dẫn đến cái khung cảnh chúng ta đang nghiên cứu Những môn Khoa học và sự liên quan của chúng đến nghệ thuật cũng tương tự như thế. Sự phát triển của Khoa học liên hệ chặt chẽ đến những suy tư triết học của thời đại không kém gì những nhu cầu thực tế. Xưa kia Thiên văn học phát triển để đáp ứng những đòi hỏi của Tôn giáo, cũng như nhu cầu di chuyển trên đất liền hay biển cả. Hình học phát khởi từ nhu cầu đo đạc ruộng đất. Những nghệ thuật như Kiến trúc, Âm nhạc bao hàm trong chúng một phạm vi của Khoa học, sự diễn tiến của sự

www.hoangsa.org

phát triển kỹ thuật của chúng lại là một phần của Sử học. Trong Khoa học, cả một khía cạnh Lịch sử rõ rệt được phơi bầy, khi những nhà phát minh Khoa học là những nhân vật thời đại bức bách bởi những lợi ích trí thức, xã hội và đặc thù của thời đại ấy.

Khi con người càng được giáo dục họ càng có ý thức và khả năng thấu hiểu các quốc gia khác các truyền thống khác. Sử học sẽ giúp cho sự phán xét của chúng ta trở nên đứng đắn. Chúng ta hiểu Lịch sử các dân tộc khác, hiểu thái độ của họ trước vấn đề hòa bình, chiến tranh, hiểu được giòng ý thức và phản ứng của họ, sự tương hợp và sự mâu thuẫn... tất cả như một phần của Sử học

Đạt đến điều này cần sự giáo dục và may mắn thay, Sử học cũng cung cấp được.

Lợi ích nổi bật và độc đáo của Sử học như một môn giáo dục là nó phát triển và chín mùi song song với sự trưởng thành trí thức của người học sinh.

Sử học có khả năng khơi dậy những ước vọng, những dự tính. Giá trị của Sử học là giá trị của một lời mời gọi vào thế giới nhân loại. Nó là cái nhìn bao quát của con người về mọi hoạt động trong mọi hoàn cảnh. Nó mở rộng phạm vi quen biết, nó cung cấp phong phú những dữ kiện để giải thích và phân tích các động lực Nó hiến cơ hội cho ta nghiêm chỉnh phán xét những nhân vật chánh và cởi mở bao dung những kẻ tà.

Sử học còn là sự triển khai cái thế giới trong đó người học sinh đang sống, một sự triển khai ngay cả những nhận biết về sự chuyển dịch vạn vật, điều giúp cho chúng cái căn bản suy tưởng. Chúng sẽ không sống trong một thế giới của những phần tử, ít ra những cái này sẽ không bao quanh đời sống tư riêng thân mật của chúng dù rằng chúng phải học để theo kịp thời đại.

www.hoangsa.org

Thế nhưng điều đáng buồn là phần lớn chúng ta học được rất ít, ở Sử học.

Trường học, nhất là những trường giầu có tiếng tăm, thường có phòng thí nghiệm lý hóa mà hàng năm được dành ra một số tiền đáng kể để tu bổ. Còn những bài học lịch sử, trường học chỉ cung cấp những học cụ không gì khác hơn là những quyển sách giáo khoa và cái bảng đen.

Khoa học Thực nghiệm, một ngành của trí thức, đi liền với những phương pháp và những học cụ, đã được khởi đầu như một môn Khoa Học xã hội. Nó được trình bày nhằm đáp ứng nhu cầu thực dụng trong đời sống con người.

Nhưng một ngày nào đó, những giờ phút cắp sách đến trường phải chấm dứt. Không đến 1% học sinh còn được tiếp tục những phương trình hóa học hay những bài toán vật lý. Nếu cần người ta sẽ thuê chuyên viên làm những công việc này, tránh những sai hỏng bất ngờ. Nhưng trong một ngành học khác, sự việc trái hẳn.

Đứa trẻ không bao giờ còn thấy một cái cân tiểu ly hay một ống nghiệm nhưng hắn không thể cắt đứt liên lạc với đồng loại trong những cuộc đối thoại, trong những hành động, trong những dự tính... Sự thành công trên đời đối với hắn bấy giờ có lẽ căn cứ trên sự dễ dàng và hợp thời khi hắn nhớ lại mà dùng những chữ được nói hay được viết trước kia. Trong biết bao trường hợp, hắn cần phải phân tích tài liệu, trừu tượng hóa và so sánh chúng. Hắn sẽ khó mà không đề cập đến sự cần thiết của những động lực tiềm ẩn trong các hành động.

Tôi không phản đối việc dạy Khoa học ở trường, lẽ dĩ nhiên chúng rất cần thiết. Nhưng trong những môn này, tôi không thấy chúng khơi dậy nhân tính. Ngày nay có khuynh hướng thiên nhiều về Khoa học ở nhà trường. Mọi người mặc nhiên cho nó phải như thế, « bây giờ là thời đại khoa học » v.v...

www.hoangsa.org

Hơn nữa chúng sẽ dẫn đến các nghề nghiệp kiếm được nhiều tiền như trong Kỹ Nghệ nhưng người ta quên không xét xem chúng cung cấp được gì trong việc giáo-dục-làm-người hay không? Tôi không phản đối môn Hóa học trong những trường nam sinh, vì rằng có nhiều học sinh học bằng tay hơn bằng đầu. Nhưng tôi nghi ngờ cũng môn ấy có giá trị giáo dục nhiều không trừ vài ngoại lệ, trong những trường nữ sinh. Tôi nghĩ rằng những môn như thế nên nhường chỗ cho những môn như Sinh Vật Học, Vệ Sinh... nghĩa là những Khoa Học của Đời sống hơn là những Khoa Học của Sự vật.

Công cuộc dạy Sử đỡ tốn kém nhiều so với Khoa Học ngày càng đòi hỏi những dụng cụ tối tân trong những phòng thí nghiệm tối tân. Bởi vì phòng thí nghiệm của Sử học nếu có chính là thế giới chúng ta đang sống. Và từ đó, người giáo sư sử học phải là người văn hóa, có khả năng cho học sinh thấu hiểu sự phức tạp và phong phú của thế giới trước mắt.

Việc dạy sử còn đi song song với những cuộc du khảo định kỳ, dẫn học sinh đến những công trình hấp dẫn ở ngay bên cạnh, bất cứ cái gì, một tòa nhà (như dinh Độc Lập), một vườn hoa (như Thảo Cầm Viên), một cảnh chùa (như chùa Ngọc Hoàng). Với quan niệm này bành trướng, người ta sẽ không còn nhìn cảnh vật với con mắt hững hờ. Xa hơn nữa, người ta không còn thản nhiên hay đang tay hủy phá những di sản phong phú của xứ sở qua các thời đại.

Những điều trên đi liền với sách vở và không chỉ sách vở mà còn trong kịch, phim, vô tuyến truyền thanh, truyền hình (1).

Dĩ nhiên Sử học không phải là môn duy nhất để một người trẻ tuổi phát triển tri thức nhiều hơn những môn đặc biệt khác, như Ngôn ngữ, như Khoa học, như Triết. Nhưng dù

---

(1) Tôi muốn nói về tác dụng lịch sử của nhưng phương tiện truyền bá này. Nhưng đó lại là đề tài của một bài khác.

www.hoangsa.org

Sử học chỉ giữ vai trò góp phần trong toàn thể, cái phần hạn này rộng hơn, tổng quát hơn và phức tạp hơn bất cứ môn nào vừa kể. Sử học không phải là một môn có tính cách hạn hẹp, tỉ mỉ, chính xác: những điều này xin nhường cho Luận Lý Học và Kinh Tế. Nó cần một tâm hồn rộng mở, khoáng khoát. Sử học, và điều này ngược với Khoa học, sự kiện trước mắt quan sát được chưa phải là Lịch sử, mới chỉ là một sự diễn tả và trong nhiều trường hợp còn là sự diễn tả khó tin nữa.

Sự biến cải từ tài liệu đến chân lý thật là khó, chiếm phần lớn thời gian của sử gia và cho thấy rõ phương pháp, qua đó là giá trị việc làm của ông ta.

Đến đây hiện ra một vấn đề mới mẻ: *nghề của sử gia*, là đề tài của những bài tham luận sau trên Tập San này.

Bình Đức, tháng 1 năm 1969
TRẦN ANH TUẤN

HƯNG-VIỆT BẢO-HIỂM CÔNG-TY

CÔNG TY NẶC DANH VỐN 30 000.000 VN$
Trụ sở: Lầu 1, Ph. 212 & 212 bis, CRYSTALPALACE
95-101 Công-Lý và 4 Nguyễn-trung-Trực — SAIGON
Điện-Thoại: 92.115

DO NGƯỜI VIỆT-NAM SÁNG LẬP VÀ ĐIỀU KHIỂN
★ BẢO HIỂM XE CỘ ★ CHUYÊN CHỞ HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG THỦY, ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG ★ HỎA HOẠN ★ TAI NẠN CÁ NHÂN ★ SINH VIÊN HỌC SINH ★ TAI NẠN LAO ĐỘNG ★ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ...

www.hoangsa.org

TRUNG VIỆT VĂN HÓA LUẬN TẬP

中越文化論集

▼ MAI CHƯỞNG ĐỨC
dịch

LỜI NGƯỜI DỊCH : *Bộ sử TRUNG VIỆT VĂN HÓA LUẬN TẬP 中越文化論集 do Quách Đình Dĩ 郭廷以 và nhóm chủ trương nghiên cứu sử học Trung Hoa : Hiện Đại Quốc Dân Cơ Bản Tri Thức Tùng Thư, gồm 17 vị biên soạn. Bộ sách này gồm hai quyển I và II, khổ 18,5 × 13 dày 349 trang, kèm theo 16 tấm bản đồ : địa danh, khí hậu, sông ngòi, kinh tế, thiết lộ ; phần phụ-lục ghi các tài liệu tham khảo 38 trang, do Trung Hoa Văn Hóa Xuất Bản Sự Nghiệp Ủy Viên Hội xuất bản tại Đài Loan tháng 4 năm 1956.*

Bộ sử trên cô đọng nhiều tài liệu phong phú, giá trị : Trung hoa, Việt nam, Anh, Pháp, Nhựt bản. Với đường hướng viết sử khách quan, dẫn chứng những mối tương quan văn hóa sâu xa giữa hai dân tộc Trung hoa — Việt nam cùng chung quá trình lịch sử, tư tưởng triết học. Tác phẩm trên đóng góp một phần không nhỏ trong việc nghiên cứu phân định những điểm dị biệt đối với các sách sử Việt Nam hiện đang lưu dụng.

Dịch toàn bộ sử TRUNG VIỆT VĂN HÓA LUẬN TẬP, chúng tôi vẫn giữ quan điểm của nguyên tác. Mong liệt vị độc giả thiết tha sử Việt cùng bổ cứu xây dựng, hầu làm sáng tỏ sử liệu Việt nam sau bao năm lu mờ vì thời cuộc !

www.hoangsa.org

☆ **QUYỂN NHẤT**: TRUNG VIỆT VĂN HÓA LUẬN TẬP chia thành 9 đề mục:

I.— LỊCH SỬ QUAN HỆ HOA — VIỆT: gồm 35 trang do Quách Đình Dĩ 郭廷以 biên soạn, chia 7 phần.

II.— LIÊN QUAN HOA VIỆT 2.000 NĂM: gồm 28 trang do Lao Cán 勞榦 biên soạn, chia 4 phần:

1') Mở mang Giao Chỉ tam quận thời tiền Hán.

2') Giao Chỉ sau thời Tam quốc.

3') Trung Hoa và An Nam khoản thời đại Nguyên, Minh, Thanh.

4') Chiêm Thành, Cao Miên, Lào và Trung Hoa:

a.— Chiêm Thành.

b.— Cao Miên.

c.— Lào.

III.— LỊCH SỬ QUAN HỆ VIỆT NAM VÀ TRUNG HOA: gồm 19 trang do Châu Vân Ảnh 朱雲影 biên soạn, chia 4 phần:

1') Hoa Việt liên quan phương diện khảo cổ học.

2') Hoa Việt liên quan nhân chủng.

3') Hoa Việt liên quan chính trị.

4') Hoa việt liên quan kinh tế.

IV.— HOA VIỆT LIÊN HỆ MẬT THIẾT VỀ ĐỊA LÝ: gồm 15 trang do Vương Ích Nhai 王益厓 biên soạn, chia 6 phần:

1') Quan hệ vị trí địa lý Hoa Việt.

2') Quan hệ địa chất địa hình Hoa Việt.
Kèm theo 9 hình vẽ: địa danh, sông ngòi.

3') Quan hệ hải dương Hoa Việt.

4') Quan hệ khí hậu Hoa Việt.
Kèm theo 4 hình vẽ: khí hậu.

www.hoangsa.org

5') Quan hệ sản nghiệp Hoa Việt.
Kèm theo 2 hình vẻ : kinh tế.

6') Quan hệ giao thông Hoa Việt.
Kèm theo 1 hình vẽ: thiết lộ.

V.— DÂN TỘC TRUNG HOA VÀ VIỆT NAM : gồm 16 trang do Nhuế Dật Phu 芮逸夫 biên soạn, chia 5 phần.

VI.— QUAN HỆ VĂN HÓA VÀ DÂN TỘC HOA VIỆT : gồm 10 trang do Vệ Huệ Lâm 衛惠林 biên soạn chia 3 phần :

1') Quan hệ dân tộc hai quốc gia Hoa Việt.

2') Di tồn văn hóa nhân chủng Việt Nam thời tiền sử.

3') Đặc chất văn hóa Việt Nam.

VII.— NHO HỌC TẠI VIỆT NAM : gồm 16 trang do La Hoài 羅懷 biên soạn, chia 5 phần :

1') Tự ngôn.

2') Ảnh hưởng nho học đối với sự giáo dục Việt Nam.

3') Ảnh hưởng nho học đối với học thuật, tư tưởng Việt Nam.

4') Ảnh hưởng nho học đối với chính trị Việt Nam.

5') Nền nho học cận đại Việt Nam phát triển mạnh mẽ.

VIII.— LUẬN VỀ THƠ HÁN TẠI VIỆT NAM : gồm 21 trang do Bành Quốc Đống 彭國棟 biên soạn, chia 4 phần :

1') Ảnh hưởng thơ Hán thời Tống Nguyên.

2') Thơ Hán Việt Nam vào thời Nguyên.

3') Thơ Hán Việt Nam ảnh hưởng từ thời Minh Thanh và sau này.

4') Thi thảo Yến Dao của Nguyễn Tuân Thúc.

IX.— MỤC LỤC SÁCH HOA VIỆT ; gồm 10 trang do Xương Bỉ Đắc 昌彼得 biên soạn, chia 4 phần :

www.hoangsa.org

1') Trung Hóa truyền bá thư tịch sang Việt Nam.

2') Việt Nam phiên dịch, điêu khắc sách nho, kinh Phật.

3') Việt Nam truyền bá thư tịch sang Trung Hoa

4') Hợp tác bảo tồn thư tịch Hoa Việt.

☆ **QUYỂN NHÌ**: TRUNG VIỆT VĂN HÓA LUẬN TẬP chia thành 9 đề mục và phụ lục:

I.— LƯỢC SỬ NGOẠI GIAO HOA VIỆT: gồm 30 trang do Đào Dung 陶 鎔 biên soạn, chia 5 phần:

1') Quan hệ ngoại giao Hoa Việt từ thuở Việt Nam khai quốc.

2') Lược thuật thời ngoại giao sơ kỳ Hoa Việt.

3') Lược thuật thời ngoại giao trung kỳ Hoa Việt.

4') Lược thuật thời ngoại giao cận kỳ Hoa Việt.

5') Hy vọng nền ngoại giao Hoa Việt trường cửu.

II.— VIỆT NAM THỜI NGŨ ĐẠI TỐNG SƠ: gồm 28 trang do Trần Kinh Hòa 陳 荊 和 biên, soạn chia 3 phần:

Luận về sự liên hệ thành lập niên đại nền độc lập Vương triều An Nam.

— Tiền ngôn.

1') Liên quan họ Khúc và Nam Hán.

2') Dương Diên Nghệ, Kiều Công Tiễn và Ngô triều.

3') Sự hưng khởi 12 sứ quân và Đinh triều.

III.— LỊCH SỬ GIAO THÔNG VIỆT NAM TRƯỚC THỜI NGUYÊN: gồm 7 trang do Phương Hào 方 豪 biên soạn, chia 5 phần:

1') Thời Hán sứ giả La-Mã từng đến Việt Nam sang Trung Hoa.

2') Thời Tam quốc thương gia La Mã từng đến Việt Nam sang Trung Hoa.

3') Việt Nam giao thông thời đại Nam Bắc triều.

4') Nền mậu dịch Giao Quãng thời Đường đối ngoại tiến triển.

www.hoangsa.org

5') Đường xá Việt Nam thời Đường Tống càng mở rộng.

IV.— LỊCH SỬ QUAN HỆ HOA VIỆT THỜI NAM MINH: gồm 11 trang do Bành Quốc Đống 彭國棟 biên soạn.

V.— CẢI CÁCH VĂN HÓA VÀ KIẾN THIẾT XỨ SỞ VIỆT NAM: gồm 11 trang do Hứa Đồng Lai 許同莱 biên soạn, chia 5 phần:

1') Tự ngôn.
2') Ngữ văn Việt Nam.
3') Học thuật Việt Nam.
4') Tôn giáo Việt Nam.
5') Phong tục Việt Nam.

VI.— ÂM NHẠC VĂN HÓA HOA VIỆT XƯA NAY: gồm 9 trang do Châu Vĩnh Trấn 朱永鎮 biên soạn, chia 3 phần:

1') Qui tắc nhạc điệu.
2') Nhạc cụ.
3') Nhạc bản.

VII.— TIỀN TỆ VIỆT NAM VÀ TRUNG HOA: gồm 10 trang do Dương Vân Bình 楊雲萍 biên soạn chia 6 phần.

VIII.— ĐỊA VỊ TRƯỞNG NAM TRONG GIA TỘC VIỆT NAM: gồm 7 trang do Đồ Nhi Vị 社而未 biên soạn, chia 3 phần.

IX.— LỄ TỤC DÂN TỘC VIỆT NAM: gồm 6 trang do Tô Tử 蘇子 biên soạn, chia 6 phần:

— Nguyên đán.
— Lễ động thổ đầu năm.
— Lễ Thượng nguyên.
— Lễ Đoan ngọ (mùng 5 tháng 5').
— Lễ Trung thu.
— Lễ tiễn ông táo và trừ tịch.

Phụ lục: gồm 38 trang.

Mục lục các tài liệu tham khảo.

www.hoangsa.org

LỊCH SỬ QUAN HỆ HOA — VIỆT

của Quách Đình Dĩ
郭廷以

1

Cách nay trên 1.000 năm, Việt Nam — một lân bang mang mối lịch sử văn hóa, quan hệ mật thiết rất sớm với Trung-Hoa; trở thành quận huyện của Trung-Hoa đồng thời với tỉnh Quãng Đông, Quãng Tây. So sánh với Đài loan, Việt Nam liên hệ với Trung Hoa trước vào khoảng 1.800 năm.

Việt Nam thuở xưa tên Giao Chỉ 交 阯 (1) thuộc Dương Châu 揚 州 trong Cửu Châu 九 州. Theo tục truyền vì Vua thuở dựng nước Việt Nam thuộc con Đế Minh 帝 明 cháu ba đời Thần nông Viêm Đế 神 農 炎 帝, phong Kinh Dương Vương 涇 陽 王, hiệu nước Xích Quỉ 赤 鬼. Sau ba đời truyền ngôi đến thời Hùng Vương 雄 王 đổi hiệu Văn-Lang 文 郎, sau này con cháu đều xưng Hùng Vương.

Cách nay khoản trên 4.000 năm thời Đế Nghiêu (Trung-

Phụ chú: (1) *Giao Chỉ* 交 阯: chữ Chỉ ngày xưa viết 阯 đồng nghĩa chữ 趾. Theo bộ Từ Nguyên giải thích ý nghĩa: « Giao Chỉ (交 趾), vì dân miền này hai bàn chân ngón cái bè ra hình giao nhau ». Hiện nay số dân có hình dạng bàn chân như trên, thuộc thiểu số người Mường ở vùng Thanh Hóa hay Phan Rang, Phan-Rí.

Theo bộ Từ-Hải căn cứ Lễ Vương Chế: « Nam phương viết man, điêu đề, Giao Chỉ »: điêu là khắc xăm nét đỏ xanh, đề là cái trán. Người miền Nam (Trung Hoa miền Bắc) gọi là man di, có dân Giao Chỉ thường xăm những nét rằn ri trên trán.

Chỉ 趾 có nghĩa: chân. Người man di lúc nằm, đầu quay ra ngoài hai chân chéo ngoe hướng vào vách, hình giao nhau. (Người dịch chú giải)

www.hoangsa.org

hoa), thường mang lễ vật cống hiến nước Tàu. Cách nay 3 000 năm thời Chu Thành Vương (Trung-Hoa), vẫn tiếp tục triều cống, xưng nước Việt-Thường (2) 越 裳; cuối thời Chiến quốc nước mất.

Dòng lịch sử triền miên tiếp diễn, An Dương Vương Thục Phán 安 陽 王 蜀 泮 kế thừa cầm vận nước. Có thuyết ghi rằng An Dương Vương vốn người Ba Thục 巴 蜀 xưng Thục Vương, quốc hiệu Âu Lạc 甌 貉 (貊) hay Tây Âu 西 甌.

Theo cổ sử các nước trên thế giới mang nhiều mẫu chuyện thần thoại về kẻ trị vì đầu tiên. Căn cứ truyền thuyết An Dương Vương, Hùng Vương có nhiều đoạn huyễn hoặc, tuy nhiên cũng giúp ít phần nào trong công cuộc khảo cứu sự ảnh hưởng quan hệ thời đại xa xưa giữa Trung Hoa — Việt Nam.

Đời Chiến quốc (năm cuối thời Văn-Lang), các *quốc gia* dọc theo biên giới *Trung Hoa đều mang* ý định thôn tính các lân bang mở rộng bờ cõi. Nhà Tần trấn giữ tây bắc, Triệu hùng cứ miền Bắc, Yên chiếm giữ đông bắc; nhà Sở thống trị cả quốc gia rộng bao la miền nam. Thời Điệu Vương (năm 401-381 tây lịch) do tướng Ngô Khởi chỉ huy, cải cách quân sự, chính trị; tạo nước nhà trù phú với những đoàn binh hùng dũng, hầu mở rộng những cuộc trường chinh sát phạt phương bắc; tràn xuống phương nam bình trị Bách Việt 百 越 tức Dương Việt 揚 越. Bách Việt là miền đất đai rộng mông mênh,

---

(2) *Việt thường* 越 裳 : Tên nước man di phương nam thuở xưa, theo « Hậu Hán thư nam man truyện », ghi: « Miền Nam Giao Chỉ có nước Việt Thường... » Nhà Ngô thời Tam quốc đặt tên huyện Việt Thường (常), thời Đường đổi chữ Thường viết 裳; sau này phế bỏ.

Hiện nay, huyện Việt Thường thuở xưa thuộc phần miền Nam (Việt Nam) từ Thanh Hóa trở vào Nam (Người dịch chú giải)

www.hoangsa.org

ngày nay Lưỡng-Quãng và miền bắc Việt Nam đều thuộc đất Bách Việt thuở xưa.

Người Sở sớm ảnh hưởng liên-lạc văn hóa Trung-nguyên khoảng 160 năm trước, từng thốt lời rằng: « thu phục man di, sát nhập thành chư hầu». Sau khi bình định Bách Việt, sự giao dịch kinh doanh đổi Việt Nam ngày càng trở nên phồn thịnh. Các sản phẩm như: sừng tê giác, ngà voi, lông chim, châu báu... thuộc vùng Nam Hải đều do Việt Nam thuyên chuyển sang nước Sở du nhập vào Trung thổ. Chính những cuộc nam chinh của quân Sở dầy xéo, vận nước Văn-Lang sống trong tình trạng bấp bênh; cuối cùng nước mất do tay Thục-Phán. Thục-Phán có thể là dòng giống người đất Thục theo chân đoàn quân Sở nam chinh.

Sự quan hệ Hoa — Việt vào thời Tần Thủy Hoàng càng trở nên mật thiết. Thủy Hoàng năm XXIV (223 trước tây lịch) diệt nhà Sở, trải qua hai năm sau bình định đất Sở. Đoàn quân trường chinh thừa thắng chiếm phần đất Nam-Việt (3) ước khoản Thủy Hoàng năm XXVI (221 trước tây lịch). Nguyên nhân chính thúc đẩy đoàn quân Tần Thủy tiến bước do những nguồn lợi thiên nhiên Việt Nam, như: ngà voi, lông chim, sừng tê giác, châu báu.. Nhà Tần ban lệnh tướng Đồ-Thư 屠雎 dẫn 50 vạn quân, mở cuộc nam chinh; trải qua những ngày dài chiến đấu trong gian khổ! Chiếm giữ miền Linh Cự (Ly Thủy), phía nam giáp Quế-Giang, bắc nối liền Tương-Thủy,

---

Phụ chú: (3) Nam Việt 南越(粵) — phần đất thuộc vùng Quảng Đông, Quảng Tây. Thời Tần Thủy Hoàng chiếm đất Nam Việt; thiết lập các quận: Quế Lâm, Nam Hải, Tượng quận. Sau Triệu Đà chiếm đóng. Thời Hán nguyên đỉnh năm thứ VI sát nhập Trung hoa, thuộc tỉnh Quảng Đông.

Theo sách Sử ký viết Nam Việt (越), Hán thư viết chữ Việt 粵 tức chữ 越; ngày nay đều gọi chung Lưỡng Quãng là Việt (粵); Mân Triết là Việt (越). (Người dịch chú giải)

www.hoangsa.org

suốt dọc theo Tây Giang và Trường Giang; yểm trợ những đoàn thuyền chuyển-vận lương thực. Người Việt đều sống trong hoàn cảnh khốn đốn, lẩn tránh nơi rừng rậm hoang vu như loài cầm thú; vì không chịu sự áp chế giặc Tần. « Họ liên kết thành những đội binh dưới quyền tướng Kiệt Tuấn 桀駿 ban đêm xông ra đánh phá quân Tần; giết chết tướng Đồ-Thư cùng vài mươi vạn quân rải rác khắp nơi. » Nhà Tần mở hai cuộc hành quân đại qui mô bình định, khoản năm 218 trước tây lịch; tình thế trở nên yên tĩnh. Nhà Tần năm XXXIV (214 trước tây lịch) chính thức thành lập ba quận: Nam Hải, Quế Lâm, Tượng quận. Hai quận Nam Hải và Quế Lâm nay gọi Quảng Đông, Quảng Tây. Tượng quận nay gồm cả vùng Bắc kỳ và Trung kỳ (Việt Nam) chạy dọc đến phủ Thừa Thiên.

Ngoài những quan quân Trung Hoa chỉ định sang Việt Nam cai trị, còn những di dân bị đày ải khai phá vùng đất hoang vu. Do đó giữa hai giống dân cùng sống gần gủi nhau, văn hóa và huyết thống Trung Hoa — Việt Nam dung hòa trong mối giao cảm thắm-thiết.

Những sự liên hệ giữa Hoa — Việt khởi đầu từ cuộc nam chinh, căn cứ bộ Sử Ký Nam Việt Úy Đà liệt truyện 史記南越尉佗列傳 ghi rằng: « Thủy Hoàng trị tội đày ải dân cùng sống chung người Việt suốt 13 năm ». Từ Quãng Chú 徐廣註 ghi: « Nhà Tần thu gồm cả thiên hạ (tây lịch 222) đến Nhị thế nguyên niên (năm 209 trước tây lịch) suốt 13 năm. » Chẳng những dân Trung-nguyên (4) di cư xuống miền nam,

---

Phụ chú: (4) *Trung nguyên* 中原: Đất đai miền bình nguyên, hoặc ý chỉ nước Trung hoa. Ngày nay phía tây bộ Hà Nam, Sơn Đông; phía nam bộ Trực Lệ, Sơn Tây; phía đông bộ Hiệp Tây; thuở xưa đều gọi chung đất đai Trung nguyên tức những miền đất của các chư hầu Vương ky và Hán tộc thời Chu. Theo Lý Cương thời Tống đều gọi chung những miền đất Trung nguyên gồm Đông nam và Tây bắc.

Thời Đông Tấn, Nam Tống; nói chung miền hạ du sông Hoàng Hà đều là Trung nguyên. (Người dịch chú giải)

www.hoangsa.org

đồng thời người Việt từ miền Bắc (Việt Nam) đến. Họ từng giữ nhiều cấp bực trong quân đội, lập chiến công hiển hách vùng biên thùy, tiếng tăm lưu muôn thuở; căn cứ truyền thuyết ghi rằng: « Lý 李 (Nguyễn 阮) Ông Trọng 翁仲 người Từ Khiêm 慈廉 đất Giao Chỉ (Từ-Khiêm nay thuộc phía tây Hà nội), thân cao 2 tượng 3 tấc; khí lực dũng mãnh khác thường. Năm Thủy Hoàng XXVI, Lý được liệt vào hàng quan lại nhà Tần, giữ chức Ty-lệ hiệu-úy (?), trấn thủ vùng Lâm Thao (huyện Cam Túc); gây giặc Hung nô khiếp sợ. Sau khi chết, Thủy Hoàng cho đúc tượng đồng dựng trước cửa Ty mã tại Hàm Dương; vài mươi người núp trong bụng tượng đồng gây giao động cơ thể. Giặc Hung nô ngỡ quan hiệu-úy vẫn còn sống, không dám sang quấy nhiễu » Người đời sau thường xưng tụng tượng đồng hoặc tượng đá, đều gọi Ông Trọng. Câu chuyện tuy có phần huyễn hoặc, nhưng có thể do một di tích thật sự truyền tụng nên.

Tầm ảnh hưởng văn hóa lịch sử Việt Nam quan trọng nhất vào thời Triệu-Đà 趙陀 Tây Hán tiền kỳ, tức Nam Việt Vũ đế. Triệu-Đà quê vốn Chân Định 真定 (nay gọi Hà Bắc Chính Định 河北正定). Căn cứ sách sử thời Hán Văn đế nguyên niên (năm 179 trước tây lịch): Triệu-Đà sinh sống trên đất Việt 49 năm, sau Thủy Hoàng 19 năm (năm 228 trước tây lịch) vào thời Chiến quốc mạt niên và trước thời kỳ nhà Tần bành trướng cuộc nam chinh chiếm phần đất Việt. Triệu Đà đến Nam Hải, có lẽ sinh sống bằng nghiệp thương mãi. Miền Chân Định thuộc nước Triệu, chẳng bao lâu sau nhà Tần diệt Triệu. Tần Sở giao chiến suốt nhiều năm dài, Triệu-Đà không thể quay về phương bắc, lập nghiệp tại đất Lĩnh Nam (Có thuyết ghi rằng Triệu-Đà sang đất Việt theo cuộc nam chinh lần thứ hai của quân Tần)

Nhà Tần bình định xong đất Nam Việt, phân chia Nhâm-Ngao 任囂 giữ chức Nam Hải quận-úy, Triệu-Đà giữ chức quan huyện Long Xuyên, quận Nam Hải. Cuối đời Tần, các vương hầu thuộc Trung nguyên dấy loạn khắp nơi. Nhâm-Ngao thừa cơ hội chiếm đất hùng cứ, cuối cùng lâm trọng bệnh; sau thỉnh vời Triệu-Đà thay thế giữ chức quan quận Nam Hải. Nhị thế năm thứ II (208 trước tây lịch) Nhâm-Ngao chết, Triệu-Đà

www.hoangsa.org

cắt đứt sự giao thông lên miền bắc Trung Hoa. Chiêu tập binh mã quyết cố thủ chống quân miền bắc, phân chia các quan thân tín cai trị. Nhà Tần mất, Triệu-Đà tiến quân chiếm khắp các quận Quế Lâm, Tượng quận; tự xưng Nam-Việt Vũ Vương (năm 207 trước tây lịch), đóng đô tại Phiên-Ngung (Quảng Châu).

Hán Cao Tổ trị vì Trung quốc, sau những năm loạn lạc dấy lên khắp nơi, dân Tàu sống trong cảnh điêu linh khổ sở; nhà Hán có ý định nối tình hòa hảo với Nam Việt. Cao Tổ năm thứ XI (năm 196 trước tây lịch), ban lệnh nhà học giả chính trị kiêm ngoại-giao Lục Giả 陸賈 sang Nam Việt phong chức Triệu-Đà — Nam-Việt Vương. Thừa nhận chính quyền hợp pháp với mối hoài vọng Triệu-Đà [hòa hợp dân Bách Việt, không gây rối biên cương miền nam] chia quan cai trị từ xã ấp Triệu-Đà ngỡ lời Lục Giả rằng: «Ta cùng Hán đế giao hảo ư?» và tự thốt lời rằng «Ta hận lắm thay! sao chẳng sánh bằng nhà Hán?»

Sang thời kỳ Lữ Hậu chấp chính, cấm đoán mọi sự giao thiệp Nam Việt trên thị trường buôn bán dụng cụ sắt và các việc mậu dịch khác; sự bất hòa càng trầm trọng! Lữ Hậu năm thứ V (năm 183 trước tây lịch), Triệu Đà càng phẫn nộ tự xưng hiệu Nam-Việt Vũ đế, phát động binh biến đánh phá các thôn ấp dọc biên cương Trường sa. Quân Hán kéo đến giải vây đành chuốc thất bại. Binh lực Triệu-Đà hùng mạnh do sự kết nạp các toán quân Mân Việt, Âu Lạc (An Dương Vương Thục-Phán đất Âu Lạc). Nhà Tần thuở trước bình định Nam Việt, chỉ chiếm cứ khoản một phần đất; sau này Triệu-Đà thu phục lãnh đạo hoàn toàn. Triệu-Đà thống lãnh suốt dãy giang sơn: phía tây — miền trung Việt Nam, phía đông — Phúc Kiến, phía bắc — Tương Nam 湘南; trở thành hai đế quốc Nam, Bắc, «Triệu-Đà cùng nhà Hán tranh hùng.»

Sang thời Hán Văn đế Nhân Đức tức vị, áp dụng chính sách giao hảo dịu hòa. Phong tước lộc gia tộc Triệu-Đà trấn giữ thôn ấp Chân Định cùng ban sủng nhiều ân huệ lớn lao. Sứ giả Lục Giả lần thứ nhì nhận lệnh sang đất Nam Việt.

www.hoangsa.org

Triệu-Đà vô cùng cảm kích trước mối thiện cảm giao hảo, bèn dâng thư tạ ân; nguyện an phận phiên thần, bãi bỏ tước vị tôn xưng đế chế (Văn đế nguyên niên, năm 179 trước tây lịch). Sang thời Cảnh đế, Triệu-Đà nguyện giữ chức thần, thừa lệnh Thiên triều.

Triệu-Đà tại vị suốt 70 năm (207 — 137 tây lịch), hưởng thọ 121 tuổi, Tôn Văn vương Triệu Hồ 趙 胡 kế vị suốt 12 năm (136 — 125 tây lịch), chánh sách ngoại giao nhà Hán rất thuận hòa. Sang thời Minh vương Triệu Anh Tế 趙 嬰 齊, Anh Tế thuở còn là Thái tử, thường dùi mài kinh sử chốn Trường An. Sau kết hôn với Cù thị 樛 氏 quê miền Hàm Đan 邯 鄲, tại vị cũng 12 năm (124 — 113 tây lịch).

Sau này Ai vương Triệu Hưng 趙 興 kế vị, mẹ Triệu Hưng tức Cù thị, trở thành Thái hậu. Thái hậu cầm quyền bính lộng hành thất nhân tâm, gây nhiều sự bất hòa chốn triều đình; gieo bao nỗi oán thán dân tình; thường dựa vào uy quyền nhà Hán hầu củng cố địa vị. Hán Vũ đế nguyên đỉnh năm thứ IV (113 trước tây lịch), yêu cầu thân thích Cù thị hãy cư xử như phẩm trật các chư hầu. Thừa tướng Lữ-Gia 呂 嘉 đất Nam Việt tạo loạn tranh chấp quyền hành. Vũ đế ban lệnh tướng Hàn Thiên Thu 韓 千 秋 dẫn 2 ngàn quân binh sang đất Nam Việt mưu tìm sự giảng hòa [?]. Lữ Gia sanh tâm phản bội [?], giết chết Ai vương cùng Thái hậu, hãm hại quan lại sứ giả nhà Hán. Bèn lập Triệu Kiến Đức 趙 建 德 làm vương tức con trưởng nam của người vợ Việt — Minh vương; cùng diệt đoàn quân Hàn Thiên Thu. Cuộc biến loạn lần này xảy ra thuộc nội bộ giữa hai dòng con, và là cuộc tranh chấp quyền hành của hai phái Hán — Việt.

Hán quân cử đại hùng binh sang trừng phạt, gồm 10 vạn chiến thuyền, quân chia thành bốn ngã (nguyên đỉnh năm thứ V — 112 trước tây lịch) như sau: ngã trực chỉ hướng Giang Tây, Hồ Nam, Quảng Tây; riêng một ngã rẽ xuống Quí Châu xuôi về Dương Khả trực hướng Giang Đông và tiếp viện thêm quân hướng về lộ Mân Việt vương; tất cả năm hướng tiến quân. Qua năm sau (năm 111 trước tây lịch) chủ lực quân tiến đánh hai

PHỤ CHÚ: dấu hỏi trong ngoặc [?] do Tòa Soạn ghi.

www.hoangsa.org

ngã Hồ Nam và Giang tây. Chiếm Phiên-Ngung, bắt sống Triệu Kiến Đức, Lữ Gia cùng triệt hạ các tàn quân trấn thủ miền Thương Ngô, Quế Lâm, Âu Lạc.

Chính quyền Nam Việt hoàn toàn bị tiêu diệt, tính ra truyền ngôi đến 5 đời, năm thứ 97 (Sử Ký ghi 93 năm).

2

Từ thuở Kinh Dương Vương dựng nước sang thời An Dương Vương đến Triệu-Đà, dòng dõi Vương thất cầm quyền Việt Nam, đều quan hệ huyết thống gia tộc miền Trung-nguyên. Giới nhân sĩ từ nội địa di cư xuống miền nam, chiếm con số đáng kể. Nhà Tần sau khi bành trướng thế lực đến miền nam, phân chia quan quân cai trị cùng đày ải dân sang Nam Việt sinh cơ lập nghiệp. Sự ảnh hưởng lịch sử văn hóa rõ rệt nhất vào thời kỳ Triệu-Đà Nhà Hán Cao Tổ từng phong chức Triệu-Đà trị vì đất Nam Việt, [sách truyện ghi đáng tin, dân số Trung-nguyên di cư xuống Nam Việt không hao giảm; những sự giao tranh dần dần chấm dứt] với hiện trạng này có thể [hòa hợp dân Bách Việt]. Trước tiên Triệu-Đà kêu gọi 3 vạn phụ nữ không chồng, từ nội địa theo hộ tống đoàn binh lính sống đơn độc. Theo các sử gia Việt Nam ghi rằng: «*Các vua nhà Hán Cao Tổ có lòng nhân từ thương dân, mở mang tri hóa các lân bang; thay thế binh bị Tàm-Tùng* 蠶叢 (*Thục-Phán*). *Truyền bá văn hóa gầy dựng Tượng quận, đem sách thơ giáo huấn phong tục. Dạy điều nhân nghĩa xây dựng lòng người. Chỉ giúp dân cày bừa trồng trọt, nước giàu dân mạnh. Hai miền Nam Bắc vui hòa, mọi người đều hưởng cảnh thanh bình trên 100 năm; xứng đáng bậc cai trị anh hùng tài giỏi.*

Văn Vương cháu đích tôn Vũ đế, vinh hưởng sự nghiệp cùng phép tắc định chế; noi theo khuôn sáo các đấng tiên vương trị vì... hầu giữ nghiệp Vua vững bền» (*Lê Tung* 黎嵩 [*Việt-Nam thông khảo tổng luận* 越南通考總論]).

www.hoangsa.org

Hán Vũ đế sau khi bình định Nam Việt, phân chia thành 9 quận do quan Thứ sử đất Giao Chỉ giám sát, như sau; hai quận Nam Hải, Hợp Phố 合浦 nay thuộc Quảng Đông (Quảng Châu, Hợp Phố); hai quận Đam Nhĩ 儋耳, Châu Nhai 珠崖 nay thuộc đảo Nam Hải (Đam huyện, Nhai huyện); hai quận Thương Ngô 蒼梧, Uất Lâm 鬱林 nay thuộc Quảng Tây (Thương Ngô, Quế Bình 桂平); ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhựt Nam nay đều thuộc Bắc kỳ, Trung kỳ (Việt Nam); cũng như Tượng quận thời nhà Tần (Triệu Đà sau khi diệt An Dương Vương, phân chia Tượng quận thành hai quận : Giao Chỉ, Cửu Chân). Giao chỉ hiện nay là Hà Nội, Cửu Chân tức Thanh Hoa 清華 (Hóa 化), Nhựt Nam tức Thuận Hóa 順化 (Huế). Tên quận Nhựt Nam ý nghĩa như sau : « mặt trời mọc phương nam » theo Hán Thư Địa Lý Chí ghi rằng dân chúng đương thời : « mở cửa phương bắc đón nhận ánh mặt trời. » Phần đất cuối cùng phía nam Nhựt Nam thuộc huyện Tượng Lâm 象林 ngăn cách biên giới thiên nhiên dãy núi Ải Vân 隘雲, lãnh vực thuộc quyền Hán đế chạy suốt đến tỉnh Quảng Nam ngày nay.

Vũ-đế cử Thạch Đới 石戴 Thái thú đất Giao Chỉ, đóng đô Long Biên 龍編 (5), do sự [đày ải tội nhân Trung hoa, chung sống lần lộn nơi đây, một ít quan lại học thức, lễ tục còn thô sơ].

Suốt đời Tây Hán, nền ngoại giao Hoa Việt hòa hợp, đồng thời giữa Trung hoa và Nam Hải cũng liên quan mật thiết.

Thời Hán Vũ đế luôn luôn đối phó bọn rợ Hung nô

Phụ chú : (5) Long Biên 龍編 : Nhà Hán thiết lập huyện Long Biên nguyên tên Long Uyên 龍淵, thời Tống phế bỏ; nay tức thành Hà nội miền bắc Việt Nam. *Thủy Kinh* ghi : « Nhà Hán lúc xây thành Long Uyên, bỗng có con rồng uốn khúc vắt mình xuất hiện », chữ Biên có nghĩa : kết bện nhau; do đó sửa tên thành Long-Biên. *Phương Dư kỷ yếu* ghi : Có thể huyện nguyên tên Long Uyên, Đường Nhan Sư nhân vì thái tử Chương-Hoài húy kỵ chữ Uyên nên đổi lại Biên. (Người dịch chú giải)

www.hoangsa.org

gây cảnh cướp phá các vùng biên [cương; *nhờ* có sứ giả Trương Đằng đi sứ Tây vực (6), *đường xá giao thông* bình thường. Đường thủy giao thông từ Nam Hải chạy suốt khắp miền Nam Việt, Lĩnh Nam. Sự giao thông giữa Trung quốc và Nam Hải diễn tiến điều hòa trước thời kỳ Hán Vũ. Thời Tây nguyên thế kỷ III — Chiến quốc hậu kỳ, người Ấn Độ ghi chép: Trung Hoa sản xuất tơ dệt thường bán cho Ấn độ. Thời Trương Đằng đi sứ đất Tây vực nhận thấy miền Bactria nay thuộc vùng A-Phú-Hãn, bày bán nhiều hàng vải, gậy trúc Tứ-Xuyên (129 — 128 tây lịch). Trương-Đằng hỏi qua xuất xứ những món hàng, người Bactria đáp do xứ Ấn-Độ. Những loại hàng hóa thuyên chuyển giữa Trung Hoa — Ấn Độ, có thể lưu thông theo ba ngả: Tây, Đông, Trung; phía tây - liên quan đến các vùng ngày nay gọi Tây Khang, Điền Tây vào xứ Miến Điện, theo ngã sông Irawadi hoặc Salwin chảy ra biển vào xứ Ấn Độ, La-Mã; cũng có thuyết ghi rằng [chạy dọc theo triền núi tỉnh Vân Nam thông thương La Mã]; phía đông — liên quan đến vùng Quí Châu ngày nay, xuôi theo dòng sông Dương Khả vào Quảng Tây rẽ ngã Tây-giang qua Quảng Đông chảy ra biển; phía trung (giữa) — có thể liên quan Vân Nam ngày nay, xuôi theo dòng sông Hồng Hà vào đất Bắc kỳ (Việt Nam) rẽ ngả Đông Kinh Hà Nội chảy ra biển. Tóm lại hai hướng Đông và Trung đều nằm trong lãnh địa Nam Việt.

Theo « Hán thư Địa lý chí » của Ban Cố ghi rằng Nam Việt gần biển [nhiều tê giác, voi, châu báu, vàng, đồng, vải, trái cây; Trung Hoa thường qua lại buôn bán, trở nên giàu có; Phiên-Ngung nơi đô hội phồn thịnh]. Theo tài liệu sách địa lý của Ptolemy ghi: hải cảng miền bắc Việt Nam — Cattigara, còn gọi

---

(6) *Tây vực* 西域: Theo « Hán thư Tây vực truyện »: Tây vực đặt nên từ thời Hiếu Vũ, nguyên chỉ gồm 36 nước, sau phân chia thành trên 50 nước; đều thuộc phía tây đất Hung nô...

Đời Hán xưng đất Tây vực, phần lớn đất đai này đều thuộc tỉnh Tân cương. Hán về sau thường gọi phần đất phía tây là Tây vực. (Người dịch chú giải)

www.hoangsa.org

[Trung quốc cảng]; tóm lại Hà Nội ngày nay tức Long Biên thuở xưa vào thời nhà Hán. Theo sự ghi chép của Ban Cố và Ptolemy, sự giao thương đường thủy giữa Trung quốc và Nam Việt diễn tiến điều hòa vào thời kỳ trước và sau nhà Hán Vũ đế. Thời Hán Vũ đế về sau việc giao thiệp càng phồn thịnh.

Hán Vũ đế muốn phát huy thanh thế nhà Hán cùng sự mến chuộng nhiều kỳ vật bốn phương, nên có ý định mở mang việc buôn bán hàng vải. Sau khi sứ giả Trương Đằng từ miền đông trở về, bèn nhận lệnh tiếp tục kinh lược miền Tây vực. Do đó tầm hiểu biết của Nam Việt cùng miền Nam Hải ngày càng quan trọng về việc giao thương đối với Trung quốc.

Các sản phẩm của Nam Hải cùng các lân bang xa xăm như vùng Kancipura thuộc bán đảo Ấn Độ đều chuyển sang Trung Hoa: [ngọc đá quý, vàng bạc, châu báu cùng sơn hào hải vị... của các man tộc đều chuyển đến]. Ngoài các đô thị phồn thịnh Phiên-Ngung, Long Biên: các miền khác như Hợp Phố, Từ Văn (Quảng Đông); Nhựt Nam, Tượng quận (Việt Nam); đều là những hải cảng quan trọng. Do đó sự tiếp xúc giữa Trung quốc và Nam Hải thêm hưng phú, nhất là miền Nam Hải người Trung Hoa di cư xuống ngày càng đông. Miền Nhật Cửu 日 久 thuộc vùng đất mới khai khẩn có phần liên quan đến Việt Nam.

Thuở ban sơ trình độ văn hóa giao tiếp giữa các miền Nhựt Nam, Cửu Chân, Giao Chỉ đối với Trung-nguyên gặp nhiều điểm dị đồng. Cách ăn mặc, xã giao, ngôn ngữ; tất cả đều phải qua sự phiên dịch dẫn giải, dần dà tình giao hảo tương trợ thông cảm sâu xa hơn. Cuối đời nhà Tần mãi đến thời Hán Vũ đế về sau, số người Trung hoa di cư sang các lân bang càng đông; trình độ giáo hóa xây dựng ngày càng rạng-rỡ.

Thời Bình đế tiền Hán (năm thứ I đến thứ V tây lịch) Tích Quang 錫 光 Thái thú đất Giao Chỉ, giáo hóa dân chúng theo lễ nghi Trung Hoa, từ cách mặc y phục, đội mũ... truyền lại nhiều ảnh hưởng tốt đẹp. Thời Vương Măng (năm 20 — 24 tây lịch), Giao chỉ có một dạo không giao thiệp các lân bang và Trung-

www.hoangsa.org

nguyên. Sang thời Quang Vũ Kiến Vũ năm thứ V (năm 29 tây lịch) quan Thứ sử Đặng Nhượng 鄧 讓, Tích Quang cùng quan Thái thú Nhậm Diên 任 延 đất Cửu Chân — quê vốn huyện Uyển 宛 (Nam Dương 南 陽); hợp nhau cải hóa dân tình mang lại nếp sống hạnh phúc. Quận Cửu Chân thường sống bằng nghề săn bắn, không cày bừa trồng trọt. Giao Chỉ giáp giới Trung hoa, nên sớm biết nghề nông, người Cửu Chân thường qua lại mua lương thực. Nhậm Diên ra công chỉ dạy cách chế tạo nông cụ dùng trong việc cày bừa, khai khẩn nhiều vùng đất mầu mỡ hoang vu; do đó mà trăm họ đều hưởng cảnh thái bình sung túc.

Người Cửu Chân không biết trồng lúa, cưới hỏi, chọn họ trong thân thuộc cha con, chồng vợ. Nhậm Diên truyền dạy lễ hôn nhân, nếu gặp cảnh nghèo không lễ vật cưới hỏi thì do quan trưởng làng trợ giúp; căn cứ tài liệu ghi rằng [cử hành lễ hôn nhân cho 2.000 người]. Công việc giáo dục tiến dần đến giai đoạn mở trường ốc, truyền dạy kinh nghĩa. Thái thú Nhậm Diên cai trị suốt 4 năm trở về Trung hoa. Người Cửu Chân cảm phục ân đức lập đền thờ, sinh con đều đặt chữ Nhậm (Chữ Nhậm 任 sau đổi thành chữ Văn 文).

Luận rằng: Phong tục Trung hoa truyền dạy đất Giao Chỉ đầu tiên do hai quan Thái thú Tích-Quang, Nhậm-Diên gieo ảnh hưởng mạnh mẽ trong quãng đại quần chúng; không những riêng Giao Chỉ còn lan sang Cửu Chân. Văn hóa truyền bá rộng rãi nhất dưới thời Kiến Vũ được tôn phong — Qui Hán Lý Quân.

Phương diện truyền bá văn hóa sang Giao Chỉ tuy đạt tầm khả quan, nhưng lãnh vực chính trị vẫn còn trong tình trạng bất ổn. Do những nguồn lợi: châu báu, lông chim, tê giác, ngà voi, hương trầm... Các quan địa phương cai trị mặc tình thao túng mưu cầu sự giàu sang cá nhân, khiến cho dân tình sanh ra oán thán Kiến Vũ năm thứ XV (năm 39 tây lịch) cử quan Thái thú Tô Định 蘇 定 sang cai trị Giao Chỉ, thi hành chính sách tàn bạo.

www.hoangsa.org

Năm thứ XVI (năm 40 tây lịch), hai người phụ nữ đất Giao Chỉ — chị em Trưng Trắc 徵側 và Trưng Nhị 徵貳 dựng cờ khởi nghĩa tiến quân vây hãm Mê Linh 麋冷 (An Lăng 安朗, thời tiền Hán kinh đô Giao Chỉ đặt tại Long Biên, hậu Hán dời về Mê Linh), Cửu Chân, Nhựt Nam và Hợp Phố. Các rợ man di đều hưởng ứng nổi lên chống Tô Định. Trưng Trắc lần lượt hạ hơn 60 thành trì, tự xưng ngôi Vương.

Năm thứ XVII (năm 41 tây lịch) Mã Viện 馬援 Phục Ba tướng quân, mở rộng cuộc trường chinh phương nam; tiến quân khắp các ngã: Trường Sa, Linh Lăng, Quế Dương, Thương Ngô; nhiều trận giao tranh quyết liệt xảy ra.

Năm thứ XIX (năm 43 tây lịch) giết [?] Trưng Trắc, Trưng Nhị tại Kim Khê huyệt 金溪穴, phía tây Thái Nguyên (Việt Nam). Mã Viện cùng đoàn hùng binh trên 2.000 chiến thuyền nhỏ lớn, hơn 2 vạn chiến sĩ tiếp tục tiến quân bình định Cửu Chân, Nhựt Nam. Và, dựng trụ đồng vùng giáp biên giới cực nam, nay ước chừng thuộc phần đất Quảng Nam [?] Sau cuộc nam chinh của Mã Viện, đường xá lưu thông giữa Trung Hoa — Việt Nam cải tiến. Văn hóa của người Việt càng thêm rạng rỡ. Trước khi mở cuộc nam chinh, Trung Hoa chuẩn bị nhiều kế hoạch sẵn sàng xe thuyền, sửa chữa cầu, khai thông các hào rạch, dự bị lương thực. Sau đó tiến quân dọc theo đường biển, triền núi vượt đường dài ngót 1 ngàn dặm.

Kiến Vũ năm thứ XX (năm 44 tây lịch), Mã Viện đem quân trở về, tính ra lưu trên đất Việt suốt 3 năm.

Thời Minh đế (năm 58 – 75 tây lịch) Lý Thiện 李善 quê huyện Nam Dương giữ chức Thái thú đất Nhựt Nam áp dụng chính sách nhân hòa cai trị, sửa đổi nhiều hủ tục; thuyên chuyển quan Thái thú đất Cửu Chân.

Thời Hòa đế Vĩnh Nguyên năm thứ XII (năm 100 tây lịch), hơn 2.000 giặc rợ miền Tượng-Lâm dấy loạn. Sau khi dẹp xong đặt quan binh cai trị, nhà Hán đối với việc cai trị miền nam Trung kỳ càng nghiêm khắc.

PHỤ CHÚ: dấu hỏi trong ngoặc [?] do Tòa Soạn ghi.

www.hoangsa.org

Thời An đế Vĩnh sơ nguyên niên (năm 107 tây lịch) bọn rợ sống dọc theo biên giới Cửu Chân, xâm chiếm đất đai trên 1.800 dặm.

Diên Quang năm thứ III (năm 124 tây lịch) ngoài ranh giới Nhựt Nam đều dưới quyền cai trị bọn rợ. Thuận đế Vĩnh Hòa năm thứ II (năm 137 tây lịch) hai miền Nhựt Nam, Tượng Lâm; đều bị trên vài ngàn bọn rợ xâm chiếm cướp phá huyện Tượng Lâm. Quan Thứ sử Phần Diễn 棼 演 đất Giao Chỉ kéo quân đánh thất bại; rợ quân ngày càng vây hãm.

Minh niên (năm 138 tây lịch) triều đình hạ lệnh các châu: Kinh, Dương, Dự... cử đại quân tiếp viện do tướng Lý Cố chỉ huy không kết quả. Bèn dùng thuật chính trị cử tướng Nhân Huệ 仁 惠 giữ chức Thứ sử Thái thú, bãi bỏ các chức quan tham ô bất tài địa phương. Triều đình cử Chúc Lương 祝 良 giữ chức Thái thú đất Cửu Chân, Trương Kiều 張 喬 giữ chức Chế sử đất Giao Chỉ. Chúc Lương mang lại nhiều kết quả trong chính sách cai trị.

Thời Thuận đế mạt niên đến Hoàn đế hậu kỳ (năm 160 tây lịch) hai quan Thứ sử miền Cửu Giang, Hạ Phương đất Giao Chỉ đều được dân tình cảm phục tài đức.

MAI CHƯỞNG ĐỨC dịch

(Còn tiếp)

www.hoangsa.org

BẮC HÀNH TÙNG KÍ

北行叢記

▼ HOÀNG XUÂN HÃN

(tiếp theo S. Đ. số 13)

Ở NGỤC BẮC SỞ.

Ngày 23 (tháng 3 năm Canh-tuất 1790), đến bộ Hình.

[**Phụ-chú** : Tuy Quỳnh không nói rõ, nhưng đoạn sau khiến ta biết rằng bọn Quỳnh bị giải vào nhà ngục Bắc-sở ở bộ Hình, tạm nhốt ở đó làm hai nhóm, trong khi những người tòng-vong khác được chia nhau ở hai An-nam-doanh. Trịnh Hiến còn để lại bài thơ bát cú đề *Đến ngục Bắc-sở tại bộ Hình, cảm tác.* Ý thơ có « Xưa nay há cưỡng đổi mệnh trời. Mình làm sao cho người sau không thẹn bởi mình... Từ khi có sống thì ai mà không chết; chết mà được như nguyện thì sao có oán ». Tiếc rằng tập thơ của Trịnh Hiến đến bài nầy là hết].

Tháng 5, quan đề-thẩm (xử án) tới nơi hiệu quân *Lôi-thần-miếu*, các vị trung-đường (quan coi chính-sự) bảo rằng: «Nếu cắt tóc cải trang, thì sẽ cho nhập hiệu cờ (có tám hiệu cờ là thân-binh của triều Thanh) Chúa các anh đã được ban hàm quan tam-phẩm. Rồi cũng sẽ cho các anh hàm ngũ phẩm hoặc lục phẩm. Các anh có bằng lòng không ?»

Bọn Quỳnh trả lời rằng: « Vua và cha mẹ tuy khác, nhưng trung và hiếu không thể trọn vẹn cả hai. Lúc còn làm con, thì đổi hiếu làm trung, khảng-khái phò cái chí lớn như núi Côn-lôn. Khi thế đã không làm gì được, thì mất trung nhưng còn hiếu. Ân-cần trèo lên núi Hộ núi Dĩ mà ngóng trông (cha mẹ). Tiến không thể làm vẹn trung, thì xin thoái mà lo sự hiếu.

www.hoangsa.org

Bọn Quỳnh thì cả bốn người mẹ già còn sống. Trịnh Hiến, Lê Trị chưa có con trai gái. Lí Bỉnh-Đạo và Quỳnh đều không anh em.

«Nay được Thiên triều đã dạy lấy trung nghĩa để trị thiên-hạ. Nếu may mà thương đến (chúng tôi), thả cho về cày ruộng, thì ví bằng Nguyễn Huệ không dung, (chúng tôi) cũng không được oán hối. Nếu bọn Quỳnh chỉ mưu tiện lợi cho mình mà lưu lại đây, thì trung hiếu đều hỏng, lòng tựa chim muông. Thiên-triều sao lại dùng (giống ấy), mà còn theo dõi ban quan cấp lộc cho sao? Vả hàm quan chỉ cho kẻ hiền, chức vị chỉ cho kẻ giỏi; tước để đền công, lộc để khuyến trung. Bọn Quỳnh đã không che-chở nổi cho chủ trong cơn nạn, thì không những không hiền, không giỏi, mà còn không công, không trung. Vậy tước lộc không dám mong, cũng không phải là sở-nguyện.»

(Các quan) lại bảo rằng: «Chúa các anh ở đây, mà các anh không theo, thế thì trung được sao?»

(Bọn Quỳnh) dựa theo ý cũ trả lời rằng: «Hãy xem chim sẻ con, nó còn biết cẩn-thận trong sự theo. Theo *Tống Cao* là trung chăng? Theo *Huy, Khâm* là trung chăng? Bởi thế, (chúng tôi) không thể cố vín vào (gương) chúa cũ mà phải theo để làm mờ cái nghĩa thờ vua. Xét chim kia là giống ở gò mà biết nên dừng đậu tại chỗ nào, thì kẻ làm tôi con phải dừng lại ở đạo trung hiếu. Vậy không thể mượn cớ rằng chỗ vua ở là chốn phải đậu, để mưu riêng lợi cho mình. Như thế thì sự trung với sự bất-trung, (chúng tôi) không dám bàn nhiều. Chỉ mong nhờ quan lớn xét cho công-bằng.»

[**Phụ-chú**: Trong văn của Quỳnh, thường dùng điển-tích. Như trong một bài trên, đã dùng điển Tử-phòng, điển Bao-Tư. *Tử-phòng* tức là Trương Lương tôi vua nước Hàn bị Tần diệt, bèn sang làm tham mưu cho Lưu Bang (Hán) đánh Tần để báo thù cho nước *Bao-Tư* họ Thân, làm quan nước Sở đời Xuân-thu. Ngô đánh đuổi vua Sở. Bao-Tư sang Tần xin quân cứu viện. Tần không cho. Bao-Tư đứng ở sân mà khóc trong bảy ngày không dừng. Tần bèn giúp.

www.hoangsa.org

Trong bài nầy lại dùng mấy điển cần phải hiểu mới rõ ý câu văn. *Chim sẻ con* là điển *hoàng khẩu tước*. Sách *Thuyết-uyển* chép: « Khổng-tử thấy người đánh lưới chim chỉ bắt được chim sẻ con, hỏi duyên cớ. Người kia trả lời rằng: những con sẻ con theo sẻ lớn thì đánh không được. Những sẻ lớn theo sẻ con thì đánh được. »

Điển *Tống Cao* và *Huy Khâm* là chuyện các vua Tống vào lúc quân Kim đánh Biện kinh của Tống. Bấy giờ vua Huy-tông suy nhược đã nhường ngôi cho con là vua Khâm-tông Quân Tống tan. Huy-tông và Khâm-tông hàng, rồi bị đem về ở đất Kim và nhận tước nhỏ. Còn hoàng-thân Túc-vương thì đem quân lánh xuống miền nam rồi nối ngôi Tống, tức là Cao-tông.

Ta phải nhận rằng văn của Quỉnh thường khá lắt-léo nặng-nề, và điển-cố nhiều nơi cũng không thích-đáng lắm.

Điển *chim kia biết chỗ dừng đậu* là chuyện chim nước Việt (chim trĩ của Việt-thường?) ở phương Bắc vẫn làm tổ ở cành hướng nam. Trong những đoạn sau, lại hay dùng điển *cáo chết quay đầu về hang*. Đó là hai điển ngụ ý giống vật còn nhớ đất tổ.]

Tôi đến, thấy chúa cũ, vua Lê, tới. Các quan lớn (Thanh) lấy lời khéo dỗ vua Lê bảo (bọn Quỉnh) cắt tóc. Bọn Quỉnh khóc, lạy mà nói rằng: « Bọn Quỉnh sống làm tôi nhà Lê, chết làm ma nhà Lê. Ngoài ra thì không phải sở nguyện. »

Lại được các quan lớn dạy rằng: « Mệnh chúa anh, anh cũng không theo. Ấy há là đạo của kẻ làm tôi sao? »

Quỉnh trả lời rằng: « Bổn-phận kẻ làm tôi thờ vua vốn phải theo mệnh, nhưng cũng phải *theo* lẽ buộc *đừng theo*. Nếu có thể nhờ vậy mà không nhục mệnh vua, thì ấy cũng là theo mệnh vua đó. Nay, cái mệnh bảo cắt tóc, ở miệng thì là mệnh, nhưng trong tâm thì không phải là mệnh. Bọn Quỉnh nguyện theo cái mệnh trong tâm chúa mình, kẻo chúa cũng bất-đắc-dĩ mới làm sự (các ngài) yêu-cầu đó mà thôi. »

Rồi (bọn Quỉnh) lại bị giao cho Bắc-sở thuộc bộ Hình

www.hoangsa.org

nghiêm giam; chia ra mỗi nơi hai người, cấm không được qua lại với nhau.

Tháng 6, lại thấy các bầy tôi hộ-tùng chúa cũ, *Đinh Nhã-Hành, Phạm Như-Tùng, Nguyễn Quốc-Đống* đến trong ngục hỏi thăm. Đinh Nhã-Hành nói với Quỳnh rằng: « Nay vâng mệnh quan lớn (có lẽ muốn nói Hòa Thân?) bảo các ông cạo đầu. Nhưng mà chúng tôi xưa từng đọc sách thánh hiền. Đã học được sự gì mà (nay) khứng đưa lời Vệ Luật (ra cám dỗ), để chịu lời mắng của Tử-khanh sao? Đây bất quá đáp lời đòi kín của Bá Nhan mà viết câu « *chỉ lấy lòng son* » để bảo nhau thôi. Vả thừa nhịp thuận-tiện mà tới thăm nhau mà thôi. »

Quỳnh bèn đáp lại rằng: « Các ông và bọn tôi, đường lối khác, nhưng lòng thì đồng. Ông lớn Đinh là quan to giữ nước, từng ra sức trong trăm trận, rồi đã đem gia-thuộc cưỡi biển ra ngoài. Hầu Nguyễn, hầu Phạm là quan lớn thị-vệ, một khi thành mất, đã cầm tay xe (vua) mà theo lánh. Các ông đều không lỗi đạo làm tôi. Còn như tôi đây, chịu mệnh (phò vua) trong cơn nghiêng-ngữa lưu-li, chưa hề bày tỏ một mưu kế gì; lại bị bệnh kịch-liệt nên phải về nhà (nghỉ). Đã chẳng không thề tòng vong, lại không hay chết vì phận-sự. Rồi đến lúc tỉnh bệnh, (uy) có xoang tay mà kêu gọi lớn, (nhưng) cũng khó hiệu-triệu được lòng người đã tan; khóc ra huyết trong bảy ngày, cũng khó kéo lại ý trời không hay tốt. Bắt-đắc-dĩ giữ tóc để tỏ tấm lòng trung. Tuy khổ cho tiết đã không giữ được trinh, nhưng cam vì lòng không mang điều hối. Nếu ai cũng như tôi, thì ai kẻ hầu vua? Nếu ai cũng như các ông, thì ai giữ tiết?

« Cảnh-ngộ tuy khác, lập-trường đều phải. Nếu muốn (cùng nhau) tìm chết, thì (đôi bên) tội bằng nhau mà thôi. Tuy nhiên, (các ông nên cố giữ thân mình là hay. Ngày sau, đưa xe vua Tấn Văn trở về nước, vị-tất không phải là công của bầy tôi là *Hồ Yển* và *Triệu Suy!* Còn như bọn ngu chúng tôi, trên không làm được như *Bao Tư*, dưới không làm được như *Tử-phòng*. Gặp mặt các ông, đã lấy làm thẹn. Cho nên phải vững cầm một tiết, đỉnh (đầu) vạc (mỡ) không thề làm sợ, nghiền thây xé xác không thề

www.hoangsa.org

dời lòng, để may gì tỏ được chí mình. Cái câu cuối cùng tặng Đinh-linh (trỏ câu *chỉ lấy lòng son* trên kia), dám đâu ứng lại. Còn như cái dụng tâm của chúng tôi, ngài sao phải phiền. Trọng trách của các ông, tôi không thể chia. Mong *Di*, mong *Lại*, tự có kinh quyền. Ai *Vệ*, ai *Tô*, thôi đừng chia rẽ. Chỉ nên nhàn với cảnh quen, ghín giữ lòng xưa. Chớ đổi lòng cung-kính của kẻ đứng hầu bên đống phân; càng dè cái kế dùng bã rượu như chó dữ.»

« Bọn ngu nầy rất trông mong vào đó. Nếu không thế, thì bọn ngu này sẽ thân vùi trong rạch nước, mà các ông cũng không khỏi làm người lưu-lạc ở tha-hương Xin gắng trở về đem lời kẻ ngu nầy tâu lại, để chúa ta yên lòng, thôi không lo nghĩ đến đứa bầy tôi bất-trí nầy, đến nỗi phiền cho lòng thánh-chúa.»

Bọn Đinh Nhã-Hành bèn đi về.

[**Phụ chú** : Ba tùy-thần vua Lê tới thăm bọn Quính là những người cao-cấp nhất. Đinh Nhã-Hành, người xã Hàm-giang huyện Cẩm-giàng, con thái-bảo Đinh Văn-Phục, thuộc họ Đinh Văn-Tả (phương-ngôn có *Đánh giặc họ Đinh, làm quan họ Đặng*), thi võ đậu tam-trường, đời Chiêu-thống làm Trấn-thủ (Sơn-nam?) Sau khi bị Vũ Văn-Nhậm đánh bại, có lẽ Nhã-Hành rút về vùng Hải-dương. Đến khi Chiêu-thống chạy theo quân Thanh, Nhã-Hành trốn theo đường Vạn ninh vào Khâm-châu và đến ở cùng Chiêu-thống. Chịu nghe quan Thanh bảo cắt tóc cải trang, Nhã Hành lúc đầu được ban chức thủ-bị ở Toàn-châu (HLNTC hồi thứ 19). Sau khi lên Yên-kinh, được lĩnh chức kiêu-kị hiệu-úy, và ở cùng vua Chiêu-thống. Mất ở Yên-kinh trước khi sắp được về nước. Trước lúc chết có làm một bài thơ cảm-tác, trong ấy có: « Không nhà, thẹn đã sinh ở cửa tướng. Mang gươm giong ruổi đến Bắc-kinh. Nước thù đã mất, hổn ta sớm lìa; Về nhà từng mộng mà quỉ đến lôi đi trước. Tiếng hay để lại trong sử tàn; xương sẽ chôn vùi hóa tro. Nói ra không hết cái giận nghìn đời. Tóm lại là không sánh kịp với tài của người đời Tấn. »

Nguyễn Quốc-Đống, người xã Tì-bà, huyện Lang-tài (Kinh-bắc), là anh vợ Chiêu-thống, bà nguyên-phi Nguyễn Thị-Kim, làm đô-đốc

www.hoangsa.org

đồng-tri, cai thị-vệ. Phạm Như-Tung người xã An-lão, huyện Thư-trì (Sơn-nam), có đậu tường-sinh (hạch ở phủ), làm kẻ hầu Đông-cung, tức là Chiêu-thống khi Cảnh-hưng còn tại vi. Sau khi Chiêu-thống lên ngôi, được cất lên chức cao coi bộ Binh bộ Hộ, tước Cận-quang hầu Hai viên nầy là kẻ tay chân của Chiêu-thống.

Trong lời nói với Quỳnh, Đ nh Nhã-Hạnh đã dùng hai điển : một là : Vệ Luật tôi Hán hàng Hung-nô đổ sứ Hán là Tô Vũ theo mình nên bị Vũ mắng (Vũ có tự la Tử-khanh bị giữ lại trong 19 năm); hai là : *Bá Nhan* tướng Mông-cổ bắt giữ tể-tướng Tống là *Văn Thiên-Tường* va ngõ ý ép hang, Thiên-Tường làm bài thơ *Quá Linh đinh giương* (qua bể Linh-đinh) mà tặng. Hai về cuối là : « Nhân sinh tự cổ thùy vô tử. Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh » 留取丹心照汗青 trong bản viết BHTK nầy, chữ *lưu* đổi ra chữ *đãn*. Trong lời đáp của Quỳnh, theo bản viết ấy thì có nói « Sở tặng Đinh-linh chi mạt cú » 所贈丁零之末句 mà tôi đã dịch trên *Đinh-linh* có nghĩa là tên một bộ-lạc Hung-nô Đ y Quỳnh muốn dùng trỏ tướng Mông-cổ va ám chỉ ông tướng họ *Đinh* (Nhã-Hanh) Nhưng có ự lạ nếu đảo hai chữ lại thì thanh *Linh-đinh* có trong đầu đề bài thơ kia. Có lẽ không phải ngẫu nhiên có sự tương-tự ấy Quỳnh lại có dùng điển *Di* và *Lại*. Di đây là Bá Di người Ân ; nước Chu diệt nước Ân, muốn dùng Di, nhưng Di không thuận, bèn nhịn đói chết. *Lại* là Phạm Lại người Sở ; Sở bị Ngô diệt, Lại chạy sang Việt, giúp Việt đánh Ngô để rửa thù.

Cuối cùng, điển « *đứng hầu bên đống phân* » và điển « *dùng bã rượu nhử chó* » thì tôi chưa rõ. Như tôi đã nói, điển-cố trong văn Quỳnh thường tỉ-mỉ và sử dụng một cách nặng-nề.]

Tháng 11, quan của hiệu cờ Nhương-hoàng-tinh thuộc Hậu-quân đem con Lê Quỳnh, là *Lê Doãn-Thuyên* tới trong ngục cùng ti-quan thuộc bộ Hình đều bảo Quỳnh rằng : « Cạo đầu thì vua tôi cha con sẽ đoàn-tụ vui-vẻ cùng nhau. Sao mà cứ một mực ngây-ngốc, không chịu theo gần nhân-tình đến thế ? »

Quỳnh đáp rằng : « Thơ của Văn-sơn (Văn Thiên-Tường) có câu « Ta lo cho cương-thường, có nhà mà không đoái, vân vân...

www.hoangsa.org

Tôi vốn không dám lấy việc riêng mình và nhà mà bỏ quên nghĩa công. Xin các ngài lượng cho »

Quính lại quay về Doãn-Thuyên nhủ bảo rằng : « Ta đã bằng lòng cho mầy cạo tóc để theo vua ta. Mầy nên hết lòng hầu-hạ, như vậy còn ở lâu dưới gối ngài. Ta không hối-hận đâu Mầy hãy nghe ta bảo : hãy đi về đi, đừng khóc nữa. »

Tháng 12, quan bộ-đường đề-thẩm, chức thượng-thư là quan lớn *Hồ — Quí Đường —* bảo rằng : « Chúng anh nếu không cạo tóc thì sẽ chết già trong ngục, chôn thây theo sổ nhà tù Cắn giốn (hối hận) sao kịp ? »

Bọn Quính lại kêu ca xót-xa rằng : « Điều ấy là bởi mệnh quan lớn. Nếu bảo rằng bọn Quính muốn như vậy thì muôn vàn không dám muốn. Đến như việc chết già và chôn thây ở ngục thì bọn Quính cũng không dám (nguyện). (Tội chỉ có) ba chữ « *Vì không thuận !* » Rất trông mong ở Quan lớn. »

Rồi thấy giao cả bốn người cho viên coi ngục đem giam *cùng một chỗ.*

Tháng giêng năm Tân-hợi (1791), nghe nói rằng vua cũ cư-trú cạnh Quốc-tử giám, tại phía đông thành (Bắc-kinh), đã được trao chức *tá-lĩnh hậu-quân* thuộc hiệu cờ Nhương-hoàng 鑲黃旗.

Tháng ba, vua sai Nguyễn Quốc-Đống mang bạc và trà tới cho. Nhưng trong tù nghiêm cấm không cho vào.

[**Phụ chú** : Qua các văn-kiện ngoại-giao Việ-Thanh trong khoảng nầy, ta có thể hiểu những duyên-do tác-động của triều-đình Thanh. Vua Càn-long đã nhẹ dạ nghe lời Tôn Sĩ-Nghị tái lập Lê Chiêu-thống. Sau khi thất bại, về mặt thể-diện thì phải cử quân trả thù, nhưng thấy Chiêu-thống bạc-nhược không giúp gì về chính-trị được, nên còn lo ngại. Khi thấy Quang-trung, dùng ngọn bút Ngô Thì-Nhậm, tỏ ý xin đầu-phục một cách cực-kì khiêm-tốn, lại tự nguyện tới Yên-kinh chúc thọ tám mươi, thì vị vua Thanh già rất cảm-kích, thanh-thật nhận Quang-trung đáng là một phiên-thần đắc-lực, bèn coi Quang-trung như là một thân-vương giữ một phần đất Trung-hoa, đứng trên hàng các

www.hoangsa.org

phiên-thần khác. Một mặt thì muốn phiên-quốc thôi giặc-gã nên ngăn cản Chiêu-thống và phái-đảng trở về nước. Vì vậy Phúc Khang-An đã an-trí Chiêu-thống ở Quế-lâm, dỗ vua tôi họ Lê cắt tóc cải-trang và mời cháu đích Quang-trung, là Nguyễn Quang-Hiển, trong khi qua Quế-lâm để lên Bắc-kinh, tới trú-sở của Chiêu-thống để chứng-kiến sự ấy (hè năm 1789). Một mặt khác thì đối với Chiêu-thống và các bồ thần, vua Càn-long cũng không thể bạc-đãi cá-nhân, nên cho lệnh cấp-dưỡng. Muốn đạt hai mục-đích ấy, chính vua Càn-long vào cuối năm Kỉ-dậu (1789) đã bảo đem Chiêu-thống và đồ-đảng lên Bắc-kinh để cho xa biên-thùy và để cấp-dưỡng đang-hoàng hơn.

Riêng đối với bọn Quỳnh, xét qua các văn-kiện đã nói trên — tôi sẽ có dịp giới-thiệu nhiều về các văn-kiện ấy — thì có phần chắc rằng Phúc Khang-An đã cố-ý vời ra ngoài nước, có lẽ theo lời mật cầu của Ngô Văn-Sở lưu-thủ Thăng-long. Vì bọn Quỳnh không nhận lệnh quan Thanh nên mới có cái « án bất tuân » nầy, sau khi quan Thanh đã kiếm mọi cách xử ôn-hòa bằng cách khuyên-dỗ.

Còn như vua Chiêu-thống, vì bất tài và bạc-nhược đã chịu an-phận nhận chức tá-lĩnh đời đời với hàm tam-phẩm. Đối với bọn Quỳnh, chắc có lòng kính-phục và thương xót ; mới sai thân-nhân Nguyễn Quốc-Đống tới thăm và đem quà biếu. Theo tập thơ của bọn Quỳnh, ta biết thêm rằng Chiêu-thống có làm ba bài thơ bát-cú đưa cho bọn Quỳnh họa. Trong mục *Phụng họa Ngự thị nguyên vận* của Quỳnh có chú-thích « Bấy giờ Quỳnh bị giải đến Yên-kinh, vua Lê sai Quốc-Đống đem cho mười lạng bạc rong, một cân trà và ba bài thơ. Quỳnh kính họa rồi gửi tiến trình » Nay còn thấy các thơ họa của Quỳnh và của ba bạn đồng ngục. Nhưng tiếc rằng tôi chưa được thấy nguyên thi của Chiêu-thống để biết chút ít tâm-trạng của vị vua chót của triều-đại đã khởi thủy oai hùng. Ba bài họa của Quỳnh thì, theo chú-thích, bài đầu tả tình-huống, bài thứ hai tỏ chí tưởng-niệm và bài cuối ngỏ kì-vọng sâu-sắc. Đại ý bài đầu là : « Trải sương giá vẫy đồng tiêu-tụy ; hằng ngày nghìn sầu vạn khổ kéo tới. Lửa đốt ruột gan chảy từng khúc ; thoi đưa sáng tối dệt mối sầu. Hồn mơ màng mộng quấy về bể Nam ; thân ở ngục tịch-mịch như ở chốn không-hư. Cũi

www.hoangsa.org

nghĩa chuồng trung nếu thoát ra khỏi, thì đành ẩn-dật làm kẻ ngư-tiều. »

Cũng trong tập thơ của Quỉnh, lại có một mục đề *Tháng tư, nhận thơ của vua thăm hỏi, kính họa lại.* Tuy không nói rõ năm nào, nhưng chắc cũng cùng năm Tân-hợi (1791), vì từ tháng 5 năm ấy về sau, như đoạn sau sẽ nói rõ, bọn Quỉnh bị tuyệt đường thông tin với nhà vua. Bài thơ của Chiêu-thống chuyển nầy cũng không thấy. Chỉ còn có hai bài họa của Quỉnh. Nhờ câu kết « Quay về mặt trời rồi ngẫnh lại nhìn mình thì thẹn với bóng ; nhiều lần ban khen quá, tôi không dám vui sướng nhận », ta hiểu rằng vua Chiêu-thống đã khen tiết-tháo và từ-chương của Quỉnh]

Tháng 5, nghe lóng rằng những bầy tôi từng đã chạy theo vua đều bị khiển-trách. và đem đi các xứ để an-trí : *Hoàng Ích-Hiếu* ở Y-lê *Phạm Như-Tùng* ở Hắc-long-giang, *Nguyễn Quốc-Đống* ở Cát-lâm, *Lê-Hân* ở Phụng-thiên. Còn dư là bọn *Nguyễn Huy-Hiền, Nguyễn Viết-Triệu* đều ở Nhiệt-hà. Chỉ vì âm-tín không qua lại được, nên chưa biết rõ thật không. Mà từ đó về sau, cũng tuyệt không tin tức.

[**Phụ-chú** : Như trong lời giới-thiệu đã kể, sự phân-tán và an-tháp các bề-thần nhà Lê xảy ra vào ngay 20 tháng tư năm ấy. Duyên-cớ bởi sự bắt-khuất của bọn Quỉnh đã kích-thích Chiêu-thống. Vả lại vừa thay vua Thanh tiếp Quang-trung giả (chắc Chiêu-thống không biết rằng giả) như một thân-vương (ngày 11 tháng 7 năm Canh-tuất 1790). Ngày tháng 10, đã nghe lời Hoàng Ích-Hiếu mà cam kết với các bề-thần quyết sống chết cùng nhau cố xin trở về đất Tuyên-quang. Bọn các-thần Hòa Thân, không những không cho phép, mà còn lập nên cái án chung nầy. Trong một bức thư Quang trung cảm ơn Hòa Thân có lời rằng : *Đến như Lê Duy-Kì xằng nghe Hoàng Thừa-Ích xui-xiểm xin được an-tháp ở đất An-nam ; Hoàng-thượng lấy sự bọn Thừa-Ích không biết an phận, đã kết nên một án đem chúng phát-khiển.* Cái tên Thừa-Ích chắc trỏ Ích-Hiếu. Ích-Hiếu bị đay với con tại đất Y-lê, thuộc biên-giới Tân-cương và Siberia, nghĩa là bị đày xa nhất ; chắc vì bị kết tội chánh-phạm.]

www.hoangsa.org

Năm Nhâm-tí, Càn-long thứ 57 (1792), tháng 5, quan lớn coi Quân-cơ gọi bọn Quỳnh vào phủ Nội-vụ, hỏi rằng: « Trước đây, anh tới với chí lo khôi-phục. Bây giờ cùng đi còn có mấy người ? Em chúa anh là Lê Duy-Chi 黎 維 祺, người ấy có thể giúp-rập được chăng ? »

Bèn đáp rằng: « Nhà Lê lập nên nước đã hơn bốn trăm năm, lòng nhân sâu, ân-trạch dày, thấm nhuần đến người ta đã lâu. Nhà Lê mất ; lòng người thương xót. Vả lại bấy giờ nghe nói Thiên-triều vì nghĩa giúp Lê, dân cả nước đều đã xưng là dân nhà Lê thì ai là không suy tính và nói cùng một lời. Xem đó có thể thấy rằng quốc-nhân đều đồng-chí cả. Từ sau khi chúa cũ sang đất Bắc, Quỳnh đã vâng mệnh vương-phi (trỏ Nguyễn Thị-Kim), nhóm họp cựu-thần, thế-tộc, phiên-mục, thổ-hào được chừng hai trăm viên. Thủ-hạ thì kẻ nhiều có hơn nghìn, kẻ ít có vài trăm. Vậy người theo không phải là ít. Đến nay đã qua ba bốn năm. Nguyễn Huệ đã được phong vương. Mệnh trời đã định. Lòng người dễ đoán Nay đời thay, sự đổi ; mỗi người có một lòng. Vậy nay, không dám chắc có mấy người theo tôi.

« Còn như em chúa cũ, là Lê Duy-Chi, thì khi chúa cũ chạy ra ngoài, với ba bốn chục người (giúp) còn có thể giữ một phương để kháng. Về mặt vũ thì tựa-hồ có thể làm được, nhưng y tuổi còn non, không đủ để trông ngóng Chỉ sợ y vị-tất đã chưa bị Nguyễn Huệ làm hại. Hoặc-giả y nay còn sống, thì cũng chưa chắc tranh-đấu với nó được. »

[**Phụ-chú** : Tôi chưa hiểu bởi lí-do gì quan Thanh trách-nhiệm quân-cơ đã dò hỏi ý-kiến Lê Quỳnh về việc chống Quang-trung. Có lẽ từ sau khi củng-cố địa-vị mình đối trong và ngoài, Quang-trung đã tỏ ý bất-thần đối với triều Thanh chăng ? Chuyện đòi đất Ngư-dương Hồ-điệp thuộc Hưng-hóa, vào năm 1791, và chuyện cầu hôn (1792 ?) có thật vì các tờ bẩm nay còn. Chuyện thu dùng quân Tau-ô cũng chắc có thật, theo lời Ngụy Nguyên (Xem Sử Địa số 9-10). Còn những chuyện khác chép trong *Đại Nam Liệt-truyện*, như đòi đất Lưỡng Quảng thì chưa chắc đã có thật, nhưng cũng có thể đã nảy mầm trong trí Quang-trung và đã được tung ra.

www.hoangsa.org

Riêng đối với gia-quyến vua Chiêu-thống còn ở lại trong nước, thì hình như Chiêu-thống đã xin vua Thanh bảo Quang-trung tìm đem sang ở cùng. Trong các thư-hàm giữa Quang-trung và quan Thanh có nhắc lại điều ấy. Cuối cùng, Quang-trung thoái-thác rồi bỏ lãng việc ấy. Duy-chi thì đã bị bắt và giết vào khoảng đầu năm Tân-hợi (1791), như Quỳnh đã đoán.]

Năm Quí-sửu (1793), tháng 5, quan thu-thẩm thuộc bộ Hình, đưa câu hỏi nầy: « Người An-nam có *Lê Duy-Trị* 惟治, lại mang một tên nữa là *Duy-Phổ* 惟溥, nó là bà con với chúa ngươi ra sao? *Hoàng Văn-Tương* 文相 (桐?) *Nùng Phúc-Tấn* 福溍 là người thế nào trong nước ngươi? »

Bọn Quỳnh trả lời: « Lê Duy-Phổ thì tưởng chừng là chú họ chúa cũ, Nhưng con cháu họ Lê rất đông-đúc; chúng tôi không nhớ rõ các tên và các tự. Xin xem diện-mão thì mới biết đích-thật chăng. Hoàng Văn-Tương thuộc thổ-ti đời đời giữ ải ở cửa *Bình-di*. Nùng Phúc-Tấn cũng nối đời làm tri-châu *Bình-lạc*. Những tên người ấy, bây giờ sao lại có hỏi đến? »

Quan Thu-thẩm nói: « Ấy vì chúng tự cạo đầu tới xin đầu. »

[**Phụ-chú**: Thu-thẩm là chế-độ tư-pháp, mùa thu tháng tám họp các quan tại kinh để xét lại các tử-tội xem án nào thi-hành, án nào hoãn hoặc giảm.

Bởi có gì đã có sự phỏng-vấn mới nầy? Bấy giờ Quang-trung đã mất (ngày 29 tháng 7 năm trước, nhưng đến tháng 11 mới báo tin cho vua Thanh biết). Đầu năm Quí-sửu nầy. *Thành Lâm*, án-sát Quảng-tây sang Thăng-long dụ-tế và do thám tình-hình nước ta, đã về báo tin rằng trong nước phe đảng xâu xé lẫn nhau (theo lời chép của Ngụy Nguyên). Phải chăng, quan Thanh muốn dòm ngó đất ta một lần nữa?

Theo lời quan thu-thẩm thì các người kể trên đã vào đầu ngụ. Nhưng Nùng Văn-Tấn và Hoàng Văn-Đồng (bản chép tay viết Văn-Tương; chữ Tương tự-dạng rất gần chữ Đồng, tôi nghĩ rằng

www.hoangsa.org

đó chính là chữ Đồng) là hai thủ-lĩnh miền Bảo-lạc, Cao-bằng đã từng có lúc ủng-hộ em thứ ba vua Chiêu-thống Lê Duy-Chi. *Đại Nam Luyệt-truyện* chép rằng: Sau khi vua Chiêu-thống chạy sang Thanh, em là Lê Duy-Chi chiếm cứ Tuyên-quang Cao-bằng, dựa vào những viên thổ-tù Nùng Phúc-Tấn, Hoàng Văn-Đồng.. Lê Duy-Chi và Phúc-Tấn, Văn-Đồng thế không địch nổi đều bị giết. *Hoàng Lê Nhất-thống chí* ghi rõ rằng: Được một tháng, binh lương không đủ, quân bị thua. Duy-Chi và các tướng-tá đều bị bắt và đóng cũi đưa vào Nam, và cùng bị hại. Một vong-thần khác, *Lê Huy-Dao* (tôi đã viết lầm ra Trần Đình-Dao trong *Sử-địa* số 9-10 trang 260) chạy theo chúa Yến-đô-vương. Vào cuối năm Canh-tuất trốn ở vùng Sơn-nam-hạ (1790), đã thông với Duy-Chi đóng quân ở Bảo-lạc (Hà-giang Cao bằng) để mưu đánh Tây-sơn. Nhưng Hoàng Văn-Đồng phản, chỉ-điểm cho tướng Tây-sơn đem quân bắt Duy-Chi. Trong bài *Lữ-trung ngâm*, Huy-Dao chép (văn nôm):

Ngăn dải Tuyên, dựng nền dụng vũ
Dù lam-yên chướng-vụ quản bao
Bỗng Văn-Đồng có làm sao
Một tay tráo-trở tao (: lần) này làm đôi

và có chú-thích rằng «Hoàng Văn-Đồng tức là *Diễn quận-công*» và «năm Mậu-thân (1788) hoàng-đệ thứ hai (Duy-Lưu, tên thường phiên âm ra Duy-Tụ 惟 袖) cũng bị y tố». Xem vậy thì Hoàng Văn-Đồng không bị bắt cùng Duy Chi và Nùng Văn-Tấn. Nhưng tập *Tây-sơn thuật-lược* (xem bản ông Tạ Quang-Phát đã dịch trong Sử-địa số 9-10 trang 163) kể chuyện rằng sau khi bắt được Duy-Chi (đã lầm ra Duy-Tụ), tướng Tây-sơn, nội-hầu Lân, giả cách thưởng yến cho «Cha con Diễn quận-công cả thảy năm người đều được ban cho áo cẩm-hoa-bào và khăn là lụa hồng, đều ngồi mà yến-ẩm. Khi rượu đã say, nội-hầu Lân làm rớt cái mâm đồng làm hiệu, quân Tây-sơn bèn bắt cha con Diễn quận-công mà chém...». Chuyện bắt và giết nhóm kháng chiến cuối cùng phò Lê xảy ra vào năm Tân-Hợi (1791), theo sách này. Năm trước, Quang trung đã sai Nguyễn Quang-Huy và Nguyễn Văn-Uyển đem quân lên đánh

www.hoangsa.org

Trấn-ninh và Vạn-tượng (tháng 6 và tháng 10, theo *Liệt-truyện*) vì Duy-Chi kéo cánh các tù-trưởng vùng nầy. Dẹp Bao-lạc xong thì Quang-trung sai Vũ Vĩnh-Thanh, Trần Ngọc-Thị sang báo thắng trận cho triều Thanh biết. Xem vậy, ta có thể nghĩ rằng khi quan quân-cơ (1792) và khi quan thu-thẩm (1793) hỏi bọn Quỉnh về Lê Duy-Chi và Nùng Văn-Tấn, Hoàng Văn-Đồng, chúng y đã biết chuyện các người nầy đã bị bắt và có lẽ muốn tìm cách cứu Nhưng cũng không chắc sự thật như vậy, vì chưa hẳn Quang-Trung đã báo tin cho vua Thanh hay chuyện bắt Duy-Chi và đồ-đảng trong khi chưa tuân lời vua Thanh bảo đem thê-thiếp anh em Chiêu-thống sang Bắc-kinh.]

Tháng 10 (năm Quí-sửu, 1793) nghe tin chúa cũ mất. Ở ngục, không được đi tới khóc.

[**Phụ-chú** : *Hoàng Lê Nhất-thống Chí* cho biết rằng mùa hè năm Nhâm-tí (1792), Nguyên-tử (: con đầu vua, chưa lập làm thái-tử) chẩn đậu rồi mất. Vua Lê lại càng lo buồn, dần dần thành bệnh, ốm nằm không dậy được. Năm sau, bệnh lại càng nặng. Ngày 16 tháng 10, Chiêu-thống mất, thọ 28 tuổi..]

HOÀNG XUÂN HÃN

(Còn nữa)

TẠP CHÍ **VĂN HỌC**
năm thứ VIII
BIÊN KHẢO — PHÊ BÌNH — SÁNG TẠC — NGHỆ THUẬT
DIỄN ĐÀN THANH NIÊN SINH VIÊN TỰ DO VIỆT NAM

TÌM ĐỌC:

* TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN
* TRUYỆN TIỀN CHIẾN
* KHU RỪNG MÙA XUÂN
* VĂN HỌC NHẬT BẢN

— Bốn tác phẩm trên do tạp chí VĂN HỌC vừa XUẤT BẢN.

● *Giá phổ thông* ● *Tác phẩm hay*

www.hoangsa.org

SAU NCÓT 150 NĂM

THỬ GIẢI ĐIỂM THẮC MẮC CỦA **AN-TOÀN-HẦU TRỊNH-HOÀI-ĐỨC** *VỀ SỬ ĐỊA NƯỚC NHÀ*

★ LÊ THỌ XUÂN

I.— TỪ CẤN-TRAI TRỊNH-HOÀI ĐỨC.

An-toàn-hầu Trịnh-Hoài-Đức, tức Cấn-Trai thi-sĩ, tác-giả *Gia-định-thành thông-chí* (1), đã khiêm-tốn và dè-dặt viết một câu mà tôi xin tạm dịch: **«Hãy tạm chép ra đây chờ ngày sau có người dùng làm điểm để khảo-biện.»**

An-toàn-hầu đã viết như trên sau khi tỏ nỗi thắc-mắc về "Nước Bà-lợi 婆利國", mà ông chua rõ là chép ở *Tân Đường-thư (2)*:

> *«Bà-lợi-quốc (3) trực (a) Chiêm-thành (b) Đông-Nam tự Giao-châu 交州 hàng hải lịch Xích-thổ Đan-đan chư quốc nãi chi địa đại châu 地大洲 đa mã (c) diệc viết (d) Mã lễ 馬禮 kỳ tục xuyên nhĩ phụ đương 附璫 (e) dĩ kiết bối 吉貝 (f) hoành (g) nhứt bức liễu 繚 (h) vu yêu Nam hữu Thù-nại quốc 殊柰國 Vĩnh-Huy hậu vị Chân-lạp sở tinh.»*

Vậy dịch là: «Nước Bà-lợi ở ngay phía Đông-Nam Chiêm-thành, từ Giao-châu vượt biển trải qua các nước Xích-thổ, Đan-đan thì tới. Đất-đai là đảo lớn, có nhiều ngựa, cũng gọi là Mã-lễ. Tập-quán của họ là xỏ tai đeo khoen, dùng một tấm vải to

www.hoangsa.org

sợi (thô) quấn ngang quanh lưng (4). Phía Nam [nước nầy] có nước Thù-nại. Sau thời Đường Vĩnh-Huy (650-655) bị Chân-lạp thôn-tính. »

Trước khi dẫn câu của *Tân Đường-thư* để cho thấy phong-tục Bà-lợi giống phong-tục Cao-miên mà đất-đai cũng tương-tợ, An-toàn-hầu đã tả rằng « ... đất-đai Bà-rịa day lưng vào núi ngảnh mặt ra biển (bối sơn diện hải), rừng rậm tre cao (mật lâm tu trúc),... lại rất nhiều quan-ải hiểm-trở còn có dấu-vết thành-trì cổ-thời y như quốc-đô của vua-chúa, và cứu-xét thêm thì Bà-rịa nguyên là đất của Cổ Lục Chân-lạp...» ; chứng-tỏ là đất Bà-rịa rất giống nước Bà-lợi.

Dẫu vậy, An-toàn-hầu còn phân-vân, thắc-mắc nên nêu một nghi-vấn :

> « *Tra sách* **Chánh-vận** *(5) thì chữ Lợi* 利 *âm lực* + *địa thiết (6) nên NGHI Bà-rịa* 婆 地 *tức là nước Bà-lợi xưa kia Ư* 疑 婆 地 即 古 婆 利 之 國 與 ? »

An-toàn-hầu lại thắc-mắc :

> « *Còn Thù-nại* 殊 柰 *lại cùng Đồng-nai* 仝 猥 [*hay*] *Nông-nại* 農 耐 *thì thinh-âm sai không xa, hoặc-giả là đất Sài-gòn ngày nay vậy* 或 今 柴 棍 之 地 也. »

II.— ĐẾN « ĐỨA CON ĐẺ NGƯỢC » CỦA G. AUBARET.

Ai ai cũng nhìn-nhận *Gia-định-thành thông-chí* nầy cùng với *Nhứt-thống dư-địa-chí* của Binh-bộ Thượng-thư Lê-Quang-Định, *Địa-chí-loại* của Phương-Đình Nguyễn-Văn-Siêu, v.v. là những sách vô-cùng quý-giá cho người Việt chúng ta ngày nay. Hiềm vì loại sách nầy một khi được dịch ra Pháp-văn hay quốc-âm lại đưa những ai muốn học hỏi Sử-Địa nước-nhà đến vực lầm-lẫn quan-trọng.

www.hoangsa.org

= Như G. Aubaret ở trang 177 và 178 trong quyển *Histoire et Description de la Basse-Cochinchine* (bản dịch GĐTTC), xuất-bản tại Paris năm 1863, và đã « làm lầm » đoạn nầy của An-toàn-hầu :

1.— Nước Lục Chân-lạp xưa (cồ Lục Chân-lạp) thì dịch ra : « appelé Co-luc et Chan-lap » (gọi là Cồ-lục và Chân-lạp) ;

2.— Từ Giao-châu vượt biển trải qua các nước Xích-thồ, Đan-đan..., thì dịch vắn-tắt và sai-siền là : « depuis le port de Giao-chi jusqu'à Xich-tho, Terre-Rouge » (từ cửa biển Giao-chỉ đến Đất-đỏ (? !)...) ;

3.— *Tân Đường-thư* đáng lý dịch « *le Nouveau Duong-thu* » thì lại dịch « le livre *Tan-duong* » khiến người ta có thể ngỡ là *Truyện Tàn-Đường*, nói về Tồn-Hiếu xương sắt mình đồng, Huỳnh Sào ba lỗ mũi, Vương Ngạn-Chương chèo ghe trên mặt đất chạy vo-vo như trên mặt nước :

. . . . . .

Vì quyển sách nầy của Aubaret nay thành hiếm có nên tôi xin chép mấy câu của Aubaret ra đây cho thấy sự « tréo-cẳng-ngỗng » về Bà-rịa : « On trouve en recherchant l'étymologie du mot *Ba-ria*, que ce pays, qui s'est appelé *Co-luc* et *Chan-lap*, a pu faire partie, comme le prétend le livre *Tan-duong*, du royaume de *Ba-loi*, qui s'étendait au sud-est depuis le port de *Giao chi* jusqu'à *Xich-tho* (*Terre-Rouge*)...»

Và, nếu ta dịch trở lại thì thành ra : « Tìm ngữ-nguyên của tiếng Bà rịa, người ta biết đất nầy đã từng gọi là Cồ-lục và Chân-lạp, và theo sách *Tan-duong* chứng-dẫn thì đất nầy có thể là của nước Bà-lợi, một nước chạy dài về phía Đông-Nam từ cửa biển Giao-chỉ đến Xích-thồ (Đất-đỏ)...»

Đến như phong-tục « xỏ tai đeo khoen » và « vận chăn ngang eo-ếch » của dân Bà-lợi, thì Aubaret dịch và thêm lời chua : « La coutume (1) du peuple qui l'habitait était de se percer les oreilles, de porter des chaînes en or autour du cou ou des seins, et de

www.hoangsa.org

-se draper une épaule au lieu de porter un habit.» [(1) Ces habitudes sont entièrement cambodgiennes...]

Có thể dịch trở lại: «Phong-tục (1) của dân-cư nước nầy là tự xỏ tai, là đeo dây chuyền vàng quanh cổ hay ở vú, và là khoác vải lên một bên vai thay vì mặc một cái áo.» [(1) Những tập-quán nầy hoàn-toàn là Cao-miên...]

Còn theo sách *Chánh-vận* do An-toàn-hầu nghi-ngờ như trên, thì Aubaret «phản-nghĩa»: «Un autre livre, le Chan-van, change le caractère *loi* en *ria*, ce qui tendrait à prouver que ce *Ba-loi* n'est autre chose que *Ba-ria*.» (Một sách khác, Chan-van, ĐỔI chữ *lợi* RA chữ *rịa*, cái điều có thể chứng-minh rằng *Bà-lợi* nầy chỉ là *Bà-rịa* mà thôi.)

= Hoặc như tác-giả *Đại-nam nhứt-thống-chí: Lục-tỉnh Nam-Việt* tự-tiện «xách» câu trong *Đường-thư* nói trên «đem để ở vùng Đất-đỏ» — và đồ-thừa rằng tại An-toàn-hầu chép như vậy rồi ông ta chép theo! — vì ông ta hiểu lầm nước Xích-thổ [nói đây] là vùng Đất-đỏ của An-phú, Phước-hưng, Xuyên-mộc (7).

☆

III.— VÀ CĂN-CỨ THEO TUỲ-SỬ.

.. Tôi có quyển *Phương-Đình dư-địa-chí* (8) từ lâu: hồi trước, tôi có bản chữ Hán (chép tay) mà tôi chỉ lật coi sơ qua vì chưa có dịp học đến, rồi sách bị mất-mát trong biến-cố 1945; cách nay 5 - 6 năm, đến Mỹ-tho, ghé tiệm sách Do-Quang, thấy bản dịch quốc-âm, tôi mua để dành, đến gần Tết Mậu-Thân vẫn chưa rọc ra, cũng vì chưa có dịp học nó.

Trong bài «Vài cảm-nghĩ sau khi đọc sách *Đại-Nam Nhất-Thống-Chí: Lục-Tỉnh Nam Việt*», nhơn nhắc bốn chữ «hồ lô nhi tiếu» của Cụ Nguyễn-Thông (9), tôi có nói đến Cổ Viêm-Võ mà tôi nhớ một cách mập-mờ. Tôi bỗng nhớ như trong *Phương Đình dư-địa-chí*, tác-giả là Cụ Phó-bảng Phương-Đình

www.hoangsa.org

Nguyễn-Văn-Siêu (tức « THẦN » Siêu), có nói nhiều về họ Cố. Tôi mới rọc mấy tờ đầu (để đọc những bài Tựa) và mấy tờ chót (để coi Mục-lục) Rồi tôi rọc và vạch mấy trang trong, đoán là có nói về Bà-lợi, Bà-rịa, Chiêm-thành, Hoàn-vương... xem sao. Với nỗi mong-mỏi là Cụ Phương-Đình đã giải giùm rồi điểm thắc-mắc của Cụ An-toàn-hầu. Tôi mong-mỏi như thế vì biết quyển *Phương-Đình dư-địa-chí* ra đời sau quyển *Gia-định-thành thông-chí* khoảng 40 năm (10).

Đây là lời dịch *PĐDĐC*, ở trang 167 :

> « *BIÊN-HÒA TỈNH.— Là nước Bà Lợi xưa, sau là đất Bà Địa, Đồng Nai của nước Chân Lạp (xét sách Đường Thư chép nước Bà Lợi ở phía đông nam nước Chiêm Thành quá phía Nam là nước Thù Nại, sau niên hiệu Vĩnh Huy bị nước Chân Lạp lấy mất. Sách* **Gia định thông chí** *chép xưa là nước Bà Lợi. Tiếng Thù Nại với tiếng Đồng Nai giống nhau hoặc là đất Sài gòn bay giờ).. »*

Roi ơ trang 187, tiếp :

> « *Cứ Tùy sử thì nước Bà Lợi là nước Tiêm La ngay nay. Sách Gia Định thông chí của Trịnh Hoài-Đức cho Bà Địa là nước Bà Lợi ngày xưa chưa chắc đã phải, có lẽ là Can Dà Lợi (11). Sích Thổ tức là Biên Hòa ngày nay.* »

IV.— BÀ LỢI KHÔNG PHẢI LÀ BÀ-RỊA.

Trở lại với quyển *Phương-Đình dư-địa-chí*, trong một bài sau, tôi sẽ xin có lời bàn về bài tựa của Tiến-sĩ Phụ-chính Đại-thần Thái-tử Thái-bảo Nguyễn-Trọng-Hợp (qua bản dịch), bài tựa của Cụ Tiến-sĩ Giáo-sư trường Đại-Học Văn-Khoa (về bản dịch), và lối « dùng chữ và phiên âm » của dịch-giả, giáo-sư trường Văn-khoa Đại-học.

www.hoangsa.org

Bây giờ, xin thử giải chỗ thắc-mắc của An-toàn-hầu: BÀ-LỢI KHÔNG PHẢI LÀ BÀ-RỊA!

Tôi biết *Tấn Đường-thư* do hai « quái-kiệt » Tống-nho là Long-đồ-các Học-sĩ Âu-dương Tu và Đoan-minh-điện Học-sĩ Tống Kỳ (đồng-thời cùng những danh-thần Bao Chửng tức Bao-Công, Phạm Trọng-Yêm với cái bia Tiến phước...) chỉ-sử nhiều văn-nhân khác khảo-cứu và sửa-chữa 17 năm trời mới xong (12); nhưng tôi định bụng là không bao giờ đọc đến vì nên để ngày-giờ đọc bộ sách 225 quyển đó – có nhiều quyển còn phân làm Thượng, Trung, Hạ nữa và hầu hết là nói chuyện bên Trung-hoa — mà đọc sách khác cần hơn, sách về sử-địa nước-nhà chẳng hạn.

Thế mà tôi phải tự mâu-thuẫn lấy tôi! Ấy vì bản *Gia-định-thành thông-chí* của Ấn-Trung nghiên-cứu-hội chép tay khó đọc và e có sai-sót, nên tôi phải mượn bộ *Tân Đường-thư* để duyệt lại.

Không lẽ « ôm » cả ba trăm quyển nầy về để chỉ đọc vài hàng! Tôi « nhại » chơi lối văn xưa ở bài biểu *Tấn Tân Đường-thư* của Tăng Công-Lượng viết vào tháng 6 Gia-Hựu ngũ-niên (13) với những chữ « thành hoàng thành khủng đốn thủ đốn thủ duy... đốn thủ đốn thủ cần ngôn... ». Đoạn coi Mục-lục. Rồi dở quyển 222-Hạ.

Trang 1a chép về nước Hoàn-vương. Qua trang 1b chép: ... vào thời Đường Trinh-Quán (14) — vua nước Hoàn-vương là Đầu-Lê sai sứ đến cống, cùng đi với sứ-giả hai nước BÀ-LỢI và LA-SÁT... »

Kế đó, nói về hai nước Bà-lợi và La-sát như sau:

1.— *Bà-lợi giả trực Hoàn-vương Đông-Nam* (...) *diệc hiệu Mã-lễ* (như đã chép ở phần đầu bài nầy).

2.— *Kỳ Đông tức La-sát dã dữ Bà-lợi đồng tục...* (ở phía Đông [nước Bà-lợi] tức là nước La-sát, cùng Bà-lợi đồng phong-tục...).

www.hoangsa.org

Liền đó thì chép về nước Xích-thổ rất vắn-tắt ; xin dịch : « Nước Xích-thổ đã thông-hoà cùng Trung-quốc, phía Tây-Nam [Xích-thổ] là biển chạy đến [hai nước] Bà, La (Tây-Nam nhập hải đắc Bà La) [tức Bà-lợi và La-sát]. Đường Tổng-Chương năm thứ 2 (669), vua Xích-thổ là Chiên-Đạt-Bát sai sứ đến triều-cống, cùng đi với sứ-giả nước Hoàn-vương. »

Biết như vậy, ta rõ rằng nước Bà-lợi không phải là xứ Bà-rịa của nước ta, vì từ nước ta mà muốn đến nước Bà-lợi thì phải vượt biển qua khỏi nước Xích-thổ rồi « chạy buồm » đi nữa, đi xa nữa...

Và, nước Bà-lợi có nhiều đặc-điểm khác xa nước ta.

V.— ĐẶC-ĐIỂM ĐỊA-PHƯƠNG CỦA BÀ-LỢI QUỐC.

Trước hết, tưởng nên biết nước Xích-thổ ở đâu. Lối 20 năm trước khi *Phương-Đình dư-địa-chí* được soạn xong thì vua Thiệu-Trị (1841-1847) đã giảng :

> « *Trước là nước Xích-thổ, sau chia làm hai : nước Xiêm và nước La-hộc. Khoảng đầu triều Nguyên, La-hộc mạnh, gồm thâu nước Xiêm, đặt quốc-hiệu là Xiêm-la-hộc ; qua triều Minh, sứ nước nầy sang cống, Minh-đế ban cho ấn « Xiêm-la » ; từ đó gọi là Xiêm-la-quốc.* » (15) (16)

Vậy, nước Xích-thổ ngày xưa thì sau là nước Xiêm-la, mà nay là Thái-lan.

Đã biết Xích-thổ là Xiêm-la, và đã biết *từ Giao-châu phải vượt biển qua khỏi Xích-thổ và Đan-đan rồi mới tới Bà-lợi* thì rõ-ràng Bà-lợi ở khá xa Việt-nam ta, nhứt-định Bà-lợi không phải là Bà-rịa.

Hơn nữa, sau khi ghi rõ Bà-lợi cũng gọi là Mã-lễ và trước

www.hoangsa.org

sáu chữ «kỳ tục xuyên nhĩ phụ đương», *Tân Đường-thư* có hài rõ mấy đặc-điểm địa-phương của NƯỚC Bà-lợi và của NGƯỜI Bà-lợi mà ít đâu CÓ và ít đâu GIỐNG, như :

a) Tự Nam chí Bắc dài vài ngàn dặm (mậu 袤 (17) trường số thiên lý), có nhiều hoả-châu mà viên lớn thì to cỡ hột gà (đại giả như kê-noãn) ;

b) Mình đen (hắc thân), tóc hoe [đỏ] mà quăn-queo (châu phát nhi quyền) (18) ;

c) Vua Bà-lợi ngự trên giường [lát] vàng (kim-tháp 金榻) (19), kẻ hầu-hạ hai bên thì cầm phất [trần] trắng 白拂 và quạt lông công (20) ; vua nhàn-du thì đi xe do voi kéo, xe có lọng kết lông chim (vũ-cái 羽蓋), có rèm tua châu-ngọc (châu-bạc 珠箔) và có trỗi nhạc bằng lối khua chiêng, gõ trống lại thổi ốc tù-và (xuy loa 歔螺) (21).

Sẵn *Cựu Đường-thư* (soạn vào khoảng đầu thế-kỷ thứ X) tôi cũng xin ghi thêm mấy điều nầy cho càng được rõ-ràng hơn :

a) — Kỳ nhân giai hắc sắc, xuyên nhĩ phụ đương (người [Bà-lợi] đều da đen, xỏ tai đeo khoen) :

b) — Nam-tử giai quyền-phát (phái nam đều tóc quăn) ;

c) — Phong-khí Bà-lợi nóng-bức thường như giữa mùa hạ ở Trung-quốc 恆如中國之盛夏.

VI.— NƯỚC BÀ-LỢI Ở ĐÂU ?

Xét về vị-trí và địa-thế thì Bà-lợi kia không phải là Bà-rịa của ta ;

Xét về nhân-chủng và phong-tục thì Bà-rịa của ta không giống Bà-lợi kia ;

Bởi thế : Bà-rịa là Bà-rịa, mà Bà-lợi là Bà-lợi.

www.hoangsa.org

Vậy, Bà-lợi là đâu?

Là một nước:

— ở xa Giao-chỉ, phải vượt biển Giao-châu và phải qua khỏi nước Xích-thổ (tức Xiêm la: Thái-lan ngày nay) mới tới; — hoặc từ Giao-châu vượt biển đi nga B n bàn-quốc (ở phía Nam nước Lâm-ấp) (22) thì phải 50 ngày mới tới (40 ngày qua Giao-châu tới Bàn-bàn, rồi đi 10 ngày nữa là tới Bà-lợi); — *Cựu Đường-thư* thì còn nói rõ hơn: « Nước Bà-lợi, ở tại Đông-Nam Lâm-ấp (kêu theo tên cũ), là hòn đảo giữa biển, tự Nam chí Bắc dài (diên trường) vài ngàn dặm, từ phía Nam Giao-châu theo đường biển trải qua các nước Lâm-ấp [Chiêm-thành] Phù-nam [bao gồm Nam-việt, Cam-bốt ngày nay]. Xích thổ [Thái-lan] và Đan-đan (23) thì tới.» (*Cựu Đường-thư*, q. 197, tr. 1b).

— thổ-dân da đen, tóc quăn, xỏ tai — có lẽ cả nam lẫn nữ — đeo khoen và dùng vải thô một bức theo bề khổ mà vấn ngang lưng (vận chăn);

— khí-hậu luôn-luôn nóng-bức như cơn thịnh-hạ ở Trung-hoa (vì ở gần hay ở ngay xích-đạo);

— sản-vật thì đặc-biệt là có nhiều quả châu lớn bằng trứng gà và khi để lọn ngải-cứu dưới quả châu nầy rồi cho ánh nắng mặt trời giọi ngay lên, tức-khắc sẽ phát hỏa 日中以艾藉珠輒火出 (nên gọi là hoả-châu) (24);

— Bà-lợi cũng có tên là Mã-lễ, thì ta có thể ngờ đó là một nước của người MÃ-LAI (Malay) thuộc vùng bán-đảo và quần-đảo Mã-lai; và ở hướng Đông nước Bà-lợi thì có nước La-sát, nên *Tân Đường-thư* nhiều lần nhắc vùng nầy với danh-từ « Bà-La » (Bà-lợi và La-sát).

Về Bà-lợi, ta có thể tin lời giải-thích của *Từ Hải* và *Từ-Nguyên*:

www.hoangsa.org

« Bà-lợi-quốc ngày xưa thì nay là Bà-la-châu 婆羅洲 (đảo Bà-la), mà đảo Bà-la tức là Đảo BORNÉO, ở ngay đường Xích-đạo, dân-cư trên đảo đa-số là người Mã-lai. »

Bà-lợi-quốc là đảo BÀ-LA, chắc do hai nước BÀ-lợi và LA-sát xưa nhập chung : Bà-lợi ở miền Tây, La-sát ở miền Đông (như hiện nay trên đảo Bornéo còn chia làm nhiều tiểu-quốc) (25).

VII.— MÀ BÀ-LỢI PHẢI CHĂNG LÀ BÀ-LỢI ?

An-toàn-hầu theo sách *Chánh-vận* mà đọc chữ LỢI ra lực + địa thiết, thành ra LỊA, cho nên nghĩ ra và sanh nghi Bà-LỢI là Bà-LỊA, tức Bà-RIA.

Riêng tôi, tôi đánh bạo thử nghĩ hơi khác :

Ba chữ « Bà-lợi-quốc » do sử Tàu (*Đường-thư*) chép, tức nhái tiếng người bản xứ mà phiên ra ÂM Tàu, vậy ta nên thử đọc « nó » theo GIỌNG Tàu (dẫu biết lối phát-âm của người Trung-hoa lắm khi tuỳ triều-đại mà có sự biến-đổi).

Thí-dụ (chỉ về vài địa-danh) :

1.— Singapore, người Trung-hoa viết và đọc ra giọng Quảng-đông là Xánh-cá-pó hay Xứng-cá-pó (26), hoặc theo Léon Wieger (27) lâ Sïnn-kiã-p'oũo hay Sïng-kiã-p'oũo, mà ta đọc ra Tân-gia-ba hay Tinh-gia-pha thì rán... rồi cũng hiểu nồi.

2.— Độ nọ, báo-chí Sài-gòn đăng tin-tức ngoại-quốc — dịch lại của báo Hoa-văn ở Chợ-lớn : « Có việc lộn-xộn tại nước Trí-lợi... » ; độc-giả Việt-nam ngơ-ngơ ngác-ngác, không biết cái nước Trí-lợi đó ở phương trời nào ! Té ra, các chữ Trí và Chí thì theo L. Wieger đều đọc Tchéu và đọc giọng Quảng là Chy (như : trí-thức = chy xúc ; trí-mạng = chy mừng ; chí-nguyện = chy duìnn ; chí-lí = chy lị...).

www.hoangsa.org

Còn chữ mà ta đọc là LỢI thì họ đọc ra âm LÍ hay LÌ, và ta cũng có khi đọc LỊ. Vậy khi ta đọc Trí lợi thì họ đọc Chy-lì, tức nước Chili ở Nam Mỹ-châu.

3.— Khôi-hài hơn nữa là họ nhái hai tiếng Sài gòn mà viết và đọc Xấy-cung, rồi có người Việt ta cố-ý viết ra quốc-văn và đọc theo quốc-âm là Tây-cống, khiến bà-con Lục-tỉnh Đồng-nai có không biết đó là đâu thì... rán chịu !

Dựa lối phiên-thiết và chuyển âm của người Trung-hoa, tôi xin « đánh bạo » bàn về chữ LỢI trong địa-danh Bà-lợi.

Chữ Hán mà ta quen đọc là LỢI, thì :

1.— Sách *Vận-hội* thời Nguyên bảo đọc « lực + chí », thành ra LÍ.

2.— Còn *Chánh-vận* thời Minh thì bảo đọc « lực + địa », và theo âm 哩 LỊ (mạ-lị) ;

— vì chữ ĐỊA thì *Chánh-vận* bảo đọc « đồ + lợi » (xin tạm đọc là « đồ + lí ») và theo âm 弟 ĐỆ (huynh-đệ),

— vả âm Đ của ta thì người Trung-hoa đọc ra T (như : đả-đảo = tả tủ, địa-điểm = tì tỉm, địa-lý = tì lị...),

— cho nên chữ ĐỊA ở đây (của *Chánh-vận*), ta thử đọc là TÍ (hay TÌ theo giọng Quảng, như Nghĩa-Địa ra Dỳ-Tì hoặc nói trại quen miệng ra Nhị-Tì, hui Nhị-tì).

Vậy, rất có thể, chữ mà ta quen đọc là LỢI thì *Chánh-vận* bảo theo âm LỊ (mạ-lị), và không phải phiên-thiết « lựa + địa » ra LỊA mà là « lực + tí » ra LÍ (hay LỊ).

Lại thêm, theo quyển *Caractères chinois :*

A.— 1') chữ mà ta đọc Địa thì L. Wieger đọc âm TÍ,
2') — — Đệ — — TÍ ;

B.— 1') — — Lợi (hay Lị) — — LÍ,
2') — — Lị (mạ-lị) — — LÍ.

www.hoangsa.org

Đến như chữ BÀ thì L. Wieger âm ra P'oûo — gần với P'oûo (của Singapore) —, còn giọng Quảng thì đọc ra Phò.

Bây giờ ta thử đem hai chữ Bà-lợi (hay Bà-lị) của *Đường-thư* mà đọc theo âm của L. Wieger thì ra P'oûo-lí, và theo giọng người Quảng-đông là Phò-lì.

Phải chăng « nhái » tiếng gọi của thổ-dân trên đảo nầy mà người Trung hoa thời Tuỳ-Đường phiên-âm ra Bà-lị (Bà-lợi), Phò-lì, P'oûo-lí, và các nhà hàng-hải Âu-Tây thuở xưa viết ra BORNEO, (như Singapore = Sinn-kiã-p'oûo (28)?

Cũng như Mã-lễ đọc theo Léon Wieger là Mà-lì và theo giọng Quảng-đông là Mạ-lậy, rất sát với Malai, Malay.

VIII.— CÒN NƯỚC THÙ-NẠI?

Đây cũng là điểm quan-trọng, cần nêu ra.

Trong vòng một tháng, tôi phải ba phen đến thư-viện bạn để COI ĐI COI LẠI cho chắc ý về hai chữ « Thù-nại » nầy. Tôi phải làm như thế vì thiếu đức tự-tín! Coi rồi, chép kỹ rồi, về nhà rồi... Rồi mình vẫn chưa tin chắc là mình chép đúng. Phải đi coi lại *Tân Đường-thư*. Về so lại. Rồi phải chạy tìm xem lại bản *Gia-định-thành thông-chí* coi mình chép có thật đúng không!

Trước kia, tôi đinh-ninh không đọc *Tân Đường-thư* làm gì thì nay tôi buộc lòng phải lui tới đọc đi đọc lại mấy phen một đoạn trong sách nầy!... Cho đáng đời!

Tân Đường-thư, quyển 222-Hạ, sau những nước Hoàn-vương, Bà-lị, La-sát, Xích-thổ.., đã chép:

> « [*Nước nầy*] *ở phía Nam nước Hoàn-vương, vượt biển Giao-chỉ* 汎交趾海 (29) **BA THÁNG** *bèn đến, và* [*nước nầy*] *đồng phong-tục với BÀ-LA* (*Bà-lị và La-*

www.hoangsa.org

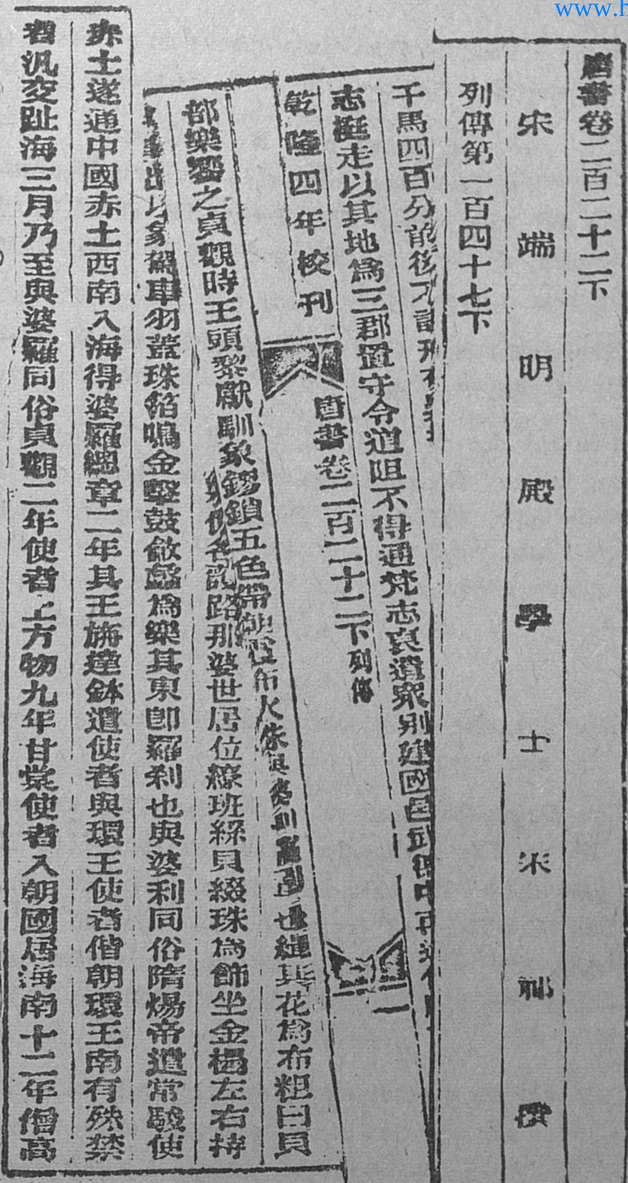
唐書卷二百二十二下
宋端明殿學士宋祁撰
列傳第一百四十七下
千馬四百分前後不許
志挺走以其地爲三郡置守令道阻不得通梵志裒遺衆別建國邑
乾隆四年校刊
唐書卷二百二十二下 列傳
部樂器之貞觀時王頭黎獻馴象鏐鎖五色帶朝霞布火珠
纏其花爲布粗曰貝
路那婆世居位綠班絲貝綴珠爲飾坐金榻左右持
以象爲車羽蓋珠箔鳴金擊鼓飲盤爲樂其東即羅刹也與婆利同俗隋煬帝遣常駿使
赤土逡遁中國赤土西南入海得婆羅總章二年其王旃達鉢遣使者與環王使者偕朝環王南有殊奈
者汎交趾海三月乃至與婆羅同俗貞觀二年使者上方物九年甘棠使者入朝國居海南十二年僧高

Trang I (tức Ia và Ib) của *Tân Đường-thư*, quyển 222-Hạ, Kiền-Long tứ-niên hiệu san; hai chữ sau cùng ở hàng áp-chót (bên tả) in rõ là « THÙ-CẤM ».

www.hoangsa.org

sát). [*Đường*] *Trinh-Quán năm thứ 2 (628), có sứ-giả [nước nầy] đến cống sản-vật ở địa-phương* 上方物.»

Mà, nước nầy không phải là THÙ-NẠI 殊柰 như hai vị tiền-bối Trịnh-Hoài-Đức (bản chép tay) và Nguyễn-Văn-Siêu (bản dịch) đã thuật; theo *Tân Đường-thư* (TÀNG-BẢN Kiền-Long tứ-niên, sẽ kể sau) thì nước nầy là THÙ-CẤM 殊禁 (như bản kẽm ở trang 165).]

Không biết chữ Cấm 禁 thì người xưa có đọc âm Nại như chữ 柰 hoặc 奈 không?

Nếu chỉ đọc 禁 là CẤM, 殊禁 là THÙ-CẤM, thì đối với Đồng-nai hay Nông-nại, địa-danh nầy không còn thành vấn-đề thắc-mắc nữa: Thù-cấm và Đồng-nai, Nông-nại thinh-âm khác xa nhau.

* * *

Đến đây, đến tôi lại thắc-mắc! Tôi tưởng cũng nên suy đi nghĩ lại như vầy:

Cựu Đường-thư (soạn vào thời Thạch-Tấn, khoảng đầu thế-kỷ thứ X) và *Tân Đường-thư* (soạn vào thời Tống Nhân-Tông, khoảng giữa thế-kỷ XI) chắc-chắn đã có khắc bản in, nên đến năm Minh Gia-Tĩnh 18 (1539), ở bài Tựa có đề «khắc bản LẠI» (trùng khắc, trùng san), rồi đúng 200 năm sau — năm 1739 — vua Thanh Kiền-Long dạy hiệu-đính và khắc bản LẠI NỮA.

Hai bộ *Đường-thư* nầy (*Tân* và *Cựu*) hiện lưu hành, ở nước ta, trên mỗi tờ đều có in sáu chữ «Kiền Long tứ niên hiệu sao 乾隆四年校刊»; nhưng hai bộ nầy là hai bộ dùng TÀNG-BẢN Kiền-Long và IN LẠI vào tháng 5 năm Mậu-Thân (*Thượng-Hải Tập-Thành Đồ-Thư Công-Ti Tàng-Bản Mậu-Thân Ngũ-Ngoạt TRÙNC-ẤN*).

Mà Mậu-Thân nầy là Mậu-Thân nào? — Sau Kiền-Long

www.hoangsa.org

tứ-niên (kỷ-mùi, 1739) thì có những ba Mậu-Thân: 1788, 1848 và 1908. Vậy Mậu-Thân nào mà việc in hai bộ sử nầy ĐÃ do một Công-ti tại Thượng-hải đảm-nhiệm?

Phải chăng đây là Mậu-Thân 1908, sau Chánh-biến Mậu-Tuất (1898), tức là sau những cuộc cải-cách của vua Quang-Tự, theo sự hô-hào Duy-tân của Khang Hữu-Vi và Lương Khải-Siêu?

Biết đâu chừng bản khắc mà An-toàn-hầu và Cụ Nguyễn-Văn-Siêu đã đọc là bản khắc thật xưa, không phải TÀNG-BẢN của Công-ti Thượng-hải (có thể khắc lại những chỗ hư-hỏng), và biết đâu chừng trong bản thật xưa đó đã in « Thù-nại » chớ không phải là « Thù-cấm »?

Tuy-nhiên, dẫu là « Thù-nại » đi nữa, ta cũng thấy nước nầy ở cách biển Giao-chỉ những « ba tháng chạy buồm » về phía Nam, và chung vùng với Bà-lị, La-sát chớ không ở miền Bến-nghé, Đồng-nai.

IX.—ĐỂ KẾT-LUẬN.

TÓM LẠI:

1.— Bà-rịa là Bà-rịa của ta (30).

2.— Nước Bà-lị là một vương-quốc mà từ Việt-nam ta muốn đến đó thì phải theo ven biển trải qua Chiêm-thành, Phù-nam, Xiêm-la và còn đi thêm nữa.

3.— Bà-lị mà cũng gọi là Mã-lễ — như *Tân Đường thư* và *Gia-định-thành thông-chí* — thì rõ là của người Mã-lai (Ma-lay, Malais) và đúng là ở vùng Mã-lai-á (Malaisie, Malaysia).

4.— Nước Bà-lị ngày xưa quả là đảo Bornéo ngày nay, như *Từ-Hải* và *Từ-Nguyên* dẫn-giải, và cũng gọi là đảo BÀ-LA thì ta có thể nghĩ là đảo có hai nước BÀ-lị (bên miền Tây) và LA-sát (bên miền Đông).

www.hoangsa.org

5.— Bà-lị nhứt-quyết không phải là nước Tiêm-la ngày nay (cứ *Tuỳ-sử*).

6.— Xích-thổ — gần Bà-lị và La-sát — mới là nước Xiêm-la (tức Thái-lan hiện-đại) như ta đã rõ, chớ không phải « Xích-thổ [của *TĐT*] là vùng Đất-đỏ ở Bà-rịa bây giờ », như tác-giả *Đại-nam nhứt-thống-chí : Lục-tỉnh Nam-Việt* đã « gán lỗi » cho An-toàn-hầu.

7.— Thù-cấm là một nước ở phía Nam nước Hoàn-vương, phải vượt biển Giao-chỉ cả ba tháng mới tới.

8.— Và, ở chung vùng với hai nước Bà-lị và La-sát nên cùng hai nước Bà-La đồng phong-tục 與婆羅同俗, thì Thù-cấm — mà dẫu có gọi là Thù-nại đi nữa — không thể là Đồng-nai, là Nông-nại, là Sài-gòn được.

☆

X.— ĐÔI LỜI THÊM.

Với lòng thành-kính, tôi mong-ước hai bạn Hoàng Xuân-Hãn (người mà tôi chưa từng gặp mặt) và Hồ-Đắc-Thăng (người mà tôi mới được điện-đàm ngắn-ngủi hai lần) đừng phiền-hà khi thấy bài nầy còn những chỗ thất-thố đáng trách : hai bạn đã chịu nhọc đọc bài nầy trước khi tôi đưa in, đã khuyến-khích tôi và đã ghi-chú những điều cần sửa-chữa. Bài nầy mà vẫn chứa-đựng ít nhiều sai-lầm, khiến độc-giả phải « hồ lô nhi tiếu », thì đó hoàn-toàn do nỗi mỗ-mãng của riêng tôi.

Với lòng thành-thật, tôi mong-ước sao trước khi bài nầy của tôi được in ra thì đã có người phân-giải rạch-ròi — mà tôi chưa hân-hạnh được đọc — về « Bà-lợi : Bà-rịa ; Thù-nại : Đồng-nai ».

Nếu may mà có vậy, dám mong quý-vị độc-giả vui lòng chỉ-bảo cho, để chúng ta có dịp khác cùng nhau khảo-biện.

www.hoangsa.org

CHÚ-THÍCH

(1) *Gia định-thành thông-chí* thì không rõ viết xong vào năm nào ; trong sách nầy thường thấy chép tới năm Gia-Long 18 (1819) như việc đào Bảo-định-hà (kinh nối dài hai ngọn rạch đi từ Chợ-cũ Mỹ-tho đến châu-thành Tân-an), và tháng 11 năm Gia-Long 18 có ghi về « Đường-nhân (người Trung-hoa) ở Phú-quốc ». — Và, An-toàn-hầu qua đời vào tháng 2 năm Minh-Mạng thứ 6 (tức ất-dậu, 1825) ; hiện mộ Cụ còn tại tỉnh-lỵ Biên-hoà.

(2) Trong *Đồng-nai văn-tập* số 14 (tháng 12/1967), tr. 126, tôi có ghi : « *Đường-thư* soạn vào thời Thạch-Tấn (936-946), tức Hậu-Tấn (do Thạch Kỉnh-Đường rước quân Hung-nô vào Trung-hoa dứt nhà Hậu-Đường) và đến thời Tống Nhân-Tông, triều-thần sửa-chữa lại ngót 15 năm (từ 1045 đến 1060) mới xong ; — từ đó, bộ soạn trước thì gọi là *Cựu Đường-thư*, bộ sửa sau thì gọi là *Tân Đường-thư*.»

Không rõ tôi dựa theo sách nào — nay kiếm lại chưa được — mà ghi ra con số 15 và năm 1045 như vậy. Bây giờ xem lại bài biểu *Tấn Tân Đường-thư* viết vào tháng 6 năm Gia-Hựu thứ 5 (1060) có để rõ « phàm thập hữu thất niên », thế là từ 1044 đến 1060 (tự giáp-thân Tống Khánh-Lịch tứ-niên chi canh-tí Gia-Hựu ngũ-niên, — cũng thời Tống Nhân-Tông : 1023 - 1063, — tính theo Tàu và ta là 17 năm) mới đúng. Vậy xin tự dinh-ngoa !

Nói đến *Đường-thư*, tôi nhớ mãi lời tiên-nghiêm tôi dặn-bảo : « Muốn học chữ nho cho dễ hiểu, dễ nhớ mặt chữ thì cứ đọc truyện Tàu như *Thuyết-Đường*, *Thuỷ-Hử*..., đừng đọc *Đường-thư* mà sanh chán vì gặp lối văn kỳ - sáp (cầu-kỳ rối-rít) .. » Nay có mấy câu trong *Tân Đường-thư* cần biên ra, e dịch sai nghĩa nên tôi có chua chữ Hán hoặc chép nguyên-văn, để xin bạn đọc nếu thấy phần nào dịch không đúng thì vui lòng chỉ-bảo lại cho.

(3) Trong *Gia-định-thành thông-chí*, bản chép tay của Ấn-Trung nghiên-cứu-hội (Société des Études Indochinoises), chữ viết hay, nhưng theo lối thảo, khó đọc, khó đoán, lại có nhiều chỗ sai :

(a) Có lẽ nghi chữ « Trực » ở đây có hơi lạ nên có người sửa kế bên chữ « Cư ».

(b) Về hai chữ nầy, *Cựu Đường-thư* (*CĐT*) thì viết theo tên xưa là « Lâm-ấp » ; *Tân Đường-thư* (*TĐT*) thì viết theo thời Đường là « Hoàn-vương » ; còn *Gia-định-thành thông-chí* (*GĐTTC*) thì viết theo tên mới là « Chiêm-thành ». (Nước Lâm-ấp có từ đời Hán,

www.hoangsa.org

đến năm 758 (thời Đường Túc-Tông, con của Đường Minh-Hoàng) đổi ra Hoàn-vương-quốc, rồi sau đổi lại là Chiêm-thành ; vậy nên *Tân Đường-thư* chép « Hoàn-vương-quốc », có khi chép « Hoàn-vương-truyện », là chỉ Lâm-ấp, tức Chiêm-thành.)

(c) Chữ « Mã 馬 » viết không rõ, có người chữa ra « Đảo 島 ». Coi lại *TĐT* thì chính là « Mã ».

(d) *GĐTTC*, chữ « Viết » ; *TĐT*, chữ « Hiệu ».

(e) *GĐTTC* và *CĐT*, chữ « Phụ » nầy ; *TĐT*, chữ « Phụ 傅 » (có âm « Phó »), đồng nghĩa, khác tự-dạng.

(f) *GĐTTC*, chữ « Kiết - bối » ; *TĐT*, chữ « Cổ-bối » (phiên âm khác nhau nhưng đồng nghĩa) ; đó là thứ vải thô dệt bằng bông khô của « cổ-bối », loại cây bông-vải (cotonnier) thấp nhỏ (miên-thảo) của ta, không phải thứ cây bông-vải to lớn (miên-mộc) mà ta cũng có trồng, nhưng ít. — Vải nầy dệt thô xấu cho thường-dân dùng thì gọi là « bối », mà dệt nhuyễn đẹp cho hạng cao-sang dùng thì gọi là « điệp 疊 », đạt + hiệp thiết.

(g) Chữ « Hoành » viết khó dọc và nghe như tối nghĩa, nên có người chữa ra « Bố ».

(h) *GĐTTC* và *TĐT*, chữ « Liễu » ; *CĐT*, chữ « Nhiễu 繞 », đồng nghĩa.

(4) Trong Nam quen nói « vận chăn, bận chăn tắm, quấn xà-rông ». Trong Nam, « chăn » là tấm vải rộng một bề khổ (bề ngang), dài thừa vấn quanh eo-ếch (lưng) — theo người Ấn-độ — để mặc khi tắm hay khi thay y-phục rất tiện ; « chăn » không có nghĩa « cái mền » như ngoài Bắc.— Cái « Chăn tắm » thì tiếng Pháp cũng gọi là « sarong », và *Larousse* giải-thích : sorte de jupon porté par les Malais des deux sexes (thứ váy [xiêm, củn] của hai phái nam nữ người Mã-lai mặc).

(5) Gọi tắt bộ sách *Hồng-Võ chánh-vận* thời Minh.

(6) Thành âm « Lịa », đọc trại tiếng « Rịa » (như Phan-lý là Phan-ri, Phan-lang là Phan-rang...).

(7) « Nước Xích-thổ » nói trong *Tân Đường-thư* và *Gia-định-thành thông-chí* vẫn không ăn thua gì với « vùng Xích-thổ » mà Aubaret đã dịch lầm ra « Terre-Rouge » và tác-giả *ĐNNTC*: *LT NV* đã dẫn xuất-xứ sai chỗ ! — « Nước Xích-thổ » là tên một nước ; còn « vùng Xích-thổ » thì, từ xưa, người miền Nam vẫn gọi nôm-na nó là « vùng Đất-đỏ », vì bụi đất đỏ hoe đỏ hoét, thuộc địa-

www.hoangsa.org

hạt hai tổng Phước-hưng-hạ và An-phú-hạ của tỉnh Bà-rịa. — Ngày 12 tháng Giêng năm Gia-Long thứ 7 (1808), Trấn-biên-dinh đổi làm Biên-hoà-trấn ; tổng Phước-an được thăng làm huyện PHƯỚC-AN, gồm hai tổng mới, đặt ra với hai chữ « Phước » và « An » : đó là tổng PHƯỚC-hưng và tổng AN-phú (nay chia làm các tổng Phước-hưng-thượng, Phước-hưng-hạ, An-phú-thượng, An-phú-hạ ..,) Và *Monographie de Bà-rịa* (1902), trang 12, có ghi rõ : « ... plateau de Đất-đỏ à mi-chemin de Bà-rịa à Xuyên-mộc. » (... cao-nguyên Đất-đỏ ở giữa đường từ Bà-rịa đến Xuyên-mộc.)

(8) Xin tạm gọi tên sách nầy theo bản dịch.

(9) « ... Tôi bỗng nhớ lời Cụ Kỳ-Xuyên Nguyễn-Thông : phê-bình bộ sách của một soạn-giả Trung-hoa trong có phần viết về địa-dư Việt-nam, Cụ dùng bốn chữ « hồ lô nhi tiếu » (1). — (1) Tôi nhớ như là Cụ viết trong *Kỳ-Xuyên văn-tập* (tôi đọc sách nầy của một bạn thân cách nay lối ba mươi năm). Tôi nhớ như Cụ viết « hồ lô nhi tiếu », thấy là-lạ vui-vui, tôi tìm hiểu nghĩa và được giải-thích là giông-giống như ta nói « ôm bụng cười dài ». Và tôi nhớ như bộ sách nói đây là *Thiên-hạ quận quốc lợi bịnh thư* của Cố Viêm-Võ, một văn-hào sống vào khoảng cuối triều Minh đầu triều Thanh. Quý độc-giả có biết rõ hơn, xin vui lòng chỉ-bảo lại và xin nhận tại đây lời thành-thật cám ơn trước của tôi. (*Đồng-nai văn-tập* số 14, tháng 12/1967).

(10) Sách của Cụ Phương-Đình có « bài Tựa đề vào năm nhâm-tuất 1862, tức Tự-Đức 15 » ; theo *Việt-nam văn-học sử-yếu* của Dương-Quảng-Hàm.

(11) Trong một đoạn nầy, bản dịch có ba chỗ khác nhau : Can Đà Lợi, rồi Can Đàn Lợi và Can Dà Lợi.

(12) Một nhà văn Trung-hoa, nhơn giảng cho tôi nghe về *Tân Đường-thư*, có căn-dặn tôi : « Các sử-gia Trung-quốc có thói quen là rất ghét lối văn ngoắt-ngoéo bi-hiểm của *TĐT*. Mà đã đọc *TĐT* thì nên đọc thêm *Tân Đường-thư củ mậu* 新唐書糾謬 của chú chàng tuổi trẻ quan bé tên Chần họ Ngô, đồng-thời với Học-sĩ họ Âu-dương. »

« Củ mậu » có nghĩa là sửa lại những điều sai lầm ; vậy nhan sách của Ngô Chần có nghĩa rất thông-thường là « Sửa những điều sai-lầm trong *Tân Đường-thư* ». Nhưng, chữ « mậu » là sai-lầm thì viết với bộ Mịch 繆 — « củ mậu » thường viết 糾繆 — trừ trường-hợp chữ « mậu » có nghĩa là đối-trá thì viết ra với bộ

www.hoangsa.org

Ngôn 謬. Mà chữ « mậu » với bộ Ngôn thì có nghĩa chánh là nói điên nói bậy; bởi thế nên có người bạn tôi, tánh nóng-nảy, thấy hai chữ « củ mậu 糾 謬 » nầy của Ngô Chần thì « đòi » hiểu là « Chữa những chỗ nói xàm kể bậy trong *Tân Đường-thư* » (để xứng với việc Âu-dương Tu đã từng chê Ngô Chần là hậu-sanh, là học-lực lè-tè, là quan-lại hạ-đẳng). Thật ra thì cho đến nay, người bạn nầy và tôi vẫn chưa trông thấy « mặt-mũi » quyển sách của Ngô Chần ra làm sao, nên không rõ « giọng củ-mậu » của họ Ngô như thế nào hầu định-nghĩa cho chính-xác.

(13) Triều Tống Nhân-Tông: 1023-1063.— Gia-Hựu ngũ-niên là năm canh-tí (1060); vì Tống Nhân-Tông cải-nguyên Gia-Hựu năm bính-thân (1056), cũng là năm Bao Chửng tuân thánh-chỉ tri Khai-phong-phủ.

(14) Trinh-Quán (627-649) là niên-hiệu của Đường Thái-Tông Lý Thế-Dân.

(15) *Quốc-triều chính-biên toát-yếu*, q. 2, tr. 254.

(16) Chữ 暹, Tây + yêm thiết, âm Tiêm 纖, nhưng người Trung-hoa đọc T ra X (như Tây ra Xấy, Tam ra Xám, công-Ti ra Xi...) và người miền Nam cũng đọc chữ nầy ra *Xiêm* (nên có vịt Xiêm, dừa Xiêm, chuối Xiêm...), và như vậy cũng đúng với âm « *Syâm* » lần đầu-tiên có trên bia Chiêm-thành khắc năm 1050, do đó người ta viết ra « *Siam* ».

(17) Phàm đo bề dài từ Đông sang Tây gọi là « quảng », tự Nam chí Bắc gọi là « mậu » (như *Cựu Đường-thư* chép là « kỳ địa diên mậu », còn *Tân Đường-thư* thì chép « mậu trường ».)

(18) Về điểm nầy, *CĐT* viết « kỳ nhân giai hắc sắc (.....) nam tử giai quyền phát 拳 髮 », *TĐT* viết « tục hắc thân châu phát nhi quyền 拳 » Chữ « quyền » nầy là nắm tay, nên tôi không thông nghĩa. Và, ở một đoạn trước, *TĐT* có dùng hai chữ « quyền phát 鬈 髮 » (trang 1ª, về người nước Hoàn-vương).

Theo *Hán-Việt tự-điển* của Thiều-Chửu thì chữ 鬈 có hai nghĩa: 1·) Tóc tốt đẹp; 2·) Chia tóc ra nhiều múi (búi ra nhiều búi tóc con). — Mà búi tóc thì người Trung-hoa có chữ « thúc phát », và chánh *Tân Đường-thư* cũng có dùng hai chữ « thúc phát » trong phần nói về nước Bàn-bàn, gần nước Bà-lợi, như sau: « Nước Bàn-bàn..... tự biển Giao-châu đi 40 ngày thì tới và từ đó [Bàn-bàn] xuống phía Nam 10 ngày nữa thì tới Bà-lợi; người Bàn-bàn nuôi nhiều trâu, ít ngựa, không có vị quan nào mà chẳng bới đầu, búi

www.hoangsa.org

tóc (phi hữu quan bất thúc phát 非有官不束髮) ; vả lại, búi tóc e không hạp với chữ 鬈 ở đây mà *TĐT* đã cẩn-thận giải-nghĩa là « Hồ-nhân-phát » (tóc người Mán).

Theo *Từ-Hải* thì : 拳 vốn cũng viết 卷, mà 卷 cũng có nghĩa là Cong (khúc dã) ; đến như *Từ-Nguyên* thì : 鬈 là Tóc tốt, lại có nghĩa là Tóc cong (phát hảo dã, nhứt viết phát khúc dã).

Lại thêm tôi nhớ như có đọc ở đâu hai chữ ghép « Quyền phát 鬈 髮 » với nghĩa Tóc quăn, nên tôi dịch hai chữ « quyền phát 拳 髮 » ở đây là « tóc quăn-queo » ; nếu không đúng, xin nhờ bạn đọc chỉ-dạy lại.

Nhiều tự-điển Hoa-Pháp và nhiều tác-giả người Pháp cũng dịch chữ « Quyền » là frisé hay crépu (quăn, quăn-queo). Nhưng tôi còn ngờ ! *CĐT* viết « nam tử giai quyền 拳 phát », *TĐT* cũng viết « châu phát nhi quyền 拳 » ; sao không viết cùng một chữ « Quyền » như ở trang 1[a] (*TĐT*), nói về người nước Hoàn-vương ? Vậy không rõ phái nam ở đảo lớn nầy (đại-châu) có QUẤN TÓC (enrouler) thành một búi cao ở đỉnh đầu :

— hoặc *Quấn tóc trần* như những chú hề xưa trên sân-khấu miền Nam ; lối quấn tóc cao và nhọn ở kháp-sanh (trên sọ) mà hồi nhỏ tôi nghe nói đó là « củ tỏi Hạ-châu » — vì có giống người Hạ-châu, qua buôn-bán ở nước ta, quấn tóc như vậy : « củ tỏi », tóc bới (quấn) như hình củ tỏi ; Hạ-châu (Singapore), tiếng ta gọi là Miền-dưới, chỉ chung xứ-sở của những người Mã-lai, In-đô-nê-si-a, Ấn-độ (người Ấn-độ về nước, dẫu Pondichéry hay Chandernagor... thì đồng bào Lục-tỉnh vẫn nói với họ : « Anh Bảy về Miền-dưới mạnh-giỏi ! ») ;

— hoặc *Quấn tóc có khăn cuốn theo* như giống Gurkhas mà người Sài-gòn gọi là « Chà chóp » (theo quân-đội Anh qua Sài-gòn giải-giới phát-xít Nhựt, rồi giúp quân Pháp tái-chiếm miền Nam nước ta).

(19) *TĐT*, chữ « kim-tháp » ; *CĐT*, chữ « kim-sàng » : đều có nghĩa là « giường ».

(20) *TĐT*, chữ « sáp » ; *CĐT*, chữ « phiến » : đều có nghĩa là « quạt ».

(21) Hai chữ nầy trong *TĐT* :

1.— Chữ trước là chữ xưa, không thấy có trong *Từ-Nguyên Từ-Hải* ; nhưng *Đường-thư thích-âm* bảo đọc Xương + thuỳ thiết, vậy là « Xuy : thổi » (và *CĐT* cũng viết 吹, xuy).

www.hoangsa.org

2.— Chữ sau, ta quen đọc « Lễ » hay « Lãi » chỉ (con mọt gỗ, và chỉ tên người : Phạm-Lãi), cũng đọc « Lê » (cái lọ làm bằng quả bầu), hay đọc « Loã » (một chứng bịnh lở-lói) ; nhưng *Đường-thư thích-âm* bảo đọc Lô + qua thiết, thành « Loa » (như chữ «Loa» là con ốc), nên tôi dịch là « thổi ốc tù-và » chắc cũng hạp (như người Âu-châu thời cổ thổi « conque, triton »).

(22) Ngờ là quần-đảo Côn-nôn — theo *Tân Đường-thư* : viết Côn-lôn, diệc viết Cổ-long — « tại khúc quanh Nam-hải, Bắc cách nước Hoàn-vương bằng biển nhỏ...» (Bàn-bàn tại Nam-hải khúc Bắc cự Hoàn-vương hạn thiểu hải ..) ; nhưng về tứ-cận thì kể không được rõ. Điều nầy không lạ: sự gióng hướng khó đúng (vì hoàn toàn đi ghe ngoài khơi) và ngày-giờ mau chậm cũng khó đúng (vì tuỳ nước, tuỳ gió mà ghe chạy buồm thẳng lèo hoặc chạy cấn, chạy vát).

(23) Đan-đan thì *Từ-Nguyên* và *Từ-Hải* đoán là DINDING, ở về ngoài biển phía Tây bán-đảo Mã-lai-á (vậy thuyền từ Xiêm-la xuống thì không có đi ngang qua Dinding) ; tôi nghi Đan-đan là DENDANG, một địa-điểm ở trên một hòn dảo nhỏ giữa biển Java, ngay Nam-vĩ-tuyến 3, về phía Tây và ngang với Bornéo.

(24) Châu : có thể đây là một thứ đá trong như đá nhựa hoặc là ngọc-thạch (quartz, cristal de roche); cũng có thể nghi đây là một thứ hổ-phách, vì hổ-phách là di-vật cá mập (trong bao-tử) mà người ta mò được ở biển như trân-châu. Âu-thương dùng chữ bezoar (Bồ-đào-nha : bezuar; Pháp : bézoard ; do Ba-tư : badzabar) để chỉ hổ-phách. (Trích thơ HOÀNG XUÂN-HÃN, Paris, ngày 10-5-69).

(25) Và La-sát nầy — ở phía Đông nước Bà-lợi — thuộc chung một vùng Mã-lai-á, chớ không phải « La-sát » là phiên-âm chữ « Russie » (Nga-la-tư) như *Từ-Hải* lẫn *Từ-Nguyên* dẫn-giải.

(26) Theo *Việt-Quảng-ngữ đối-chiếu* của HÀ THỦ-VĂN (Chợ lớn, 1951).

(27) *Caractères chinois* của LÉON WIEGER, in lần thứ 7 tại Đài-trung (Đài-loan), 1963.

(28) Trong bài « Deux itinéraires de Chine en Inde à la fin du VIIIe siècle » đăng trong tập *Kỷ-yếu* của Trường Bác-Cổ-Viễn-Đông năm 1903, Paul PELLIOT âm Bà-lị là P'o-li, nên ông ta ngờ đó là Bali. Lúc trước, tôi cũng nghĩ thế, nhưng thấy tả « Bà-lị dài tự Bắc chí Nam đến vài ngàn dặm » (tức trên 1000

www.hoangsa.org

cây-số), thì chắc không phải là Bali được (diện-tích Bali chỉ có 5600 cây-số vuông).

(29) Sách nầy viết « Giao-chỉ » là « hai ngón chơn-cái giao nhau », theo Đỗ Hựu đời Đường.

(30) Bà-rịa : Thật là rắc-rối. Đã có mấy giả-thuyết khác nhau ! Đến đỗi Trường Bác-Cổ Viễn-Đông năm nào đó đã « hớp-tớp » giải-quyết vấn-đề bằng cách xác-nhận với « một tiếng chót » (le dernier mot), lại xuất nhiều tiền xây mộ cho BÀ RỊA (theo truyền-thuyết), hiện giờ hãy còn ở cạnh hương-lộ Giồng Ổi, từ xã An-ngãi qua chợ Bờ-đập thuộc xã Phước-hải !

Nhớ lại xưa kia (khoảng 1953-1936), lúc còn theo học ở trường Cao-học Thực-nghiệm thuộc Đại-học Paris (Ecole pratique des Hautes Études) và lúc ở Collège de France, cùng với Paul Lévy — về sau là Giám-đốc Trường Bác-Cổ Viễn-Đông, kế-tiếp nhà bác-học Cœdès —, tôi cũng có khảo sơ về vấn-đề nầy. Việc là ngẫu-nhiên lắm ! Mục-tiêu chánh của tôi lúc bấy giờ là nghiên-cứu lịch-sử đánh đu bầu ở Cổ Hi-lạp và ở vùng ven Thái-bình-dương, và tục thả diều vào mùa gió chướng ở vùng nầy. Rồi thình-lình gặp được vài yếu-tố lịch-sử Champa, mở hé cho biết vòm trời minh-mông trong đó chúng tôi chợt thấy danh-từ BÀRIA. Mà đây cũng chỉ là một giả-thuyết nữa, chớ không có chi quyết-định cả. Sau nầy có dịp, tôi sẽ trình-bày rõ hơn... Kẻ khảo-sử giống như những anh chàng mò trai, mò hào ở đáy biển : cả muôn con hào đem lên chưa chắc được một trân-châu thứ thiệt ; còn là hào thịt, vỏ không hay hào nuôi ngậm toàn trân-châu nhân-tạo (perles cultivées) !.. (Trích thơ HỒ-ĐẮC-THĂNG, Bà-rịa, ngày 17-5-69).

Thù-nại : Dịch-giả *ĐNNTC* : *LTNV* thì « đọc » Thù-nại ra Chu-nại (vì hai chữ Hán THÙ 殊 và CHU 珠 tự-dạng tương-tợ), rồi một soạn-giả Biên-hùng do đó mà viết ra Châu-nại.

01. 01. 68 — 01. 06. 69
LÊ THỌ XUÂN

www.hoangsa.org

TÌM HIỂU VỀ CÁC ĐẢNG PHÁI VIỆT NAM TRONG THỜI PHÁP THUỘC:

đông dương cộng sản đảng

TÀI LIỆU CỦA SỞ MẬT THÁM ĐÔNG DƯƠNG

▽ NGUYỄN HUY dịch

L.T.S: *Tiếp theo tài liệu về VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG, chúng tôi xin trích đăng trong số báo này Tập tài liệu về đảng Cộng Sản Đông Dương của SỞ MẬT THÁM ĐÔNG DƯƠNG, do L. Marty chủ trương biên soạn.*

Vì tôn trọng nguyên bản, chúng tôi xin dịch sát ý và từ ngữ, dù tài liệu trái hẳn với quan điểm, lập trường của Nhóm Chủ Trương.

— *LỊCH SỬ.*

Sở dĩ Đệ Tam Quốc Tế bành trướng tầm hoạt động đến Đông Dương, có lẽ là bởi ba nguyên do sau:

1) Tuyên truyền Cộng sản thất bại ở Âu châu trong thời kỳ 1919-1923.

2) Sự liên kết năm 1923, giữa Đệ Tam Quốc Tế và bác sĩ Tôn Văn, tổng thống Cộng Hòa Nam Hoa, được Đại Hội Trung Hoa Quốc Dân Đảng họp tại Quảng Châu ngày 24-1-1924 phê chuẩn.

---

* Gouvernement Général, Direction des Affaires politiques et de la Sûreté Générale, Contribution à l'histoire des Mouvements Politiques de l'Indochine française — Documents vol. no 10 Le «ĐÔNG DƯƠNG CỘNG SẢN ĐẢNG» ou Parti Communiste Indochinois (1925-1931), Hanoi, 1933.

www.hoangsa.org

NGUYỄN VĂN TUÂN

LÊ QUẢNG ĐẠT

NGÔ GIA TỰ

TRẦN VĂN CUNG

TRẦN SƯ CHÍNH

TRƯƠNG VĂN LỄNH

www.hoangsa.org

HỒ TÙNG MẬU

NGUYỄN ÁI QUỐC

LÀM ĐỨC THỌ

HỒNG SƠN

LÊ HỒNG PHONG

CAO HOÀI NGHĨA

www.hoangsa.org

3) Sự hiện diện của một cựu thủy thủ Annam tại Nga vào năm 1924, ông NGUYỄN ÁI QUỐC. Ở Pháp, ông đã tranh đấu cho chủ nghĩa Cộng sản từ năm 1918. Sau Đại Hội Quốc Tế Nông Dân (Krestintern) họp tại Mạc tư Khoa từ ngày 12 đến 15-10-1923, ông ở lại Nga làm ủy viên cho đảng Cộng sản Pháp.

Khi thấy mọi cố gắng ở Âu châu đều vô hiệu, giới lãnh đạo Liên sô nghĩ đến xâm nhập lãnh thổ hải ngoại của các cường quốc thực dân. Nhờ ký kết với bác sĩ Tôn Văn một thỏa hiệp, dường như thỏa hiệp này do đảng Cộng sản Trung Hoa đề nghị, giới lãnh đạo Liên sô đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền tích cực tại các xứ ven Thái Bình Dương. Ngay từ năm 1920, họ đã có căn cứ hoạt động tại vùng Ấn Độ thuộc Hòa Lan ; đây là thuộc địa đầu tiên bị tuyên truyền Mạc tư Khoa xâm nhập. Vì nằm giữa trung tâm hoạt động trên nên Đông Dương, Xiêm và Mã Lai được họ chú ý đến. Riêng về Đông Dương, Đệ Tam Quốc Tế có Nguyễn Ái Quốc đã bắt tay hành động. Ông là người địa phương, thông minh và cũng là một đảng viên cộng sản nhiệt tâm.

Danh tính Nguyễn Ái Quốc không thể tách rời khỏi lịch trình của đảng Cộng sản Đông Dương. Chính ông đã thành lập và kiên nhẫn bành trướng đảng ; năm 1930, cũng chính ông đã cứu đảng khỏi tan rã khi tổ chức bị chia rẽ.

☆

— « *LIÊN HIỆP LIÊN THUỘC ĐỊA* » *BA-LÊ 1921-1923.*

Ngay từ năm 1919, Nguyễn Ái Quốc tranh đấu cho chủ nghĩa cộng sản tại Ba-Lê. Ông tìm cách thành lập một tổ chức nòng cốt cộng sản gồm những Việt kiều ở hải ngoại. Những người này, một khi trở về quê hương, sẽ tuyên truyền cho chủ nghĩa. Cachin để ý đến Nguyễn Ái Quốc và cho ông đi dự « Hội Nghị Tours » năm 1920. Trong hội nghị này, cánh hữu của đảng

www.hoangsa.org

xã hội Pháp tách rời khỏi đệ nhị quốc tế để gia nhập đệ tam quốc tế.

Khi làm hội viên của chi bộ quận XVII của liên minh Cộng sản vùng Seine, với sự bảo hộ của đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc tổ chức một đoàn thể lấy tên là « Liên Hiệp Liên Thuộc Địa », đoàn thể này gồm những người nguyên quán ở các thuộc địa Pháp theo chủ nghĩa cộng sản và sẽ tuyên truyền tích cực giữa các giới thuộc địa tại mẫu quốc. Để bành trướng tầm hoạt động, ông phát hành tờ báo « Le Paria » (1) mà chính ông làm chủ bút trong một thời gian lâu. Tuy nhiên, các dân da đen, dân Malgaches (2) và Á Rập không phải là những đệ tử tốt cho chủ nghĩa cộng sản. Nguyễn Ái Quốc ngại hoài công huấn luyện nên ông chẳng đoái nhìn đến họ nữa mà chỉ chăm lo cho chi bộ Annam của « Liên Hiệp Liên Thuộc Địa ».

Chi bộ này có vẻ đã tiến triển khả quan vào năm 1923, khi Nguyễn Ái Quốc rời nước Pháp để không trở lại nữa. Từ đó hiệp hội từ bỏ những mục tiêu đầu tiên để chỉ còn là một đảng phái có khuynh hướng quốc gia, hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp coi như không có thành quả lâu dài ; chỉ có một kết quả quan trọng, đó là vào năm 1925, Đệ Tam Quốc Tế đã tuyển chọn những phần tử Annam đầu tiên trong nhóm của Nguyễn Ái Quốc thuộc Trường Đại Học Cộng sản dành cho lao động Á-đông ở Mạc Tư Khoa (Ecole Staline). Những phần tử này sẽ nắm giữ vai trò quan trọng của đảng Cộng sản Đông Dương kể từ năm 1930.

☆

— ĐẢNG « THANH NIÊN », MẦM MỐNG ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG.

Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu tháng 1-1925. Tháng 6

(1) Danh từ chỉ giai cấp ty tiện ở Ấn Độ, không có một quyền lợi tôn giáo hay xã hội nào cả. (dịch giả chú thích)

(2) Dân ở đảo Madagascar. (dịch giả chú thích)

www.hoangsa.org

năm 1923, đảng Cộng sản Pháp cử Nguyễn Ái Quốc đi dự Đại Hội Quốc Tế Nông dân họp tại Mạc tư Khoa vào tháng 10 cùng năm. Ông ở lại Nga với tư cách đại diện những thuộc địa tại ủy ban thường trực của «Krestintern». Một năm rưỡi sau, ông được phái đến cạnh Borodine tại tòa lãnh sự Sô viết ở Quảng Châu. Chức vụ chính thức của ông là thông dịch viên Hoa ngữ nhưng thực ra, ông sửa soạn đường lối và phương tiện cho tuyên truyền Cộng sản tại Đông Dương.

Vấn đề đặt ra cho ông là phương tiện nào tốt nhất để đi đến thành công. Ông biết rõ cơ cấu xã hội Đông Dương. Đó là một nước gồm 18 triệu dân, trong số có 12 triệu người Annam, giống duy nhất trong Liên Hiệp có năng lực hấp thụ tư tưởng cộng sản.

Mặc dầu đa số người Annam là nông dân nhưng Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định, Vinh, Bến Thủy, Saigon — Chợ lớn và những vùng hầm mỏ cũng đã có những trung tâm kỹ nghệ quan trọng. Các đồn điền cao su rộng lớn ở miền Nam cũng dùng một số nhân công quan trọng; họ tạo thành một giới vô sản gồm 40.000 công nhân nam nữ. Nhưng dân Annam theo nền văn minh Trung Hoa; vì vậy họ còn rất tôn trọng chế độ phụ hệ của gia đình và thờ cúng tổ tiên. Ngay thợ thuyền còn quyến luyến quê cha đất tổ và tôn trọng cúng bái thần thánh. Tâm lý đó cộng thêm giới vô sản tương đối ít ỏi (khoảng 200.000) cùng trình độ học thức thấp kém khiến Nguyễn Ái Quốc không thể áp dụng ngay những nguyên tắc của Lénine về tuyên truyền và hành động tại Đông Dương được. Điều này, chính ông đã nói ở Mạc Tư Khoa, mùa hè 1927, khi ông tuyên bố rằng sự thành lập đảng Cộng sản tại Đông Dương không thể thực hiện được hồi đó, «bởi vì chưa ai thấu hiểu nghĩa của tiếng «cộng sản». Ông còn nói tiếp rằng một đảng cách mạng quốc xã Annam đã được thành lập để những người lãnh đạo thu phục dần dần đảng viên theo đường lối mác-xít chính thống».

Về phương diện chiến thuật, vào năm 1925, Nguyễn Ái Quốc theo quan niệm Đệ Tam Quốc Tế đã áp dụng tại Trung

www.hoangsa.org

Hoa ngay từ năm 1924; nghĩa là ông nghĩ đến thực hiện một cuộc cách mạng vô sản qua hai giai đoạn và tin rằng, trước hết, phải bảo đảm được nền độc lập của Annam và thiết lập một chế độ «tư sản dân chủ»; kế đó, một cuộc cách mạng thứ hai, hoàn toàn cộng sản sẽ sát nhập chế độ trên vào Liên Bang Sô viết. Nhưng, thận trọng hơn Borodine, ông chưa hề nghĩ đến thực hiện một liên minh nguy hiểm với người quốc gia tư sản Annam như đảng Cộng sản và Trung Hoa Quốc Dân Đảng đã làm tại Trung Hoa.

☆

— *THÀNH LẬP ĐẢNG «THANH NIÊN» 1925*

Trước nhất, Nguyễn Ái Quốc quan tâm đến thành lập một tổ căn bản gồm đảng viên đã được huấn luyện khá đầy đủ. Ông bỏ ra hơn 6 tháng để thực hiện công việc đó. Vừa đến Quảng Châu, ông dò xét tình hình của từng người một trong số những người Annam đến sống tại đó theo lời kêu gọi của nhà lãnh đạo quốc gia lão thành Phan Bội Châu. Sáu kiều bào thông minh và quả quyết được ông chú trọng nhồi sọ để rồi cùng thành lập một đảng lấy tên là «Việt Nam Cách Mệnh Thanh Niên Hội» vào tháng 6 năm 1925. Đó là Hồ Tùng Mậu, Lê Văn Phan tự Hồng Sơn, Lê Hồng Phong, Lê Quảng Đạt, Trương văn Lễnh. Ngoài những người rất trẻ trên cùng quê với Nguyễn Ái Quốc, còn có một nhà cựu cách mạng quốc gia tên Lâm đức Thụ quê quán tại Bắc Việt và giòng giõi một gia đình phản nghịch nổi tiếng. Ngoài đảng *Thanh Niên* ông còn muốn thành lập một nhóm cảm tình viên. Nhóm này được coi như một chỗ ương cây để chọn những đảng viên mới. Vì vậy, ông thành lập «Liên Minh Dân Tộc bị áp bức» với người Ấn Độ tên là Roy và nhiều người Triều Tiên cùng những người Annam mà ông muốn chọn làm đảng viên đảng *Thanh Niên*. Nhưng ông từ bỏ thí nghiệm này ngay từ hè 1925 sau khi đã hoài công nâng cao tinh thần hội viên.

www.hoangsa.org

Khi tổ đầu tiên của đảng được thành lập, Nguyễn Ái Quốc huấn luyện một cách rất có phương pháp những kiều bào trẻ khác ông đã thu nạp ở Đông Dương nhờ sự giao thiệp của Hồ Tùng Mậu, Hồng Sơn và nhiều người khác. Ông cho một số người vào trường chính trị quân sự Hoàng Phố, nơi mà Borodine đề giáo sư Nga đào tạo những cán bộ cộng sản nòng cốt của hồng quân Trung Hoa. Một số người khác được theo học lớp huấn luyện chính trị do chính ông hoặc người Nga giảng dạy trong căn nhà thuê để làm lớp học đồng thời cũng là trụ sở đảng.

☆

— *TỜ BÁO « THANH NIÊN »*

Kể từ ngày 20-6-1925, Nguyễn Ái Quốc cho xuất bản tại Quảng Châu một tờ tuần báo lậu tờ « Thanh Niên », tên của nhóm ông, in chừng 100 ấn bản. 88 số mà nhà lãnh đạo đã viết hoặc sửa chữa từ tháng 6, 1925 đến tháng 4-1927 phản ảnh trung thực chiến thuật ông áp dụng.

Trong những số đầu, ông nhấn mạnh nhiều về tinh thần đoàn kết mang lại sức mạnh cho một nhóm và nhiều lợi ích cho cá nhân của nhóm đó. Ông kêu gọi tinh thần độc lập và ý thức quốc gia tiềm tàng trong tâm tính người Annam. Kế đó, ông cung cấp dần dần cho độc giả các tài liệu, — dĩ nhiên là thiên vị —, về lịch sử Annam, tư trào tại hải ngoại và lịch sử các cường quốc thế giới v...v... Rồi, để tiến đến một định nghĩa chính xác, từ ngữ Hán Việt đối chiếu với danh từ cộng sản được ông xử dụng. Lâu lâu, một câu hay một bài báo ngắn cố tình cho độc giả hiểu về sự hiện hữu của Liên sô và hạnh phúc của dân nước đó. Nguyễn Ái Quốc không ngần ngại dành 6o số báo để sửa soạn tinh thần độc giả trước khi bộc lộ ý định chính của ông khi ông viết: « chỉ có đảng Cộng sản là có thể bảo đảm hạnh phúc cho Annam ». Ngay từ giờ, nên ghi nhớ rằng tờ tuần báo của Nguyễn Ái Quốc đã được tất cả đảng

www.hoangsa.org

viên trong và ngoài nước cùng nhiều cảm tình viên đọc và chép đi chép lại nhiều lần.

☆

— *THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC 1925.*

Vào cuối năm 1925, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu cho xâm nhập vào thuộc địa những thành phần đầu tiên đã được huấn luyện. Để tiếp đón họ tại Đông Dương và bảo đảm liên lạc cũng như để các tân đồng chí xuất ngoại được dễ dàng, ông tổ chức nhiều trạm ở các hải cảng và biên giới. Dường như trạm đầu tiên là ở Hải Phòng: tiệm sách do chính vợ Lâm đức Thụ làm chủ.

Kể từ đó, kế hoạch sau được thực hiện dần dần:

Ở HẢI NGOẠI:

a) Giáo huấn Việt kiều trẻ tuổi.

b) Sửa soạn bài vở tuyên truyền và nhất là bảo đảm cho tờ báo đảng được ấn hành đều đặn.

c) Thành lập và duy trì hệ thống liên lạc với Đông Dương và mặt khác với những tổ chức cách mạng cộng sản hay các tổ chức có cảm tình tại hải ngoại.

d) Gìn giữ tất cả đảng viên theo chính giáo và đảm bảo kỷ luật bằng cách dùng ủy ban chỉ đạo Quảng Châu làm tòa án tối cao.

e) Gửi những người trai trẻ theo học tại Quảng Châu về nước.

TẠI ĐÔNG DƯƠNG

a) Thành lập nhiều tổ. Theo nguyên tắc, mỗi đảng viên mới thu nạp phải là thành phần đầu tiên của một tổ.

b) Thành lập những tổ chức như qui chế dự liệu, một đảng thuần nhất và kỷ luật.

www.hoangsa.org

c) Cho xuất ngoại các phần tử ưu tú mới gia nhập đảng để huấn luyện họ.

Về phần *thuộc địa Annam* ở Xiêm (Nguyễn ái Quốc có vẻ không để ý đến thuộc địa ở Vân nam, ít ra trong lúc này) cũng được đào luyện. Nhưng không quên rằng mục đích chính của cuộc sách động là sáng lập một đảng tại Đông Dương chứ không phải tại hải ngoại.

☆

— *PHẢN ỨNG CHỐNG CỘNG TẠI QUẢNG CHÂU NGUYỄN ÁI QUỐC TRỐN SANG NGA 4-1927*

Đảng « Thanh Niên » đang tiến triển mạnh khi cánh tả của Trung Hoa Quốc Dân Đảng khởi đầu cuộc công kích cộng sản bằng cách khám xét dãy nhà phụ thuộc tòa Đại sứ Nga tại Đông kinh.

Bắt buộc phải trốn khỏi Quảng Châu, Nguyễn ái Quốc nương náu ở Hán Khẩu, rồi sau, sang Mạc Tư Khoa. Nhiều thành phần của tổ chỉ đạo đảng *Thanh Niên* bị chính quyền Trung Hoa làm khó dễ hay giam cầm.

Phản ứng chống cộng lần thứ hai xảy ra sau khi Quảng Châu bị Tchang Fat Kouei, một tướng lãnh cộng sản, chiếm từ ngày 11 đến 17-12-1927. Phản ứng thứ ba diễn ra vào tháng 12-1928 khiến cho nhiều đảng viên « Thanh Niên » tại Quảng Châu bị bắt giữ trong số đó có Hồ Tùng Mậu.

Thực ra, sự hiện hữu của ủy ban chỉ đạo đảng *Thanh Niên* chưa từng bị đe dọa đàn áp. Đó là nhờ nghị lực và trí thông minh của những người như Hồ Tùng Mậu, Hồng Sơn, Lâm Đức Thụ. Họ thay phiên nhau điều khiển đảng và luôn luôn khôn ngoan theo đuổi sự thực hiện kế hoạch của Nguyễn ái Quốc với vài thay đổi không đáng kể. Nhưng cũng phải kể đến việc người Pháp bị đảng viên THQDĐ và chính quyền Trung Hoa ghét. Nếu ta có thể coi sự kiện 3 người lãnh đạo đảng *Thanh*

www.hoangsa.org

Niên chưa từng bị giam cùng một lúc chỉ là một việc ngẫu nhiên, ít gì người ta cũng biết chắc rằng nhà cầm quyền Quảng Châu hứa với người Annam là sẽ không làm khó dễ và để họ hoạt động Cộng sản tùy thích nhưng với điều kiện là chủ nghĩa cộng sản đó chỉ được phát động giữa những người Annam với nhau và chỉ riêng chống đối đế quốc Pháp.

Đòi hỏi như vậy đã là quá nhiều đối với người Cộng sản thuần túy như Hồng Sơn và Hồ Tùng Mậu, đảng viên đảng CS Trung Hoa Vả lại, riêng họ là bị giam cầm lâu mà thôi.

Dầu sao đi nữa, để được an toàn hơn, trụ sở của ủy ban chỉ đạo được dời đến Outchéou, nơi mà Hồng Sơn nương tựa được vào tổng đốc Yu-Tso-Pe, và kế đó đến Hồng Kông.

☆

— TÌNH TRẠNG ĐẢNG « THANH NIÊN » VÀO THÁNG 5-1929.

Mặc dầu gặp nhiều khó khăn, đảng « Thanh Niên » đã thâu lượm được những kết quả sau đây vào tháng 5-1929 :

— Ít nhất là 250 người Annam đã được huấn luyện cách mạng tại ngoại quốc. Hơn 200 người trở về Đông Dương để phát triển tổ chức các tổ. Trong thời kỳ này, đảng *Thanh Niên* ước lượng khoảng 1000 đảng viên cũng như cảm tình viên. Tại mỗi xứ Annam trong liên hiệp Đông Dương (Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam Kỳ) có một « xứ bộ ».

Ở Bắc Kỳ, hai thành bộ (Hà Nội và Hải Phòng) và ba tỉnh bộ (Nam Định, Thái Bình và Bắc Ninh) điều khiển nhiều tổ gồm hằng trăm người.

Tại Trung Kỳ, riêng các tỉnh miền bắc và miền trung bị ảnh hưởng cộng sản. (Vào khoảng 200 người).

Nam Kỳ có ba khu đặt trụ sở ở Sài-gòn, Mỹ Tho và Cần Thơ ; mỗi khu kiểm soát một số tỉnh. Ba khu này gồm 19 tổ và 12 hội phụ thuộc (hội phụ nữ, hội khuyến học, hợp tác

www.hoangsa.org

xã, v..v...) Các tổ có chừng 100 đảng viên và hội gồm 275 cảm tình viên.

Về phương diện nghề nghiệp, đa số đảng viên Bắc Kỳ thuộc giai cấp thợ thuyền; còn ở Trung và Nam Kỳ, họ thuộc nhiều thành phần khác nhau; thợ thuyền, giáo viên, học sinh và ngay cả nông dân cũng được thu nạp. Guồng máy đảng (tỉnh bộ, phủ bộ, huyện bộ...) gồm những giáo viên hay sĩ phu thi rớt hoặc học hành lỡ dở. Các người trẻ tuổi được đào luyện tại Quảng Châu đảm nhiệm hầu hết các chức vụ quan trọng.

Sự thay đổi tâm trạng đảng viên vào những năm 1927 và 1928 là kết quả đặc biệt nhất của các cố gắng của đảng. Vào năm 1926, còn có các phần tử ưu tú nhất, trong đám tưởng mình là người quốc gia. Đến tháng 5-1929, họ lại nóng lòng muốn chứng tỏ cho dân chúng biết mình là người cộng sản. Chính sự nóng nảy này, nhất là ở người Bắc kỳ, đã suýt làm đảng tan rã.

☆

— HỒNG KÔNG ĐẠI HỘI, TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 9 THÁNG 5-1929.

Vào cuối năm 1928, Hồ Tùng Mậu dùng mọi biện pháp cần thiết để tổ chức Quốc Gia Đại Hội đầu tiên ở Hồng Kông. Hội nghị này sẽ bàn cãi về một chương trình hành động mới và những điều lệ thích hợp với sự phát triển đảng. Hồ Tùng Mậu không dự hội nghị; đầu tháng giêng 1929, ông bị chính quyền Trung Hoa bắt giữ và chỉ được thả vào tháng 8 năm sau. Tuy vậy, Hội-nghị vẫn họp từ ngày 1 đến 9 tháng 5. Ngay những phiên họp đầu đã cho thấy thế lực ủy ban chỉ đạo đối với đảng viên trong nước sút giảm đi nhiều. Khi phải biểu quyết điều lệ liên quan đến danh hiệu đảng, ủy ban chỉ đạo — gồm những đảng viên bị bắt buộc phải sống ở Trung Hoa và vì vậy, họ gặp nhiều khó khăn khi phô trương những tư tưởng Cộng sản — cương quyết từ chối đề nghị của ba đại diện quốc nội nhằm

www.hoangsa.org

đổi danh xưng *Thanh Niên* thành « Đảng C. S Đông Dương ». Vì những đại biểu khác cũng đồng quan điểm với ủy ban chỉ đạo, ba đại diện quốc nội đóng sầm cửa lại và rời hội nghị.

Đảng Thanh Niên chỉ còn hư danh mà thôi.

☆

— VỤ LY KHAI THÁNG 5 — THÁNG 12 - 1929.

Rắc rối gây ra bởi ba đại biểu ly khai không làm cản trở công việc hội nghị. Các điều lệ mới phỏng theo quyết nghị của Đại Hội thứ 6 Cộng sản Quốc Tế được chấp thuận và được tiếp tục che dấu dưới nhãn hiệu cách mạng quốc gia.

Một chương trình mới, thích hợp với tôn chỉ Đệ Tam Quốc Tế hơn, những chương trình trước cũng được chấp thuận. Đệ Tam Quốc Tế đã nhiều lần chỉ trích đảng Thanh Niên. Nên ghi nhớ rằng chương trình này trù liệu một cuộc liên kết với Tân Việt Cách Mệnh Đảng mà chúng tôi sẽ đề cập đến sau, khi đảng này tuyên chiến với VN Quốc Dân Đảng. Mặc dầu có khuynh hướng quốc gia nhưng sự chỉ đạo quá dở nên đảng Tân Việt tự sát nhập vào đảng *Thanh Niên*. Các phần tử ưu tú nhất bị đảng Thanh Niên thu hút dần. Trái lại vì được tổ chức chặt chẽ và đáp ứng đúng nguyện vọng tiềm tàng trong tâm hồn người dân Annam nên Đảng Quốc Gia ở Bắc Việt làm cản trở đảng CS bành trướng tại đây.

Điều lệ và chương trình in thành sách mỏng với các khẩu hiệu C.S. Ngoài ra, người ta còn thảo 1 thư văn cho Đệ Tam Quốc Tế xin thừa nhận đảng *Thanh Niên*.

☆

— THÀNH LẬP ĐẢNG C.S. ĐÔNG DƯƠNG.

(*Theo cách thức thứ nhất*)

Những đại biểu ly khai không ở nán lại Hồng Kông. Họ rời hội nghị chiều hôm thứ ba (của Hội Nghị) và trở về liền

www.hoangsa.org

Đông Dương. Họ lợi dụng sự kiện họ về trước những đại biểu khác phải ở lại Hồng Kông suốt thời gian 9 ngày của hội nghị. Trong số ba người này, 2 người đại diện cho Bắc kỳ, đó là Ngô Gia Tự và Nguyễn văn Tuân tự Kim Tôn. Người thứ ba, Trần văn Cung tự Quốc Anh đại diện Trung kỳ. Hai người trên có đủ uy tín đối với các đồng chí để không cần biện minh cho thái độ họ tại Hội Nghị, nhất là thái độ đó đáp ứng nguyện vọng của đa số đảng viên. Vậy, người ta có thể nói rằng tất cả đảng viên đảng *Thanh Niên* tại Bắc Kỳ đã hôm trước hôm sau thuộc một đảng mới danh xưng «VN Cộng sản Đảng».

Tại Trung kỳ, sự diễn biến không được mau chóng như vậy. Những đại biểu ly khai phải trả lời về thái độ họ tại Hội nghị và cho biết danh xưng mới của đảng bằng cách phổ biến rộng rãi 1 bản tuyên ngôn trong khắp vùng Bắc Trung kỳ. Khối lãnh đạo đảng *Thanh Niên* bị chỉ trích nặng nề, bị gọi là «tiểu tư sản» và «giả cách mạng». Tuyên truyền, và sách báo tiếp nối công việc trên. Sau vài tháng, đa số đảng viên *Thanh Niên* gia nhập «Đông Dương CS Đảng.»

Tại Nam Kỳ, hoàn cảnh kém thuận tiện hơn 3 đại biểu ly khai kkông có liên lạc gì. Họ phái Trần sư Chính tự Băng Thống, một đảng viên tín cần quê quán ở Bắc Kỳ, vào Nam để trình bày quan điểm của đảng mới. Trần sư Chính không có vẻ làm được việc gì hữu ích cả. Tuy nhiên, điều thiết yếu là tổ chức đảng CS Đông Dương phải chặt chẽ trong ba xứ Annam để được Đệ III Quốc Tế công nhận. Vì vậy, vào tháng 7-1929, chính Ngô Gia Tự vào Nam Kỳ. Ông thâu lượm ngay những kết quả đáng kể và đến tháng 11-1929, Đ.D.C.S.Đ Nam Kỳ đủ mạnh mẽ để đối lại ảnh hưởng Annam CSĐ. Đảng này do những người lãnh đạo đảng *Thanh Niên* tại Quảng Châu sáng lập. Vì lo sợ trước những tiến bộ vượt bực của đảng đối thủ, họ bí mật thành lập Annam Cộng Sản Đảng vào tháng 8-1929 để giữ lại những phần tử ưu tú và nhiệt thành nhất, tức là chính những phần tử có thể có khuynh hướng bỏ đảng *Thanh Niên* sang Đông Dương Cộng Sản Đảng.

☆

www.hoangsa.org

— HẬU QUẢ CÔNG-CUỘC TUYÊN TRUYỀN CỦA Đ.D. C.S.Đ ĐẦU TIÊN TẠI QUỐC NỘI.

Công cuộc tuyên truyền hết sức tích cực của tân đảng không những chỉ làm đảng *Thanh Niên* mất ảnh hưởng ở Bắc kỳ, bắc Trung kỳ và mất nhiều tư thế ở Nam kỳ; nó còn khiến cho các nhóm chính trị khác như đoàn thể Nguyễn An Ninh tại Nam kỳ và Tân Việt C.M.Đ tại Trung Kỳ tiến dần đến chủ nghĩa C.S.

Vào những năm 1927 và 1928, Tân Việt C M.Đ, mà nguồn gốc và khuynh hướng đều rất quốc gia đã nhiều lần « ve vãn » một cách nguy hiểm đảng *Thanh Niên* để đi đến kết hợp hai đảng này. Nhưng sự thương lượng chỉ khiến đảng viên ưu tú đảng Tân Việt gia nhập đảng Thanh Niên. Năm 1929, khi đảng Tân Việt suy sụp, các nhà lãnh đạo muốn giữ lại số đảng viên trung thành bằng cách sáng lập một phân chia hoàn toàn Cộng sản tức « Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn ». Khi đảng Tân Việt bị đàn áp và tan rã, đảng viên « Liên Đoàn C.S.Đ.D » qua Đ.D.C.S.Đ.

Đoàn thể Nguyễn An Ninh được thành lập năm 1928 và lấy tên người sáng lập viên Nam kỳ. Nguyễn An Ninh là cựu sinh viên ở Pháp về. Ông thành lập tại Nam kỳ một nhóm với chương trình điền địa có khuynh hướng xã hội. Chương trình này đã có lúc khá thành công tại nông thôn.

Nhưng Nguyễn An Ninh bị bắt tháng 9 năm 1929; nhóm viên, đa số là nông dân hay những tên « du thủ du thực » vùng ngoại ô Sài-gòn trở nên bơ vơ và được Đ.D.C.S.Đ hoặc Annam C.S Đ thâu nạp dễ dàng.

☆

— VIỆC THỐNG NHẤT CÁC PHE NHÓM C S. Đ.D.C.S.Đ: HÌNH THỨC SAU CÙNG CỦA ĐẢNG C.S.Đ.D.

Từ Hồng Kông, ban tham mưu cũ đảng Thanh Niên chứng kiến cuộc đấu tranh đó mà không thể chấm dứt và cũng không thể gây một ảnh hưởng nào cả. Cũng như Đ.D.C.S.Đ, họ muốn được

www.hoangsa.org

đệ tam Quốc Tế công nhận. Nhưng, chính vì có sự cạnh tranh giữa hai nhóm mà Đệ Tam Quốc Tế không thừa nhận nhóm nào cả.

Nguyễn ái Quốc ở Xiêm.

Tháng 8-1928 đến 12-1929.

Dường như chính vào tháng 7 năm 1929 mà đảng viên thuộc ban tham mưu này biết Nguyễn ái Quốc có mặt tại Xiêm nhờ một đảng viên tên Cao Hoài Nghĩa gặp ông tại đấy.

Có lẽ Nguyễn ái Quốc đến Xiêm từ năm trước. Ông giấu kín sự hiện diện của ông và ân cần nhắn nhủ những ai tiếp xúc với ông đừng tiết lộ tung tích của ông. Về hoạt động của ông trong thời kỳ này, chúng ta chỉ biết rằng Nguyễn ái Quốc giảng dạy cách mạng cho Việt kiều sống ở Xiêm, khoảng 30.000 người và tạo thành một lực lượng cách mạng ngấm ngầm đáng kể. Nhưng công việc không được mau chóng vì trình độ trí thức họ quá thấp. Cũng kiên nhẫn như trước khi ở Quảng Châu và lại còn thận trọng hơn nữa, Nguyễn ái Quốc bắt đầu tuyên truyền. Ông tụ tập họ trong một hội duy nhất không có vẻ gì Cộng sản lấy tên là « Hội Thân Hữu người Annam ở Xiêm ».

Nhưng rất khó mà nói rằng hoạt động của Nguyễn ái Quốc dừng lại tại đấy và thật không quá táo bạo khi xác nhận rằng đồng thời, ông cũng giữ một vai trò đáng kể trong hoạt động tổng quát của Cộng sản Quốc Tế. Chúng ta biết rằng ở Xiêm, ông có liên lạc với một người Trung Hoa, đảng viên quan trọng đảng Cộng sản Trung Hoa. Mặt khác, sự hiện diện của ông với tư cách đại diện cho « Bureau d'Orient » (Đông Phương sự vụ) trong « hội nghị lần thứ ba của cựu đảng C.S miền Nam hải » ở Tân Gia Ba tháng 4 năm 1930 cho ta thấy là vào thời kỳ này, và có lẽ từ trước nữa, ông có liên lạc với cơ quan lãnh đạo Đệ Tam Quốc Tế tại Phương Đông và được cơ quan này tín nhiệm.

Vả lại, ngay khi ông liên lạc lại được với các đồng chí

www.hoangsa.org

cũ của đảng *Thanh Niên* ở Hồng Kông, ông đã chính thức làm đại diện cho Đệ Tam Quốc Tế tại Phương Đông.

Nói tóm lại, có thể tin rằng ông lãnh trách nhiệm tuyên truyền ở Mã Lai thuộc Anh, Hòa Lan, Xiêm và Đông Dương. Sau này, công cuộc ấy thuộc « Bureau du Sud » (Nam Phương sự vụ) do chính ông điều khiển.

☆

— NGUYỄN ÁI QUỐC TRỞ LẠI HỒNG KÔNG THÁNG 1-1930.

Cao Hoài Nghĩa nghĩ rằng ông cứu đảng khi tiết lộ cho các đồng chí sự hiện diện của Nguyễn ái Quốc ở Xiêm. Và, ông cứu đảng thật.

Thật vậy, vừa biết tin này, đảng viên đảng *Thanh Niên* lập tức phái sang Xiêm một liên lạc viên có nhiệm vụ tìm gặp Nguyễn ái Quốc, trình bày cho ông rõ tình cảnh nguy ngập của đảng và mời ông trở về Hồng Kông điều khiển đảng.

☆

— VIỆT NAM CỘNG SẢN ĐẢNG

Nguyễn Ái Quốc chần chừ mãi trước khi chấp thuận lời mời của các đồng chí và mãi đến tháng 1-1930, ông mới đến Hồng Kông. Tìm hiểu tình trạng đảng xong, ông cho triệu đến Hồng Kông hai đại diện của hai nhóm cộng sản quốc nội gốc gác từ đảng Thanh Niên cũ. Ông dự thảo một chương trình hoạt động và những điều lệ mới. Vào tháng 3-1930, chỉ trong một phiên họp vài giờ ở Hồng Kông, ông bắt buộc mọi người phải đoàn kết nhất chí. Ông lại còn trao cho các đại biểu thực hiện việc hợp nhất các nhóm Cộng sản nguyên thuộc đảng Tân Việt. Công việc này được Ngô Gia Tự, lãnh đạo đảng C.S.Đ.D Nam Kỳ, thực hiện một ít lâu sau.

Tổ chức mới của đảng là CS, tuy nhiên, tổ chức này

www.hoangsa.org

vẫn còn lâm thời để cho các phe nhóm có thì giờ hợp nhất lại và thành lập guồng máy đảng bằng bầu cử, đúng theo luật lệ của Cộng sản Quốc Tế. Đặc điểm quan trọng nhất của tổ chức là chuyển trụ sở ủy ban trung ương về nước, đặt tại Hải Phòng. Từ đó, những đảng viên sống tại hải ngoại, trừ Nguyễn Ái Quốc, không còn đảm nhận chức vụ điều khiển nữa; họ chỉ có phận sự liên lạc, chuyển chỉ thị và khẩu hiệu. Còn đảng thì, theo nguyên tắc chính thống, hoàn toàn ở Đông Dương để có thể tiếp xúc với quần chúng.

☆

— ĐÔNG DƯƠNG CỘNG SẢN, HÌNH THỨC SAU CÙNG CỦA ĐẢNG C.S.Đ.D 10-1930.

Từ tháng 2 đến tháng 10-1930, đảng mang danh hiệu là « V.N.C.S.Đ ». Vào tháng 10, Nguyễn Ái Quốc triệu tập đến Hồng Kông đại biểu các xứ trong Liên Hiệp với mục-đích kiểm điểm mọi biện pháp áp dụng ở quốc nội để tổ chức được chung quyết theo quy chế. Ông cũng muốn đổi tên đảng thành Đ.D.C.S.Đ. Danh xưng này thích hợp với điều lệ Đệ Tam Quốc tế hơn vì đảng không những gồm người dân 3 xứ Annam mà còn gồm cả người thuộc Liên Hiệp Đông Dương, và như vậy, đảng thực sự là một chi khu quốc gia của C.S.Q.T.

Trong thời kỳ này, trụ sở ủy ban trung ương dời từ Hải Phòng vào Sài-gòn và quy chế đảng được chung quyết.

☆

— ĐỆ III Q.T. NÂNG ĐỠ Đ.D.C S.Đ.

Từ tháng 1-1925 đến tháng 5-1927, chính Nguyễn Ái Quốc lo việc liên lạc giữa đảng ông và Đệ III Q.T. Với tư cách cộng sự viên của Borodine, có lẽ ông dùng hình thức « văn kiện ngoại giao » (valises diplomatiques) của lãnh sự Nga tại Trung Hoa để liên lạc với Mạc Tư Khoa và nhận tiền bạc từ tay các nhà ngoại giao Nga để lo việc tuyên truyền.

www.hoangsa.org

Hồi đó, đảng *Thanh Niên* đang trong thời kỳ phát triển sơ khởi và việc kết hợp với đảng khác chưa cần thiết. Tuy nhiên, người ta ghi nhận rằng có lẽ theo lệnh Nguyễn Ái Quốc, Hồng Sơn gia nhập đảng C.S Trung Hoa vào tháng 8-1925 và Hồ Tùng Mậu vào tháng 3-1926. Vả lại, hồi đó đảng viên đảng C.S.T.H, đảng viên T.H.Q.D.Đ và các cố vấn kỹ thuật do Đệ III Q.T. đặt vào T.H.Q.D.Đ đều liên lạc cả với nhau, đến nỗi, khó mà khám phá được nguyên nhân thực của một cuộc đình công cũng như khó xác định được ai chủ xướng.

Trong khi vẫn liên lạc với Đệ III Q.T. qua trung gian Lê Hồng Phong, từ tháng 5-1927 đến tháng 12-1929, đảng Thanh Niên bành trướng với những phương tiện riêng. Lê Hồng Phong theo học trường không quân Borisoglebsk và sau đó, trường Léningrad. Lúc theo học, ông vẫn liên lạc với đảng C.S Trung Hoa.

Như trên đã nói, Hội Nghị Hồng Kông tháng 5-1929 có biểu quyết nội dung một văn thư gửi Đệ III Q.T. Hồng Sơn kèm theo điều lệ và chương trình hoạt động đảng Thanh Niên và xin Đệ III Q T. công nhận đảng. Tháng 12-1929, vẫn qua trung gian Lê Hồng Phong, thư trả lời từ chối đến Hồng Kông. Kèm theo thư là một bản chỉ trích quy chế và chương trình hoạt động đảng do văn phòng Đệ III QT thảo. Vào tháng 3-1930, Nguyễn Ái Quốc liên lạc riêng với các tổ chức Đệ III Q.T., như:

a) « Đông Phương sự vụ » (Bureau d'Orient) ở Thượng Hải, sở phối hợp và kiểm soát của Đệ III Q.T, hình như được thiết lập vào năm 1929 và có mục đích thống nhất, tổ chức chỉnh trị các nước đông phương về hành động. Các tổ chức nghiệp đoàn tương tự cố thực hiện sự thống nhất này ngay từ năm 1926 bằng cách sáng lập « Liên Hiệp Thợ Thuyền Liên Thái Bình Dương ».

b) Văn phòng Liên Hiệp Liên Thái Bình Dương mà người lãnh đạo kiêm nhiệm luôn chức chủ tịch «Bureau d'Orient» (Đông Phương sự vụ) trong thời gian 1930-1931.

c) Các tổ chức C.S của Mã Lai quần đảo do Nguyễn Ái

www.hoangsa.org

Quốc điều khiển và kiểm soát từ tháng 3-1930 đến tháng 6-1931 với tư cách chủ tịch Nam Phương sự vụ (Bureau du Sud).

d) Đảng C.S. Pháp, qua trung gian văn phòng bí thư của Liên Minh Lao Động Thống Nhất ở Ba Lê.

e) Liên Minh chống đế quốc chủ nghĩa và tranh đấu cho độc lập quốc gia (Thành lập ở Bá Linh năm 1925) và chi bộ Đông Phương (Thành lập ở Francfort sur le Main tháng 7-1929 trong Đại Hội liên minh lần thứ hai.

Đông Phương sự vụ (Bureau d'Orient) của Đệ III Q.T. giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức và bành trướng đảng C.S.Đ.D. Chúng tôi có nhiều bằng chứng chính xác do sở thông tin thâu lượm hoặc bắt được tại nhà Nguyễn Ái Quốc, chủ tịch Nam Phương sự vụ (Bureau du Sud) hay tại nhà Noulens, thư ký Đông Phương sự vụ (Bureau d'Orient), khi những người này bị bắt.

Nhiều tài liệu chứng minh Nguyễn Ái Quốc là trung gian giữa Đông Phương sự vụ (Bureau d'Orient) và Đ.D.C S.Đ. Trong số đó có hai tài liệu do chính tay Nguyễn Ái Quốc viết gửi cho ủy ban trung ương Đảng Bộ C.S.Đ.D. Tài liệu thứ nhất gồm một bài chỉ trích và những lời khuyên về việc hội nghị họp ở Đông Dương. Tài liệu thứ 2 nói về hệ thống liên lạc qua trung gian các công nhân hàng hải và về việc nhiều người Annam trở về Đông dương sau khi thôi học ở Nga. Tất cả mọi liên lạc đều trong tay Nguyễn Ái Quốc. Dĩ nhiên, sự tập trung này có lợi điểm là bảo toàn bí mật; nhưng đó cũng là khuyết điểm của tổ chức. Thật vậy, chỉ cần Nguyễn Ái Quốc bị bắt là Đ.C.S.Đ.D. bị cô lập.

Từ ngày trở về điều khiển lại đảng, Nguyễn Ái Quốc gián tiếp hưởng những trợ cấp Đệ III Q.T. dành cho lãnh tụ đảng C.S. Chúng tôi có bằng chứng rằng nhiều nhà lãnh đạo C.S.Đ.D. đã lãnh tiền từ tay Nguyễn Ái Quốc. Ngoài ra, ở Sài-gòn, ngày 23-3-1931, người Pháp Ducroux tự Lefranc, thanh tra của đệ III Quốc Tế, đưa số tiền 16.000 quan cho Ngô đức Trí và

www.hoangsa.org

Trần Phú, lúc đó là ủy viên trong ban chấp hành đảng C.S.Đ.D. Người này cũng thông báo cho họ biết Đệ III Quốc Tế chấp thuận trợ cấp cho Đ.D.C.S.Đ. hàng tháng tối thiểu là 5.000 quan. Sau hết, trong đại hội khoáng đại thứ 11, triệu tập vào tháng 4-1931, ủy ban chấp hành trung ương Đệ III Quốc Tế đã chính thức công nhận Đ.D.C.S.Đ. như một chi bộ quốc gia của Đệ III Quốc Tế.

☆

— NHỮNG CUỘC BIỂU TÌNH DO PHONG TRÀO C.S.Đ.D. CHỦ XƯỚNG.

Ở đây, ta không thể kể lại hết tất cả những cuộc tuyên truyền C.S. ở Đông Dương như phát truyền đơn, tài liệu, dán biểu ngữ, treo cờ và hành quyết những phần tử khả nghi làm tình báo cho chính phủ. Những vụ rắc rối này — đôi khi đẫm máu — xảy ra khi những người C.S. bị bắt giữ lúc biểu tình, đình công, và hàng ngàn hình thức tranh đấu hàng ngày khác giữa Đ.C.S.Đ.D. và sở mật thám. Như ở tất cả mọi nơi, những cuộc vận động và bạo động này là hậu quả đương nhiên của một chiến tranh tàn khốc do những người C.S. duy vật cuồng tín chủ xướng. Họ tận dụng con người với những khả năng như kỹ nghệ gia tận dụng máy móc.

Tuy vậy, cũng nên ghi nhớ rằng vài loại vận động mang một sắc thái bạo động đến nỗi chính quyền phải thẳng tay đàn áp để cứu vãn những gì mà dân tộc Annam đã khó nhọc thực hiện được qua bao thế kỷ trong nhiều địa hạt khỏi bị hủy diệt bởi một thiểu số nhỏ nhưng cương quyết Chúng tôi muốn nói đến các cuộc biểu tình và nhất là các cuộc tuần hành lên phủ huyện hành chánh hay những trung tâm kinh tế. Đó là những đám đông quá khích luôn luôn bị khích động bởi các đảng viên đảng C.S.Đ.D. Và chúng tôi cũng muốn nói đến những hành động khủng bố và cướp bóc được các đảng viên « chuyên

www.hoangsa.org

nghiệp » thi hành theo lệnh đảng. Thường thường, các cuộc « tuần hành » phát xuất như sau : Theo lệnh ủy ban địa phương và theo kế hoạch ấn định trước, một số đảng viên phân tán trong nhiều làng. Họ đánh trống để tập họp và xách động dân làng ; họ nói : « mất mùa, tiền công quá thấp, thuế nặng, đại điền chủ chiếm đoạt ruộng đất tốt nhất ; dân chúng thì khốn cùng ; đáng lẽ họ đáng được sung sướng hơn cả ngàn lần vì họ chịu đựng tất cả không một lời than. Ngay hôm nay, ta phải lên phủ huyện hay tỉnh để phản đối như dân của một làng khác nào đó đã làm và đã thành-công Thời buổi này rất thuận lợi vì người Pháp đang đánh nhau với Trung hoa nên không có lính ». Những lời hứa hẹn hão huyền ấy phù hợp với tầm hiểu biết của người dân Annam dốt nát nên C.S luôn luôn tụ tập được một số người bần-cùng đói rách, không có gì để mà mất cả. Họ lên đường. Làng này qua làng khác, đoàn người lớn dần. Khi đủ đông là bắt đầu các vụ cướp phá : kìa một nhà làng, đây một quán rượu hiu quạnh, đây nữa nhà một vị quan nghiêm khắc hay keo kiệt mà dân ghét, sau hết đến nhà thờ, nơi những người dân hiền lành trú ẩn. Tiếp theo sự cướp bóc là đập phá, đốt nhà. Đôi khi, để làm cho can thiệp của cảnh sát pnải bị chậm trễ, đám « tuần hành » đốn cây chặn đường hoặc tháo bỏ ván cầu. Kế đó, kẻ xách động lo việc kết hợp các đoàn người và đột nhiên, người ta ra hiệu cho những đoàn hàng 3, 4, 5 và ngay cả 6.000 người, đơ cao cờ, biểu ngữ, dao rựa, gậy gộc và tiến thẳng đến địa điểm đã chọn. Các đồn canh gác bản xứ, thường có từ 10 đến 50 lính võ trang và tiến về phía đám biểu tình để khuyến dụ họ phân tán ya trở về nhà. Rất ít khi họ nghe theo. Các người xách động trà trộn trong đám đông và cố tránh khỏi bị đánh, xúi dân biểu tình và tới đám lính. Đương nhiên, những người này phải xử dụng võ khí để khỏi bị đánh và bị đoạt khí giới. Nếu để dân biểu tình bắt được, họ sẽ bị xử tử một cách dã man nhất, cũng như hầu hết các kẻ thù của đảng C.S. không may rơi vào tay đối phương vào thời đó.

Cho đến ngày 1-5-1930, Đ.D.C.S.Đ. không chủ xướng một cuộc vận động nào đáng kể. Một vài cuộc đình công chính trị

www.hoangsa.org

được ghi nhận vào năm 1928 và 1929, nhưng bị đè bẹp mau chóng với việc bắt giữ những người xách động địa phương, khoảng dăm ba người. Ngược lại, từ 1-5-1930 đến tháng 6 1931, trật tự bị đe dọa ở nhiều nơi và đôi khi, cùng một lúc tại nhiều chỗ. Khắp nơi, các vụ biểu tình khởi sự vào những ngày lễ kỷ niệm lớn của lịch C.S. Ngày 1-5-1930: tại các tỉnh Nghệ An (Trung Kỳ) Thái Bình (Bắc Kỳ) và ở Nam Kỳ.

Ngày 1-8-1930: ở tỉnh Hà Tĩnh (Trung Kỳ) ngày 7-10-1930; ở tỉnh Quảng Ngãi (Trung Kỳ). Tại Trung Kỳ, loạt tuần hành hướng về các trung tâm được tiếp diễn như sau:

Ở Nghệ An, ngày 1-5-1930, kế đó, từ ngày 1-6 đến 11-12-1930; rồi lại bắt đầu vào hạ tuần tháng 5 cho đến tháng 9-1931. Các cuộc biểu tình đạt đến cực điểm ngày 12-9-1930: hôm ấy, vào khoảng 6.000 người cố tình chiếm tỉnh Vinh mà không được.

Ở Hà Tĩnh, ngày 1-8-1930 và từ ngày 7 đến 11 tháng 12.1930. Và từ ngày 4-4 đến 1-8-1931. Cuộc biểu tình lớn nhất xảy ra hôm 11-12-1930; hôm đó, các nhà lãnh đạo Đ.D.C.S.Đ. địa phương toan thi hành kế hoạch nổi loạn. Kế hoạch này gồm nhiều vụ tấn công không quan trọng vào các đồn nhỏ để làm lạc hướng và một vụ tấn công huyện Cẩn Lộc với ba đội quân, mỗi đội gồm 2 000 người.

Tại tỉnh Quảng Ngãi, từ 7-10 đến 16-11-1930 và từ 1-1 đến 1-5-1931. Thời kỳ xáo động nhất là 1-1 đến 12-2 1931.

Ở Nam Kỳ, các cuộc «tuần hành» không mang tính cách nghiêm trọng như ở Trung Kỳ. Tuy nhiên, các vụ biến động từ 1-5 đến 5-6-1930 cũng đặc biệt quan trọng (các cuộc biểu tình ở Chợ Mới, Bà Hom, Hóc Môn, Đức Hòa, Cao Lãnh, v...v...)

Ở Bắc Kỳ, chỉ có hai vụ biểu tình nhỏ tại Thái Bình; Đ.D.C.S.Đ không thể phát động các cuộc nổi loạn mặc dầu có chỉ thị của ủy ban địa phương; các chỉ thị này đặc biệt thúc bách vào tháng 10, 11-1930 và vào tháng 1-1931.

www.hoangsa.org

Trong suốt thời kỳ xáo động và tại ba xứ Annam của Liên Hiệp Đông Dương, Đ.D.C.S.Đ. ám sát và cướp bóc với mục đích làm nhà cầm quyền địa phương nản lòng khiến họ không còn thi hành được sứ mạng, để tự cung cấp tài nguyên cần thiết cho việc tuyên truyền và cấp dưỡng những tên xách động chuyên nghiệp. Hành động cướp của giết người này đặc biệt xảy ra nhiều tại thôn quê vùng Bắc Trung Kỳ và ở Nam Kỳ.

Không thể ấn định được chính xác số nạn nhân của C.S. Những người rơi vào tay chúng bị thủ tiêu một cách dã man và nhiều trường hợp, họ chết sau khi cam chịu những cực hình dã man không kém gì thời Trung Cổ tại Âu Châu. Hiện giờ chỉ còn những dân tộc văn minh Á đông là biết đến các loại cực hình này. Chắc chắn có hàng trăm người đã bị thủ tiêu, trong số đó có hai Pháp kiều.

Ngay từ năm 1930, đa số các tỉnh bộ thành lập những ban « ám sát » với phần tử chọn lọc trong số đảng viên đặc biệt phi luân. Khi được kết nạp, họ phải thi hành lệnh đảng nếu không sẽ bị giết.

Các vụ mưu hại hay cướp bóc với võ khí do tỉnh bộ, và đôi khi còn do xứ bộ tổ chức; thường thường là thi hành ban đêm một cách có phương pháp. Nạn nhân bị dụ lại một nơi được mai phục sẵn, rồi bị giết bằng súng lục, phảng, búa và có khi bằng gậy nữa. Một số bị trói gô lại, tưới xăng và đốt sống hoặc bị chôn sống. Những ban « ám sát » bao vây rồi chiếm các nhà họ muốn cướp. Nếu chống cự, gia chủ bị giết; nếu không chỉ chỗ giấu tiền, họ sẽ bị hành hình. Thường thường ban ám sát giết gia trưởng và vợ con để khỏi bị nạn nhân tố cáo hoặc nhận diện sau này.

Các vụ bạo động và mưu hại cá nhân đều trái với nguyên tắc của Đệ III Quốc Tế.

Những nhà lãnh đạo Đ.D.C.S.Đ, ngay cả người được huấn luyện chính thống tại Mạc Tư Khoa không thể giữ mình và giữ các đảng viên khỏi rơi vào phương pháp cách mạng cổ

www.hoangsa.org

truyền tại Đông Phương. Sự kiện này đủ cho ta thấy đảng C.S đã ra ngoài cả giới hạn quan niệm đảng phái chính trị theo như chúng ta hiểu. Không còn là phát biểu ý kiến nữa mà là hành động phản loạn và sát nhân theo luật thông thường.

Phải công nhận rằng ở một vài nơi trên lãnh thổ, khủng bố dưới hình thức trên đã có kết quả mà giới lãnh đạo mong muốn. Nhiều tháng sau các vụ mưu hại, pháp luật và nhà cầm quyền rất khó khăn thu lượm tin tức và bằng chứng trong số dân địa phương bị mưu hại và ngay cả thân hào ở đấy cũng đắn đo nhiều, không muốn giúp chính quyền một cách đại khái nhất.

Ở nhiều tỉnh Nam Kỳ, kẻ cướp bóc thuộc đảng C.S.Đ.D. táo bạo đến nỗi những người khá giả mỗi tối đều phải rời khỏi nhà lên phủ huyện ngủ, dưới sự che chở trực tiếp của đồn lính. Vì sợ nguy đến tính mạng, một vài công chức địa phương không ngần ngại từ bỏ chức vụ đến ẩn náu ở vùng yên ổn hơn.

C.S. cướp bóc hay tàn phá các đình làng của nhiều tỉnh miền bắc Trung kỳ và Nam kỳ một cách rất có hệ thống. Họ tiêu hủy văn thư của các làng, sổ hộ tịch, địa bộ và thuế má, v...v..., mục đích để nông dân có ảo tưởng Đ.D C.S.Đ. giải thoát anh ta khỏi gánh nặng tô thuế và thân phận nông nô. Trong xã hội ai cũng phải gánh chịu những bó buộc đó cả nhưng C. S. lại muốn làm cho dân hiểu đấy là đặc điểm riêng của xã hội « tư bản, trưởng giả ». Thiệt hại vật chất kể không xiết. Ở bắc Trung kỳ, người « sô viết » phá hủy mùa màng cho đến nỗi dân chúng suýt bị chết đói và chính quyền có khi phải ứng trước cho nông dân lúa giống của mùa sau.

Ở Nam kỳ, tháng 3-1931, C. S. toan tính phá hải cảng Sài gòn sau khi cô lập Nhà Bè bằng cách cắt đứt các đường dây điện thoại, họ định đốt các kho xăng lớn của « Standard Oil » và « Franco - Asiatique des Pétroles ». Đáng lẽ thùng bị chọc thủng để xăng đang cháy có thể chảy xuống sông và theo thủy triều chảy vào Sài gòn đốt cháy tàu đậu ở thương cảng,

www.hoangsa.org

tàu bè trên sông, xưởng đóng tàu và các tàu chiến. Nhờ ngẫu nhiên mà người ta khám phá đúng lúc và dập tắt được ngòi lửa vừa đốt.

☆

— ĐÀN ÁP.

Đàn áp các âm mưu cộng sản gồm hai loại : một là giải tán, bằng võ lực nếu cần, các vụ biểu tình phản loạn do Đ.D.C.S.Đ. tổ chức ; loại thứ nhì, tế nhị và lâu dài hơn nhiều là tìm kiếm, nhận diện và bắt giữ các cá nhân chịu trách nhiệm về việc tổ chức và hành động của đảng, vì các cuộc vận động, cướp bóc, ám sát được thi hành dưới danh nghĩa đảng.

Trong thời kỳ đặc biệt xáo trộn là từ tháng 5-1930 đến tháng 9-1931, mà chúng tôi đã đề cập, vì an ninh chung, nhà nước Đông Dương phải giải tán nhiều vụ tập họp nguy hiểm cho an ninh công cộng. Các vụ đụng độ mãnh liệt không tránh khỏi khi nhà cầm quyền đứng trước những đám người say mèm lại bị kích thích quá độ vì cướp bóc, và chỉ còn mục đích là phá hủy các khu hành chánh hay kinh tế họ tiến tới. Một thành công nhỏ nhất cũng đủ khiến cho Đ.D.C.S.Đ. có uy thế lớn đối với quần chúng, khiến cho an ninh quốc nội Đông Dương bị đe dọa trầm trọng.

Vậy, bổn phận nhà cầm quyền là làm sao cho người biểu tình không đạt được mục đích, và cũng nên lấy làm mừng là chúng ta luôn luôn thành công. Tuy nhiên, không bao giờ ta dùng võ lực bạo tàn trước khi tất cả các thủ đoạn khác tỏ ra vô hiệu. Điều luật ngày 7-6-1848 được tôn trọng đến độ các luật gia không thể đòi hỏi hơn. Biết rõ người dân quê Annam cả tin, hay phản đối và vì vậy, hay có những hành động thiếu suy xét nên các tổng đốc, lãnh binh, quan phủ huyện luôn luôn giữ bình tĩnh, ở Bắc kỳ cũng như ở Trung và Nam kỳ và họ không ngần ngại điều đình, càng lâu càng tốt

www.hoangsa.org

với các toán hàng trăm hay hàng ngàn người biểu tình, trong khi họ chỉ được vài lính khố xanh, hay khố đỏ hộ vệ.

Tiếc thay, các người xách động thận trọng trà trộn giữa đám đông, xúi người biểu tình tiến dần về nhóm quan binh trên để ùa vào họ với hy vọng tiêu diệt và đoạt võ khí. Chính vì vậy mà trong nhiều trường hợp, những người xách động khiến cho mọi cố gắng thuyết phục của chính quyền trở nên vô hiệu. Chỉ khi nào tình hình trở nên quá gay go và cần phải tự vệ, lính mới được lịnh nổ súng để thoát thân.

Các vụ đàn áp này, dù thế nào chăng nữa, cũng không đụng chạm người chủ mưu các vụ xáo trộn. Họ chỉ cần ra lịnh hay truyền lại lịnh trong các buổi họp mặt bí mật có tổ chức và tuyệt nhiên họ không đến nơi bạo động. Chính những người tổ chức biểu tình và đưa người dân vào phiêu lưu không lối thoát cũng luôn luôn ở sau đoàn người và thoát khỏi tay chúng tôi.

Phận sự của sở mật thám là tìm kiếm và truy tố họ trước pháp luật. Vậy loại đàn áp này tiến triển dần, và lệ thuộc vào sự nhận diện thủ phạm và vào sự thâu lượm bằng chứng pháp lý của hành động họ, việc đó bao giờ cũng khó.

Sở mật thám thuộc địa gặp nhiều khó khăn khi thi hành phận sự Những khó khăn chính bắt nguồn từ :

— Đảng bó buộc đảng viên phải giữ bí mật, nếu không, sẽ bị giết.

— Đảng được tổ chức thành tổ riêng biệt, mỗi đảng viên đều hoàn toàn không biết gì về hành động của đảng viên tổ khác.

— Đủ thứ mưu mẹo được sử dụng, để tránh phổ biến danh tánh cán bộ, cùng nghề nghiệp và địa chỉ.

— Tất cả mọi văn thư, tài liệu và vật khác có thể dùng làm chứng trước toà án bị hủy bỏ càng sớm càng tốt.

— Rất khó tìm mật báo viên có khả năng trong một

www.hoangsa.org

địa phương mà người Âu chẳng ở được.

— Các nhân chứng hay do dự.

— Sự a-tòng, một cách tích cực hay tiêu cực của nhiều vị quan hay công chức bản xứ. Họ làm như vậy vì sợ hãi, vì tính thụ động hoặc vì có tư tưởng thầm kín chống đối nhà nước và nhà cầm quyền Pháp.

— Không thể tách những người C.S rời khỏi xã hội trong một thời gian lâu được. Những người này, ngay khi họ đóng vai trò quan trọng cũng thường chỉ bị tội nhẹ nếu không chắc chắn là họ có dự vào các vụ cướp bóc, ám sát hay phản loạn.

— Không thể nào để các người bị cáo hoạc tù chính trị riêng từng phòng giam được. Số tù nhân đông quá khiến họ phải chen chúc trong các trại giam; đó là điều hết sức thuận tiện cho việc tuyên truyền tích cực giữa những phạm nhân, ngay cả những thường phạm.

— Ngay sát biên giới có những trung tâm C.S có ảnh hưởng đến Đông Dương và là căn cứ tuyên truyền ngoài tầm kiểm soát của chính quyền thuộc địa.

Sở mật thám luôn luôn được báo cáo chính xác về các âm mưu cộng sản; họ theo dõi được từng ngày một, ngay cả những âm mưu ở hải ngoại. Thu tập bằng chứng cụ thể để có thể kết án khó hơn đối với họ nhất là hồi đầu các vụ xáo trộn, khi tuyên truyền được rỉ tai và các đảng viên và cán bộ liên lạc ít khi mang theo tài liệu nguy hiểm.

Tuy nhiên, ngay từ năm 1928, họ đã có thể bắt giữ vài người. Đầu năm 1929, Tòa Hình có phận sự mở cuộc thẩm vấn về Đảng Quốc Gia Annam ở Bắc kỳ, có bắt được một cách gián tiếp, một vài đảng viên đảng *Thanh Niên*.

Những vụ lùng bắt đảng Tân Việt ở Trung kỳ, trong khoảng đệ nhị bán niên năm ấy đưa đến các cuộc bắt giữ quan trọng đầu tiên trong đảng *Thanh Niên*.

www.hoangsa.org

Nhưng, từ ngày 1-5-1930, các cuộc biểu tình bạo động của Đ.C S.Đ.D. đặt những người chủ chốt vào vòng phạm pháp và nhờ thế, người ta có thể bắt nhiều đảng viên cho đến khi đảng tan rã vì mất các phần tử ưu tú nhất. Những kết quả quan trọng đầu tiên của cuộc đàn áp được thu lượm ở Bắc kỳ vào tháng 12-1930 (tỉnh bộ Hà Nội và nhiều đảng viên trong tổ chức phụ thuộc bị bắt). Công việc được hoàn tất với việc bắt giữ xứ bộ Bắc kỳ và các đại diện ủy ban trung ương ở Hải Phòng vào tháng 4-1931.

Ở Nam kỳ, đòn quyết định được đánh từ tháng 4 đến tháng 6-1931 (xứ bộ bị bắt giữ, kế đó đảng viên ở tổ chức khác, kể cả những người thuộc các ủy ban được dự phòng thay thế các tổ chức của guồng máy đảng bị phá vỡ). Ở Trung kỳ, đảng chỉ tan rã vào tháng 9 1931 vì giới lãnh đạo thoát khỏi tập nã bằng cách trốn lên chiến khu rừng núi.

Sự thành công và nhất là thành quả lâu dài của thành công còn có một lý do nữa.

Ngày 6-6-1931, ở Hồng Kông, Nguyễn Ái Quốc, chủ tịch «Nam Phương sự vụ» bị bắt; trước đó, thanh tra Đệ III Quốc Tế là Ducroux tự Lefranc cũng bị bắt ở Tân Gia Ba; liền sau khi Nguyễn Ái Quốc bị bắt, Noulens, thuộc *Đông Phương sự vụ* bị bắt ở Thượng Hải; những phụ tá chính của Nguyễn Ái Quốc cũng bị bắt ở Thượng Hải trong thời gian đó.

Đông Phương sự vụ tan rã và Nguyễn Ái Quốc biến khỏi sân khấu chính trị có hậu quả là Đ.D.C.S.Đ. bị hoàn toàn cô lập. Đoạn sau, ta sẽ thấy Đệ III Quốc Tế bất lực khi muốn tái lập liên lạc và làm đảng hồi sinh. Hầu hết những người xách động được huấn luyện ở trường Staline rồi gửi về Đông Dương hay Đông Phương cuối năm 1931 và cả năm 1932 đều bị bắt hoặc phải bó tay. Sở mật thám Đông Dương lợi dụng việc đảng ngưng hoạt động để thanh lọc xứ sở.

www.hoangsa.org

NHỮNG DỰ TÍNH XÂY DỰNG LẠI ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

— DỰ TÍNH NĂM 1932 VÀ THẤT BẠI.

Mặc dầu công cuộc đàn áp rất sâu rộng, vài đảng viên ưu tú Đ.C S.Đ.Đ. — thực ra thì khá ít vẫn trốn thoát. Một số khác, sau khi bị truy tố trước pháp luật được trả tự do vì miễn tố hoặc lãnh án nhẹ. Sau hết, một số đảng viên — và không phải là thành phần ít quan trọng nhất — ở tại hải ngoại, nghĩa là ngoài tầm tay chúng tôi. Tất cả đều tiếp tục hoạt động lại để tái lập Đ.D.C.S.Đ.

▼ *NHỮNG TIẾN TRIỂN CỦA ĐẢNG NĂM 1932.*

Đây là vài nét chính của sự phát triển phong trào phục hồi đảng trong năm 1932. Ngày 1 tháng 1, đệ III Quốc Tế không còn liên lạc với chi bộ Đông Dương. Ngay trong đảng, các đảng viên cũng chẳng liên lạc được với nhau.

Ở Bắc-kỳ, nhiều tiểu tổ được tái lập, trước ở Hà Nội, sau ở Hải Phòng, Nam Định, vùng mỏ tỉnh Quảng Yên cũng như ở nhiều khu vực thuộc tỉnh Thái Bình và Hà Nam. Một ủy ban lâm thời phụ trách điều khiển tuyên truyền còn sót lại từ tổ chức trước và ẩn náu trong tỉnh Hà Nam.

Ở Trung kỳ, ba tỉnh miền bắc còn lại vài ủy ban phủ huyện, mặc dầu bị ruồng bắt không ngừng, các ủy viên vẫn tìm được người trung thành sẵn sàng nuôi, giấu họ hoặc truyền khẩu lệnh. Ngày 2-2, chính tỉnh bộ Nghệ An đứng lên tuyên bố giải tán các tổ chức còn sót lại để tái lập hoàn toàn chi bộ tỉnh và để thích hợp với nhân số đảng viên quá ít. Trong các tháng 7 và 8, một bán nguyệt san lậu được phát hành 4 hay 5 lần trong khu công nghệ Vinh Bến Thủy.

www.hoangsa.org

Trong Nam kỳ, nhiều người thoát khỏi cuộc đàn áp tụ tập với nnau lập lại những tiểu tổ được gọi là tỉnh bộ hầu sửa soạn cho công cuộc mai hậu. Ngày 10-4-1932, nhiều đảng viên tụ họp gần Sài-gòn và thành lập một « *Ủy ban hành pháp lâm thời* » cho Nam kỳ.

Kế đó, tuyên truyền dần dà mạnh thêm nhưng vẫn rất thận trọng và cố tình giữ hoạt động bí mật. Báo chí giấu trong áo được truyền tay giữa đảng viên tin cậy nhất. Những mầm mống nghiệp đoàn được tổ chức và người ta đặt nền móng cho các tổ chức học sinh và các đoàn nông dân.

Đầu tháng 8-1932, « *Ủy ban hành pháp lâm thời* » phải triệu tập hội nghị để gia tăng quyền hạn.

Vì tài chánh eo hẹp, đảng không thể họp hội nghị được, ủy ban Sài-gòn nổi loạn và ly khai bằng cách tổ chức vào tháng 9 với sự giúp đỡ của vài đảng viên, một « *Ủy ban hành pháp lâm thời* » mới.

Ở Nam kỳ vào tháng 9-1932, nhóm C.S. được tổ chức như sau :

— *1 Ủy ban hành pháp lâm thời* có trụ sở ở Sài-gòn gồm 5 ủy viên và phát hành tờ báo lậu «Cờ Đỏ».

— *1 Ủy ban lâm thời tỉnh Sài-gòn*, gồm 3 ủy viên, điều khiển và kiểm soát : 1 tiểu tổ gia nhân, 1 tiểu tổ xa phu và 1 tiểu tổ thợ may, thợ nón và thợ giày.

Có 16 đảng viên trong 3 tiểu tổ.

— *Một Ủy ban lâm thời đô thị và tỉnh Chợ-lớn* với 6 tiểu tổ gồm 27 người. Ủy ban này phát hành lậu tờ báo « Nhà Quê ».

Các tỉnh khác được phân chia làm 3 vùng,

Tỉnh Mỹ Tho có ủy ban 5 người và 8 tiểu tổ nông dân cùng những mầm mống nghiệp đoàn.

Vùng Bến Tre — Trà Vinh — Vĩnh Long do « Ủy ban đặc

www.hoangsa.org

biệt điều khiển. Ủy ban gồm 6 ủy viên và đặt trụ sở ở Trà Vinh. Ủy ban này có báo riêng và gồm 7 tiểu tổ, một nghiệp đoàn thợ kim hoàn và một nhóm nông dân đang được tổ chức.

Vùng Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá cũng do một ủy ban đặc biệt điều khiển Ủy ban có 5 ủy viên và chia làm 7 khu, mỗi khu do 1 ủy ban điều khiển. Vùng Chợ Mới được đặc biệt tổ chức kỹ càng và có 1 ủy ban đặc biệt. Ủy ban vùng phát hành một tờ báo lậu.

Bên cạnh tổ chức chính thống này, năm 1932, trong đệ I lục cá nguyệt, Tạ Thu Thâu, một người C.S trẻ từ Pháp về còn khởi xướng thành lập một phe nhóm Đệ tứ theo chủ nghĩa Trotsky. Sau 6 tháng cố gắng, các nhà trí thức điều khiển phe này chỉ thu nạp được một ít đảng viên mà họ cũng chẳng buồn huấn luyện. Khi sở mật thám giải tán nhóm thì đảng đã bị rạn nứt vì những bất đồng ý kiến. Ở hải ngoại, 11 cựu học viên trường Staline tốt nghiệp ngày 1-2-1932, có nhiệm vụ trở về Đông Dương tái lập đảng, mà không cần lưu tâm đến những gì còn lại của đảng trước, vì sẽ được đưa vào tổ chức mới này khi liên lạc được tái lập, Tất cả đều nhận được địa chỉ đảng viên đáng tin cậy ở bên Pháp và như vậy, có thể liên lạc được với Mạc Tư Khoa qua trung gian đảng C S. Pháp.

▼ *DỰ TÍNH NĂM 1932 TAN RÃ.*

Ngoài Bắc kỳ, cuộc đàn áp rất mau lẹ và chỉ xảy ra có một lần. Từ ngày 12-1 đến 4-2 tất cả ủy viên ủy ban lâm thời trong xứ bị bắt. Sau thất bại này, chi bộ địa phương không phục hồi được và cho đến hết năm, không một dự tính tuyên truyền C.S. nào được ghi nhận ở Bắc kỳ.

Ở Trung kỳ thì phải cần đến hai cuộc hành quân. Lần thứ nhất, vào cuối tháng 3, phá vỡ dự tính tái lập chi bộ tỉnh Nghệ An. Lần thứ hai, vào tháng 9 khiến cho trung tâm Vinh — Bến Thủy không còn người sách động nào.

www.hoangsa.org

Trong Nam kỳ cuộc đàn áp cũng chia làm 2 đợt:

Ngày 9-8 và những ngày kế tiếp, tất cả ủy ban của đảng C.S.Đ.D. và của nhóm ly khai tan rã vì đa số ủy viên bị bắt, 163 người bị giữ, trong số đó 46 người trong vùng Sài-gòn — Chợ-lớn và ven đô. Chỉ có 62 người bị Biện lý giữ. Trong số có 45 người đã bị giam nhiều ngày hơn bản án, nên họ được trả tự do ngay hôm nghị án.

Ở hải ngoại, vì địch thủ chúng ta thường sống trên lãnh thổ họ được an ninh như Trung Hoa và Xiêm, nên không thể làm những mẻ lưới như trên được. Phải theo dõi họ lâu, có khi hàng năm trước khi đời cách mạng lại đưa đẩy họ về lãnh thổ thuộc Pháp. Khi trở lại Đông Dương, tông tích họ thường bị lộ mau chóng. Vì vậy mà từ đầu năm 1932, 4 cựu học viên trường Staline bị bắt giữ ít lâu sau khi họ về tới. Đó là Nguyễn văn Phải tự Goubine. Nguyễn Chí Giậu tự Kazelov, Nguyễn văn Giần tự Bouline và Trần đình Long tự Pevzûere.

☆

— *DỰ TÍNH HIỆN TẠI ĐỂ XÂY DỰNG LẠI Đ.D.C.S.Đ.*

Dự tính tổ chức lại Đ.D.C S.Đ. đang thành hình hiện nay đáng kể hơn dự tính trước Trong khi những kẻ xách động năm 1932 phải làm hết thì những người năm 1933 đã tìm thấy ba yếu tố rất thuận lợi cho việc tuyên truyền.

1.— Có liên lạc với hải ngoại qua Cao Miên, đó là lợi ích của cuộc xách động năm 1932.

2. – Khủng hoảng kinh tế gây nạn thất nghiệp.

3.— Sau khi mãn hạn tù hoặc được ân xá, 8 phần 10 chính trị phạm trong vụ biến động 1930-1931 được trả tự do ngay từ đầu năm 1933.

Việc giam giữ chung những tù phạm, không những không làm họ cải thiện mà còn nung nấu tinh thần cách mạng của họ. Mặc dầu việc canh phòng rất gắt gao, ở trong các trại

www.hoangsa.org

giam vẫn có tuyên truyền tích cực mà ta không thể ngăn cản được vì số tù phạm quá đông. Họ viết truyền đơn, sách và trình diễn những vở tuồng cách mạng. Và họ cũng thông tin được với bên ngoài nhờ vài người gác dan bản xứ đồng lõa.

Trong tù, tuyên truyền quốc gia và tuyên truyền cộng sản vẫn đụng độ nhau. Và bao giờ tuyên truyền cộng sản cũng thắng.

▼ *TRONG NAM KỲ.*

Lại một lần nữa, chính Nam kỳ cầm đầu phong trào mới. Ngay sau ngày những đảng viên bị bắt, tháng 10-1932, tuyên truyền lại tái diễn âm hiểm và thận trọng Đảng viên được an toàn và những người không bị luật pháp bắt giữ — họ độ một trăm người — là tác giả những bài tuyên truyền. Họ hoạt động tích cực ở tỉnh miền Tây và vùng Sài-gòn Chợ-lớn, nơi ủy ban điều khiển được tự động tái lập. Trần văn Giàu tự Hồ Nam, một cựu đảng viên trường Staline Mạc Tư Khoa đem đến một luồng sinh khí mới cho toàn thể tổ chức. Cơ quan tình báo cho ta biết như sau :

— Một ủy ban địa phương cho Nam kỳ, trụ sở đặt ở Sài-gòn, và gồm có 9 ủy viên. Trong số đó, có 2 nhà cách mạng chuyên nghiệp xuất thân là nông dân, 1 nhà trí thức và 6 thợ thuyền. Ủy ban này không những điều khiển mọi cơ quan ở Nam kỳ mà còn trực tiếp lo việc tuyên ttuyền ở vùng kỹ nghệ Sài gòn — Chợ-lớn. Ủy ban ấn hành tờ báo thông tin « Cờ Đỏ » và một tờ báo lý thuyết, tờ « Tạp chí Cộng sản » có mục đích giáo dục đảng viên về cách mạng và chủ nghĩa cộng sản.

— « Một ủy ban đặc biệt vùng Đồng Nai » có nhiệm vụ tuyên truyền trong xí nghiệp các tỉnh miền đông: Bà Rịa, Biên Hòa và Thủ Dầu Một.

— « Một ủy ban đặc biệt vùng Transbassac » cho các tỉnh nông nghiệp miền tây: Hà Tiên, Châu Đốc, Rạch Giá, Long

www.hoangsa.org

Xuyên. Cơ quan này đã có từ lâu và trước kia, đặt trụ sở ở tỉnh Châu Đốc. Dường như gần đây, trụ sở được dời về Long Xuyên. Theo tin tức mới nhất thì ủy ban này có 5 ủy viên và gồm 2 văn phòng, một lo việc biên tập và một lo việc giao liên. Ủy ban điều khiển 9 ủy ban khu và tỉnh bộ Long Xuyên. Ủy ban này cũng cổ võ và khích động tuyên truyền cộng sản ở các tỉnh trung châu : Sa đéc, Vĩnh Long, Cần Thơ, hầu tái lập cơ quan đã bị tan rã vì đàn áp. Để giáo huấn các đảng viên, « ủy ban đặc biệt Transbassac » xuất bản đều đặn tờ « Cùng khổ ».

Về « Ủy ban đặc biệt Vàm Cỏ Đông », ta có rất ít tin tức nhưng dường như trụ sở đặt ở phía tây tỉnh Chợ Lớn. Mặc dầu ít hoạt động; ủy ban cũng in được truyền đơn vào dịp lễ kỷ niệm C.S. Ở các tỉnh miền Tây, một « ban cứu trợ C S » đang được thành lập.

Trần văn Giàu tự Hồ Nam thúc đẩy tuyên tuyền đặc biệt nhắm vào giới thợ thuyền : khẩu hiệu là « Hướng về xí nghiệp ». Tiểu tổ xí nghiệp cũng đã được dự liệu thành lập trong các nhà máy nước, bưu điện, kho hàng bến tàu, trong pháo thủ và hàng không. Để tuyên truyền được dễ dàng, người ta xúc tiến việc thành lập nghiệp đoàn xí nghiệp.

Trong tất cả cơ quan lãnh đạo, đa số phải là công nhân. Chính những tổ chức nông dân cũng phải đặt dưới quyền hoặc dưới sự kiểm soát của công nhân vì, theo Staline, động lực chính của cách mạng là giới vô sản công nhân liên kết với giới nông dân.

Người ta cũng cố gắng tái lập chi bộ đông dương của khối liên minh chống đế quốc. Cho đến nay, vì chỉ thu nạp từng cá nhân một nên liên minh mang một sắc thái cá biệt. Từ nay trở đi, người ta phải tìm cách thu nạp những tổ chức thợ thuyền, nông dân và quân sự, cũng như tất cả những tổ chức cách mạng. Trong sự kết hợp đó, đảng C.S.Đ.D phải lo bảo vệ độc lập hành động và tự do phê bình để giới lao động không bị ảnh hưởng xấu của những đoàn thể không cộng sản.

www.hoangsa.org

Tất cả cơ quan của Đ.D.C.S.Đ ở Đông Dương, nhất là ủy ban địa phương, và ủy ban đặc biệt Trans bassac cho xuất bản rất nhiều sách báo. Đó là những phương pháp trước kia đã phải bỏ vì làm cho nhiều đảng viên bị bắt giữ, nay được áp dụng lại theo lời yêu cầu của đa số đảng viên, mặc dầu có lời phản kháng của vài nhà lãnh đạo, viện cớ phương pháp đó bất lợi và nguy hiểm cho toàn thể tổ chức.

Vả lại, ta cũng nên để ý rằng những bài báo và những tờ truyền đơn rải vào dịp ngày kỷ niệm cộng sản, viết không hăng bằng những bài vở và truyền đơn cũ, lời kêu gọi bạo động đã biến mất. Họ lại còn ân cần nhắc nhở đảng viên đừng hành quyết những kẻ phản nghịch nữa, làm như vậy luôn luôn gây thêm bất bớ tai hại cho đảng.

▼ *TRONG TRUNG KỲ*

Ở đây, ngay từ đầu năm 1933, tổ chức mang hình thức nghiệp đoàn. « Hiệp hội nông dân tương trợ khai thác đất đai » được thành lập ở thôn quê. Trong một vài đoàn thể đó, nguyên tắc hoàn toàn C.S được áp dụng. Mặt khác, tù phạm được trả tự do cũng lại phát động tuyên tuyền, khôn khéo và thận trọng. Một số họp lại thành những ban kịch lưu động đi khắp các thôn quê. Họ di chuyển thường xuyên vì thế tuyên truyền rất dễ dàng và làm ta kiểm soát khó khăn.

Những tiểu tổ được thành lập ở thôn quê. Ủy ban phủ Nghị Lộc (Nghệ An) được tái lập và có cơ quan tuyên truyền là báo « Chỉ Trích » Trung tâm Vinh. Bến Thủy cũng được tích cực tổ chức để tái lập ủy ban địa phương. Một liên minh nghiệp đoàn thợ thuyền đã được thành lập với thành phần nòng cốt là công nhân xí nghiệp chuyên chở, nghiệp đoàn thợ điện, gia nhân và những người buôn bè bán củi.

▼ *NGOÀI BẮC KỲ.*

Ngay từ đầu năm, tổ chức hoạt động lại. Vào tháng giêng,

www.hoangsa.org

một người bản xứ được gửi đến tỉnh biên giới Cao Bằng để tuyên truyền. Người này thành lập một tiểu tổ nhưng chỉ ít lâu sau, sở Mật thám khám phá và bắt giữ tất cả. Vào tháng năm, ở tỉnh biên giới Bắc Quang, gần Hà Giang, một tổ chức cộng sản gồm 1 tiểu tổ tù phạm và một tiểu tổ quân dân bị tan rã. Có hai binh sĩ đồn trú bị nhiễm tuyên truyền.

Ngay trong lúc này, sở Mật thám theo sát việc đi lại của một số đảng viên đang tìm cách tụ họp lại các cựu đảng viên C.S bị phân tán và tổ chức lại cơ quan điều khiển. Phương thức hoạt động của họ cho thấy người chủ mưu là cựu học viên trường S'aline.

▼ *Ở HẢI NGOẠI.*

Ngoài biên giới Đông Dương, những người của tổ chức còn lại cố gắng giữ liên lạc với nhau và cải thiện liên lạc với quốc nội.

Bùi hải Thiệu và Lê quốc Vọng sống ở Nam kinh, tại nhà Hồ học Lãm. Đấy là nơi gặp gỡ của những Việt kiều. Ở đó, họ gặp gỡ mọi người mới đến và đang tìm liên lạc. Người đàn bà Annam Lý ứng Thuận tự cô Thuận, ngụ ở Thượng Hải và liên lạc bằng thư với Bùi hải Thiệu và Lê quốc Vọng và cả với Trần Thái Lan tự cô Duy. Cô này hiện sống ở Hồng Kông và đang dự tính tái lập liên lạc trực tiếp với Đông Dương nhờ sự giúp đỡ của thủy thủ Annam hay lai vãng Hồng Kông.

Tất cả những người bản xứ kể trên đều liên lạc với người C.S ở Cao Miên mà lãnh tụ là Ngô Chính Quốc và Ngô Chính Học. Để tìm cách liên lạc với đảng C.S Trung Hoa và đệ III Quốc Tế, Ngô Chính Học đã qua Trung Hoa vào hồi đầu năm. Ông không thành công. Trở về Cao Miên, ông mang theo Nguyễn văn Trâm tự Cao văn Bình. Với tư cách đại diện cho các đồng chí ở Trung Hoa, người này dự một buổi họp khoáng

www.hoangsa.org

đại vào tháng 4 ở Ban Mai, một làng Annam gần Lakhone, đối diện với tỉnh biên giới Thakhek (Lào). Những chi bộ quốc nội của Đ.D.C.S.Đ, trừ chi bộ Bắc kỳ, đều có đại diện trong buổi họp này. Hội nghị chấp thuận chương trình hoạt động như sau:

— Tìm cách liên lạc với đệ III Quốc Tế.

— Tìm cách liên lạc với những phần tử cộng sản ở Bắc kỳ.

— Ở Đông Dương thu nạp những người trẻ tuổi và gửi họ đi Cao Miên để huấn luyện cách mạng tại một ngôi trường lậu ngay tại Ban Mai.

Sau hết một ủy ban hành pháp lâm thời với 5 đảng viên được thành lập. Trái với nguyên tắc chính thống, trụ sở đặt ngay tại Xiêm và người ta thừa hiểu những lý do thuận tiện nào khiến họ áp dụng biện pháp tạm thời này.

☆

Cứ theo như sở Mật thám đông dương, đó là tình trạng hiện tại của Đ.D.C S.Đ. đã được tổ chức lại. Tuy còn phôi thai nhưng đảng cũng có tất cả yếu tố cần thiết để bành trướng nhanh chóng dưới sự thúc đẩy của các lãnh tụ tài ba. Những thành phần này đã xuất hiện và ta phải đoan chắc họ làm hết sức mình để liên lạc lại với những cơ cấu đã được tái lập. Bị trục xuất khỏi Hồng Kông, Nguyễn Ái Quốc tự do hoạt động trở lại ngay từ đầu năm. Lê Hồng Phong, người có tài năng sau Nguyễn Ái Quốc, điều khiển tuyên truyền của đệ III Quốc tế ở Đông dương, hiện ở Viễn Đông. Sau cùng một số người Annam được huấn luyện ở trường Staline Mạc tư Khoa trở về Đông Dương để làm việc theo đúng nguyên tắc Cộng sản. Gần đây ta cũng biết có một số lén lút trở về Đông Dương bằng lộ trình đi qua Pháp mà họ thường xử dụng.

Như thế cũng đủ nói lên những khả năng tuyên truyền và hoạt động mới của đảng C.S.Đ.D. còn hơn cả trước cuộc đàn áp 1931.

Hanoi 1-10-1933
L. MARTY
NGUYỄN HUY dịch
(Còn tiếp)

www.hoangsa.org

TÀI DÙNG BINH CỦA NGUYỄN HUỆ

* NGUYỄN NHÃ

(tiếp theo S,Đ số 13)

Nguyễn Huệ rất giỏi về lối dụng binh thần tốc. Binh Pháp xưa cũng dạy kẻ làm tướng phải lấy yếu tố nhanh làm quí. Tôn Tử nói: «... *Việc binh nên rằng thà vụng mà chóng, chứ khặng nên khéo mà lâu. Việc binh kéo dài mà nước lợi, chưa từng có vậy* ».

Trước hết, Nguyễn Huệ có lối chuyển quân rất nhanh chóng. Trong bức thư của giáo sĩ Labartette đề ngày 23-7-1788, không rõ gửi cho ai, có kể Nguyễn Huệ chuyển quân từ xứ Nam về Phú Xuân chỉ mất 10 ngày trong khi bình thường phải mất tới 20 ngày (1). Trong một bức thư của Giáo sĩ Le Breton, đề ngày 2-8-1788, gửi từ xứ Nghệ đã viết:

« *Như thế Nguyễn Huệ đã trở về Phú Xuân vào đầu tháng 7. Ông đã bắt quân phải về gấp rút đến nỗi có nhiều binh sĩ chết vì mệt mỏi và nắng nực. Ngay cả voi ngựa cũng chết* » (2).

Lúc ra Thăng Long bắt giết Vũ văn Nhậm, từ Phú Xuân, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã tự đốc thúc bộ, kỵ binh

---

(1) Archives M. E, Cochinchine vol. 801 p. 180 — Cf. Sử Địa số 9 và 10 tr. 234.

(2) Arch. M. E. Coch. vol 801, p. 185 — 187 : [« Il s'en est donc retourné au Phú Xuân au commencement du Juillet. Il a tellement forcé sa marche que beaucoup de ses soldats sont morts de fatigue et de chaleurs. Il est même péri des chevaux et des éléphants ».] Bức thư này nói về sự trở về Phú Xuân gấp của Nguyễn Huệ sau khi Nguyễn Huệ ra bắc trừ Vũ văn Nhậm và nghe tin quân Nguyễn Ánh đe dọa tấn công Phú Xuân.

www.hoangsa.org

ngày đêm gấp đường trấy đi. Chừng hơn 10 ngày đến Thăng Long (1).

Trang Nhật ký của Giáo Hội Truyền Giáo Bắc Hà (2) gửi và cho Hội Truyền Giáo Trung Ương có thuật lại sức tiến quân vũ bão của Quang Trung như sau :

« *Ông [Nguyễn Huệ] tiến như vũ bão ra Bắc và chỉ mất có 1 ngày, không quản đường xa khó nhọc đã giết chết nhiều ngựa voi của ông, trong khi người khác phải mất 3 hay 4 ngày.* »

Với khoảng đường dài hơn sáu trăm cây số, thời gian di chuyển quân chỉ mất 10 ngày; đường xá lại bị núi sông cách trở, việc di chuyển cả một đoàn quân lớn như vậy thật là phi thường. Sức ngựa voi mà còn không chịu nổi phải chết dọc đường huống hồ sức người. Về kỹ thuật di hành cho bộ binh, Nguyễn Huệ đã áp dụng nguyên tắc « tập thể di chuyển liên tục ngày đêm, cá nhân luân phiên nghỉ dưỡng sức.»

Nguyễn Huệ đã từng cho quân cứ 3 người một tốp, luân phiên võng lẫn cho nhau, suốt dọc đường, anh nào cũng phải võng người và được người võng. Như thế hết lượt anh này phải đi, lại đến lượt anh khác được nghỉ. Nghỉ đi, đi nghỉ, cứ võng lẫn mãi cho ra đến mục đích. Vì thế, vừa trấy được nhanh, vừa khỏi kiệt quân lực. Quân lính đi trước, vài trăm voi trận đi sau (3).

Việc chuyển quân nhanh khiến địch quân không ngờ và trở tay không kịp khi bị tấn công.

Theo như nhận xét của một cung nữ vua Lê, sự xuất hiện của Nguyễn Huệ như thần xuất qui nhập (4). Chính bởi chiến thuật của Nguyễn Huệ luôn khai thác yếu tố bất ngờ. Từ

---

(1) H.L.N.T.C., sđd, tr. 206.

(2) Sử Địa số 9 và 10, tr. 222.

(3) Hoa Bằng, Quang Trung Anh Hùng Dân Tộc, Bốn Phương, Sài-gòn 1951, p. 181. Cf. Lê Triều dã sử, quyển dưới.

(4) H.L.N.T.C., sđd, tr. 252.

www.hoangsa.org

việc khai thác sự sơ ý của Tổng Phúc Hiệp ở Phú Yên, sự không đề phòng và mệt mỏi của quân Phạm Ngô Cầu ở Phú Xuân đến sự lợi dụng ngày tết Nguyên đán, quân Thanh đang mãi mê ăn tết, Nguyễn Huệ đều xuất kỳ bất ý đánh địch không kịp trở tay. Ngay đến việc ra Bắc bắt Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Huệ cũng lợi dụng sự xuất kỳ bất ý, đến Thăng Long còn đêm vào lúc canh tư, đến nơi Nhậm còn đang ngủ, bắt giết Nhậm (1). Trước đó, Nguyễn Huệ đã bỏ Chỉnh ở lại Bắc Hà, sau khi đã diệt họ Trịnh, cũng thật đột ngột, bất ngờ, xuống thuyền về Nam lúc nào Chỉnh cũng không hay.

Trong cuộc tiến quân ra Bắc đại phá quân Thanh, Nguyễn Huệ đã áp dụng chiến thuật bôn tập Xuất phát từ nơi xa cách mục tiêu khoảng hai trăm cây số, Nguyễn Huệ đã cho quân tiến rất nhanh. Trong những trang nhật ký của Giáo Hội Truyền Giáo Bắc Hà (2) có thuật rõ: Quân Tây Sơn tới xứ Nam vào ngày 24-1 tức ngày 29 Tết (3). Tới ngày 28-1-1789 tức ngày mùng 3 Tết, quân của Nguyễn Huệ đã tới Hà Hồi, chỉ cách Thăng Long một ngày rưỡi đường. Ngay sau đó quân của Nguyễn Huệ tấn công liền mấy tiền đồn của Trung Hoa. Quân T.H. bị đánh bất ngờ và không kịp điều động binh lính đi cứu viện vì họ không đề phòng trước.

Tài liệu còn nói rõ: Vào ngày 29-1-1789 tức ngày mùng 4 Tết, quân T.H. đã phản công lại, chống cự kịch liệt, gây thiệt hại nhiều cho binh sĩ Tây Sơn và khá nhiều voi trận. Nguyễn Huệ đã phải lo ngại. Nhưng Nguyễn Huệ đã đốc thúc, chính nhà vua dẫn đầu, miệng hô xung phong, lúc cỡi voi đến cỡi ngựa, dùng hai thanh gươm, chạy ngang dọc, chém giết nhiều quân Trung Hoa. Sáng ngày 30-1., quân T.H. bị dồn đánh cả 4 mặt, phải chạy về Thăng Long. Lập tức Nguyễn Huệ cho đuổi

(1) Đ.N.C.B.L.T., sđd, tờ 28b.

(2) Sử Địa 9 và 10, tt. 223 - 225 [Archives Nationales de Paris, F5. A 22].

(3) Ngày xuất binh từ Thanh Hóa như thế không phải là đêm trừ tịch như sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí chép.

www.hoangsa.org

theo chúng bén gót, phá được một cửa thành Thang Long và làm chủ tình hình vào cùng ngày, sau khi rong ruổi đánh đuổi quân địch, chạy dài hàng chục cây số. Thật là một cuộc rượt đuổi đầy hào hứng với sức tiến công như nước vỡ bờ Tới ngày 30-1, rạng ngày 31-1, Điền Châu Thái Thú phải tự vẫn cùng khoảng 1.000 người binh lính bị thảm sát..

Vào tới Thăng Long, Quang Trung liền gấp rút tổ chức ngay cuộc bố phòng để phòng cuộc phản công của T.H, bằng cách cho xây trong 3 ngày 3 đêm liền một thành lũy bằng đất quanh điện vua Lê, dày 20 «piê» (tấc xưa hay bộ) cao 12 «piê» [mỗi piê dài: 0,m324]. Chính Giáo sĩ La Mothe phải thốt lên rằng: « *Thật là hiếm những người đáng sợ và quỉ quyệt như ông ta.* »

Xem như vậy, sở trường của Nguyễn Huệ là hành động thật mau lẹ và bất ngờ, khó ai sánh kịp. Chính yếu tố này giúp Nguyễn Huệ có lối hành binh vũ bão.

■ NGUYỄN HUỆ VỚI «CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG»

▼ *DÂN ĐÓI KHỔ LÀ NGUYÊN NHÂN THÚC ĐẨY CAO TRÀO CÁCH MẠNG TÂY SƠN.*

Nguyên nhân nổi dậy có nhiều, nhưng người ta phải chú ý đến tình trạng đói khổ đến cùng cực của dân hai miền Bắc Hà, Nam Hà.

Trước ngày Nguyễn Huệ chiếm Phú Xuân, nạn đói đã hoành hành thường xuyên tại các tỉnh Bắc Hà và các tỉnh Nam Hà Thượng.

Tại vùng Định Cát, Quảng Trị, giáo sĩ Labartette đã viết: « *Nạn đói càng ngày càng gia tăng ở đây. Những nhu yếu phẩm cho đời sống đều quá giá..... Từ một năm nay tất cả mọi người chết vì đói khổ và chúng tôi không còn có sự cứu giúp nào ngoài triều đình hay từ Bắc hà, lại nữa làm chúng tôi phải trả một giá rất đắt. Ngoài đường và trong nhà đâu đâu cũng đầy dẫy những xác*

www.hoangsa.org

chết và không còn ai nghĩ đến việc chôn cất. » (1)

Giáo sĩ Labartette (2) cũng cho biết :

« *Ở đây có ít nhất một nửa dân vương quốc đã chết bởi chiến tranh chưa chấm dứt cũng bằng do nạn đói đang hoành hành đến cực độ. Người ta đã bán thịt người lâu rồi ở ngoài chợ. Tôi nhớ rằng ở năm đầu tiên, tôi đã hân hạnh lưu ý với ông như một sự kiện lạ lùng về cái đong gạo mà người ta gọi là « Cái lương » (3) được bán đến 10 quan trong khi trước kia người ta bán 4 hay 5 tiền, Tuy nhiên, ở năm nay, người ta mua tới 70 quan. Điều đó có vẻ như hơi khó tin. Tuy vậy, đó là hoàn toàn sự thực.* »

Trong khoảng từ năm 1774 đến năm 1786 tức năm Nguyễn Huệ tiến đánh Phú Xuân và Bắc Hà, diệt họ Trịnh, không năm nào, các giáo sĩ không nói đến nạn đói kinh khủng đang hoành hành tại cái tỉnh miền châu thổ sông Hồng.

Thư của Đức Giám mục Reydellet gởi cho các vị Giám

---

(1) Arch. M. C. Coch. 800. Thư Labartette gửi Steiner đề ngày 21-7-1775, p. 1473. [La famine augmente ici de jour en jour. Les choses nécessaires à la vie son hors de prix..... Depuis 1 an, tout le monde y meurt de faim et de misère et nous n'avons d'autre secours que ceux qui nous viennent de la cour ou du Tonkin, encore nous les fait-on payer bien cher. Tous les chemins et toutes les maisons sont remplis de cadavres et nul qui pense à les enterrer.]

(2) Arch. M E.O, Coch. vol. 800, thư Labartette gửi cho Steiner ngày 1-8-1777, pp. 1543-46. Nguyên văn : Ici pour le moins la 1/2 du royaume a péri tant par la guerre qui n'est point encore terminée que par famine qui a eté extrême. On a pendant longtemps vendu de la chair humaine dans les marchés. Je me rappelle que dans ma 1ere année j'eus l'honneur de vous marque comme une chose étonnante que la petite mesure de riz qu'on appelle Cái lương se vendait à 10 quan, tandis qu'on l'achetait autrefois pour 4 ou 5 tiền. Néamoins cette année-cy on adiète cette même mesure pour 70 quan. Cela paraitra un peu difficile à croire. Cependant c'est la pure vérité.

(3) Đơn vị đong thóc gạo.

www.hoangsa.org

đốc Chủng viện (Directeurs du Séminaire) đề năm 1774 viết (1) :

« *Sự khốn khổ trở nên trầm trọng ở khắp xứ, đầu tiên vụ hạn năm vừa qua làm mất cả cấy lúa, không có cá, không có gặt hái. Tiếp đến là những trận mưa dữ dội, nước lan tràn khắp đồng bằng, những nhà tranh vách đất và bằng tre nứa đe dọa làm sạt nghiệp người ta và những gia súc thì leo lên trên nơi cao, trên những loại róng bắc sàn. Chẳng bao lâu người cùng gia súc đều thiếu ăn, người ta không biết xê dịch gì hơn bằng tàu thuyền. Nạn lụt đầu tiên này đã kéo dài 1 tháng vừa mới bắt đầu sút giảm thì lại vụ lụt thứ hai xảy đến, đáng kể hơn, kinh khủng hơn, vụ lụt này kéo dài 3 tháng...*»

Theo giáo sĩ Le Breton trong vụ đói tháng 8, 9, 10 năm 1778, có làng chết đến quá nửa (2).

Tới cuối tháng 8 năm 1779, đê vỡ đã gây lụt lội nhiều vùng trong 3 tỉnh trung châu Bắc Việt (3).

---

(1) Arch. M. E. Tonkin vol. 700. p. 1774. Thư không thấy đề ngày. [Nguyên văn : La misère est devenu grande dans tout le païs, d'abord la sécheresse fit manquer l'année dernière la plantation des riz, point le poisson, point de récolte. Ensuite sont venues des pluies extraordinaires, les eaux se sont répandues dans tout le plat pais, les maisons contruits en paille, en terre et en bamboux menaçaient ruiner des hommes et des animaux domestiques se sont perchés dans le haut des maisons sur des espèces d'échaffeaux (?). Bientôt les uns et les autres ont manqué de vivre, on ne voiageait plus qu'en bateau. Cette 1ère inondation qui a duré un mois commençait à peine à diminuer lorsqu'il en est survenu une seconde, tout plus considérable et plus terrible que la 1ère, elle a duré trois mois...]

(2) Arch. M. E., Tonkin vol. 700. Thư Breton gửi cho Steiner ngày 19-6-1779, p. 950 : [C'est à dire dans le mois d'Aoust, Septembre et Octobre, un nombre presqu'infini de misérables ont péri par la famine. Il y a des villages où il est mort plus de la moitié dans habitants].

(3) Arch. M. E.. Tonkin vol. 700. Thư Serard gửi cho Davoust ngày 13-5-1780. p. 1016.

www.hoangsa.org

Trong một nhật ký (1) đề ngày 5-1785 đến 6-1786 cho biết: vào cuối năm 1785, có lụt lạ thường, lại hạn hán kéo dài, sâu bọ đã tàn phá nhiều nơi ngay cả gốc cây lúa mới cấy. Các nhu yếu phẩm tới cần thiết mỗi ngày một tăng giá. Cướp của đốt nhà hoành hành trên bộ cũng như ngoài biển, chính quyền không dám động tới chính những lý do trên đã gây ra nạn đói dữ tợn kéo dài gần 3 tháng.

Dân chúng một khi chịu đói khổ triền miên như vậy, làm gì chẳng dễ nổi loạn.

Với tình trạng dễ gây bất mãn ấy, ta không lấy làm ngạc nhiên khi thấy quân đội Tây Sơn có nhiều dân Bắc Hà theo sau khi Nguyễn Huệ mới diệt được họ Trịnh. Trong một cơ đội của Vũ văn Nhậm ra đánh Nguyễn Hữu Chỉnh cứ có một người lính gốc Nam Hà, trung bình lại có khoảng 30 hay 100 lính Bắc Hà (2). Mặc dù theo các giáo sĩ nói rằng việc đi lính này có tính cách bắt buộc. Nhưng nếu xét đến tinh thần chiến đấu quân Tây Sơn lúc nào cũng dũng mãnh, ta phải công nhận có sự đồng tình, hưởng ứng của những người lính gốc Bắc Hà này với Tây Sơn hay với Nguyễn Huệ.

Hồi phong trào Tây Sơn mới phát khởi, bản chất cách mạng thấy hiện rõ ở các hoạt động của quân đội Tây Sơn, mà dĩ nhiên Nguyễn Huệ là một trong những người đã đóng góp và thừa hưởng truyền thống cách mạng ấy. Quân Tây Sơn chia thành

---

(1) Arch. M. E Tonkin 691. Journal du Tonkin — Mai 1785 à Juin 1786 — p. 660-2: [Sur la fin de l'année 1785, inondation extraordinaire, très longue sécheresse, ébullition prodigieuse de vers qui ont dévoré en beaucoup d'endroits jusqu'à la racine des riz nouvellement plantés. Alors le prix de cette denrées absolument nécéssaire à la vie, n'a fait qu'augmenter de jour en jour. Des armes de brigandes incendiaires se sont répandus de tous côtés et sur terre, pillant, brulant, assassinant impunément les pauvres habitants dans leurs propres maisons et cela sans que le gouvernement osait leur résister. Enfin ces différentes causes ont produit une cruelle famine qui a duré près de trois mois].

(2) Sử Địa 9 và 10 tr. 197.

www.hoangsa.org

toán, mỗi toán chừng 300 đến 600 người. Mỗi toán lại có cờ đào (étandard de soie rouge), biểu hiệu cho cách mạng. Họ ngang nhiên xuống chợ ban ngày. Họ không gây thiệt hại đến ai, đến tính mạng, tài sản của ai. Trái lại họ muốn có bình đẳng cho nhân dân Nam Hà. Rồi họ vào các nhà giầu, nếu người ta biết tặng cho họ món gì, họ không gây sự thiệt hại. Nhưng nếu gặp sự chống đối, họ sẽ chiếm những vật quí giá để đem phân phát cho dân nghèo. Họ tuyên bố họ chiến đấu là vâng theo mệnh Trời... (1)

Một đoàn quân có những hành động táo bạo và theo một lý tưởng như vậy rõ ràng là một quân đội vì đại nghĩa, chống cường quyền, chống bất công. Chính là một quân đội cách mạng mà Nguyễn Huệ cùng anh em Tây Sơn người biết khai thác và lãnh đạo lực lượng cách mạng ấy.

▼ *NGUYỄN HUỆ VỚI CUỘC CÁCH MẠNG VỀ THỦY QUÂN.*

Cuộc tương tranh giữa Trịnh Nguyễn kéo dài 45 năm (1627-72) với 7 lần đánh nhau bất phân thắng bại, đành phải giữ thế phân chia 2 miền Nam Bắc kéo dài gần 2 thế kỷ. Hai bên đã không có bên nào thắng vì đã áp dụng chiến thuật chiến lược cổ điển.

Cuộc cách mạng chiến lược chiến thuật của quân Tây Sơn cũng như của Nguyễn Huệ đã làm đảo lộn thế phân chia ấy. Cách mạng quân sự quan trọng nhất chính là sự xử dụng « Thủy quân chiến lược. »

Không phải quân Nguyễn hay Trịnh đã không có thủy quân. Theo Alexandre de Rhodes, lực lượng thủy quân chúa Nguyễn có khoảng 200 chiến thuyền (galère), lực lượng thủy quân

(1) B.S.E.I. txv no 1-2, 1940. p. 74.

www.hoangsa.org

chúa Trịnh gấp 3 lần (1).

Nhưng thủy quân của họ không giữ vai trò tối quan trọng như thủy quân Tây Sơn.

Trong các cuộc đánh chiếm Gia Định, Phú Xuân cũng như Bắc Hà để diệt hai họ Nguyễn, Trịnh, Nguyễn Huệ luôn tiến đại quân bằng đường Thủy. Chính vì thế người ta không lấy làm lạ tại sao Nguyễn Huệ cũng mở «chiến dịch gió mùa». Trong 4 lần đánh Gia Định, thì ba lần đầu Nguyễn Huệ tiến đánh vào mùa xuân, và lần cuối cùng vào mùa đông nghĩa là cũng vào mùa gió đông bắc, thuận gió cho thủy quân. Và khi đánh Phú Xuân và Bắc Hà, Nguyễn Huệ tiến quân váo mùa hạ thuận gió Tây Nam. Duy chiến dịch đánh quân Thanh, đại quân Nguyễn Huệ tiến bằng đường bộ, một phần chính vì lực lượng tương đối khá đông, không thể di chuyển bằng thủy quân, một phần vì ngược gió đông bắc vì đây là mùa đông.

Nguyễn Huệ cũng như Tây Sơn chắc đã thấy rõ vai trò quyết định của Thủy quân đối vơi một chiến trường có bờ biển khá dài như bờ biển V.N. Vào thời bấy giờ, đường thủy là phương tiện di chuyển và chuyên chở được nhiều nhất và mau lẹ nhất, rất thích hợp với lối đánh nhanh, đánh mạnh và bất ngờ. Dùng đường thủy lại có thể đánh tập kích sâu vào hậu tuyến địch một cách dễ dàng.

Nếu xưa kia, quân Trịnh cũng dùng đường thủy là cốt yếu tiến đánh thắc vào thành Phú Xuân và hậu tuyến của đối phương thì quân Nguyễn thật khó lòng chống đỡ, và chiếm lũy trường Dục Tất sẽ thành vô dụng mặc dù lực lượng phòng thủ tại Phú Xuân cũng khá hùng hậu, luôn túc trực từ 12 đến 15

---

(1) Henry Albi, Trad en française. Histoire du royaume du Tunquin et des grandes progrès que la prédication de l'Évangile y a fait à la conversion des infidèles, Lyon, J. B. Devenet, 1661, Ch. VI [nguyên tác của Alexandre de Rhodes bằng latin).

www.hoangsa.org

ngàn quân và gần 300 chiến thuyền và hơn 400 voi trận (1)

Nguyễn Huệ đã gây dựng được thủy quân rất hùng mạnh. Gần 10 năm sau khi Nguyễn Huệ mất, và dù thủy quân này đã bị tiêu hao đi nhiều (2) nhưng Chaigneau kẻ đã tham dự trận đại thắng (3), tiêu diệt hoàn toàn thủy quân Tây Sơn đã nhận định như sau:

«*Trước khi thấy được thủy quân địch, tôi đã coi thường lực lượng này nhưng nay tôi đoan chắc với ông rằng đó là lầm lạc, quân Tây Sơn đã có những chiến hạm trang bị 50 và 60 đại bác.*

Barizy cũng thuật cho Letondal về lực lượng của hạm đội Tây Sơn do Vũ Văn Dũng chỉ huy Người ta thấy lực lượng này gồm có 673 chiến hạm đủ cỡ lớn nhỏ. Trong số đó, có những chiến hạm hạng nặng trang bị súng đại bác và có đoàn thủy thủ nhiều hơn cả những chiến hạm lớn nhất kiểu

---

(1) Arch. M.E. Coch. vol. 743 — Mémoire touchant la Cochinchine — p. 298 — 99: « Le Roi entretenait toujours aux environs de son palais 12 à 15 mille hommes pour sa sureté et son service et près de 300 galères fort propres. Elles servaient en temps de guerre pour le transport des soldats et en temps de paix le Roi s'en servait pour voyage. Outre cela, le Roi nourissait plus de 400 éléphants».

(2) Hoặc do gặp bão đánh chìm mất nhiều như vào năm Qui Sửu (1793), Thực lục đã chép (tr. 165), hoặc do Nguyễn Ánh tiêu diệt như năm 1793, trong trận đánh gần Qui Nhơn (Thực lục tr. 175) nhất vào năm 1797 tại Qui Nhơn, theo giám mục Bá Đa Lộc viết trong thư gửi cho Boiret ngày 30-5-1798 [Coch. 746, p 703] cho biết Tây Sơn thiệt tới hơn 100 vừa chiến hạm lớn (vaisseaux) vừa chiến thuyền cỡ trung bình (galère) và ghe sai.

(3) Arch. M.E. v. 801. Thư của J.B. Chaigneau gửi cho Barizy ngày 2-3-1801, p. 857 [Auparavant d'avoir vu la marine ennemie je la méprisai mais je t'assure que c'était à tort, ils avaient des vaisseaux qui avaient 50 et 60 gros canons.]

www.hoangsa.org

Tây phương mà quân Nguyễn có (1).

Lực lượng hạm đội Tây Sơn có tới 9 chiến hạm lớn (vaisseaux) trang bị 60 khẩu đại bác nặng 24 cân anh (livres) (2) với thủy thủ đoàn 700 người, 5 chiến hạm lớn (vaisseaux) trang bị 50 đại bác nặng 24 cân anh nhưng số thủy thủ đoàn chỉ có 600 người và cũng loại chiến hạm lớn này còn có 40 chiếc trang bị 16 đại bác nặng 12 cân anh và chỉ có 200 thủy thủ.

Về loại chiến thuyền trung bình (galères) hạm đội của Vũ Văn Dũng có tới 93 chiếc, mỗi chiếc chỉ trang bị 1 khẩu đại bác 36 cân anh và 150 thủy thủ. Còn những chiến thuyền không có mang đại bác, hạm đội này cũng còn có 300 xuồng (chaloupes canonnières) và số 50 thủy thủ, 100 chiếc « lugger cochichines» với 70 thủy thủ.

Ngoài ra Tây Sơn có rất nhiều những thuyền vận tải. Nguyên trận đánh Qui Nhơn kết thúc 16 tháng giêng âm lịch, năm Canh hưng 61, Tây Sơn đã mất tới 1.800 thuyền buồm (3).

Về kỹ thuật đóng tàu người ta không rõ Nguyễn Huệ có dùng kỹ thuật đóng tàu Tây Phương hay không. Người ta chỉ biết rằng Nguyễn Huệ từng bắt các thủy thủ trên tàu Tây Phương xung vào đội ngũ để đi đánh trận giáo sĩ Labartette

---

(1) B E.F.E.O. 1912, XII, nº 7. Thư của Barizy gửi Marquini và Letondal ngày 16-7-1801, p. 48 nói về lực lượng hạm đời Tây Sơn. Thư của Le Labouse gửi «Directeurs de Séminaires de Paris» ngày 24-4-1800. p. 48 nói về lực lượng thủy quân của Nguyễn Ánh chỉ có một số chiến hạm được đóng theo kiểu Tây phương trang bị không tới 50 khẩu đại bác. Loại chiến hạm vào bậc lớn nhất được đóng ở Âu Châu như chiếc Long Phi do Chaigneau chỉ huy cũng chỉ trang bị 32 khẩu đại bác, chiếc Bằng Phi do Forcans 26 khẩu, Phượng Phi do Vannier 26 khẩu, thủy thủ đoàn chỉ chừng gần 300 người mà thôi.

(2) Cân anh (livres) : 1 live là 489gr 5

(3) Arch. M.E. C 801. Thư Barizi gửi Letondal ngày 11-4-1801 p. 872. [«Ils ont perdu au moins 50.000 hommes, toute leur marine qui était formidable, tontes leurs transports au nombre de 1.800 voiles, 6000 pièces de canon de toute grandeur»...].

www.hoangsa.org

có thuật với Descouvières trong bức thư ngày 1-8-1786 : «*Tây Sơn đã bắt giữ chiếc tàu từ Macao tới lấy tất cả những gì ở dưới tàu. Họ đã phá chiếc tàu để bắc cầu. Họ bắt viên thuyền trưởng theo người ta nói rất hiền lành cùng 3 sĩ quan trên chiếc tàu. Họ đã giết tức thì những người này và các thủy thủ được đem phân tán trên các chiến thuyền của Bạo Chúa để đi đánh nhau*» (1).

Trong bức thư đề năm 1787 [không rõ ngày], giáo sĩ Longer viết cho Blandin rõ hơn :

«Tôi quên nói với ông rằng quân (TS) đã dìm chết một người thuyền trưởng Bồ Đào Nha và anh (em) ông này sau khi đã trói «gô» những người này đâu lưng vào với nhau. Họ cũng đã giết hai người khác trong thủy thủ đoàn, cùng đốt tàu đang đậu ở bến và buộc những thủy thủ còn lại xung vào lính của họ» (2).

Trong khi ấy, Nguyễn Ánh ở Gia Định đã dùng tàu Tây Phương trang bị cho thủy quân của ông và đồng thời chính Nguyễn Ánh đã cho đóng tàu theo kiểu Tây Phương. Nguyễn Ánh đã mua chiếc tàu Tây Phương cũ rồi đem tháo ra từng mảnh để thí nghiệm ráp lại giống như kiểu cũ và đẹp hơn trước. Sau thành công đó Nguyễn Ánh đã cho đóng thêm chiếc khác. Những chiếc hạm nay trang bị từ 26 đến 36 đại bác và khoảng

---

(1) Arch. M.E. C 746, p. 181-183.

[Ils (TS) ont pris le vaisseau [petit vaisseau de Ma Cao] avec tout ce qu'il y avait dedans Ils ont démoli tout le vaisseau pour en faire de ponts. Hs ont pris le Capitaine qui était dit-on, un honnête homme avec 3 offciers du vaisseau, Ils les ont tués tout de suite et tous les matelots ont eté distribues sur différents galères du Tyran pour aller faire la guerre].

(1) Arch. M.E. Cochinchine. 746. Thơ Longer gửi Blandin ngày 3-5-1787, p. 189-199 [J'oubliais de vous dire que les rebelles (T.S) ont noyé 1 Capitaine portugais et son frère après les avoir garrottés dos à dos. Ils ont aussi tué 2 autres de l'equipage, brûlé le vaisseau qui était à la rade et forcé le reste de l'équipage d'entrer dans leur milice.]

www.hoangsa.org

hơn 300 thủy thủ cho mỗi chiếc (1).

Nguyễn Ánh đã chú tâm rất nhiều đến việc phát triển thủy quân. Vì hơn ai hết, ông là người đã hiểu rõ vai trò chiến lược của thủy quân qua kinh nghiệm thất bại liên miên đối với quân Tây Sơn. Lực lượng thủy quân của Nguyễn Ánh sau trở thành rất hùng hậu (2), đã giúp ông mở những chiến dịch gió mùa mà trước đây quân Tây Sơn đã từng làm và cuối cùng ông đã tiêu diệt được nhà Tây Sơn.

Người ta cũng biết thêm Nguyễn Huệ không những có những chính sách cải cách táo bạo mà ông thật là người có tinh thần «khai phóng». Chính Nguyễn Huệ đã từng gửi sứ giả sang Ma Cao để thương lượng người Tây Phương đến buôn bán (3) và Nguyễn Huệ đã dành nhiều dễ dãi cho các giáo sĩ Tây Phương. Do đấy người ta có thể tin rằng Nguyễn Huệ không thể nào không để ý đến kỹ thuật đóng tàu của Tây Phương, vốn đã nhiều tiến bộ vào thời bấy giờ. Dù sao với lực lượng thủy quân hùng hậu đáng sợ như trên. kỹ thuật đóng cũng như sự thiết lập thủy quân Tây Sơn quả là cuộc cách mạng quân sự lớn lao

---

(1) Arch. M.E. Coch. vol 746, Thư Le Labousse gửi cho các Đồng sự ở Đồng Nai viết :

« Il a réusi à faire avec les Cochinchinois seuls, les vaiseaux à l'Européenne. Il a commencé par défaire pièce par pièce un vieux qu'ii avait acheté. Il a refait sur le même plan et avec tant d'adresse qu'il est plus beau qu'auparavant. Ce 1er succès l'encouragé à en entreprendre un neuf. Depuis, il en a construit 2 autres. Ils ont une belle grandeur et portent les uns 26 canons, les autres 36, Ils ont chacun plus de 300 hommes d'équipage.

(2) Arch. M.E Cochinchine vol 746. Thư Le Labousse gửi (không rõ tên) p. 392-393 : [sa marine [của Nguyễn Ánh] est la plus formidable qu'ait aucune puissance de l'Inde : plus des 4 vaisseaux Européens, plus de 40 vaisseaux à la mode du pays dont 5 portent chacun 46 canons de 18 [livres], les autres 20, 26 . . . . . 100 grands galères et au moins 200 plus petites mais excellentes pour se battre en rivières.

(3) Arch. M.E. Tonkin vol. 692. Thư Girard gửi cho Boiret ngày 25-11-1792. t. 369.

www.hoangsa.org

vào thời đó.

Trong lực lượng thủy quân của Nguyễn Huệ liệu có những loại chiến thuyền nào ?

Trong Thực Lục, người ta thấy có nhắc tới các loại thuyền chiến lớn (đại hiệu), thuyền đi biển, thuyền sai (1).

Còn các giáo sĩ đã phân chia các loại: vaisseaux, galères — Chaloupes canonnières, lugger Cochinchines.

Trước Tây Sơn, người ta không có tài liệu nói về những chiến thuyền khổng lồ.

Phải chăng vào thời Nguyễn Huệ mới có loại chiến thuyền khổng lồ (vaisseau) trang bị tới 60 khẩu đại bác, chở tới 700 thủy thủ ?

Những chiến thuyền (galères) của chúa Nguyễn vào cuối thế kỷ 17 theo Vachet có chiều dài, chiều cao như chiến thuyền Tây Phương thời bây giờ nhưng không được rộng bằng. Nhưng cách kiến trúc có khác. Mỗi chiến thuyền có chừng 60 mái chèo, mỗi ban 30 mái. Mỗi chiến thuyền trang bị hơn 3 khẩu đại bác ở mũi chiến thuyền và hai khẩu nhỏ hơn ở 2 bên cạnh. (2)

---

(1) Đ,N.T.L C.B., sđd, p. 158-159. Thuyền sai : thuyền dễ sai phái, thuyền nhẹ.

(2) Arch. M. E Coch. vol. 729. Mémoires ponr servir à l'histoire eclésiastique de la Mission de Cochinchine (1672-1686). Du Royaume de Cochinchine. [Elle a assez de proportion aux nôtres pour la grandeur et pour le hauteur mais elle n'est pas si large. Sa structure est néanmoins différente. C'est un vaisseau qui par dedans est vernisé d'un rouge éclatant et par dehors d'un noir qui brille aux yeux. Il y a trente rames de chaque coté qui sont peintes et dorées et qui sont attachées à un boucle de fer en sorte que le soldat peut les quitter dans un instant sans crainte pour se servir des armes qu'il a auprès lui mousquet, 1 lame, 1 coutelás, 1 arc et 1 carquoi garny de flèches... Il y a de plus 3 canons à la proue et deux autres petits aux deux côtés].

www.hoangsa.org

Theo Tập du ký của P. Poivre cho biết ông đã thấy những chiến thuyền của Chúa Nguyễn trong những xưởng đóng tàu dọc theo sông Hương, Chúa Nguyễn có khoảng 400 chiến thuyền đủ cỡ, và chiến thuyền lớn nhất có chiều dài từ 90 đến 100 bộ (pieds) và 7 hay 8 bộ về chiều cao.

Ông còn kể thêm những chiến thuyền chỉ cao trên mực nước khoảng 2 bộ rưỡi, số người chèo thuyền có thể từ 40 đến 60 người — Và về phía trước chiến thuyền có buồng nhỏ (cabinet) có chiều cao hay bề rộng chừng 7-8 bộ, có 4 cửa (thuộc loại cửa lùa). Loại tàu này chạy rất tốt và chịu đựng với gió, và có trọng tải từ 100 đến 150 tấn (1).

Những loại chiến thuyền có trước thời Tây Sơn không bao lâu, đã được các giáo sĩ tả lại rất rõ. Thời Tây Sơn, sự trang bị súng ống cũng như sức chuyên chở lớn lao của các chiến thuyền Tây Sơn đã làm ngạc nhiên các giáo sĩ. Điều này chứng minh kỹ thuật đóng chiến thuyền thời Tây Sơn có sự cải tiến lớn lao, nếu không nói là phi thường.

Như thế, vai trò quan trọng về chiến lược của thủy quân cùng sự trang bị ghê gớm của thủy quân thời Nguyễn Huệ đã tạo ra một cuộc cách mạng về thủy quân nước ta vậy.

▼ *NGUYỄN HUỆ VỚI CHIẾN TRANH TÂM LÝ.*

Nguyễn Huệ cũng như quân Tây Sơn rất chú trọng đến mặt trận « chiến tranh tâm lý », luôn quan tâm đến việc tuyên truyền để nâng cao thanh thế.

Tây Sơn đã tung ra hàng ngàn câu truyện bịa đặt những điềm mộng, điềm trời để chứng minh sứ mạng của họ (2).

---

(1) Arch. Nationales de Paris, C_1^2 — P. Poivre, Journal d'un voyage à la Cochinchine depuis le 29-8-1749 au 11-2-1759, fol. 72, 73.

(2) Arch. M.E. Coch. 746. Thư của Grillet không rõ tên người nhận, p. 405-406.

www.hoangsa.org

Đến khi Nguyễn Huệ ra đánh họ Trịnh, quân của Nguyễn Huệ đã viết lên cờ 4 chữ : «*DIỆT TRỊNH PHỦ LÊ*».

Đồng thời để lấy lòng dân, Nguyễn Huệ đã thẳng tay trừng trị những bọn cướp hay quân lính làm bậy bằng những biện pháp dễ xúc động tâm lý quần chúng chú ý tới (1).

Nguyễn Huệ cũng áp dụng những đòn tâm lý khi lâm trận như để binh sĩ la hét làm mất tinh thần địch. Trong trận Bích Kê, quân Tây Sơn đã la hét ầm vang đến nỗi hơn 40 voi trận quân Nguyễn nghe cũng phải sợ bỏ chạy, đạp lên quân lính Nguyễn, khiến quân Tây Sơn đại thắng.

Đến khi đánh quân Thanh ở Hà Nội, nửa đêm mùng 3 tháng giêng, quân Nguyễn Huệ bí mật vây kín Hà Nội, dùng ống loa truyền lịnh, quân sĩ dạ lên nghe như gần mấy muôn binh. Trong đồn run sợ, không đánh mà tự vỡ tan (2). Chính Nguyễn Huệ khi ra trận luôn luôn hô xung phong (3). Đó chính là những kỹ thuật khai thác về Tâm lý để giữ vững và làm tăng tinh thần quân sĩ và làm nhụt tinh thần địch quân.

Trước khi hành động, Nguyễn Huệ luôn sửa soạn tinh thần bằng những hình thức tác động tinh thần quần dân. Như hồi ở Nghệ An kén lính mới, trước khi kéo quân ra Bắc phá quân Thanh, Nguyễn Huệ đã tự ra trước dinh, truyền lệnh quân sĩ hết thảy ngồi xuống rồi đứng nói để khích động lòng ái quốc của quân sĩ :

---

(1) Arch. M.E. Tonkin vol. 708. Thư Le Roy gửi Giám mục Véren ngày 6-10-1786. [Les ennemis avaient écrit sur leurs étendards « DIỆT TRỊNH PHỦ LÊ ».

Ils (T.S.) allaient au marché, défendaient le peuple des voleurs, tranchant la tête sur le champ et sans forme de procès à ce qu'on leur livrait comme voleurs. Pour gagner encore le cœur du peuple, ils tranchaient quelquefois la tête à leurs propres soldats pour de petites injustices que quelqu'un d'eux commettaient dans les marchés.]

(2) ĐNCBCT, sđd, tờ 34a.

(3) Sử Địa số 9 và 10 tr. 224 (Archives Nationales de Paris F.5. ; A22)

www.hoangsa.org

« Người Tầu không phải nòi giống nước ta, bụng họ ắt là khác hẳn. Từ đời nhà Hán đến nay họ đã mấy phen chiếm cướp đất cát, giết hại nhân dân, vơ vét của cải của ta. Người nước ta không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi Trong đời Hán có Trưng nữ Vương, trong đời Tống có Đinh tiên Hoàng, Lê đại Hành. Trong đời Nguyên có Trần hưng Đạo, trong đời Minh có đức Thái Tổ Hoàng đế nhà Lê, các ngài không nỡ ngồi mà nhìn chúng làm tàn bạo phải theo lòng người mà dấy quân nghĩa, chỉ đánh một trận, liền thắng được chúng về Tầu (1).

Trước khi Nguyễn Huệ định cử đại binh vào đánh Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ đã gửi tờ hịch (2) cho quân dân hai trấn Quảng Ngãi và Qui Nhơn, là dân đã đóng góp việc tạo dựng nhà Tay Sơn đang bị giao động mạnh vì những cuộc tấn công mới của Nguyễn Ánh. Những lời lẽ khích động quần chúng vừa khơi dậy lòng tự ái dân hai trấn vừa tỏ chí cương quyết của nhà vua thật có tác dụng tác động tinh thần mạnh mẽ.

Nội dung bài chiếu (3) lên ngôi của Nguyễn Huệ cũng thật có giá trị sâu sắc về phương diện chiến tranh tâm lý. Để làm yên lòng dân về vấn đề chính thống, bài chiếu đã trình bày trước hết về cái lẽ thay ngôi đổi họ từ Đinh, Lê, Lý, Trần mà vận kỳ suy phế. hưng thịnh, dài ngắn thật đã do trời ban cho. Bài chiếu cũng lược qua về tình trạng nhà Lê mất quyền bính, họ Trịnh và Nguyễn tương tranh, nhân dân rơi vào vòng đồ thán rồi đến công việc gây dựng lại cơ đồ nhà Lê mà vua Lê Chiêu Thống không biết giữ nước.

---

(1) Hoàng Lê sdd. tr. 254-55.

(2) Manifeste de Quang Trung đã đăng tải ở Nouvelles lettres Edifiantes des Missions de la Chine et des Indes Orientales, Paris, A. Leclerc, 1818 pp. 225-228 và trong « Relation sur le Tonkin et la Cochinchine » (1807), Paris Champion, 1920 — và dịch đăng ở Sử Địa số 13, tr. 175.

(3) Quang Trung Hoàng Đế tức vị chiếu, Nam Phong tạp chí số 111, phụ trương phần Hán văn 1926, dịch đăng ở Sử Địa số 13, trang 127.

www.hoangsa.org

Để lấy lòng dân, bài chiếu đã công bố những biện pháp rất khoan dung như tha thuế má hoàn toàn, xá tội nhân, tôn trọng tục lệ địa phương, khoan hồng dễ dãi cho quan quân nhà Lê.

☆

Những chiến tích vẻ vang cũng như tài tổ chức quân sự, lối hành binh độc đáo và sự cách mạng về chiến thuật chiến lược đã chứng tỏ thiên tài quân sự hay tài dùng binh của Nguyễn Huệ, khiến Nguyễn Huệ trở thành một con người đáng sợ cho mọi đối thủ của Ông, dù nội thù hay ngoại thù và đã được sự khâm phục của mọi người. Sự nghiệp của Nguyễn Huệ có thể còn tiến xa hơn nữa, phi thường hơn nữa, nhưng người anh hùng này đã « đoản mệnh ». Cái chết của Nguyễn Huệ đã ảnh hưởng trực tiếp rất lớn đối với tình hình Việt Nam lúc bấy giờ. Giáo sĩ Lelabousse nhận định rằng : « *Tin Nguyễn Huệ chết này đối với Nguyễn Ánh có giá trị hơn chiến thắng mà Nguyễn Ánh vừa mới gặt hái được bởi người em thứ này là một đối thủ mạnh, mưu lược và rất đáng sợ. Ông đã chết vào đầu tháng 9-1792, trong khi ông đang sửa soạn một binh đội* ». (1)

Thực ra, tình hình đã có lợi cho Nguyễn Ánh ngay hồi Nguyễn Huệ còn sống vì có sự hiềm khích giữa Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc. Cứ theo các giáo sĩ thì chính Nguyễn Huệ đã gây ra sự hiềm khích này. Trong bức thư của Doussain gửi cho Blandin đề ngày 6-6-1787 viết « *Nguyễn Huệ tự xưng Đức Chúa với tất cả dân chúng. Nhạc biết tin này đã khiến ông ta bất bình, đã đe dọa em ông, Nguyễn Huệ đã cất một đạo quân 60 ngàn người và đến đánh Nhạc ở Qui Phủ. Hai anh em đã đánh nhau hai lần mà người ta nói Đức Chúa mất đi một nửa lực*

(1) Arch. M.E. Coch. 746. Thư Lelabousse đề năm 1793 không rõ ngày tháng và người nhận. — tr. 451 : Cette nouvelle [la mort du fameux Long Nhương, le cadet des rebelles] valait mieux pour lui [Nguyễn Ánh] que le victoire qu'il venait de remporter parce que ce frère cadet était l ennemi fort, rusé et bien à craindre. Il est mort au commencement de Septembre 1792, pendant qu'il prépare une armée...

www.hoangsa.org

lượng». (1)

Nguyễn Huệ như thế không phải là không có sở đoản vậy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.— Archives des Missions Etrangères de Paris,

Tonkin vol. 690.
Tonkin vol. 691.
Tonkin vol. 692.
Tonkin vol. 693.
Tonkin vol 700.
Cochinchine vol. 729.
Cochinchine vol. 746.
Cochinchine vol. 800.
Cocoinchine vol. 801.

2.— Archives Nationales de Paris — fds. Ar. Marine : C_1^1 (E. O); C^1_2 (E.O).

[Các tài liệu Văn khố trên là những bản chép tay của Đặng Phương Nghi].

3.— Lịch triều Hiến Chương Loại Chí. Tập I, Nhà xuất bản Sử Học, Hà nội, 1962.

4.— Đại Nam chính Biên Liệt truyện, sơ Tập, quyển 30. Ngụy Tây Liệt Truyện — Bản dịch chép tay của Tạ Quang Phát.

(1) Arch. M.E. Coch. 746, p. 203 « Il se fait se reconnaitre pour Đức Chúa pour tout le peuple. Nhạc sachant cette nouvelle qui ne lui a pas plu, a fait la menace à son frère qui, a levé 1 armée de 60 mille hommes et est allé battre Nhạc à Qui Phủ. Ils se sont déjà battus 2 fois, où on dit que Đức Chúa a déjà perdu la moitié des siens ».

www.hoangsa.org

5.— Đại Nam Thực lục Chính biên đệ nhất kỷ. Tập II, Nhà Xuất Bản Sử Học, Hà Nội, 1963.

6. – Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Tập XX, Nhà xuất bản Sử Học, Hà nội.

7.— Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố, Cơ sở xuất bản và Báo chí Tự Do, Sài gòn, 1958.

8.— Bulletin de l'École Français d'Extrême Orient, 1962, t. XII, no 7.

9.— Bulletin de la Societé des Etudes Indochinoises, t. XV, 1940.

10.— Tập San Sử Địa số 9-10, 1968. Đặc khảo về Quang Trung.

* NGUYEN NHA

MARUKA MACHINERY CO. LTD.

Đại diện

Vỏ và ruột xe máy, Đồ phụ tùng xe máy, Đồ phụ tùng xe hơi Bạc đạn đủ loại

Các loại máy móc Kỹ nghệ, ổ Bi và bạc đạn, vật dụng và đồ sắt

Tủ lạnh « Hi-tachi » Máy điều hòa không khí « Hi ta chi » đồ điện «Hi-tachi» máy móc kỹ nghệ

HÀNG NGUYÊN XỨ

NHẬT — MỸ — ĐẠI HÀN — ĐÀI LOAN

Saigon Office :
13, Trần Hưng Đạo
P O. Box No. 121. Sài gòn
Cable address : « Maruka »
Tel : No 23A8988

Head Office:
No 41 Bungo-Wachi
Higashi — Ku
Saka — Japan
P. O. Box No Higashi : 350
Osaka
Cable Add : «Maruka Osaka»
Tel : No 940271 — 9

www.hoangsa.org

Giới thiệu Sách Báo

▼ MIỀN BẮC KHAI NGUYÊN

của CỬU LONG GIANG và TOAN ÁNH

Quyển sách có 1 tên nhỏ có ý nghĩa bao gồm, đặt trên đầu sách: « Việt Nam Chí lược » và tính chất đề tài còn được nhận rõ hơn trong lời tựa: « đây là một tập chí lược nói về Miền Bắc Việt Nam ». Nơi lời giới thiệu cuốn sách, hai soạn giả còn hứa cho chúng ta xem các công trình tiếp theo « Miền Thượng Cao nguyên », « Miền Trung kiên dũng », « Miền Nam phú cường ». Ta cũng không quên quyển « Người Việt, Đất Việt » như là chương khai đề cho toàn bộ chí lược đồ sộ này.

Gọi là đồ sộ cũng không ngoa, vì mới ở quyển « Miền Bắc khai nguyên », chúng ta phải đọc gần 480 trang giấy giới thiệu cho chúng ta lưu vực sông Hồng với tất cả những chi tiết mà 2 soạn giả có thể thu thập được. Trong phần thứ nhất, các soạn giả cho chúng ta một cái nhìn bao quát trên vùng đất (*Sơ lược về địa lý, Khoáng sản, Mấy đoạn lịch sự*), và nhấn mạnh ở những đặc điểm nổi bật (*Vấn đề đê điều, mưa miền Bắc, Làng quê miền Bắc*). Ở phần hai, các soạn giả dẫn chúng ta đi thăm từng tỉnh một từ miền Thượng du rừng suối, xuống các tỉnh Trung du của đồi và thự nguyên, đến Trung châu đồng ruộng và sông rạch. Theo dắt dẫn của các soạn giả, chúng ta như những du khách được thỏa mãn đầy đủ với những con số thống kê lướt qua, với các câu chuyện về phong tục, lịch sử, các bài đọc thêm kể rõ cảnh trí, nhân vật đặc sắc của từng vùng. Những bức ảnh kèm theo của các nhiếp ảnh gia danh tiếng tuy đề giá trị nghệ thuật lấn lướt giá trị chứng liệu, nhưng cũng làm nhẹ được khối chữ dày đặc của quyển sách một phần nào. Về

www.hoangsa.org

phần người đọc sách cũng thấy một chút xúc cảm khi được *nhìn lại* những bản đồ các tỉnh: quyển Quốc văn giáo khoa thư của Trần Trọng Kim và Đỗ Thận lừng lững hiện về với cả tuổi thơ ngày trước...

Cái tên «chí lược» của các soạn giả nêu ra để làm giới thuyết cho tập sách cũng giới hạn luôn nhận xét của người đọc. Ở đây tuy có rất nhiều tài liệu địa lý, nhưng không phải là một tập địa lý với những đòi hỏi xếp đặt, luận lý gắt gao của một khoa học. Bởi vậy, đừng thắc mắc tại sao các soạn giả lại đặt chương «Mưa miền Bắc» tách ra ngoài chương «Sơ lược về địa lý» (chắc phải gọi là *địa thế*), và sau cả chương «Vấn đề dê điều» như đòi hỏi nhân quả bắt buộc. Cũng đừng trách các con số thống kê quá cũ. Các sách địa lý giáo khoa hiện tại vẫn còn dùng các con số trước 1945, vẫn còn gọi miền Bắc giới hạn phía nam ở tỉnh Ninh Bình thì trách gì các soạn giả không chuyên môn? Bởi vì, gọi là một địa thế khí hậu (relief climatique) thì dãy núi thấp đá vôi cuối đường ném của cái nappe de charriage đến ngăn Ninh bình và Thanh hóa đâu có ảnh hưởng rõ rệt bằng dãy Hoành Sơn? Và theo một quan niệm *nhân bản* về địa lý học, lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả đã được tạo tác, nhân văn hóa gần như là đồng thời thì sao không được xét chung một khối?

Ta đã đi quá xa. Hãy trở về với chữ «chí lược». Các soạn giả may mắn hơn các quan đại thần ở *Quốc sử quán* nên đi theo đường lối soạn sách cổ truyền mà ghi thêm được nhiều tài liệu mới, nhiều chi tiết dồi dào cho tác phẩm. Cũng như chúng tôi đã bày tỏ ở một lần khác (Đọc sách: Nước non Bình Định của Quách Tấn, Sử Địa số 12, 1968), công cuộc sáng tác thể loại «chí lược» hiện nay hầu như là do ý hướng tình cảm địa phương thúc đẩy. Các soạn giả «Miền Bắc khai nguyên» đã thú nhận một cách cảm động: «Đây cũng là một dịp để chúng tôi cùng một số bạn đọc quê tại miền Bắc cùng hồi tưởng lại nơi quê cha đất tổ (trang 141).

www.hoangsa.org

Chắc về phương diện này, các soạn giả thành công nhiều.

☆

▼ NẾP CŨ : *TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM*

(quyển thượng — quyển hạ)

của TOAN ÁNH ● NAM CHI TUNG THƯ xuất bản.

Hai tập sách dày nằm trong hoài bão của Soạn giả : vẽ được nếp sống của người Việt nam nhìn đủ khía cạnh. Đã có nhiều người nhận xét với cảm tình đứng đắn về các sách khảo cứu phong tục đã xuất bản ; bây giờ Toan Ánh vẫn còn làm tăng cảm tình đó qua 2 tập sách đang nói đây.

Soạn giả dành tập Thượng cho những tín ngưỡng và tôn giáo có cơ sở lâu dài ở Việt Nam : việc thờ phụng tổ tiên, đạo thờ Thần, Tam giáo, Phật giáo Hòa hảo, Cao đài.

Về tục thờ cúng tổ tiên, Toan Ánh dẫn chúng ta đi vào những chi tiết tỉ mỉ của các nghi lễ. Đối với chúng ta mà thời gian đã làm phai lạt sự hiểu biết và lòng nhiệt thành, chỉ thấy cái vỏ rỗng của những hình thức phiền toái, đôi khi làm bực mình, những dẫn giải của Toan Ánh đem chúng ta vào cả một thế giới phức tạp nhưng đầy sự thông cảm thành thực giữa người sống và kẻ chết cùng một dòng máu. Mọi nghi lễ, mọi thể chế (văn sớ, ngày giỗ, lập tự, mộ phần, bàn thờ gia tiên...) đều nhắm vào một mục đích là giữ gìn không đứt đoạn sợi dây cộng thông truyền thống kéo dài qua thời gian.

Tin tưởng linh hồn người chết còn có thể liên lạc với người sống dẫn đến ý niệm có một thế giới cho người chết — một thứ loại sống khác hơn, có uy quyền nhiều hơn con người sống va chạm hàng ngày — : tục thờ thần nảy nở với ông thần Đất, thần Cây, thần Tài, hần Tiên Sư, Thành hoàng... với cấp bực, giá trị khác nhau. Mối tin tưởng này thể hiện trong một khung cảnh địa lý đặc biệt nơi các đền, miếu và nhất là các đình đã làm nguồn cảm hứng của nhiều đề tài khảo luận liên quan tới làng xã Việt nam và trong tập sách này cũng để dành 2

www.hoangsa.org

chương quan trọng để trình bày (*những nơi thờ tự, Sự Thần*).

Soạn giả đã phân biệt đạo thờ Thần và Lão giáo: một đằng là một tin tưởng « bản xứ », một đằng là một tin tưởng nhập cảng. Cho nên vai trò của Thần đạo thật là to lớn trong công trình dựng nước, giữ nước: « Tôn thờ Thần linh, dân ta nhớ ơn các người, và những tấm gương tốt đẹp của các người đã hằng được dân ta nhắc nhở tới, nhất là những tấm gương sáng của các vị anh hùng đã hết lòng vì giang sơn, dân tộc » (trang 192).

Với các chương tiếp tục, soạn giả xét về 3 hệ thống tôn giáo truyền bá tự Trung hoa sang.

Lão giáo với những biến thể của nó, chuyển từ lãnh vực triết lý sang lãnh vực tổ hợp, hành động sát với tin tưởng của dân chúng — tôi không nói đến chữ *suy đồi* —, Lão giáo trong hình thức đó thật là gần gủi với Thần đạo. Cho nên ta thấy xuất hiện ở Việt Nam các hình thức đồng bóng, phù thủy, phụ tiên... như một khả năng nối kết thế giới vô hình với thế giới hữu hình. Đây là lý do gây ra những cuộc quấy đảo dữ dội của các tín đồ đạo này: loạn khăn vàng ở Trung hoa, Trần Cao, Tây Sơn ở Việt nam. Soạn giả có lặng yên ta cũng không quên ảnh hưởng to tát của nó trong sự thành lập đạo Cao đài.

Nho giáo, cũng như ở Trung hoa, vẫn là một thứ *tôn giáo nhà nước* vì khả năng tổ chức xã hội chứa đựng trong lý thuyết của nó. Người ta đã từng bài bác tính chất « tôn giáo » của đạo Khổng, nhưng nếu ta đừng tự trói buộc trong ý nghĩa tôn giáo hữu thần thì Khổng giáo vẫn được « chính-danh » như thường! Khoảng 8, 9 thế kỷ sống làm sườn cho chế độ quân chủ ở Việt nam, các quan niệm về vũ trụ, nhân sinh của đạo Khổng đã ăn sâu vào nếp sống của giai cấp cầm quyền của những người lăm le hay truyền bá ý thức lăm le cầm quyền: vua quan, sĩ phu có chức phận, học trò, thầy đồ. Soạn giả dừng hơi lâu ở phần lý thuyết rồi dẫn chúng ta đi xem các đền thờ (phân biệt ra Văn miếu thờ giáo chủ ở Trung ương, Khổng miếu

www.hoangsa.org

ở địa phương, văn từ, văn chỉ, một thứ *panthéon* ở các làng xã). Chúng ta cũng được nghe thuật một lễ tế Giao muộn màng.

Phật giáo có căn bản tư tưởng của một *tôn giáo hoàn cầu* nên đến V.N từ các thế kỷ đầu kỷ nguyên tây lịch và đã trải qua những giai đoạn điều khiển quốc gia, đâm rễ ở các làng xã, hòa hợp với các tin tưởng có sẵn ở đây để tìm sự hiện diện vững bền qua thời gian. Thực ra khi bỏ mất hình thức thống nhất ở bình diện quốc gia (một tổ chức duy nhất, một hệ thống tăng ni, cư sĩ chia nhau quyền hành), Phật giáo còn giữ được một tối thiểu tổ chức không tùy thuộc vào hệ thống có sẵn, để thay đổi của các chính quyền : các chùa ở làng quê vẫn có một hình thức tổ hợp vượt ranh giới làng xã với các chùa nhánh chịu sự chỉ đạo, quản đốc tài sản của vị Hòa thượng nơi ngôi chùa Tổ. Một hình thức thống nhất trong thế phân tán như màng lưới bám lấy cơ sở vững bền của xã hội Việt nam. Chỉ đến khi những ảnh hưởng ngoại lai mới cùng với chiến tranh tàn nhẫn xua đuổi dân chúng ra khỏi các làng xã thì đồng thời với sự phá vỡ cơ cấu cộng đồng này, Phật giáo mới thấy bị đe dọa thật sự mà phản ứng lại bằng con đường thống nhất, hiện đại hóa để sống còn.

Trong chiều hướng phát triển qua một thời gian lâu dài trên dưới 10 thế kỷ những tin tưởng Phật giáo đã tạo thành một nếp sống đặc biệt cho dân Việt Người đọc theo dõi những tập tục thờ cúng nơi các chùa, am, với các hình thức, lễ tiết (địa ngục, lễ vu lan. siêu thăng cúng quy lăng, kỳ yên, giải oan, hội chư bà) cụ thể hóa những lý thuyết uyên áo của tầng lớp thượng lưu trí thức.

Tính chất phức tạp của xã hội V N — trái hẳn với tin tưởng thông thường, biếng nhác về sự đơn giản nghèo nàn của vùng đất này động tính dồi dào đó khiến cho Phật giáo được lấy làm cơ sở cho hai hình thức phát triển mới ở Miền nam nước Việt. Phật giáo Hòa hảo và Cao đài giáo.

Người đọc được soạn giả giới thiệu các tín đồ Phật giáo

www.hoangsa.org

Hòa hảo nói về giáo chủ của mình, về sự thành lập tôn giáo, các nghi thức thờ phụng... Lời thuật thật thà về đời tư giáo chủ, về những kỳ đăng sơn tầm đạo... giúp ích cho người sau rất nhiều trong ý muốn tìm hiểu *một cách khách quan ý nghĩa xã hội* của giáo phái mới này ở Miền Tây. Đạo Cao đài vẫn có căn bản Phật giáo từ dấu vết lý thuyết đến tin tưởng của tín đồ : Ba ngôi của Đạo có *Phật ở ngôi thứ nhất*, đức Cao đài tuy thay thế đức Di lặc, nhưng cũng là xuống thế để *độ người*, các tín đồ giàu có bỏ nhà đến Thánh thất cầm phất trần phủi từng mảnh bụi trên nền xi măng hay hì hục xây cồng giữa nắng mưa để chịu ăn cơm hầm với nước tương, đều dùng danh từ nhà Phật, tự nhận là mình đi làm *công quả*... Các chất liệu khác của Cao đài bao gồm mạnh mẽ tính chất Lão giáo, một số quan niệm, nghi lễ Thiên chúa giáo (con mắt, hành lễ hát thánh ca, quan niệm một đấng tối cao).. khiến cho đạo có tính chất hoàn cầu của các tôn giáo mới : Ba hai. Thông thiên học.

Toan Ánh cố gắng đem Phật giáo Hòa hảo và Cao đài vào tập sách, chứng tỏ ông muốn vượt giới hạn địa phương đã ràng buộc ông trong những khảo luận phong tục miền Bắc ở các quyển sách trước và còn rơi rớt ở các tập Sách về sau. Sự xuất hiện của Phật giáo H.H. và Cao đài cũng nhắc chừng các tác giả khảo cứu phong tục đừng quên tính chất *lịch sử* của một cơ chế xã hội (tôn giáo ở đây được xét như một cơ chế xã hội). Bởi vậy, trở lại điểm xét về đạo thờ cúng tổ tiên, ta phải thấy có các nghi tiết Tam giáo (nghĩa là những yếu tố văn hóa *đến sau*) đã bồi bổ cho quan niệm phụng tự này như thế nào. Đổi lại, các nghi thức, quan niệm của Tam giáo đến Việt Nam cũng phải một ít biến đổi để trường tồn với địa phương.

Phật giáo H.H, Cao đài tuy là những xuất hiện mới, nhưng *thân thiết* với xã hội V. N : có nhận thấy thế F. Challaye mới gọi Cao đài là một thứ Boudhisme renové (1). Biện biệt như vậy ta mới thấy sự lúng túng của Toan Ánh — một Toan

(1) Petite histoire des Grandes Religions, PUF.

www.hoangsa.org

Ánh *hoài cổ* — trong khi sử dụng chữ *Nếp cũ* cho một đề tài về *tín ngưỡng V.N.* bị bắt buộc phải *bao gồm những tín ngưỡng mới* của một số khá đông dân chúng.

Gọi Thiên chúa giáo (quyển hạ) là một tín ngưỡng mới không phải vì kỳ thị mà là vì thái độ chọn lựa của tôn giáo này. Thiên chúa giáo đến Việt Nam với tư thế mạnh nên mang tính cách quy Âu - Châu (Européocentrisme) và trải qua những thế kỷ dài đã không chịu điều hợp với Đông phương, quên mất rằng tôn giáo mình trong lịch sử, nếu không được sự sửa chữa của Thánh Paul, Thomas, Augustin... thu nhận tin tưởng và tư tưởng Á rập, La Hy thì chắc không được phát triển rực rỡ ở Âu Châu và như ngày nay. Vì sự chọn lựa đó mà Thiên chúa giáo riêng biệt hơn, Công giáo, phát triển ở V.N. trên 3, 4 thế kỷ, đã trở thành một *hiện tượng cũ*, nhưng vẫn còn *xa lạ*. Tìm hiểu Công giáo, Tin lành, Ba h'ai như một tôn giáo quốc tế thì thật nhiều tài liệu, nhưng như một tín ngưỡng Việt Nam thì thật còn là điều khó khăn và có vẻ như dư thừa.

Tính chất xa lạ của Thiên chúa giáo rõ rệt ngay nơi sự trình bày của Toan Ánh, người hiểu biết rất nhiều về nếp cũ. Mượn các người có thẩm quyền tôn giáo trình bày về tôn giáo của họ được cái lợi là sự trình bày tin tưởng được chính xác nhưng có sai lạc bởi sự khác biệt quan điểm : tu sĩ, tín đồ nói và hiểu tôn giáo của mình trong vòng giáo lý, cục bộ, nhà khảo cứu và người đọc lại muốn hiểu tôn giáo như một cơ chế xã hội có những tương quan đọng trong thời gian, không gian với các cơ chế khác : tương quan Phật giáo, Thiên chúa giáo được trình bày khác nhau cùng trong quyển sách, là một ví dụ nhỏ (trang 283, quyển thượng và trang 18, quyển hạ).

Không biết vì sự tiện lợi nào mà Toan Ánh đã đặt chương Hồi giáo, các ông đạo ở quyển hạ. Đáng lý phải nói về Hồi giáo sau khi nói về tín ngưỡng của đồng bào Thượng (trang 66, 67, quyển thượng) — tất nhiên với một chút sửa đổi. Còn các ông Đạo phải nói trước Phật giáo Hòa hảo và Cao đài : các ông

www.hoangsa.org

đạo đó là những Đức Thầy, những bực Tiên sư lẻ loi, và khốn khổ vì muộn màng.

Phần thứ hai của quyển hạ dành cho những tin tưởng mà «người viết không dam gán cho tôn giáo nào vì gán như vậy sẽ làm giảm uy tín của tôn giáo đó và cũng có nhiều điều gán cho tôn giáo nào cũng được mà chính ra không phải chính xác của tôn giáo nào cả (tr. 126). Đó là những tục đi thề, kiêng cữ, bói toán, xem tướng, đoán mộng .. Bảng liệt kê của Toan Ánh thực đầy đủ, nhưng chỉ là liệt kê bởi thiếu giá trị suy đoán. Thực ra những điều kiêng cử bói toán của dân chúng có một giá trị thực tiễn do kinh nghiệm đưa lại. Mê tín, dị đoan mang ý nghĩa phi lý, không hợp luận lý. Đằng này một số rất nhiều tin tưởng liệt kê chứa một sự thực căn cứ trên *luận lý thông thường*: trời giông không núp dưới cây vì sợ sét đánh (tuy rằng Thần Sét chỉ đánh ma trên cây!), làm nhà không dựng cột lộn ngược vì đầu cây gỗ non tiếp xúc với đất ẩm mau mục, nhà tất mau sập, con cháu không gọi tên cha mẹ, không quay lưng phía bàn thờ chỉ là vấn đề giáo dục, làm nhà không đâu ngõ nhau là vấn đề xã giao, đoán điềm giải mộng là một cố gắng của người bình dân muốn làm trước công việc của S. Freud chẳng hạn, xem tướng là một hình thức sắp xếp con người tương tự khoa caractériologie ngày nay... Cho nên coi chừng mà ý thức mê tín lại có nơi người chê mê tín hơn người bị gọi là mê tín! Phần này của quyển sách đáng phải rút ngắn hơn nhiều. Soạn giả muốn dồi dào tài liệu nên không lọc bớt lại vơ vào nhiều quá. Những mộng mị của bạn ông Malesherbes, của các nhân vật «Đông chu liệt quốc», «Tam quốc chí»... chép làm gì ở đây? Sao không chỉ chú ý đến sấm Trạng Trình, kể thêm mộng của Đồ Thích, Long Đỉnh, chuyện Nguyễn Hoàng được bô lão cho nước (một biến thể V.N của chuyện bọn thợ cày nước Vệ cho đất Công tử Trùng Nhĩ với ít mùi vị cay đắng và nhiều ý hướng lạc quan hơn)?

Phần thứ ba cũng là phần cuối của tập hạ dành cho các

www.hoangsa.org

lễ tiết cũ ở V.N: Nguyên đán, các lễ đầu xuân, Hàn thực, Thanh minh, Đoan ngọ, Trung nguyên... với những tục lệ kèm theo. Từ đầu quyển thượng đến đây, soạn giả chỉ cho chúng ta biết tin tưởng của người Việt theo sự sắp hàng tôn giáo: tục lệ nào của đạo nào... Phần các lễ tiết này có thể coi là tóm thâu những hình thức tin tưởng vào trong con người V.N — như một tổng hợp văn hóa —, những người trong khi tham dự đã chịu chấp nhận hòa hợp trong đường lối chung của xã hội mình sinh thành, và trong khi uốn nắn mình có thể đã uốn nắn cả tin tưởng khác lạ mình mang nữa.

Khả năng lôi cuốn đo hình như hiện nay còn rất ít ở các thành phố., trong khi thành trì truyền thống ở thôn quê cũng đang bị phá vỡ tận gốc — Cứ đà này thì các quyển Nếp cũ của Toan Ánh chỉ có giá trị của một tiếng thở dài nuối tiếc Chỉ có khi nào có một ý thức quyết tâm giữ gìn truyền thống chuyển thành hành động cụ thể để điểm xét giá trị tập tục thì các tập tục đó mới sẽ như là một bằng cớ vững chắc cho lòng tin ở trong tương lai dân tộc. Chừng đó, trong chiều hướng đó, công trình của ông Toan Ánh mới có ý nghĩa tích cực mà mọi người cũng như ông Toan Ánh mong mỏi.

TẬP SAN SỬ ĐỊA đã nhận được:

* TÂY SƠN VỚI GIA LONG của Lý văn Hùng.

Tác giả cuốn Việt Nam Tạp Ký (1968), gần đây đã xuất bản cuốn *Tây Sơn với Gia Long* bằng Hán văn. Sách gồm 30 hồi chép lịch sử từ cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đến khi Gia Long thống nhất. Phần phụ lục có 10 hồi nói về «Sự khai thác Nam Việt». Sách dày 56 trang.

* SỬ HỌC, lớp đệ nhị của Phạm Cao Dương và Nguyễn Khắc Ngữ, do Nam Sơn xuất bản.

Nội dung thật phong phú. Gồm cả Việt sử và Thế giới sử, thiên về Văn minh sử. Sách dày 418 trang. Giá 200$.

www.hoangsa.org

* CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM SỬ ĐỊA lớp đệ nhất, đệ nhị và đệ tứ của Hà Mai Phương, do Sống Mới xuất bản.

Các sách trên có từ 500 câu đến 1.000 câu hỏi trắc nghiệm Sử Địa, có phần toát yếu các bài học để giúp trí nhớ, phần trả lời có hướng dẫn và giải thích rõ ràng. Sách soạn theo đúng thông tư về cách thi trắc nghiệm Sử Địa của Bộ Giáo Dục.

* SINO-VIETNAMESE SOURCES FOR THE NGUYỄN PERIOD AN INTRODUCTION của R. B. Smith, trích từ *Bulletin of School of Oriental and African Studies*,

Đại Học London xuất bản. Tập tài liệu dày 21 trang.

* MÚA THIẾT LĨNH — NÉM BÚT CHÌ của Toan Ánh do *Cơ sở xuất bản Tiến Bộ* xuất bản. Sách dày 154 trang. Giá 120$.

* NGHỆ THUẬT ĂN TRỘM VÀ BẮT TRỘM CỦA NGƯỜI XƯA. Cùng tác giả và nhà xuất bản trên. Sách dày 211 trang, giá 160$.

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CÙNG BẠN ĐỌC.

ĐÃ XUẤT BẢN :

SỬ HỌC LỚP ĐỆ NHỊ

của Phạm Cao Dương
Nguyễn Khắc Ngữ

* **Nội dung phong phú**
* **Nhiều hình ảnh**
* **Sách dày 418 trang**

GIÁ: 200 đồng

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ SÁCH TOÀN QUỐC

www.hoangsa.org

Ý KIẾN BẠN ĐỌC

▼ Luật Sư BÙI VĂN ANH, Cố vấn Tòa Đại sứ Việt Nam tại Đài Bắc:

Sau khi đọc qua quyển Sử-Địa số 12 nói về kỷ-niệm 100 năm Nguyễn-Trung-Trực, tôi xin viết thơ này đến ông để đóng góp vài tài-liệu lịch-sử về Cụ Nguyễn.

Trong quyển Sử-Địa kể trên tại trang số 33 và 93 có đề cập đến những sự-kiện liên quan trực-tiếp đến gia-đình tôi tuy có phần không được rõ và đích-xác. Vậy tôi có bổn phận cung-cấp những gì tôi được biết.

— Trang 33, Sử-Địa nói ở Rạch-Giá dân thờ ông Nguyễn ở ba làng, *làng thứ 2 là đình làng Tân-Điền*. Tôi xin nói ngay là đình « ấp » Tân-Điền (thay vì làng) là ngôi đình trước kia của ông Nội tôi, kế đến của Ba tôi và gần đây nhất hồi 1958 tôi đã xây cất lại bằng gạch và lợp fibro - ciment. Tôi hơn mười năm về trước, lúc còn làm luật-sư ở Cần-Thơ có đóng góp 40.000 bạc mua vật-liệu, còn dân trong ấp ra sức xây cất đình lại. Sở dĩ đình Tân-Điền thờ Cụ Nguyễn (chúng tôi gọi là Thờ Ông Quan-Lớn) là vì hồi Pháp thuộc, chánh-quyền Pháp rõ đình làng Vĩnh-Thanh-Vân (hình trang 31 Sử-Địa) thờ Cụ Nguyễn, chúng nổi giận nên ra lệnh phải dời đi nơi khác cách gấp rút. Thuở ấy ông Cố Ngoại tôi là ông Le Nestour, người Pháp (Sử-Địa trang 93) có nhà ở khít vách đình Vĩnh-Thanh-Vân hay sự việc như thế mới dạy rể của ông là ông Bùi-Văn-Chỉnh (ông Nội tôi) nay đã chết, đem về Tân-Điền, ruộng của ông Nội tôi, để thờ. Vì lệnh của Pháp quá khẩn cấp, Sắc-thần và Long-vị đem về Tân-Điền mà chưa có xây cất đình kịp *nên tạm thời để thờ trong một cái mui ghe*. Ông Le Nestour, là Ông Cố tôi, hành-động như vậy là vì mặc dù người Pháp, Ông rất chống chánh-sách cai-trị của Pháp và lúc nào cũng bênh vực người dân Việt dưới

www.hoangsa.org

thời Pháp thuộc. Ông có vợ Việt, đặc biệt con gái toàn gả cho Việt hay Tàu. Chỉ khi Ông chết rồi mấy người con nhỏ về sau của Ông mới lấy người Pháp. Ông Le Nestour lúc sanh thời, có viết nhiều quyển sách đả kích chánh-sách thuộc-địa của Pháp, nhất là về thuế-má, A-phiện, rượu v.v... Tôi rất tiếc rằng hồi biến-cố 1945 những kẻ lưu-manh thừa lúc loạn-lạc đốt nhà của chúng tôi và tủ sách bị thiêu rụi. Tuy nhiên, nếu Ông hoặc ai có cơ-hội đi Rạch-Giá để sưu-tầm về Cụ Nguyễn, có thể hỏi các cụ lão sống ở chợ Rạch-Giá thì rõ về Ông Le Nestour, người Pháp đã bảo-vệ sự tôn thờ một Anh-Hùng Dân-Tộc Việt Nam.

Nơi trang 93 Sử-Địa có nhiều chỗ sai, người mà sách gọi là Tây lai, con Ông Le Nestour, thật sự là cháu Ngoại của Ông Le Nestour, con của Ông Bùi-Văn-Chỉnh và Bà Pomone Le Nestour, con gái thứ 3 của Ông Le Nestour.

Ông Nội tôi là Bùi-Văn-Chỉnh chết sớm, ba tôi là Bùi-Văn-A Le Nestour, lai Pháp qua 2 đời như Ông rõ, có phận-sự thờ Ông Quan-Lớn Nguyễn và Ba tôi đã thờ tại nhà mình ngay bàn thờ chánh ở giữa nhà. Một năm Sắc-thần chỉ đem về Đình Ấp Tân-Điền (đình của Ba tôi) có 3 ngày 27 đến 29 tháng Giêng Âm-lịch khi cúng cầu an. Đình cách nhà tôi độ 200 thước. Tôi lúc đó, năm đó là 1944 mới có 14 tuổi, nhưng còn nhớ rõ các kỳ cúng đình hàng năm rất long trọng và vui vẻ và do Ba tôi tổ-chức 3 ngày 3 đêm. Mặc dù là Công-giáo, Ba tôi rất tin-tưởng Ông Quan-Lớn Nguyễn, lúc cúng làm lễ mặc áo dài, khăn đống theo điệu ông Cả làng và đốt nhang xá trước bàn thờ.

Ở trang 88 Sử-Địa có nói đình Tà Niên cúng «đúng cồ-lệ» so với những đình khác ở vùng Rạch-Giá là không đúng. Và điều này, ông có thể hỏi các ông lão, người cố-cựu ở Rạch-Giá, thì chắc chắn rằng họ sẽ nói Ông Thân tôi cúng đình nghiêm-trang và long-trọng đúng cồ-lệ nhất. Tôi rất tiếc rằng ông Giang-Minh-Xinh đã chết, nếu không, có thể minh-xác điều này, vì mỗi năm cúng đình, Ông Xinh đều có dự (trang 93).

— Riêng về phần tôi thuở nhỏ, lúc tản-cư hay khi bãi-

www.hoangsa.org

trường ở nhà, chiều tối và sáng sớm ngày 2 lần trèo thang lên bàn thờ đốt nhang dâng Ông Quan-Lớn Nguyễn. Hồi 1945 lúc loạn-lạc nhà tôi bị đốt cháy, tá-điền đã lên bưng Sắc-thần và Long vị đem về nhà ông Ba Rắn là một hương chức trong đình Tân-Điền. Hiện giờ ông Ba-Rắn vẫn còn sống và thờ Ông Nguyễn tại nhà. Sắc-thần này theo Bà Thân tôi nói lại là Sắc-thần do Triều-Đình Huế gởi vào cho Đình Tân-Điền theo lời xin của Ba tôi. Còn cái Long-vị là cái Long-vị xưa nhất hơn 80 năm về Ông Nguyễn. Hiện giờ Bà Thân tôi là Bà Nguyễn-Thị Chẩn cư-ngụ tại số 32, đường Cái-Văn-Ngà Rạch-Giá biết rất nhiều về Ông Nguyễn, có thể giúp ích cho bất cứ ai có ý định sưu-tầm tài-liệu về Ông Nguyễn. Đặc biệt là Bà Thân tôi có thể kể lại chuyện các ông ngưỡng mộ Ông Nguyễn trong Bộ-đội Nguyễn-Trung-Trực của tướng Nguyễn-Giác.Ngộ. ở Long Xuyên vào Rạch-Giá xin Bà Thân tôi để thỉnh Sắc-thần đình Tân-Điền về Long-Xuyên thờ. Nhưng Bà Thân tôi nói rằng đình Tân-Điền thuộc của tất cả dân trong Ấp, vậy phải hỏi ý-kiến của dân Tân-Điền và các người này khóc lóc nhất định không chịu mặc dù họ rất nể oai của Bộ-đội Nguyễn-Trung-Trực hồi các năm 1957-1958...

Để kết-luận, tôi xin nói rõ với ông rằng ông Thân tôi, dù là người dưới thời Pháp thuộc thờ một Anh-hùng Dân-tộc Việt-Nam trong nhà, hồi 1945 khi nước nhà độc-lập, trong những lúc Cách-mạng mới bùng nổ lòng dân bồng-bột, vì có Pháp-tịch và một phần lai Pháp nên ông Thân tôi bị các phần-tử Cộng-sản quá khích trong Ủy-ban Kháng-chiến tỉnh Rạch-Giá từ Côn-Đảo về như Nguyễn-Văn-Tiếng bắt và đem quản-thúc ở Cà-Mau cho mãi đến nay không tin tức. Chúng tôi phỏng đoán rằng Ba tôi đã bị giết oan ức.

— Ở Rạch Giá, các người cố-cựu còn lại như ông Trần-Văn-Sáng, thân-phụ Đại-tá Trần-Văn-Trọng, hiện Chỉ-huy trưởng Quân Cụ, biết rõ về Ba tôi.

— Ông Thân tôi là một Chủ-điền ở Ấp Tân-Điền mà Sử-Địa đề-cập nơi trang 93.

www.hoangsa.org

Bao nhiêu giòng cho ông để góp thêm tài-liệu về cụ Nguyễn-Trung-Trực. Ông xem phần nào xử-dụng được thì dùng. Tôi trân trọng kính chào ông và chúc Sử-Địa nhiều may mắn.

☆

▼ *THI SĨ* QUÁCH TẤN — Nha Trang.

Thi sĩ Quách Tấn yêu cầu ông Phạm Văn Sơn, tác giả bài « *Những đặc điểm về Nguyễn Huệ* » đăng trong Sử Địa số 13, cho biết dựa vào tài liệu nào để viết : « *Huệ giận Nhạc đã gian dâm với một người vợ của mình* » (hàng 20 trang 109).

● *TÁC GIẢ XIN TRẢ LỜI:*

Trước hết, Đại Nam chính biên liệt truyện quyển 30 tờ 14a có nói chuyện ấy. Trong đó có câu: « *Nhạc ký đắc chí, nhật tứ dâm bạo sát Nguyễn Thung, hựu dâm Huệ thê, nhân giai xú chi* ».

Tôi đã dùng tài liệu trong một bài khảo nhan đề « Con người Nguyễn-Huệ » của Tập-san nghiên cứu Lịch-sử số 72 tháng 3-1965 của Viện Sử Học miền Bắc. Tác giả bài này là Văn-Tân.

Cuộc tranh giành ảnh hưởng ở Chân-lạp giữa nước Tiêm-la và các chúa Nguyễn. Cuộc xâm-lấn đất Nam Việt ngày nay của người Việt.

Trong trang 26 dòng 24 Văn Tân viết:... Chúng ta đã biết rằng sau khi tự xưng là Trung ương hoàng đế thì Nguyễn-Nhạc sinh ra cầu an hưởng lạc, ông đã gian dâm với một người vợ của Nguyễn Huệ. Ông lại đòi Nguyễn-Huệ phải chia cho ông những vàng bạc, châu báu mà Nguyễn Huệ lấy được ở Thăng-long năm 1786 trong phủ chúa Trịnh... »

Cũng trong bài này tác giả còn thuật thêm theo lời giáo-sĩ Doussain, Labarette, Dugo Jumila ở bức thư đề ngày 6-6 1787 có nói đến cuộc xung đột đẫm máu giữa hai chánh quyền Phú-Xuân và Qui-nhơn.

— «... Sau hai ba tháng đánh nhau, Huệ bị mất tới nửa

www.hoangsa.org

quân, phải ra lệnh gọi hết mọi người ra nhập ngũ. Trong nhân dân biết bao nỗi đau đớn!.. Biết bao khổ sở!» (Lời của Dous-sain).

— «... Huệ và Nhạc đánh nhau tới nay đã được 3 tháng rồi. Phần lớn nhân dân phải ra lính theo Huệ đi đánh nhau đã bị hy sinh nhiều ở chiến trường.. Cuộc chiến tranh Huệ — Nhạc một mặt làm cho Nguyễn Huệ cũng như Nguyễn Nhạc hao người tốn của rất nhiều, mặt khác nó lại tạo cho bọn Nguyễn Ánh điều kiện để trở về Gia-định hoạt động...) Lời của Labartette.

Theo sự sưu tầm của tôi trong sách Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập quyển 30 thì: Huệ cậy thế mạnh, mang quân đánh Qui-nhơn, vây luôn mấy tháng. Nhạc cố thủ chống lại. Huệ đắp núi đất, đặt đại bác (lên trên) đạn rơi vào song thành như cái đấu (tờ 14 a và b).

Tóm lại thư tịch của các giáo sĩ ngoại quốc cũng như sử của ta đều đưa ra sự việc kể trên, còn việc Nguyễn Nhạc thông dâm với bà vợ nào của Nguyễn Huệ thì không thấy tài liệu nào ghi chép.»

Những tài liệu này có đáng tin hay không là tùy nơi bạn đọc. Còn nếu tôi nêu ra theo Văn Tân là do tôi có ý muốn gián tiếp chất chính độc giả như giống lên một tiếng chuông mà thôi. Thêm vào đó tôi cũng nghi việc này có thật bởi tôi nghĩ rằng nếu không có việc thương luân bại lý của Trung ương hoàng-đế, đâu có thể vì vlệc tiền bạc, quý vật, mà anh em vua Tây-sơn sát phạt nhau tận tình đến thế. Theo tâm lý người Đông-phương chúng ta việc loạn luân là tội nặng nhất, đáng thù

Phụ chú: Quân của vua Quang-Trung ra Bắc có thu thập ở phủ chúa Trịnh nhiều vàng bạc và quý vật. Khi quân Nam-hà trở về thì xảy ra vụ xung đột giữa Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc vì không có sự chia đôi Thật ra thì vua Quang-Trung không có lấy gì, mọi thứ tịch thu được đều phân phát cho các tướng sĩ. Như vậy tưởng Nguyễn Nhạc không thể phiền trách vua em được.

www.hoangsa.org

ghét nhiều nhất do đó đã có bất hòa về quyền lợi chánh trị lại thêm cái hận về gia đình nên biến-cố Phú-Xuân, Qui-nhơn mới bột phát kinh khủng như vậy.

Biến cố này còn được nối tiếp năm sau (1793) bằng việc vua Cảnh thịnh đem quân vào cứu Qui nhơn (do cuộc tấn công cửa Thị-Nai lần thứ hai của chúa Nguyễn) rồi chiếm luôn Qui-nhơn khiến hai tuần sau Nguyễn-Nhạc uất lên mà chết. Thiết nghĩ nên đặt ở đây vài câu hỏi ?

— Có phải vì Trung ương hoàng đế thiếu đạo cao đức trọng mà sinh ra những chuyện « bĩ oa trứ nhục » chăng ?

— Nếu không có ác cảm sâu xa và thích đáng, vua Quang Trung rồi đến con ngài, tướng lãnh của ngài có thể hành động tàn nhẫn thế chăng sau này ?

Xét về thái-độ của các giáo sĩ có mặt thời đó thì hầu hết có cảm tình với nhà Tây-Sơn Diego Jumila còn khen chế độ Tây-Sơn quảng đại và sáng suốt hơn chế độ Nguyễn Sơ thì là không thể nghi rằng họ nói xấu anh em vua Tây-Sơn do ác-ý.

Riêng về phần tôi, tôi vẫn kính mến những người anh hùng thảo dã đất Qui-nhơn mặc dầu vua anh cũng như vua em có một số sở-đoản. Con người dầu sao cũng có một số nhược điểm, một số thị-dục vì đó mới có câu «nhân vô thập toàn» Riêng việc đánh đổ chế độ Trương phúc Loan cũng đủ ghi tiếng thơm cho ba anh em nhà Tây-sơn trên sử sách rồi. Nhân đây tôi

---

Phụ chú : Sự bất hòa giữa hai anh em còn do chánh kiến bất đồng, xem việc Nhạc đuổi theo Huệ ra Bắc làm cho ta nghĩ rằng Trung ương hoàng-đế không muốn ông Em mở rộng ảnh hưởng ra tới xứ Bắc. Dư luận ngày này đều nghi như vậy.

Vụ Nhạc thông gian với một bà vợ của vua Quang Trung nếu thật sự có xảy ra thì cũng là một duyên cớ quan trọng cho việc nối da xáo thịt. Quý vị ở địa-phương hầu rõ hơn ai hết về hạnh kiểm của Vua anh.

www.hoangsa.org

muốn phiền ông do ông ở trong ban Trị-sự tại đền Tây-Sơn thắp giùm một nén hương để tôi được tỏ lòng kính mến các vị anh hùng cứu quốc đó. Và mong ông cũng thông cảm việc chép sử không phải là chỉ ghi điều hay mà cũng còn ghi cả điều dở của mỗi công dân liên hệ đến chánh sự miễn không có điều yêu ghét riêng tư. Ngoài ra nếu như việc ghi chép của tôi có điều sai lầm hay thiếu sót, ông và bà con ở địa phương hẳn có thể dạy bảo cho, tôi xin cám ơn.

Tôi lại được nghe danh ông từ lâu, có chuyện chất chính này càng thêm gần gũi, tôi hy vọng một ngày không xa có dịp viếng Nha-trang sẽ tới thăm ông, có lẽ sẽ được lãnh hội được nhiều điều hay không biết ông có rộng phép cho chăng ?

Phụ chú : Về ý kiến có Nguyễn Nhạc mới có Nguyễn-Huệ, tôi e là một điều khẳng định quá mạnh, nếu nói do Cụ Giáo Hiến là người có mắt xanh để « anh hùng đoán giữa trần ai » thì phải hơn. Quang Trung thông minh lỗi lạc, khi phách phi thường theo thiển-ý không thể do một người kém hơn đào tạo nên.

Trong Việt sử cải lương sử thần Nguyễn-đình Tuân cũng có ý-kiến này.

Phân Ưu

Chúng tôi được tin rất trễ : Ông PHÙNG VĂN LÂM, pháp danh Thịnh Đức, hiệu Đức Lộ, nhạc phụ Ông Giám Đốc Nhà sách Khai Trí, đã từ trần ngày 2-3-1969.

Thành thực chia buồn cùng Ông bà Giám Đốc và xin cầu chúc hương hồn Cụ Ông sớm tiêu diêu miền cực lạc.

NGUYỄN NHÃ
và Nhóm Chủ Trương Tập San Sử Địa

www.hoangsa.org

khóc thi sĩ ĐÔNG HỒ

Nhà thơ **ĐÔNG HỒ LÂM TẤN PHÁT** đã ra đi vĩnh viễn hồi 19 giờ 30 ngày 25-3-1969, hưởng dương 64 tuổi.

Khoảng 11 giờ 30 sáng ngày 25-3-69, **ĐÔNG HỒ** đã ngất xỉu ngay giữa lớp học tại trường Đại Học Văn Khoa Sài-gòn khi Nhà thơ đương ngâm một bài thơ của Ngân Giang nữ sĩ. Các sinh viên đã đưa Nhà thơ tới bịnh viện nhưng đã tuyệt vọng!

Thi hài Nhà thơ đã được an táng tại nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi vào chiều ngày 28-3-1969.

Nhà thơ Đông Hồ sinh năm Bính Ngọ (1906) tại làng Mĩ Đức tỉnh Hà Tiên.

Nhà thơ bắt đầu viết báo từ năm 17 tuổi trên tạp chí Nam Phong, sau viết ở nhiều báo: Đông Pháp Thời báo, Phụ Nữ Tân Văn, Việt Dân, Tự Do, Mai, Văn Học Tạp Chí, Khai Trí Tiến Đức Tập San, Tri Tân. Nhà thơ cũng còn làm chủ bút tuần báo Sống (1935) và Giám Đốc Nhân loại Tập San (1953).

Các tác phẩm đã được xuất bản: Thơ Đông Hồ, Lời Hoa, Linh Phượng, Cô gái Xuân, Những lỗi thường lầm trong sự học Quốc văn, Hà Tiên Thập Cảnh và các tác phẩm chưa được xuất bản: Văn Học Miền Nam, Hà Tiên Mạc Thị sử, Bội Lan Hành, Ức viên thi thoại.

Nhà thơ Đông Hồ đã hợp tác với Sử Địa từ 1966.

Nhóm chủ trương Tập San Sử Địa vô cùng đau đớn, tiếc thương một nhà văn hóa rất thiết tha với nền văn hóa nước nhà; và đã đến viếng với bức trướng khóc nhà thơ lão thành: « Thi xã thùy mưu ».

www.hoangsa.org

No 14
2è trimestre 1969
2th quarter 1969

REVUE TRIMESTRIELLE

sửdịa

QUARTERLY REVIEW

● REVUE TRIMESTRIELLE DE RECHERCHE HISTORIQUE ET GÉOGRAPHIQUE

▼ QUARTERLY REVIEW OF HISTORICAL AND GÉOGRAPHICAL RESEARCH

● PUBLIÉE PAR L'UNION DES PROFESSEURS ET DES ÉTUDIANTS DE LA FACULTÉ DE PÉDAGOGIE DE SAIGON.

▼ PUBLISHED BY A GROUP OF INSTRUCTORS AND STUDENTS OF THE FACULTY OF PEDAGOGY, UNIVERSITY OF SAIGON.

● TABLE DE MATIÈRES

▼ CONTENTS

1 ● NGUYỄN XUÂN THỌ. *Le coup de force de Hue du 5 Avril 1885. Le pillage du palais impérial, la résistance de Hàm Nghi et le règne de Đồng Khánh, pp. 3-46.*

Etude de la mainmise des Français sur le gouvernement de l'Empire d'Annam en 1874 — 1885.

▼ NGUYỄN XUÂN THỌ. *The bold stroke of Hue on 5 July 1885; The plunder of the imperial palace, Ham Nghi's resistance and Dong Khanh's reign, pp. 3-46.*

Study of the annexation of Vietnam by the french in 1884 — 1885.

2 ● LÊ HƯƠNG *Toponymie, vestiges historiques et sites pittoresques dans la région des Vietnamiens d'origne Khmer, pp. 47-71.*

Cette étude portant sur les vestiges Khmers du Sud Viet-

www.hoangsa.org

nam comporte un glossaire de noms des fleuves avec leur correspondance en Khmer.

▼ LÊ HƯƠNG. *Toponymy, historical remains and picturesque sites in the region of Vietnamese of Khmer descent, pp. 47-71.*

This study bearing on the Khmer traces in South Vietnam comprises a glossary of rivers' names in Vietnamese with their correspondence in Khmer.

3 ● PHAN KHOANG. *Le conflit d'influence entre le Siam et les Seigneurs Nguyễn au Champa. La conquête du territoire du Sud Vietnam par les Vietnamiens, pp. 72-83.*

Etude sur les 1ers établissements Vietnamiens au Sud Vietnam (région de Đồng Nai).

▼ PHAN KHOANG. *The confliot of influence upon Champa betwen Siam and the Nguyễn princes ; The conquest of the territories of Sud Vietnam by the Vietnameses, pp. 72-83.*

Study of the first Vietnamese settlements in South Vietnam (region of Dong Nai).

4 ● NGUYỄN HUY. *Causes de sécheresse dans la région de Phan, pp. 84-98.*

Hydrométrie et anémométrie de la région.

▼ NGUYỄN HUY. *Causes of drought in the region of Phan, pp. 84-98.*

Hydrometry and anemometry of region.

5 ● BỬU CẦM — CẦM HÀ. *Relations entre l'EFEO et la culture Vietnamienne, pp. 99-107.*

Historique et organisation de l'école.

▼ BỬU CẦM — CẦM HÀ *The Frend School of Far Eastern Studies and the Vietnamese Culture, pp. 99 107.*

Historical record and organisation of The School.

www.hoangsa.org

6 ● TRẦN ANH TUẤN. *Introduction à l'histoire, pp. 108-120.*

Etude sur le concept et la signification de l'histoire.

▼ TRẦN ANH TUẤN. *Introduction to history, pp. 108-120.*

Study of the concept and the meaning of history.

7 ● MAI CHƯỞNG ĐỨC. *Trad. Essais sur la Culture Sino-Vietnamienne, pp. 121-139.*

Traduction du recueil collectif d'histoire de la Culture Sino-Vietnamienne, publié à Taïwan en 1956. Ch. I : Histoire des relations Sino-Vietnamien par Guo Tyng-Yü (Quách Đình-Dĩ).

▼ MAI CHƯỞNG ĐỨC. *Transl Essays on Sino-Vietnamese Culture published in Taïwan in 1956, pp. 121-139.*

Translation of the collective history of the Sino Vietnamese culture published in Taïwan in 1956 Ch I : History of the Sino-Vietnamese relations by Guo Tyng-Yü (Quách Đình-Dĩ).

8 ● HOÀNG XUÂN HÃN. *Le recueil du voyage dans le Nord de Lê Quýnh (1750-1805) (suite) pp. 140-152.*

Traduction annotée du Chapitre relatant le procès de Lê Quýnh par le tribunal impérial des Ts'in.

▼ HOÀNG XUÂN HÃN. *The North trip collection by Lê Quýnh (sequel) pp. 140-152.*

Annotated translation of the Chapter relative to the trial of Lê Quýnh by the Ts'in's imperial tribunal.

9 ● LÊ THỌ XUÂN. *150 ans après. Essai de résolution d'un problème épineux relatif à l'histoire nationale posé par Trịnh Hoài Đức, marquis d'An Toàn, pp. 153-175.*

Essai d'identification du royaume de Bà Lợi mentionné dans la « Géographie du Gia Định » de Trịnh Hoài Đức.

▼ LÊ THỌ XUÂN. *150 years after. Attempted solution of a thorny*

www.hoangsa.org

problem on national history set by Trịnh Hoài Đức, marquis of An Toàn, pp. 153-175.

Attempted identification of the « kingdom of Bà Lợi » mentionned in the « Geography of Gia Định » by Trịnh Hoài Đức.

10 • NGUYỄN HUY. *Trad. Pour une compréhension des partis Vietnamiens sous l'occupation française : Le parti communiste indochinois, pp. 176-211.*

Traduction du document publié à Hanoi en 1933 par la Direction des Affaires Politiques et de la Sûreté Générale de l'Indochine française.

▼ NGUYỄN HUY. *Transl. For an understanding of the Vietnamese parties under the French occupation. The Communist party of Indochina, pp. 176-211.*

Translation of the document published in Hanoi in 1933 by the Directorate of Political Affairs and General Security of Indochina.

11 • NGUYỄN NHÃ. *Le talent stratégique de Nguyễn Huệ, pp. 212-231.*

Suite et fin de l'article relatant l'Etude sur les causes des victoires de Nguyễn Huệ.

▼ NGUYỄN NHÃ. *The strategic aptitude of Nguyễn Huệ, pp, 212-231.*

Sequel and end of the article relating the study on the cause of Nguyễn Huệ's victories.

Chúc Mừng

Đôi bạn QUÍ — LAN, nhân ngày đẹp 19-1-1969 của đôi bạn.

Thành thật chúc QUÍ — LAN « duyên nồng » mãi mãi.

NGUYỄN NHÃ

www.hoangsa.org

ĐÍNH CHÁNH SỬ ĐỊA SỐ 12

BÀI «XIN CUNG HIẾN MỘT ÍT TÀI LIỆU VỀ CỤ NGUYỄN TRUNG TRỰC» của Lê Thọ Xuân.

Trang	*Dòng*	*Sai*	*Sửa là*
44	15-16		Đem chữ Hán giữa dòng 15 xuống sau chữ «khâu» dòng 16.
48	1	Sương-Nguyệt-Ánh	Sương-Nguyệt-Anh
54	27	ngày 2... 10-1868	ngày 27-10-1868
56	10	Nguyễn-Văn-Kim	Nguyễn-Văn-Kiêm
57	1	hai chén rượu	hai ché rượu (ngoài Bắc : choé)
«	21-23	sửa trọn 3 hàng như sau: [... more» của Pháp (do tiếng Y-pha-nho : matamoro) là « tueur des Maures », là « kẻ [hào-kiệt] tàn-sát giống Maure », giống thổ-dân hắc-chủng ở Bắc-Phi, từng bị Y-pha-nho chinh-phục — (Maure lại có nghĩa là Đen) — thì...].	
«	30	police, nay	(police, nay
«	34	Garde Civil Local	Garde Civile Locale
	35	«G C L» và	«G C L», và

SỬ ĐỊA SỐ 13

BÀI «VÀI GIAI THOẠI CÓ DÍNH LÍU TỚI CỤ LÃNH BINH TRƯƠNG ĐỊNH» của Lê Thọ Xuân.

81	7	đình Hùng sơn	*đình* Hùng sơn
88	27	thân-tinh	thân-*tín*
89	10	Ba-tri chúng tôi	Ba-tri, chúng tôi
91	25	Nam-nghĩa Bình-phú	Nam-Nghĩa Bình-Phú (chỉ 4 tỉnh Quảng-nam, Quảng-nghĩa, Bình-định và Phú-yên.
59	22	nguyên-văn	(nguyên-văn
«	35	Bến-tre	Bến-tre (*b*)
60	6	lưng trần	lưng trần,
«	16	biết chắc-chắn	biết chắc chắn
		Cụ Thủ-Khoa	*chỗ* Cụ Thủ-Khoa
62	21	cãi : Úy	cãi : « Úy

www.hoangsa.org

Tin Mừng

Nhận được tin mừng bạn NGUYỄN NGỌC TRÁC đẹp duyên cùng chị NGUYỄN THỊ THANH MAI, vào ngày 12 tháng 2 năm 1969 nhằm ngày 26 tháng 12 năm Mậu Thân.

Thân chúc TRÁC — MAI trăm năm hạnh phúc.

NGUYỄN NHÃ
và Toàn Ban Quản Trị Tập San Sử Địa

Tin mừng

Nhận được hồng thiệp báo tin bạn NGHIÊM VĂN MINH đẹp duyên cùng chị HỒNG THỊ THƠ; hôn lễ cử hành vào ngày 22-6-1969.

Thành thật chúc đôi bạn trăm năm hạnh phúc.

Nguyễn Nhã

Nói đến sách nhớ ngay đến
địa chỉ đáng tin
Số 92, Lê Lợi — Saigon
Đ. T. : 20.267

☆

TỰ LỰC

SÁCH VỞ, GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
VÀ HỌC SINH

www.hoangsa.org

Thuốc Bác-sỹ Tín vì sao ra đời ?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học, y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-điểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản, thổ-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông, công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bịnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc, thâu thập cái hay của người đặng nâng cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhãn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình vãn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN

Lại còn có tham-vọng :

1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...

2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.

3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

www.hoangsa.org

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG SỬ ĐỊA LÀ GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA DÂN TỘC

đã ấn hành số đặc khảo về:

- TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH
  (Sử Địa số 3, 1966, 172 trang)
- PHONG TỤC TẾT VIỆT NAM VÀ CÁC LÂN BANG
  (Sử Địa số 5, 1967, 240 trang)
- PHAN THANH GIẢN
  (Sử Địa số 7 và 8, 1967, 268 trang)
- QUANG TRUNG
  (Sử Địa số 9 và 10, 1968, 268 trang)
- NGUYỄN TRUNG TRỰC
  (Sử Địa số 12, 1968, 176 trang)
- KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG XUÂN KỶ DẬU (Đống Đa)
  (Sử Địa số 13, 1969, 232 trang)

sẽ ấn hành số đặc khảo về:

- CUỘC NAM TIẾN
- VIỆT KIỀU TẠI CÁC LÂN BANG
- NGUYỄN TRƯỜNG TỘ
- KỶ NIỆM 200 NĂM PHONG TRÀO TÂY SƠN.

Tập San Sử Địa đã đóng thành bộ:

Tập I (Số 1, 2, 3, 4) năm 1966. Giá 150$
Tập II (Số 5, 6, 7 và 8) năm 1967. Giá 250$

Có bán đầy đủ tại nhà sách Khai Trí — Sài-gòn

www.hoangsa.org

sử địa

NĂM THỨ IV • tam cá nguyệt san — số 14 & 15, tháng 4 đến 9-1969

MỤC-LỤC

* *Lá thư tòa-soạn* 1
• *Bắc Hành Tùng Kí*
HOÀNG XUÂN HÃN 140
• *Sau ngót 150 năm. Thử giải điểm thắc mắc của An-Toàn-Hầu Trịnh-Hoài-Đức về sử địa nước nhà*
LÊ THỌ XUÂN 153
• *Cuộc bạo hành tại Huế ngày 5-7-1885 — Vụ cướp phá hoàng cung — Cuộc đề kháng của vua Hàm Nghi và triều Đồng Khánh*
NGUYỄN XUÂN THỌ 3
• *Nguyên nhân khô hạn ở Miền Phan*
NGUYỄN HUY 84
• *Cuộc chiến tranh giành ảnh hưởng ở nước Chân Lạp giữa Tiêm-La và các Chúa Nguyễn*
PHAN KHOANG 72
• *Tài dùng binh của Nguyễn Huệ*
NGUYỄN NHÃ 212
• *Địa danh, di tích lịch sử, thắng cảnh trong vùng người Việt gốc Miên*
LÊ HƯƠNG 47
• *Dẫn vào lịch sử*
TRẦN ANH TUẤN 108
• *Trung Việt văn hóa luận tập*
MAI CHƯỞNG ĐỨC dịch 121
• *Sự quan hệ của Bác Cổ Học Viện đối với văn hóa nước ta*
BỬU CẦM và CẨM HÀ dịch 99
• *Đông Dương Cộng Sản Đảng*
Tài liệu của Sở Mật Thám Đông Dương 176
* *Giới thiệu sách báo* 232
* *Ý kiến bạn đọc* 242
* *Mục lục phân tích bằng ngoại ngữ* 250

HÌNH BÌA : *Nhà bia Lý Ông Trọng tại đền Trèm thuộc tỉnh Hà Đông (Bắc Việt)*

GIÁ : 80đ.
Công sở giá gấp đôi